DONG-A BESTECH CO.,LTD. RoHS | JIAN CHEN Group | DBC DONGBO CHAIN | MS PRO Tối ưu Ổn định Có sẵn | DAMAHAD SINCE 1966

BOSCH | SATA | KST™

MECSU

Một cách khác

4 NHÓM SẢN PHẨM CHỦ LỰC TRONG NĂM 2024

Giải Pháp Mua Hàng
Linh Kiện Công Nghiệp Phụ Trợ
Cho Sản Xuất, Bảo Trì
Sửa Chữa Tinh Gọn Nhất.

SKF | ASAHI | NOK | PISCO® | TONE | NS TOOL | STANLEY | NACHI | Think threads with YAMAWA

Hotline: 1800 8137
Website: www.mecsu.vn

DỤNG CỤ CẦM TAY & MÁY GIA CÔNG

VẬT TƯ MÀI MÒN

LINH KIỆN KẸP CHẶT

LINH KIỆN TỰ ĐỘNG HÓA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ORDER BOOK

1 Nhấp vào nhóm sản phẩm cần mua

2 Xem mục lục

3 Nhấp vào sản phẩm cần mua

4 Ctrl+click để về website Mecsu đặt hàng

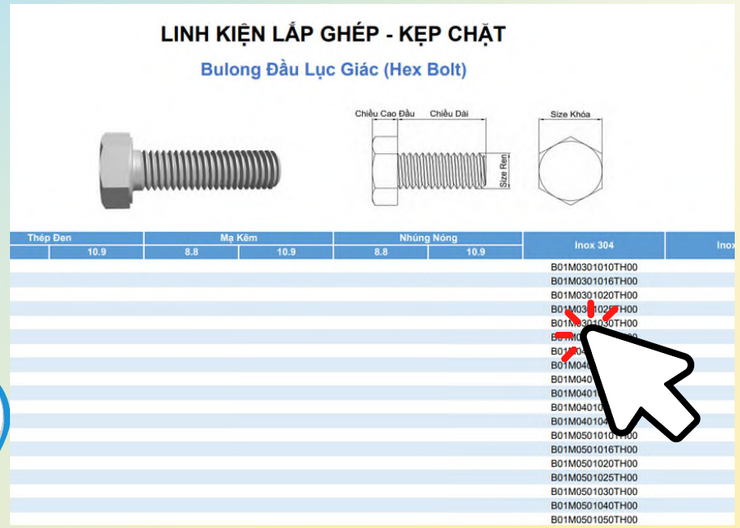

5 Nhấp Mua ngay và hoàn tất đơn hàng

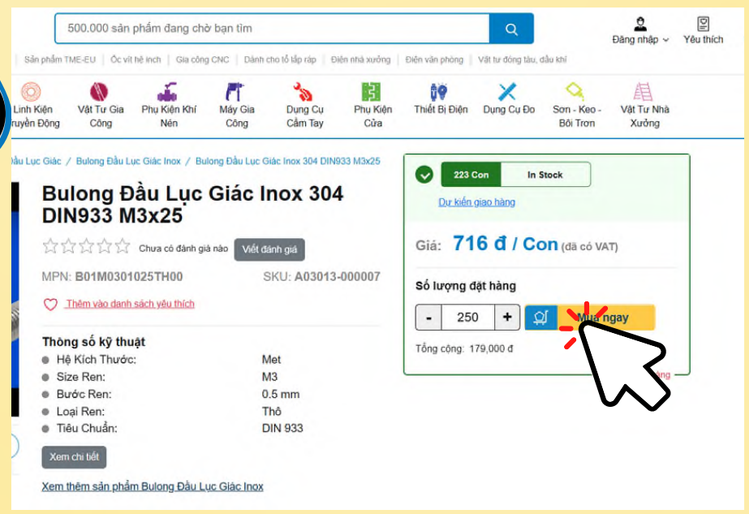

MECSU
Một cách khác

CÂU HỎI LIÊN QUAN ĐẾN ORDERBOOK

Làm cách nào để trở lại trang chủ nhanh hơn mà không cần kéo chuột ?

Chỉ cần nhấp vào logo Mecsu ở bên trái màn hình sẽ trở về trang bìa mục lục.

Làm cách nào để trở lại trang mục lục sản phẩm nhanh hơn mà không cần kéo chuột ?

Chỉ cần nhấp vào logo ngôi nhà ở bên phải màn hình sẽ trở về trang mục lục của nhóm sản phẩm

Tại sao phải cần Ctrl+click vào mã sản phẩm khi sử dụng trình duyệt mở pdf ?

Vì Ctrl+click sẽ mở cho bạn tab mới đặt hàng sản phẩm trên mecsu.vn khi muốn chọn sản phẩm khác bạn chỉ cần trở lại tab oderbook để chọn sản phẩm dễ dàng hơn.

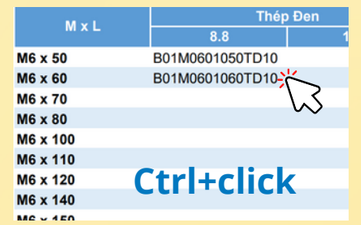

Làm thế nào để tìm kiếm sản phẩm bằng mã hàng hóa ?

Nhấn Ctrl+F để nhập mã sản phẩm để tìm chính xác và nhanh hơn

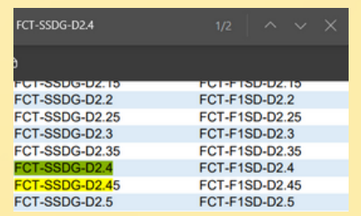

Làm sao để tìm kiếm mục lục theo 1 cách khác ?

Ở phía bên trái của file pdf sẽ có phần mục lục tự động giúp mọi người tìm kiếm sản phẩm

Hotline: 1800 8137
Website: mecsu.vn

Dụng Cụ Cầm Tay Máy Gia Công

Mua Ngay
www.mecsu.vn

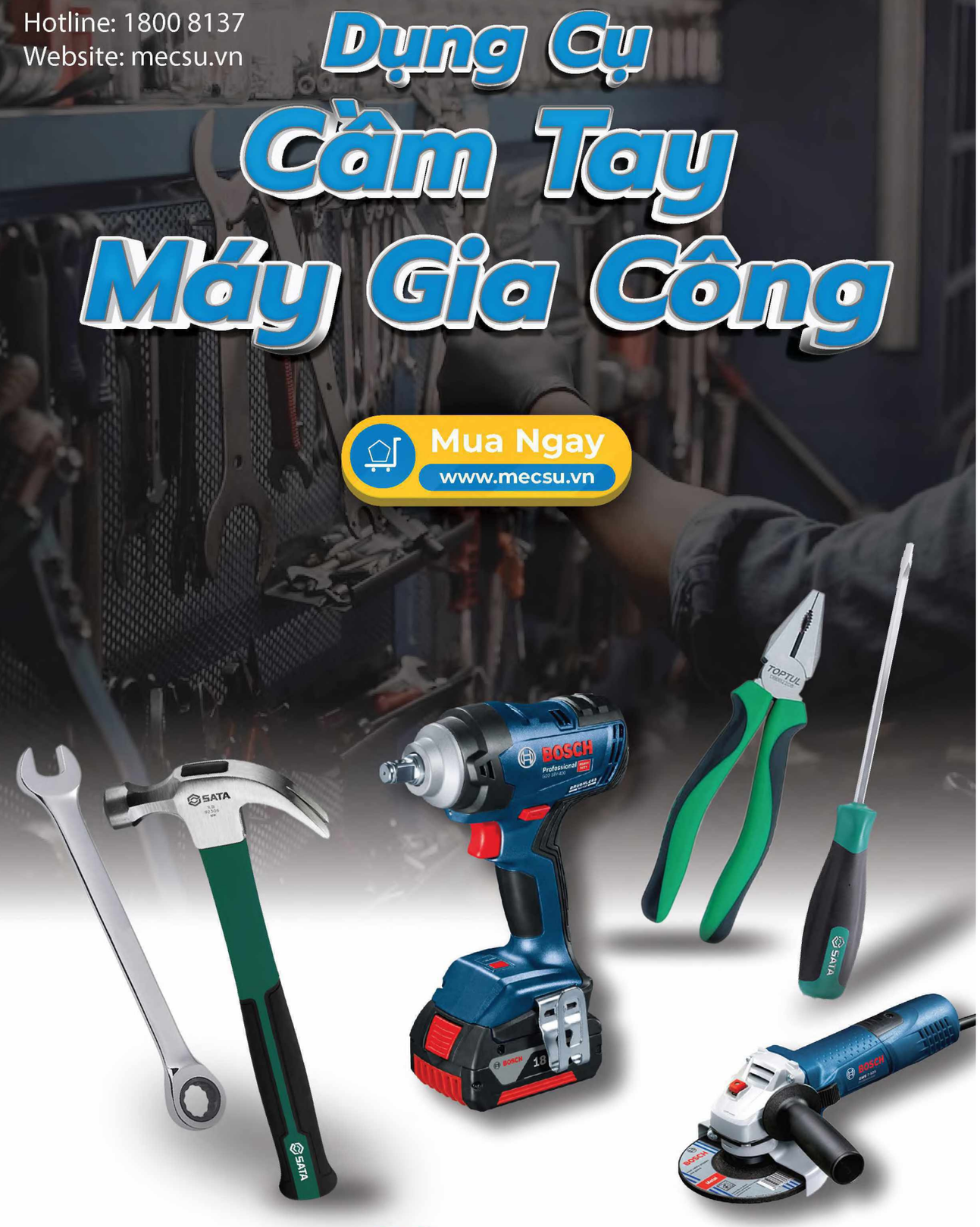

BOSCH TONE SATA® Makita
ANEX® TSUNODA® ASAHI TOOLS STANLEY

MECSU

MỤC LỤC
DỤNG CỤ CẦM TAY - MÁY GIA CÔNG

1 Cây Lục Giác Bộ Lục Giác Trang C1

2 Mỏ Lết Trang C2

3 Cờ Lê Lực Trang C2

4 Đầu Tuýp Trang C3

5 Kìm Trang C5

6 Cờ Lê - Bộ Cờ Lê Trang C7

7 Búa Trang C11

8 Tua Vít - Mũi Vít Trang C13

9 Thước Cuộn Trang C21

10 Thước Cặp Trang C21

11 Thước Thủy Trang C22

12 Kìm Rút Rivet Trang C22

13 Kéo Cắt Trang C23

14 Dao Rọc Giấy Trang C23

15 Máy Mài Góc Trang C24

16 Máy Mài Khuôn Trang C26

17 Máy Mài Bàn 2 Đá Trang C26

18 Máy Khoan Trang C27

19 Máy Khoan Vặn Vít Dùng Pin Trang C28

20 Máy Khoan Búa Trang C29

21 Máy Khoan Động Lực Trang C31

22 Máy Vặn Vít Trang C33

DỤNG CỤ CẦM TAY

Chữ L Ngắn

Chữ L Dài

Gấp Gọn

Bộ Cây Lục Giác

Loại Sản Phẩm			Đầu Bằng				Đầu Bi				Đầu Hoa Thị			
Size	Số Chi Tiết	Phân Loại	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	
			Stanley	Sata	Asahi	Tone	Stanley	Sata	Asahi	Tone	Stanley	Sata	Asahi	Tone
1-10mm	9	Chữ L Dài					69-256	SAT-09101CH						
1.5-6mm	8	Chữ L Ngắn	69-251											
	7	Chữ L Dài			AWS0770				AZS0710					
					ALS0770				AQS0710	TON-BL700				
					AYS0710									
1.5-8mm	8								AQS0880					
1.5-10mm	9	Chữ L Ngắn			AWS0990		69-256		AZS0910	TON-BS900				
					AXS0910									
		Chữ L Dài		SAT-09107A	ALS0990	TON-AL900		SAT-09105A	APS0990					
				SAT-09103				SAT-09124	AQS0910					
	10	Chữ L Ngắn	69-213											
1.5-17mm	14	Chữ L Dài		SAT-09143				SAT-09141						
2-10mm	9			SAT-09118				SAT-09117						
2.5-8mm	6	Gấp Gọn				TON-AW601								
2.5-10mm	7		STA-69-262											
3-14mm	8	Chữ L Ngắn			ASA-AXS0810				ASA-AZS0810					
		Chữ L Dài			ASA-AYS0810				ASA-AQS0810					
1/16-3/8inch	9								AQSE910					
	12	Chữ L Ngắn					69-257							
		Chữ L Dài		SAT-09108			69-257	SAT-09106						
T6-T40	9													TON-TXLN900H
T6-T55														TON-TXLN1200H
T9-T40	8	Gấp Gọn									STA-69-263	SAT-09123		
T10-T40	7	Chữ L Ngắn											ATXS710	
T10-T50	9	Chữ L Dài										SAT-09702		
												SAT-09702CH		

Cây Lục Giác

Size	Phân Loại	Đầu Bằng		Đầu Bi		
		Trung Cấp	Cao Cấp	Trung Cấp	Cao Cấp	
		Sata	Asahi	Sata	Asahi	Eight
1.5mm	Chữ L				ASA-AQ0150	TL-1.5
2mm					ASA-AQ0200	TL-2
2.5mm					ASA-AQ0250	TL-2.5
3mm						TL-3
4mm					ASA-AQ0400	
5mm						TL-5
6mm				SAT-81112A	ASA-AQ0600	TL-6
8mm						TL-8
10mm					ASA-AQ1000	TL-10
12mm		SAT-84318			ASA-AQ1200	TL-12
14mm		SAT-84320			ASA-AQ1400	TL-14

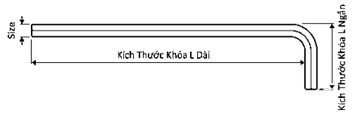

Cây Lục Giác

Size	Phân Loại	Đầu Bằng		Đầu Bi		
		Trung Cấp	Cao Cấp	Trung Cấp	Cao Cấp	
		Sata	Asahi	Sata	Asahi	Eight
17mm	Chữ L	SAT-84323	ASA-AW-1700		ASA-AQ1700	
19mm		SAT-84325			ASA-AQ1900	
22mm		SAT-84328				
24mm		SAT-84324				
27mm		SAT-84329				
1/2inch		SAT-84414				
3/4inch		SAT-84417				
5/8inch		SAT-84416				
7/16inch		SAT-84413				
9/16inch		SAT-84415				

DỤNG CỤ CẦM TAY

Mỏ Lết Có Điều Chỉnh

Size	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	
	Stanley	Sata	Tone	Top Kogyo
100mm/4inch	87-430		TON-MWR-100	
150mm/6inch	87-431	SAT-47202	TON-MWR-150	
200mm/8inch	87-432	SAT-47203	TON-MWR-200	
200mm/8inch	90-948	SAT-47102		
230mm/9inch				
250mm/10inch	87-433	SAT-47204		
250mm/10inch	90-949			
275mm/11inch				
280mm/11inch				
280mm/11inch				
300mm/12inch	87-434	SAT-47205	TON-MWR-300	
310mm/12inch		SAT-47125		
350mm/14inch	87-435	SAT-47206		
375mm/15inch				
450mm/18inch	87-371	SAT-47207		
450mm/18inch	87-796			
600mm/24inch	STA-97-797	SAT-47208		
900mm/36inch				
1200mm/48inch				

Mỏ Lết Răng

Size	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	
	Stanley	Sata	Tone	Top Kogyo
100mm/4inch				
150mm/6inch	87-620			
200mm/8inch	87-621	SAT-70812		
200mm/8inch				
230mm/9inch				MW-230
250mm/10inch	87-622	SAT-70813		
250mm/10inch				
275mm/11inch				TPW-0832
280mm/11inch				MW-280
280mm/11inch				LMW-280
300mm/12inch	87-623	SAT-70814		
310mm/12inch				
350mm/14inch	87-624	SAT-70815		TPW-1550-65
375mm/15inch				
450mm/18inch	87-625	SAT-70816		
450mm/18inch				
600mm/24inch	87-626			
900mm/36inch	87-627	SAT-70818		
1200mm/48inch		SAT-70819		

Cờ Lê Lực

Chuôi Gài (Drive)	Lực Siết	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp
		Stanley	Sata	Tone
1/4 inch	1-6 Nm			TON-T2MN6
	2-10 Nm			TON-T2MN10
	3-13 Nm			TON-T2MN13
	3-15 Nm			TON-T2MN15
3/8 inch	4-20 Nm			TON-T3MN20-A
	5-25 Nm			TON-T3MN25
	10-50 Nm	STA-73-588	SAT-96310	TON-T3MN50-A
	20-100 Nm			TON-T3MN100-A
1/2 inch	10-50 Nm			TON-T4MN50-A
	20-100 Nm		SAT-96311	TON-T4MN100-A

Cờ Lê Lực

Chuôi Gài (Drive)	Lực Siết	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp
		Stanley	Sata	Tone
1/2 inch	30-140 Nm			73-590
	40-200 Nm	STA-73-590	SAT-96312	TON-T4MN200-A
	60-300 Nm			TON-T4MN300
	60-340 Nm	STA-73-591		
	68-340 Nm		SAT-96313	
3/4 inch	110-550 Nm		SAT-96411	
	160-800 Nm		SAT-96412	
	40-200 Nm			TON-T19D200
	60-300 Nm			TON-T6MN300

DỤNG CỤ CẦM TAY

Đầu Tuýp Lẻ

Size	Đuôi Gài (sq)	Thương Hiệu	Mã Hàng
6 mm	1/4 inch	Bosch	BOS -1608551002
7 mm		Bosch	BOS -1608551003
8 mm		Bosch	BOS -1608551004
9 mm		Bosch	BOS -1608551005
10 mm		Bosch	BOS -1608551006
11 mm		Bosch	BOS -1608551007
12 mm		Bosch	BOS -1608551008
13 mm		Bosch	BOS -1608551009
		Sata	SAT -11313
6 mm	3/8 inch	Tone	TON -3S-06
7 mm		Tone	TON -3S-07
7 mm		Bosch	BOS -1608552000
8 mm		Tone	TON -3D-08L
		Tone	TON -3D-08
		Tone	TON -3S-08
		Bosch	BOS -1608552001
		Sata	SAT -12303
9 mm		Tone	TON -3S-09
10 mm		Tone	TON -3D-10L
		Tone	TON -3D-10
		Tone	TON -3S-10
		Bosch	BOS -1608552003
		Sata	SAT -12305
11 mm		Tone	TON -3S-11
12 mm		Tone	TON -3D-12L
		Tone	TON -3D-12
		Tone	TON -3S-12
		Bosch	BOS -1608552005
13 mm		Tone	TON -3D-13
		Tone	TON -3S-13
		Bosch	BOS -1608552006
14 mm		Tone	TON -3D-14L
		Tone	TON -3D-14
		Tone	TON -3S-14
15 mm		Tone	TON -3S-15
		Bosch	BOS -1608552008
16 mm		Tone	TON -3D-16
		Tone	TON -3S-16
		Bosch	BOS -1608552009
17 mm		Tone	TON -3D-17L
		Tone	TON -3D-17
		Tone	TON -3S-17
		Bosch	BOS -1608552010
18 mm		Tone	TON -3D-18
		Tone	TON -3S-18
19 mm	3/8 inch	Tone	TON- 3D-19
		Tone	TON -3S-19
		Bosch	BOS -2608522301
20 mm		Tone	TON -3S-20
21 mm		Tone	TON -3S-21
22 mm		Tone	TON -3S-22
23 mm		Tone	TON -3S-23
24 mm		Tone	TON -3D-24
		Tone	TON -3S-24
8 mm	1/2 inch	Tone	TON -4D-08
		Tone	TON -4S-08
9 mm		Tone	TON -4D-09
		Tone	TON -4S-09
10 mm		Tone	TON -4D-10
		Tone	TON -4S-10
		Bosch	BOS -2608522302
		Bosch	BOS -1608552012
		Sata	SAT -13301
11 mm		Tone	TON -4D-11
		Tone	TON -4S-11
		Bosch	BOS -2608522303
		Bosch	BOS -1608552013
		Stanley	STA STA-72-936
12 mm		Tone	TON -4D-12
		Tone	TON -4S-12
13 mm		Tone	TON -4D-13
		Tone	TON -4S-13
		Bosch	BOS -2608522304
		Bosch	BOS -1608552015
		Sata	SAT -13404
14 mm		Tone	TON -4D-14
		Tone	TON -4S-14
15 mm		Tone	TON -4D-15
		Stanley	STA STA-72-940
16 mm		Stanley	STA STA-72-941
17 mm		Tone	TON -4D-17
		Tone	TON -4S-17
		Bosch	BOS -2608522305
		Bosch	BOS -1608552019
		Sata	SAT -13408
		Sata	SAT -13308
18 mm		Tone	TON -4D-18
19 mm		Tone	TON -4D-19
		Tone	TON -4S-19
		Bosch	BOS -2608522306
19 mm	1/2 inch	Bosch	BOS -1608552021
21 mm		Tone	TON -4D-21
		Tone	TON -4S-21
		Bosch	BOS -2608522307
22 mm		Tone	TON -4D-22
		Bosch	BOS -2608522309
		Bosch	BOS -1608555024
23 mm		Tone	TON -4D-23
		Tone	TON -4S-23
24 mm		Tone	TON -4S-24
		Bosch	BOS -2608522310
		Bosch	BOS -1608555053
		Sata	SAT -13315
26 mm		Stanley	STA -72-951
27 mm		Tone	TON -4S-27
		Bosch	BOS -2608522311
		Bosch	BOS -1608555059
		Stanley	STA -72-952
28 mm		Stanley	STA -88-750
29 mm		Tone	TON -4S-29
30 mm		Tone	TON -4S-30
		Bosch	BOS -1608555065
		Sata	SAT -13317
32 mm		Tone	TON -4S-32
		Stanley	STA -72-956
		Sata	SAT -13618
36 mm		Tone	TON -4S-36
19 mm	3/4 inch	Bosch	BOS -1608556005
22 mm		Bosch	BOS -1608556011
24 mm		Bosch	BOS -1608556015
27 mm		Bosch	BOS -1608556021
30 mm		Bosch	BOS -1608556027
32 mm		Bosch	BOS -1608556029
36 mm		Bosch	BOS -1608556033
24 mm	1 inch	Bosch	BOS -1608557043
27 mm		Bosch	BOS -1608557046
30 mm		Bosch	BOS -1608557049
32 mm		Bosch	BOS -1608557050
36 mm		Bosch	BOS -1608557054
41 mm		Bosch	BOS -1608557058
46 mm		Bosch	BOS -1608557060
50 mm		Bosch	BOS -1608557063
55 mm		Bosch	BOS -1608557067

DỤNG CỤ CẦM TAY

Đầu Tuýp Chuôi Lục Giác

Size	Đuôi Gài	Thương Hiệu	Mã Hàng
7 mm	1/4 inch	Top Kogyo	**TOP -EDS-7C**
8 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-8C**
9 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-10C**
10 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-12C**
12 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-13C**
14 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-14C**
17 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-17C**
		Top Kogyo	**TOP -EDS-17**
		Top Kogyo	**TOP -ESK-17**
19 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-19C**
21 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-21C**
22 mm		Top Kogyo	**TOP -EDS-24C**

Đầu Tuýp Gắn Mũi

Đầu Tuýp Vít Lục Giác

Size	Đuôi Gài (sq)	Thương Hiệu	Mã Hàng
2.5 mm	3/8 inch	Tone	**TON -3H-2.5**
3 mm		Tone	**TON -3H-03**
4 mm		Tone	**TON -3H-04**
5 mm		Tone	**TON -3H-05**
6 mm		Tone	**TON -3H-06**
7 mm		Sata	**SAT -22205**
		Tone	**TON -3H-07**
8 mm		Tone	**TON -3H-08**
10 mm		Sata	**SAT -22207**
		Tone	**TON -3H-10**
12 mm		Tone	**TON -3H-12**
6 mm	1/2 inch	Sata	**SAT -25203**

Đầu Tuýp Mũi Đầu Sao

Size	Đuôi Gài (sq)	Thương Hiệu	Mã Hàng
T10	3/8 inch	Tone	**TON -3TX-T10**
T15		Tone	**TON -3TX-T15**
T20		Tone	**TON -3TX-T20**
T25		Tone	**TON -3TX-T25**
T27		Tone	**TON -3TX-T27**
T30		Tone	**TON -3TX-T30**
T40		Tone	**TON -3TX-T40**
T45		Sata	**SAT -22108**
T45		Tone	**TON -3TX-T45**
T50		Tone	**TON -3TX-T50**
T55		Tone	**TON -3TX-T55**
T55	1/2 inch	Sata	**SAT -24108**

Đầu Tuýp Chuyển Đổi

Đầu Tuýp Chuyển Đổi - Vuông

Đuôi Gài (đực)	Đuôi Gài (cái)	Thương Hiệu	Mã Hàng
1/4 inch	3/8 inch	Tone	**TON -48**
1/4 inch	1/4 inch	Tone	**TON -BJ20**
3/8 inch	1/2 inch	Sata	**SAT -13913**
3/8 inch	1/4 inch	Tone	**TON -38**
1/2 inch	1/2 inch	Top Kogyo	**TOP -EPA-4**
1/2 inch	3/8 inch	Tone	**TON -NA34**

Đầu Tuýp Chuyển Đổi - Lục Giác

Size (sq)	Đuôi Gài (Lục Giác)	Thương Hiệu	Mã Hàng
1/4 inch	1/4 inch	Top Kogyo	**TOP -ESA-3D**
1/4 inch	3/8 inch	Top Kogyo	**TOP -ESA-3FX**
1/4 inch	3/8 inch	Top Kogyo	**TOP -ESA-4FX**
1/4 inch	3/8 inch	Top Kogyo	**TOP -EUA-3DX**
1/4 inch	1/2 inch	Top Kogyo	**TOP -EUA-4DX**
1/4 inch	1/2 inch	Anex	**ANE -AK20AD-635**

Đầu Tuýp Chuyển Đổi - Vuông

Size	Đuôi Gài (sq)	Thương Hiệu	Mã Hàng
1/4 inch	1/4 inch	Tone	**TON -2BT**
1/4 inch	3/8 inch	Tone	**TON -3ABH**
1/4 inch	1/2 inch	Tone	**TON -4ABH**

Đầu Tuýp Chuyển Đổi - SSD

Size	Đuôi Gài	Thương Hiệu	Mã Hàng
1/2 inch	SSD	Top Kogyo	**TOP -SDS-4**

DỤNG CỤ CẦM TAY

Kìm

LOẠI	Kìm Cắt Thông Dụng					Kìm Cắt Cáp	Kìm Cộng Lực	Kìm Cua	Kìm Cắt Góc
	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp			Trung Cấp	Giá Tốt	Cao cấp	Cao Cấp
L (mm)	Stanley	Sata	Tone	Top Kogyo	Tsunoda	Sata	Stanley	Tsunoda	Top Kogyo
100mm/4inch	84-124				NP-100NDG				TP- 100
115mm/4.5inch					MN-115DG			TSU-EN- 115DG	
125mm/5inch		SAT-70201A		MN-125	MNK-125DG				
140mm/5.5inch					TSU-SKN-140				
150mm /6inch	84-009*	SAT-70202A			TSU-PNC-150F	SAT- 72501			
165mm/6.5inch	84-027	SAT-70203A	TON-KNC-150G		TH-150CNC				
165mm/6.5inch		SAT-70233*							
175mm/7inch									
200mm/8inch	84-004*	SAT-72303B			PW-SN200TG	SAT- 72502			
245mm /10inch						SAT- 72511			
320mm /13inch						SAT- 72512			
450mm /18inch							14- 318		
600mm /24inch							14- 324		

* có cách điện

Kìm

LOẠI	Kìm Đầu Bằng (Kìm Điện)				
	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		
L (mm)	Stanley	Sata	Tone	Top Kogyo	Tsunoda
117mm/5inch					MP-115DG
150mm/6inch		SAT-70301A		CP-150	
175mm /7inch	84-035	SAT-70302A	TON-CT-175G	CP-175	
200mm /8inch		SAT-70323A		CP-200	PW-DP200TG
225 mm /9inch	84-029		TON-CT-200G		

Kìm

LOẠI	Kìm Mũi Nhọn Thẳng				Kìm Mũi Cong	
	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Trung cấp	Cao Cấp
L (mm)	Stanley	Sata	Tone	Tsunoda	Sata	Top Kogyo
125mm/5inch	84-122			TSU-YF-120	SAT-70613A	NN-100BN
135mm/5.5inch		SAT-70612A		MR-120DG		
150mm/6inch		SAT-70131*	TON-RP-150G			
160mm/6.5inch		SAT-70101A	TON-CT-150G			
200mm /8inch	84-032	SAT-70132*				

* có cách điện

Kìm

LOẠI	Kìm Bấm Chết Mỏ Cong				Kìm Bấm Chết Mỏ Thẳng Dài				Kìm Bấm Chết Mỏ Thẳng			
	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	
L (mm)	Stanley	Sata	Top Kogyo	Tone	Stanley	Sata	Top Kogyo	Tone	Stanley	Sata	Top Kogyo	Tone
125mm/5inch		SAT-71101	VP-125									
150mm/6inch				TON-GPA-150		SAT-71301						
175mm/7inch	84-370	SAT-71102	VP-175							SAT-71202		
200mm/8inch			VP-200					TON-GPAL-175				
225mm/9inch			VP-250		84-389*	SAT-71302						
250mm/10inch	84-371	SAT-71107*		TON-GPA-250						SAT-71203		

DỤNG CỤ CẦM TAY

Kìm

LOẠI	Kìm Mở Phe Gài Trục Cong			Kìm Mở Phe Gài Trục Thẳng			Kìm Mở Phe Gài Lỗ Cong			Kìm Mở Phe Gài Lỗ Cong		
	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp
L (mm)	Stanley	Sata	Top Kogyo	Stanley	Sata	Top Kogyo	Stanley	Sata	Top Kogyo	Stanley	Sata	Top Kogyo
135mm/5.5inch			SB-125F						HB-125F			
140mm/5.5inch						SS-125F						HS-125F
150mm/6inch					SAT-72011	CHS-150NX					SAT-72031	CHS-150NX
175mm/7inch		SAT-72022	SB-175	84-271	SAT-72001	SS-175	84-274	SAT-72042	HB-175	84-273	SAT-72004	HS-175
195mm/8inch						CHS-200NX						CHS-200NX
225mm/9inch		SAT-72023	SB-230		SAT-72013	SS-230		SAT-72043	HB-230		SAT-72033	
241mm/9.5inch												HS-230
325mm/13 inch		SAT-72024			SAT-72014			SAT-72044			SAT-72034	

LOẠI	Kìm Bấm Cos - Kìm Tuốt Dây					
Mã Hàng	84- 214	84- 075	SAT- 91108	SAT- 91212	SAT- 91213	TON-CM P-200
Thương Hiệu	Stanley	Stanley	Sata	Sata	Sata	Tone
Phân Khúc	Giá Tốt	Giá Tốt	Trung Cấp	Trung Cấp	Trung Cấp	Cao Cấp
Tổng Chiều Dài	130mm/ 5 inch	150mm/ 6 inch	163mm/ 6.5 inch	204mm/ 8 inch	204mm/ 8 inch	220mm/ 8.5 inch
Tiết Diện Dây Tuốt / Ø Dây	0.2 - 6mm²	0.5-5mm²	0.5-6.0mm²	Ø0.5, 1.2, 1.6, 2mm	Ø1, 1.6, 2, 2.6, 3.2mm	0.05 , 0.08 , 0.12 , 0.3 , 0.5 , 0.95 , 1.25mm²
Tiết Diện Đầu Cosse						INS, COAXIAL, 3C, 0.3mm2, 0.5mm2, 1.25mm2, 2mm2
Mã Hàng	84- 223	SAT- 91102	SAT- 91105	SAT- 91106	BWC -180	
Thương Hiệu	Stanley	Sata	Sata	Sata	Top Kogyo	
Phân Khúc	Giá Tốt	Trung Cấp	Trung Cấp	Trung Cấp	Cao Cấp	
Tổng Chiều Dài	230mm/ 9 inch	204mm/ 8 inch	240mm/ 9 inch	250mm/ 10-1/4 inch	185mm/ 7.5 inch	
Tiết Diện Đầu Cosse	0.34mm2, 0.75mm2, 1.5mm2, 2.5mm2, 4mm2, 6mm2	22-20AWG 18-16AWG 16-14AWG 14-12AWG 12-10AWG	22-18AWG red 16-14AWG blue 12-10AWG yellow	22-16AWG 14-12AWG 10-8AWG 7AWG	Ø 1.5mm	

DỤNG CỤ CẦM TAY

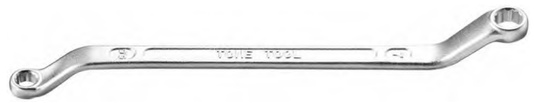

Cờ Lê

LOẠI	CỜ LÊ ĐẦU MIỆNG				CỜ LÊ ĐẦU VÒNG			
	Trung Cấp	Cao Cấp			Trung Cấp	Cao Cấp		
SIZE (mm)	Sata	Asahi	Tone	Top Kogyo	Sata	Asahi	Tone	Top Kogyo
5.5 x 7							TON-M45-5.507	TM-5.5X7
6 x 7	SAT-41201			L-6X7				
6 x 10				MT-17X21K				
8 x 8			TON-DSTO-08					
8 x 7				L-7X8				
8 x 9				L-8X9			TON-M45-0809	
8 x 10	SAT-41202	FW0810	TON-DSQ-0810	L-8X10		ASA-OF0810	TON-M45-0810	TM-8X10
9 x 9			TON-DSTO-09					
10 x 10			TON-DSTO-10					
10 x 11		FW1011				ASA-OF1011		
10 x 12		FW1012	TON-DSQ-1012	L-10X12		ASA-OF1012	TON-M45-1012	
10 x 13			TON-DSQ-1113	L-10X13		ASA-OF1013	TON-M45-1013	
11 x 11			TON-DSTO-11					
11 x 13		FW1113		L-11X13		ASA-OF1113	TON-M45-1113	
12 x 12			TON-DSTO-12					
12 x 14	SAT-41205	FW1214	TON-DSQ-1214	L-12X14		ASA-OF1214	TON-M45-1214	TM-12X14
13 x 13			TON-DSTO-13					
13 x 17				L-13X17				
14 x 14			TON-DSTO-14					
14 x 15							TON-M45-1415	
14 x 17	SAT-41206	FW1417		L-14X17		ASA-OF1417	TON-M45-1417	TM-14X17
15 x 15			TON-DSTO-15					
16 x 16			TON-DSTO-16					
16 x 18	SAT-41214		TON-DSQ-1618				TON-M45-1618	TM-16X18
17 x 17			TON-DSTO-17					
17 x 19	SAT-41207		TON-DSQ-1719	L-17X19	SAT-42206	ASA-OF1719	TON-M45-1719	TM-17X19
17 x 21						ASA-OF1721		TM-17X21
18 x 18			TON-DSTO-18					
19 x 19			TON-DSTO-19					
19 x 21				L-19X21		ASA-OF1921		TM-19X21
21				RS-21				
21 x 23						ASA-OF2123		
22								SM-22
22 x 24	SAT-41210			L-22X24	SAT-42209	ASA-OF2224		TM-22X24
23				RS-23				
23 x 26	SAT-41211							
24				RS-24				SM-24
24 x 27	SAT-41212				SAT-42211			TM-24X27
26				RS-26				

DỤNG CỤ CẦM TAY

Cờ Lê

LOẠI	CỜ LÊ ĐẦU MIỆNG				CỜ LÊ ĐẦU VÒNG			
	Trung Cấp	Cao Cấp			Trung Cấp	Cao Cấp		
SIZE (mm)	Sata	Asahi	Tone	Top Kogyo	Sata	Asahi	Tone	Top Kogyo
27				RS-27				SM-27
27 x 30	SAT-41220							
29				RS-29				
30				RS-30				
30 x 32	SAT-41213				SAT-42212			
32				RS-32				
35				RS-35				
36				RS-36			TON-DM-36	
38				RS-38				
41				RS-41			TON-DM-41	
46				RS-46			TON-DM-46	
50							TON-DM-50	
55							TON-DM-55	

Bộ Cờ Lê

LOẠI		BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG				BỘ CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG		
		Trung Cấp	Cao Cấp			Trung Cấp	Cao Cấp	
SIZE	SỐ CHI TIẾT	Sata	Asahi	Top Kogyo	Tone	Sata	Asahi	Top Kogyo
5.5-17 mm	6				TON-DS700P			
5.5-17 mm	6				TON-DS700P			
5.5-19 mm	6		SMS0600					
5.5-19 mm	7							TM-7000
5.5-24 mm	6		ASA-SLAS6	SS-6000A				
5.5-24 mm	8	SAT-08009						
5.5-32 mm	10	SAT-08010						
6-24 mm	6			SS-6000B				
6-24 mm	8		SMS0800					
6-27 mm	10					SAT-09905		
6-32 mm	13	SAT-09029						
8-19 mm	6					SAT-09025*		
8-19 mm	12				TON-DSTO1200			
8-21 mm	5		ASA-SNT0550					
8-24 mm	6		SLAS62				OLS060	
8-27 mm	7			L-7000				

DỤNG CỤ CẦM TAY

Cờ Lê

LOẠI	CỜ LÊ VÒNG MIỆNG					CỜ LÊ VÒNG MIỆNG TỰ ĐỘNG		
	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp			Trung Cấp	Cao Cấp	
SIZE (mm)	Stanley	Sata	Asahi	Tone	Top Kogyo	Sata	Tone	Top Kogyo
5.5 x 5.5					CW-5.5			
6 x 6		SAT-40201	ASA-CP0006		CW-6			
7 x 7		SAT-40202	ASA-CP0007		CW-7	SAT-43603		
8 x 8		SAT-40203	ASA-CP0008		CW-8	SAT-43604	TON-RMFQ-08	RCW-8
9 x 9	STA-70-939E	SAT-40204	ASA-CP0009		CW-9	SAT-46302		
10 x 10		SAT-40205	ASA-CP0010		CW-10	SAT-43606	TON-RMFQ-10	RCW-10
11 x 11	STA-70-941E	SAT-40206	ASA-CP0011		CW-11	SAT-43607		RCW-11
12 x 12		SAT-40207	ASA-CP0012		CW-12	SAT-43608	TON-RMFQ-12	RCW-12
13 x 13		SAT-40208	ASA-CP0013		CW-13	SAT-43609	TON-RMFQ-13	FRC-13LK
14 x 14		SAT-40209	ASA-CP0014		CW-14	SAT-43610	TON-RMFQ-14	RCW-14
15 x 15			ASA-CP0015		CW-15	SAT-43611		
16 x 16		SAT-40211			CW-16	SAT-43209		
17 x 17		SAT-40212	ASA-CP0017		CW-17	SAT-43613	TON-RMFQ-17	RCW-17
18 x 18		SAT-40213			CW-18	SAT-46311		
19 x 19		SAT-40214	ASA-CP0019		CW-19	SAT-43615	TON-RMFQ-19	RCW-19
20 x 20	STA-72-817							
21 x 21	STA-80-235B	SAT-40216	ASA-CP0021		CW-21		TON-RMFQ-21	
22 x 22	72-819	SAT-40217	ASA-CP0022		CW-22	SAT-43617	TON-RMFQ-22	
23 x 23								
24 x 24		SAT-40219	ASA-CP0024		CW-24	SAT-43618	TON-RMFQ-24	
25 x 25				TON-CS-25		SAT-43216		
26 x 26								
27 x 27		SAT-40221	ASA-CP0027		CW-27	SAT-43217		
28 x 28	STA-72-825							
29 x 29	STA-72-826							
30 x 30		SAT-40222			CW-30	SAT-43218		
32 x 32	72-828	SAT-40223			CW-32	SAT-43219		
34 x 34		SAT-40241						
35 x 35		SAT-40242						
36 x 36		SAT-40243				SAT-43224		
38 x 38		SAT-40244						
40 x 40								
41 x 41		SAT-40245						
42 x 42		SAT-40246						
44 x 44								
46 x 46		SAT-40248						
48 x 48		SAT-40249						
50 x 50		SAT-40250						

Bộ Cờ Lê

LOẠI		BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG TỰ ĐỘNG			BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG		
		Trung Cấp	Cao Cấp		Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp
SIZE	SỐ CHI TIẾT	Sata	Top Kogyo	Tone	Stanley	Sata	Asahi
6-32 mm	23				STA-33-650	SAT-09027	
7-24 mm	10		FRC-10000S				
8-17 mm	6		FRC-6000				
8-18 mm	8	SAT-09041					
8-19 mm	7			TON-RM700			
8-19 mm	8	SAT-09079					
8-19 mm	12	SAT-09040					
8-21 mm	11			TON-RMR110			
8-24 mm	11						1011M-1
8-24 mm	14				STA-73-647	SAT-09026	ASA-1014M-1
8-32 mm	14				STA-80-944		
10-19 mm	6						ASA-LCWS6
10-19 mm	7	SAT-09043					
10-32 mm	14				87-038		1014M-3-CL
3/8-1inch	11						ASA-1011
3/8-1 1/4 inch	14					SAT-09069	ASA-1014

DỤNG CỤ CẦM TAY

Búa Đầu Tròn

Chiều Dài	Hình Ảnh	Khối Lượng	Mã Hàng
345mm/13inch		340 g	**54-190** Búa Đầu Tròn 12oz/340g, Dài 345mm/13inch Stanley 54-190
290mm/11inch		420 g	**TON-BH-05** Búa Đầu Tròn Dài 290mm Tone BH-05
355mm/14inch		450 g	**54-191** Búa Đầu Tròn 16oz/450g, Dài 355mm/14inch Stanley 54-191
356mm/14inch		680 g	**SAT-92313** Búa Cán Gỗ Đầu Tròn 24Oz/680G, Dài 356mm/14inch SATA 92313
381mm/15inch		680 g	**54-192** Búa Đầu Tròn 24oz/680g, Dài 381mm/15inch Stanley 54-192
325mm/13inch		740 g	**TON-BH-10** Búa Đầu Tròn Dài 325mm/13inch Tone BH-10
376mm/15inch		910 g	**SAT-92314** Búa Cán Gỗ Đầu Tròn 32Oz/910G, Dài 376mm/15inch SATA 92314
375mm/15inch		1210 g	**TON-BH-20** Búa Đầu Tròn Dài 375mm/15inch Tone BH-20

Búa Nhổ Đinh

Chiều Dài	Hình Ảnh	Khối Lượng	Mã Hàng
375mm/11inch		227 g	**SAT-92321** Búa Vuốt Cán Gỗ 0.5Lbs, Dài 375mm/11inch SATA 92321
280mm/11inch		230 g	**SAT-92308** Búa Nhổ Đinh Cán Sợi Thủy Tinh, 8Oz/230g, Dài 280mm/11inch SATA 92308
290mm/11inch		340 g	**TON-BH-05B** Búa Nhổ Đinh Dài 290mm/11inch Tone BH-05B
308mm/12inch		370 g	**SAT-92322** Búa Nhổ Đinh Cán Gỗ, 13Oz/370G, Dài 308mm/12inch SATA 92322
330mm/13inch		450 g	**51-339** Búa Đinh 16oz/450g, Dài 330mm/13inch Stanley 51-339
337mm/13inch		450 g	**51-081** Búa Nhổ Đinh Cán Sắt 16oz/450g, 337mm/13inch Stanley 51-081

DỤNG CỤ CẦM TAY

Búa Gò

Chiều Dài	Hình Ảnh	Khối Lượng	Mã Hàng
290mm/11inch		325 g	**TON-BHC-05** Búa Kết Hợp Đầu Sắt Và Đầu Cao Su 290mm/11inch Tone BHC-05
323mm/13inch		454 g	**SAT-92504** Búa Nhựa Cán Gỗ 45mm/454G, Dài 323mm/13inch SATA 92504
300mm/12inch		535 g	**TON-BHC-10** Búa Kết Hợp Đầu Sắt Và Đầu Cao Su 300mm/12inch Tone BHC-10
350mm/14inch		800 g	**SAT-92405** Búa Cơ Khí Cán Gỗ 800g, 350mm/14inch SATA 92405
330mm/13inch		855 g	**TON-BHC-15** Búa Kết Hợp Đầu Sắt Và Đầu Cao Su 330mm/13inch Tone BHC-15
320mm/13inch		907 g	**SAT-92366** Búa Cơ Khí Bằng Đồng 2Lbs, Dài 320mm/13 icnh SATA 92366
360mm/14inch		1000 g	**SAT-92406** Búa Cơ Khí Cán Gỗ 1kg, Dài 360mm/14inch SATA 92406
345mm/13inch		1400 g	**STA-56-803** Búa gò 1.4kg, Dài 345mm/13inch Stanley 56-803

Búa Cao Su

Chiều Dài	Hình Ảnh	Khối Lượng	Mã Hàng
350mm/14inch		450 g	**57-527** Búa Cao Su 16oz/450g, Dài 350mm/14inch Stanley 57-527
350mm/14inch		675 g	**57-528** Búa Cao Su 24oz/675g, Dài 350mm/13inch Stanley 57-528
330mm/13inch		770 g	**TON-UH-10** Búa Cao Su Giảm Chấn Dài 330mm/13inch Tone UH-10
330mm/13inch		680 g	**SAT-92913** Búa Đầu Cao Su Cán Gỗ 680g, Dài 330mm/13inch SATA 92913

Búa Tạ

Chiều Dài	Hình Ảnh	Khối Lượng	Mã Hàng
400mm/16inch		1800 g	**SAT-92343** Búa Tạ 1.8kg, Dài 400mm/16inch SATA 92343
330mm/13inch		1800 g	**STA-56-804** Búa gò 1.8kg Dài 13inch Stanley 56-804

DỤNG CỤ CẦM TAY

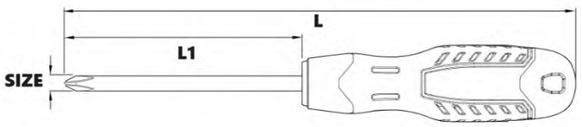

Tua Vít

Loại Sản Phẩm	Tua Vít Tay Cầm Đầu Bake				Loại Sản Phẩm	Tua Vít Tay Cầm Đầu Sao
Size - L1 (mm)	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Size - L1 (mm)	Cao Cấp
	Stanley	Sata	Tone	Anex		Anex
PH0 - 75		SAT-63502		ANE-No.3590+0x75	T3 - 30	ANE-No.3540T3x30
PH000 - 75				ANE-No.3510	T4 - 30	ANE-No.3541T4x30
PH00 - 75				ANE-No.3511	T4 - 50	ANE-No.6300T4x50
PH0 - 100	60-801			ANE-No.3512	T5 - 30	ANE-No.3542T5x30
PH0 - 125	60-802				T5 - 50	ANE-No.6300T5x50
PH0 - 150	60-803			ANE-No.3513	T6 - 30	ANE-No.3543T6x30
PH1 - 15				ANE-No.7020F+1x15	T6 - 50	ANE-No.6300T6x50
PH1 - 75	60-804		TON-KPD-001	ANE-No.7000+1x75	T7 - 30	ANE-No.3544T7x30
PH1 - 80		SAT-61222			T7 - 50	ANE-No.6300T7x50
PH1 - 100		SAT-63508		ANE-No.7000+1x100	T8 - 30	ANE-No.3545T8x30
PH1 - 150	60-806			ANE-No.7700(+)1x150	T8 - 60	ANE-No.6300T8x60
PH1 - 200	60-807	SAT-63510			T9 - 60	ANE-No.6300T9x60
PH2 - 10				ANE-No.307-D	T10 - 80	ANE-No.6300T10x80
PH2 - 15				ANE-No.7020F+2x15	T15 - 80	ANE-No.6300T15x80
PH2 - 25			TON-PWSD-P2	ANE-No.1780+2x25	T20 - 100	ANE-No.6300T20x100
PH2 - 35				ANE-No.1505+2x35	T25 - 100	ANE-No.6300T25x100
PH2 - 38	60-808	SAT-63511		ANE-No.8450+2x38	T27 - 115	ANE-No.6300T27x115
PH2 - 50				ANE-No.7770+2x50	T30 - 115	ANE-No.6300T30x115
PH2 - 100	60-809	SAT-61223	TON-KPD-002	ANE-No.1505+2x100	T40 - 130	ANE-No.6300T40x130
PH2 - 125	60-810					
PH2 - 150	60-811	SAT-63513		ANE-No.7700F+2x150		
PH2 - 200	60-812	SAT-63514		ANE-No.8400+2x200		
PH2 - 250				ANE-No.8400+2x250		
PH2 - 300				ANE-No.8400+2x300		
PH3 - 50				ANE-No.7770+3x50		
PH3 - 150		SAT-61224	TON-KPD-003	ANE-No.1505+3x150		
PH3 - 200	60-815	SAT-63517				

DỤNG CỤ CẦM TAY

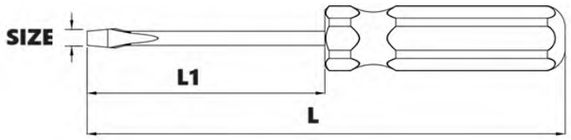

Tua Vít

Loại Sản Phẩm	Tua Vít Tay Cầm Đầu Dẹp				Loại Sản Phẩm	Tua Vít Đầu Lục Giác Bi
Size - L1 (mm)	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp		Size - L1 (mm)	Cao Cấp
	Stanley	Sata	Tone	Anex		Anex
1.8 - 50				ANE-No.3520	1.5 - 75	No.3530H1.5x75
2.5 - 75				ANE-No.3521	1.5 - 100	ANE-No.6700-B1.5x100
3 - 50			TON-BBD-M50		2 - 75	No.3531H2x75
3 - 75	60-817		TON-BBD-M75		2 - 110	ANE-No.6700-B2x110
3 - 100		SAT-61322		ANE-No.3522	2.5 - 75	No.3532H2.5x75
3 - 125	60-819				2.5 - 120	ANE-No.6700-B2.5x120
3 - 150	60-820			ANE-No.3523	3 - 75	No.3533H3x75
3 - 300				ANE-No.1503	3 - 120	ANE-No.6700-B3x120
4 - 75				ANE-No.1540-4x75	4 - 130	ANE-No.6700-B4x130
4 - 100		SAT-61323		ANE-No.3524	5 - 150	ANE-No.6700-B5x150
4 - 150				ANE-No.1540-4x150	6 - 170	ANE-No.6700-B6x170
4.9 - 75			TON-KMD-075			
5 - 100	60-822					
5 - 150	60-823					
5 - 200	60-824					
5 - 250				ANE-No.8400-5x250		
5.5 - 75			TON-PWMD-075	ANE-No.1505-5.5x75		
5.5 - 100				ANE-No.7000-5.5x100		
5.5 - 125		SAT-61324				
5.5 - 150				ANE-No.7700(-)5.5x150		
6 - 15				ANE-No.7020F-6x15		
6 - 25			TON-PWSD-M2	ANE-No.1780-6x25		
6 - 35				ANE-No.1505-6x35		
6 - 38				ANE-No.8450-6x38		
6 - 100		SAT-61603	TON-KMD-100	ANE-No.7000-6x100		
6 - 140				ANE-No.1795-D		
6 - 150				ANE-No.7000-6x150		
6 - 200				ANE-No.3700-6x200		
6 - 250				ANE-No.3700-6x250		
6 - 300				ANE-No.8400-6x300		
6.5 - 38	60-825					
6.5 - 100	60-826					
6.5 - 150	STA-60-828	SAT-61325				
6.5 - 200	60-829					
8 - 150			TON-PWMD-150	ANE-No.7000-8x150		
8 - 200	65-197					
9 - 150			TON-KMD-150			

DỤNG CỤ CẦM TAY

Tua Vít

Loại Sản Phẩm	Tua Vít Đóng Đầu Pake			Loại Sản Phẩm	Tua Vít Đóng Đầu Dẹp		
Size - L1 (mm)	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp	Size - L1 (mm)	Giá Tốt	Trung Cấp	Cao Cấp
	Stanley	Sata	Anex		Stanley	Sata	Anex
PH1 - 75			ANE-No.180+1x75	5 mm-100	STA-65-243		
PH1 - 100	STA-65-245			5 mm-150	STA-65-244		
PH1 - 150				5.5 mm-75			ANE-No.180-5.5x75
PH2 - 30			ANE-No.1903	6 mm-100			ANE-No.170-6x100
PH2 - 100		SAT-61703	ANE-No.170+2x100	6 mm-150			
PH2 - 150			ANE-No.3980+2x150	6 mm-200			ANE-No.170-6x200
PH2 - 200			ANE-No.170+2x200	6 mm-300			ANE-No.170-6x300
PH2 - 300			ANE-No.170+2x300	8 mm-150			ANE-No.170-8x150
PH3 - 150			ANE-No.170+3x150	8 mm-200		SAT-61607	
PH3 - 200		SAT-61707		9.5 mm-150			ANE-No.9210-9.5x150

Mũi Vít

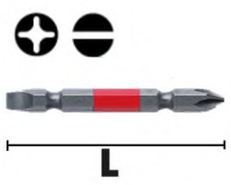

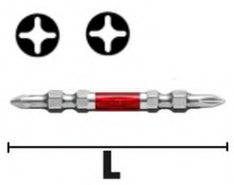

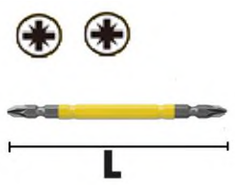

Loại Sản Phẩm	Bake - Dẹp	Loại Sản Phẩm	Bake - Bake	Loại Sản Phẩm	Pozidriv-Pozidriv
Size 1 - Size 2 - L (mm)	Cao Cấp	Size 1 - Size 2 - L (mm)	Cao Cấp	Size 1 - Size 2 - L (mm)	Cao Cấp
	Anex		Anex		Anex
PH1-5 mm-65	ANE-ACPM-1065	PH1-PH2-65	ANE-ARPM-1265	PZ1-PZ1-110	ANE-ACPZ-1110
PH2-6 mm-30	ANE-AK-50P+2-6x30	PH1-PH1-65	ANE-ARTS-1065	PZ2-PZ2-110	ANE-ACPZ-2110
PH2-6 mm-65	ANE-AHPM-2065	PH1-PH2-110	ANE-ARPM-1211	PZ3-PZ3-110	ANE-ACPZ-3110
PH2-6 mm-85	ANE-No.395-DB2S	PH1-PH1-110	ANE-ARTS-1110		
PH2-6 mm-98	ANE-AZM-2698	PH1-PH1-150	ANE-ACMD-1150		
PH2-6 mm-110	ANE-ACPM-2110	PH2-PH3-65	ANE-ARPM-2365		
PH2-6 mm-125	ANE-No.3350-26W	PH2-PH2-65	ANE-ABRM5-2065		
PH2-6 mm-135	ANE-No.395-DB	PH2-PH2-85	ANE-ABRM5-2085		
PH2-6 mm-150	ANE-ACPM-2150	PH2-PH2-110	ANE-ABRM5-2110		
PH2-6 mm-200	ANE-ACPM-2200	PH2-PH2-110	ANE-ARTS-14M+2x110		
6 mm-PH2-30	ANE-No.350	PH2-PH2-150	ANE-AP-14M+2x150		
		PH2-PH2-200	ANE-AP-14M+2x200		
		PH2-PH2-300	ANE-AP-14M+2x300		
		PH3-PH3-65	ANE-ARTM-3065		
		PH3-PH3-110	ANE-ARTM-3110		

DỤNG CỤ CẦM TAY

Mũi Vít

Loại Sản Phẩm	Đầu Dẹp	Loại Sản Phẩm	Đầu Sao		Loại Sản Phẩm	Đầu Lục Giác	
Size - L (mm)	Cao Cấp	Size - L (mm)	Cao Cấp		Size - L (mm)	Cao Cấp	
	Anex		Bosch	Anex		Bosch	Anex
4 mm - 30	ANE-AK-50P-4x30	T6 - 30		ANE-AK-50P-T6x30	2.5 mm - 30		ANE-AK-50P-H2.5x30
5 mm - 65	ANE-ACMM-5065	T8 - 30		ANE-AK-50P-T8x30	3 mm - 30		ANE-AK-50P-H3x30
5 mm - 100	ANE-ASPM1-5100	T10 - 30		ANE-AK-50P-T10x30	4 mm - 30		ANE-AK-50P-H4x30
5.5 mm - 30	ANE-AK-50P-5.5x30	T10 - 50	BOS-2608522485		5 mm - 30		ANE-AK-50P-H5x30
6 mm - 125	ANE-AK-22P-6x125	T15 - 30		ANE-AK-50P-T15x30	6 mm - 30		ANE-AK-50P-H6x30
6 mm - 135	ANE-AK-22C-6x135	T15 - 50	BOS-2608522486				
7 mm - 30	ANE-AK-50P-7x30	T20 - 30		ANE-AK-50P-T20x30			
8 mm - 36	ANE-AK-21P-8x36	T20 - 50	BOS-2608522487				
8 mm - 80	ANE-AK-21P-8x80	T25 - 50	BOS-2608522488				
10 mm - 36	ANE-AK-21P-10x36	T27 - 30		ANE-AK-50P-T27x30	Loại Sản Phẩm	Đầu Sao Có Lỗ	
10 mm - 80	ANE-AK-21P-10x80	T30 - 30		ANE-AK-50P-T30x30	Size - L (mm)	Cao Cấp	
18 mm - 110	ANE-AHF-1511	T30 - 50	BOS-2608522489			Bosch	Anex
		T40 - 30		ANE-AK-50P-T40x30	TH20 - 65		ANE-ACTX-2065
		T40 - 50	BOS-2608522490		TH25 - 65		ANE-ACTX-2565

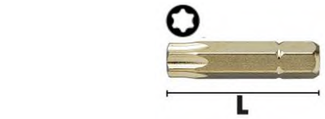

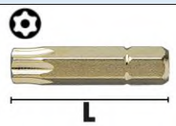

Loại Sản Phẩm	Mũi Vít 1 Đầu Bake		Loại Sản Phẩm	Mũi Vít 1 Đầu Bake	
Size - L (mm)	Cao Cấp		Size - L (mm)	Cao Cấp	
	Bosch	Anex		Bosch	Anex
PH00 - 100		ANE-ACD-00100	PH2 - 100		ANE-ABRD-2100
PH00 - 65		ANE-ACD-00065	PH2 - 110	BOS-2608521043	ANE-ABRM-2110
PH0 - 100		ANE-ACMD-0100	PH2 - 120		ANE-ABRD5-2120
PH1 - 30		ANE-AK-50P+1x30	PH2 - 120		ANE-ABRD-2120
PH1 - 65		ANE-ARTD-1065	PH2 - 125		ANE-AK-22P+2x125
PH1 - 100		ANE-AZM-1100	PH2 - 130		ANE-ABRM-2130
PH1 - 100		ANE-ACMD-1100	PH2 - 135		ANE-AK-22C+2x135
PH1 - 150		ANE-AZM-1150	PH2 - 150		ANE-ABRM-2150
PH2 - 10	BOS-2608522409		PH2 - 150		ANE-ABRD-2150
PH2 - 30		ANE-AK-50P+2x30	PH2 - 200		ANE-AFS-200
PH2 - 36		ANE-AK-21P+2x36	PH2 - 200		ANE-ACMD-2200
PH2 - 45		ANE-AN-ALH-350	PH2 - 300		ANE-AFS-300
PH2 - 50	BOS-2608522481		PH3 - 30		ANE-AK-50P+3x30
PH2 - 65	BOS-2608521042	ANE-ARTD5-2065	PH3 - 36		ANE-AK-21P+3x36
PH2 - 65		ANE-ABRD5-2065	PH3 - 80		ANE-AK-21P+3x80
PH2 - 80		ANE-AK-21P+2x80	PH3 - 100		ANE-ASP1-3100
PH2 - 82		ANE-ABRD5-2082	PH3 - 125		ANE-AK-22P+3x125
PH2 - 85		ANE-ABRM-2085	PH3 - 135		ANE-AK-22C+3x135
PH2 - 100		ANE-ARTD5-2100	PH3 - 150		ANE-ASP1-3150

DỤNG CỤ CẦM TAY

Bộ Tua Vít

Loại Sản Phẩm	Bộ Tua Vít Pake - Dẹp						
Mã Hàng	**STA-66-673**	**STA-66-672**	**STA-66-679**	**STA-66-671**	**STA-66-670**	**SAT-09913**	**SAT-09309**
Thương Hiệu	Stanley	Stanley	Stanley	Stanley	Stanley	Sata	Sata
Phân Khúc	Giá Tốt	Giá Tốt	Giá Tốt	Giá Tốt	Giá Tốt	Trung Cấp	Trung Cấp
Size Đầu Pake	PH1 x 100 mm PH2 x 38 mm PH0 x 60 mm PH2 x 150 mm	PH1x100 mm PH2x150 mm	PH1 x 100 mm PH2 x 38 mm PH2 x 100 mm	PH1 x 100 mm PH2 x 150 mm	PH2 x 150 mm	PH0, PH1, PH2, PH3, PH000	PH1 x 75mm, PH2 x 100mm, PH2 x 150mm
Size Đầu Dẹp	5 mm x 100 mm 6.5 mm x 38 mm 3 mm x 75 mm 6.5 mm x 150 mm	5 x 150 mm 5 x 100 mm 5 x 100 mm 6.5 x 150 mm	5 mm x 100 mm 6.5 mm x 38 mm 6.5 mm x 100 mm	5 mm x 100 mm 6.5 mm x 150 mm	6.5 mm x 150 mm	1 mm, 2 mm, 3 mm, 6 mm, 2.4 mm, 5 mm	5x75, 5x100, 6x150mm
Phân Khúc	Giá Tốt	Giá Tốt	Giá Tốt	Giá Tốt	Giá Tốt	Trung Cấp	Trung Cấp
Số Chi Tiết	8	6	6	4	2	11	6

Mã Hàng	**ANE-No.353**	**ANE-No.930**	**ANE-No.900**	**ANE-No.62**	**ANE-No.426**	**ANE-No.436**
Thương Hiệu	Anex	Anex	Anex	Anex	Anex	Anex
Phân Khúc	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp
Size Đầu Pake	PH1, PH2, PH3	PH00, PH0	PH00, PH0	PH1, PH2, PH3	PH2	PH2
Size Đầu Dẹp	6 mm	1.2 mm, 1.8 mm, 2.3 mm, 3 mm	1.2 mm, 1.8 mm, 2.3 mm, 3 mm	6 mm	6 mm	6 mm
Phân Khúc	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp
Tính Năng Vượt Trội	Thanh nối dài uốn cong được	Dùng cho sửa chữa điện tử	Dùng cho sửa chữa điện tử	Dùng cho góc hẹp	Tay vặn tự động dùng cho góc hẹp	Tay vặn tự động dùng cho góc hẹp
Số Chi Tiết	6	6	6	5	3	3

DỤNG CỤ CẦM TAY

Bộ Tua Vít

Loại Sản Phẩm	Bộ Tua Vít Đa Năng						
Mã Hàng	BOS-2607017331	BOS-2607017399	BOS-2607017322	SAT-09317	ANE-No.525-28B	ANE-No.429	ANE-No.417
Thương Hiệu	Bosch	Bosch	Bosch	Sata	Anex	Anex	Anex
Phân Khúc	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Trung Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp
Size Mũi Vít Đầu Bake	PH1, PH2, PH3	PH0, PH1, PH2, PH3	PH1, PH2, PH3	PH000, PH00, PH0	PH1, PH2, PH3	PH1, PH2, PH3	PH1, PH2, PH3
Size Mũi Vít Đầu Bông	T10, T15, T20, T25, T30	T8, T10, T15, T20, T25, T27, T30, T40	T10, T15, T20, T25, T30	T6, T8, T10, T15	T6		
Size Mũi Vít Đầu Bông Có Lỗ					TH8, TH10, TH15, TH20, TH25, TH27, TH30, TH40		
Size Mũi Vít Đầu Dẹp	4 mm, 5 mm, 6 mm	3 mm, 4 mm, 4.5 mm, 5 mm, 6 mm, 7 mm	4 mm, 5 mm, 6 mm	1 mm, 2 mm, 3 mm, 3.5 mm	6 mm	6 mm	4.5 mm, 6 mm
Size Mũi Vít Đầu Pozidriv	PZ1, PZ2, PZ3	PZ0, PZ1, PZ2, PZ3	PZ1, PZ2, PZ3				
Size Mũi Vít Đầu Lục Giác	3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm	1.5 mm, 2 mm, 2.5 mm, 3 mm, 4 mm, 5 mm, 5.5 mm, 6 mm	3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm	1.5, 2.0, 2.5, 3.0 mm	2.5 mm, 3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm	2.5 mm, 3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm	2 mm, 3 mm, 4 mm, 5 mm
Size Đầu Tuýp Lục Giác	6 mm, 7 mm, 8 mm, 10 mm, 13 mm	3/16 in, 6 mm, 1/4 in, 7 mm, 5/16 in, 8 mm, 11/32 in, 3/8 in, 10 mm, 11 mm, 7/16 in, 13 mm	6 mm, 8 mm, 10 mm, 13 mm		7 mm, 8 mm, 10 mm, 12 mm, 13 mm, 5 mm, 6 mm, 9 mm, 11 mm, 5.5 mm		
Số Chi Tiết	27	46	26	15	28	10	10

DỤNG CỤ CẦM TAY

Bộ Tua Vít

Loại Sản Phẩm	Bộ Mũi Vít Các Loại						
Mã Hàng	**BOS-2608522421**	**BOS-2608522330**	**BOS-2608522491**	**BOS-2608522417**	**BOS-2608522416**	**BOS-2608522415**	**BOS-2608522414**
Thân Lục Giác	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch
Size Mũi Vít Đầu Bake	PH1, PH2, PH3	PH2	PH1, PH2, PH3	PH2			
Size Mũi Vít Đầu Dẹp	3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm			6 mm			3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm
Size Mũi Vít Đầu Bông	T10, T15, T20, T25, T27, T30, T40			T15, T20, T25		T10, T15, T20, T25, T27, T30, T40	
Size Mũi Vít Đầu Bông Có Lỗ	TH10, TH15, TH20, TH25, TH27, TH30, TH40				TH10, TH15, TH20, TH25, TH27, TH30		
Size Mũi Vít Đầu Lục Giác	3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm			3 mm, 4 mm			3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm
Size Mũi Vít Đầu Pozidriv	PZ1, PZ2, PZ3			PZ2			
Phân Khúc	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp
Số Chi Tiết	44	8	8	8	8	8	8
Mã Hàng	**BOS-2608522413**	**BOS-2607017400**	**ANE-AK-51P-B8T**	**ANE-AK-51P-B8H1**	**ANE-AK-51P-B8H**	**ANE-AK-51P-B4**	
Thân Lục Giác	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	1/4 inch	
Size Mũi Vít Đầu Bake	PH1, PH2, PH3	PH1, PH2, PH3			PH1, PH2, PH3	PH1, PH2, PH3	
Size Mũi Vít Đầu Dẹp		4.5 mm, 5.5 mm				6 mm	
Size Mũi Vít Đầu Bông		T15, T20, T25, T30					
Size Mũi Vít Đầu Bông Có Lỗ			TH8, TH10, TH15, TH20, TH25, TH27, TH30, TH40				
Size Mũi Vít Đầu Lục Giác		4 , 5 , 6 mm		1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8 mm	2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 mm		
Size Mũi Vít Đầu Pozidriv	PZ1, PZ2, PZ3	PZ1, PZ2, PZ3					
Phân Khúc	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	Cao Cấp	
Số Chi Tiết	8	25	8	8	8	4	

DỤNG CỤ CẦM TAY

Bút Thử Điện

Điện Áp	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
100V-500V AC		Giá Tốt	**66-119** Bút Thử Điện 150mm (100-500V) Stanley 66-119
100V-500V AC		Giá Tốt	**66-120** Bút Thử Điện 178mm (100-500V) Stanley 66-120
12V-220V AC/DC		Giá Tốt	**66-133** Bút Thử Điện Điện Tử Stanley 66-133
12V-220V AC/DC		Giá Tốt	**66-137** Bút Thử Điện Điện Tử Stanley 66-137

Điện Áp	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
6V-36V DC		Cao Cấp	**ANE-No.2036-A** Bút Thử Điện 3-36V DC Có Dây Anex No.2036-A
70V-250V AC 1.5V-3V DC		Cao Cấp	**ANE-No.2145-L** Bút Thử Điện Cảm Ứng Hiển Thị Đèn Led Và Âm Thanh Anex No.2145-L
100V-240V AC		Cao Cấp	**ANE-No.2036-L** Bút Thử Điện 100-240V AC Hiển Thị Đèn Led Anex No.2036-L
110V-220V AC		Cao Cấp	**ANE-No.1035-L** Bút Thử Điện 100-220V AC Anex No.1035-L

Ê Ke

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
200mm/8inch		Trung Cấp	**SAT-91411** Thước Êke Vuông 20cm/8inch SATA 91411
254mm/10inch		Giá Tốt	**46-534** Thước ke vuông 10inch Stanley 46-534

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
300mm/12inch		Giá Tốt	**46-012** Thước ke vuông kết hợp cán cầm nhựa 12inch Stanley 46-012
300mm/12inch		Giá Tốt	**46-536** Thước ke vuông 12inch Stanley 46-536

DỤNG CỤ CẦM TAY

Thước Cuộn Thép

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
3 m		Giá Tốt	**STA-36-193** Thước Cuộn Thép 3m Stanley 36-193
5 m		Giá Tốt	**STA-36-194** Thước Cuộn Thép 5m Stanley 36-194
8 m		Giá Tốt	**STA-36-195** Thước Cuộn Thép 8m Stanley 36-195
15 m		Giá Tốt	**34-104N** Thước dây cuốn thép 15m Stanley 34-104N
20 m		Giá Tốt	**34-105N** Thước dây cuốn thép 20m Stanley 34-105N
30 m		Giá Tốt	**34-108N** Thước dây cuốn thép 30m Stanley 34-108N

Thước Dây Cuộn Thủy Tinh

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
30 m		Giá Tốt	**34-791** Thước dây sợi thủy tinh 30m Stanley 34-791 (màu trắng)
50 m		Giá Tốt	**34-298** Thước dây sợi thủy tinh 50m Stanley 34-298
60 m		Giá Tốt	**34-794** Thước dây sợi thủy tinh 60m Stanley 34-794
100 m		Giá Tốt	**34-777** Thước dây sợi thủy tinh 100m Stanley 34-777

Thước Cặp Cơ

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
0-150mm		Giá Tốt	**37-200-23C** Thước cặp cơ 0-150mm Stanley 36-150-23C
0-200mm		Giá Tốt	**36-200-23C** Thước cặp cơ 0-200mm Stanley 36-200-23C

Thước Cặp Điện Tử

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
0-200mm		Giá Tốt	**36-150-23C** Thước cặp điện tử 0-200mm PRO Stanley 37-200-23C

DỤNG CỤ CẦM TAY

Thước Thủy

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
200mm/8inch		Giá Tốt	**42-291** Thước thủy có từ 8inch/200mm Stanley 42-291
225mm/9inch		Giá Tốt	**42-465** Thước thủy sắt có từ 9inch/225mm Stanley 42-465
300mm/12inch		Giá Tốt	**42-072** Thước thủy nhôm 12inch/300mm Stanley 42-072
400mm/16inch		Giá Tốt	**43-102** Thước thủy hộp 16inch/400mm Stanley 43-102
450mm/18inch		Giá Tốt	**42-073** Thước thủy nhôm 18inch/450mm Stanley 42-073
600mm/24inch		Giá Tốt	**42-074** Thước thủy nhôm 24inch/600mm Stanley 42-074

Thước Thủy

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
600mm/24inch		Giá Tốt	**43-103** Thước dây sợi thủy tinh 30m Stanley 34-791 (màu trắng)
900mm/36inch		Giá Tốt	**42-075** Thước thủy nhôm 36inch/90cm Stanley 42-075
1000mm/40inch		Giá Tốt	**43-113** Thước thủy hộp 40inch/100cm Stanley 43-113
1200mm/48inch		Giá Tốt	**42-076** Thước thủy nhôm 48inch/120cm Stanley 42-076
1200mm/48inch		Giá Tốt	**43-106** Thước thủy hộp 48inch/120cm Stanley 43-106
1200mm/48inch		Giá Tốt	**43-556** Thước thủy có từ 48inch/120cm Stanley 43-556

Kìm Rút Rivet

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
335mm/13inch		Giá Tốt	**69-800** Kìm Rút Rivet 4 Lỗ 1/8inch, 3/32inch, 5/32inch, 3/16inch Stanley 69-800
335mm/13inch		Giá Tốt	**69-646** Kìm Rút Rivet 3 Lỗ 1/8inch, 5/32inch, 3/16inch Stanley 69-646

Kìm Rút Rivet

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
275mm/11inch		Trung Cấp	**SAT-90504** Kìm Rút Riveter Inox Trợ Lực Cao Cấp 11inch/275mm SATA 90504
330mm/13inch		Giá Tốt	**SAT-90502** Kìm Rút Riveter Inox Trợ Lực Cao Cấp 13inch/330mm SATA 90502

DỤNG CỤ CẦM TAY

Kéo Cắt

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
8Inch/200mm		Giá Tốt	**14-302** Kéo Cắt Cành 8Inch/200mm Stanley 14-302
10Inch/255mm		Giá Tốt	**14-563** Kéo Cắt Tôn Mũi Thẳng Cán Vàng 10Inch Stanley 14-563
10Inch/255mm		Giá Tốt	**14-564** Kéo Cắt Tôn Mũi Cong Phải Cán Xanh 10Inch Stanley 14-564
10Inch/255mm		Giá Tốt	**14-556** Kéo Cắt Tôn 10Inch/255mm Stanley 14-556
12Inch/305mm		Giá Tốt	**14-558** Kéo Cắt Tôn 12Inch/305mm Stanley 14-558

Dao Rọc Giấy

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
18 mm		Giá Tốt	**10-175** Dao Rọc Cáp Cán Nhôm + Nhựa Stanley 10-175
18 mm		Giá Tốt	**10-143** Dao Rọc Giấy Cán Nhựa 18mm Stanley 10-143
18 mm		Giá Tốt	**10-265** Dao Rọc Giấy Cao Cấp (Nhựa ABS) 18mm Stanley 10-265
18 mm		Giá Tốt	**10-151** Dao Rọc Giấy Màu Vàng 18mm Stanley 10-151
25 mm		Giá Tốt	**10-425** Dao Cắt 25 mm Stanley 10-425
18 mm		Giá Tốt	**11-301T** Lưỡi Dao Rọc Giấy Thẳng Stanley 18mm (10lưỡi/hộp)

Dao Rọc Cáp

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
5 - 5/8 Inch		Giá Tốt	**10-189C** Dao Rọc Cáp Cán Nhôm Màu Đỏ - Tự Động Rút Lưỡi Stanley 10-189C
6 - 1/2 Inch		Giá Tốt	**10-779** Dao Rọc Cáp Cán Nhôm Màu Vàng Stanley 10-779

Dao Rọc Cáp

Size	Hình Ảnh	Phân Khúc	Mã Hàng
7 Inch		Giá Tốt	**10-789** Dao Trổ FatMax Xtreme 7Inch/175mm Stanley 10-789
2 - 7/16 Inch		Giá Tốt	**11-921H** Lưỡi dao rọc cáp thẳng Stanley (10lưỡi/hộp)

Nhấn Ctrl + Click Vào Mã Hàng
Để Xem Giá Và Thời Gian Giao Hàng Chính Xác

MÁY MÀI GÓC CÓ DÂY

HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-06013756K0**	**BOS-060137508M**	**BOS-06013A31K0**	**BOS-06013885K0**	**BOS-06013886K0**	**BOS-06013880K2**	**BOS-06013940K0**
Mã Sản Phẩm	GWS 060	GWS 6-100 S	GWS 700	GWS 7-100 ET	GWS 7-100 T	GWS 7-125	GWS 750-100
Công Suất	670 W	710 W	710 W	720 W	720 W	720 W	750 W
Tốc Độ Không Tải	12000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	12000 Vòng/Phút	9300 Vòng/Phút	9300 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy
Tính Năng Vượt Trội	Làm mát trực tiếp Thiết kế công thái học	Công tắc đuôi	Làm mát trực tiếp Thiết kế công thái học	Máy chuyên dụng. Điều chỉnh tốc độ Báng cầm mềm Làm mát trực tiếp	Máy chuyên dụng. Báng cầm mềm Làm mát trực tiếp	Máy chuyên dụng. Báng cầm mềm Làm mát trực tiếp	Máy chuyên dụng. Công thái học Làm mát trực tiếp
HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-06013965K0**	**BOS-06013961K2**	**BOS-06013960K7**	**BOS-06013961K0**	**BOS-06013960K0**	**BOS-06013A60K0**	**BOS-06017D0100**
Mã Sản Phẩm	GWS 9-100 P	GWS 900-125S	GWS 9-125	GWS 900-100S	GWS 900-100	GWS 12-125 S	GWS 14-125 S
Công Suất	900 W	900 W	900 W	900 W	900 W	1200 W	1400 W
Tốc Độ Không Tải	11000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	10000 Vòng/Phút	11500 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng. Công tắc an toàn Công thái học Làm mát trực tiếp	Máy chuyên dụng. Điều chỉnh tốc độ Công thái học	Máy chuyên dụng. Chống tự khởi động lại Công thái học Cách điện 2 lớp Làm mát trực tiếp	Máy chuyên dụng. Điều chỉnh tốc độ Chống tự khởi động lại Công thái học	Máy chuyên dụng. Chống tự khởi động lại Công thái học Cách điện 2 lớp Làm mát trực tiếp	Máy chuyên dụng. Báng cầm nhỏ Chống đá ngược Chức năng giảm rung. Chống tự khởi động lại	Máy chuyên dụng. Báng cầm nhỏ Điều chỉnh tốc độ Chức năng giảm rung. Đường kính dĩa mài 125 mm

MÁY MÀI GÓC CÓ DÂY

HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-060179K002**	**BOS-06017D0600**	**BOS-06017A5000**	**BOS-06018C10K0**	**BOS-06018C00K0**	**BOS-06018C30K0**	**BOS-06018C20K0**
Mã Sản Phẩm	GWS 17-150 CI	GWS 17-150	GWS 18-150 L	GWS 2200-230H	GWS 2200-180H	GWS 24-230	GWS 24-180
Công Suất	1700 W	1700 W	1800 W	2200 W	2200 W	2400 W	2400 W
Tốc Độ Không Tải	9300 Vòng/Phút	9700 Vòng/Phút	10000 Vòng/Phút	6500 Vòng/Phút	8500 Vòng/Phút	6500 Vòng/Phút	8500 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp,chìa vặn, hộp giấy, bộ lọc bụi	Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn,chìa vặn,tán kẹp, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn,chìa vặn,tán kẹp, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn,chìa vặn,tán kẹp, hộp giấy	Tay cầm, vành chắn,chìa vặn,tán kẹp, hộp giấy
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng. Tốc độ không đổi. Làm mát trực tiếp. Chức năng giảm rung. Chống đá ngược. Khởi động mềm. Chống quá tải. Chống tự khởi động lại.	Máy chuyên dụng. Báng cầm nhỏ Điều chỉnh tốc độ Chức năng giảm rung. Đường kính dĩa mài 150 mm	Máy chuyên dụng. Chống tự khởi động lại Tốc độ không đổi. Chức năng giảm rung. Đường kính dĩa mài 150 mm	Tấm bảo vệ lưới mài. Làm mát trực tiếp.	Tấm bảo vệ lưới mài. Làm mát trực tiếp.	Máy chuyên dụng. Công tắc bảo vệ Báng cầm mềm Chức năng giảm rung. Đường kính dĩa mài 230 mm	Máy chuyên dụng. Công tắc bảo vệ Báng cầm mềm Chức năng giảm rung. Đường kính dĩa mài 180 mm

MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN

HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-06019H6E01**	**BOS-06019J41K0**	**BOS-06019J40K1**	**BOS-06019J40K0**	**BOS-06019H6180**	**BOS-06019H90K1**	**BOS-06019H90K0**
Mã Sản Phẩm	GWS 18V-180 PC	GWS 18V-10 P	GWS 18V-10	GWS 18V-10	GWS 18V-15 SC	GWS 180-LI	GWS 180-LI
Điện Áp Pin	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V
Tốc Độ Không Tải	7000 Vòng/Phút	9000 Vòng/Phút	9000 Vòng/Phút	9000 Vòng/Phút	9800 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút	11000 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Không pin, không sạc Vành cắt,mạch GCY 42, 2 đĩa cắt inox,Vành chắn,Tay cầm,1 đĩa kim cương, hộp giấy	Không pin, không sạc. Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy	2 Pin 5,0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa. Tay cầm, vành chắn, tán kẹp	Không pin, không sạc. Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy	Không pin, không sạc, vành chắn, mô-đun GCY 42	2 pin 4.0Ah,1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa Tay cầm, vành chắn, tán kẹp	Không pin, không sạc. Tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng. Tương đương máy điện 1500W Chống đá ngược	Máy chuyên dụng. Chức năng giảm rung. Công tắc bảo vệ Chống đá ngược Hệ thống phanh thông minh	Máy chuyên dụng. Dụng cụ tắt khi bắt chợt rơi Chống tự khởi động lại. Báng cầm mềm.	Máy chuyên dụng. Dụng cụ tắt khi bắt chợt rơi Chống tự khởi động lại. Báng cầm mềm.	Chức năng giảm rung. Dụng cụ tắt khi bắt chợt rơi. Hệ thống phanh. Thiết kế công thái học Điều chỉnh tốc độ Chống đá ngược	Động cơ không chổi than. Thiết kế công thái học. Chống tự khởi động lại. Báng cầm mềm.	Động cơ không chổi than. Công thái học. Chống tự khởi động lại. Báng cầm mềm.

	MÁY MÀI KHUÔN				MÁY MÀI BÀN 2 ĐÁ	
HÌNH ẢNH				HÌNH ẢNH		
Mã MECSU	BOS-06012241K0	BOS-06012240K0		Mã MECSU	BOS-060127A3K0	BOS-060127A4K0
Mã Sản Phẩm	GGS 5000 L	GGS 3000 L		Mã Sản Phẩm	GBG 35-15	GBG 60-20
Công Suất	500 W	300 W		Công Suất	350 W	600 W
Tốc Độ Không Tải	33000 Vòng/Phút	28000 Vòng/Phút		Tốc Độ Không Tải	3000 Vòng/Phút	3600 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Ống kẹp đàn hồi, chìa vặn, hộp giấy	Ống kẹp đàn hồi, chìa vặn, hộp giấy		Phụ Kiện Đi Kèm	Bánh mài độ hạt 24/60, hộp giấy	Bánh mài độ hạt 24/60, hộp giấy
Tính Năng Vượt Trội	Làm mát trực tiếp.	Làm mát trực tiếp.		Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng. Làm mát trực tiếp. Tấm bảo vệ lưới mài.	Máy chuyên dụng. Làm mát trực tiếp. Tấm bảo vệ lưới mài.

MÁY KHOAN DÙNG PIN

HÌNH ẢNH						
Mã MECSU	**BOS-06019G81K5**	**BOS-06019G91K0**	**BOS-06019F83K1**	**BOS-06019K30K2**	**BOS-06019K30K1**	**BOS-06019K61L0**
Mã Sản Phẩm	GSB 120-LI GEN II	GSB 12V-30	GSB 180-LI	GSR 185-LI	GSR 185-LI	GSB 18V-90 C(SOLO)
Điện Áp Pin	12 V	12 V	18 V	18 V	18 V	18 V
Tốc Độ Không Tải	1500 Vòng/Phút	1600 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút	2100 Vòng/Phút
Size Đầu Cập	1.5-10 mm	0.8-10 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	Bộ nạp GAL 1210 CV Professional,1 pin GBA 12V 2.0Ah. Bộ phụ kiện,valy.	2 Pin 2,0Ah,1 Sạc GAL 12V-40. Valy nhựa.	2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít	1 sạc GAL 18V-20, 2 pin GBA 18V 2.0Ah. Bộ 23 chi tiết có ống cặp	1 sạc GAL 18V-20, 1 pin GBA 18V 2.0Ah. Valy.	Không pin, không sạc. Hộp giấy.
Tính Năng Vượt Trội	Hộp số 2 cấp. Tốc độ quay tùy biến. Có đèn chiếu sáng.	Máy chuyên dụng.Động cơ không chổi than.Hộp số 2 cấp.Tốc độ quay tùy biến.Có đèn chiếu sáng.	Tốc độ quay tùy biến. Có đảo chiều xoay. Hộp số 2 cấp. Mâm cặp tự động	Tuổi thọ pin bền. Động cơ không chổi than.	Động cơ không chổi than. Đường kính vít tối đa 10 mm	Máy chuyên dụng. Động cơ không chổi than. Chống đá ngược (on/off)

MÁY KHOAN CÓ DÂY

HÌNH ẢNH					
Mã MECSU	**BOS-06011A45K0**	**BOS-06014725K0**	**BOS-06011C10K0**	**BOS-06014735K0**	**BOS-06014775K0**
Mã Sản Phẩm	GBM 320	GBM 6 RE	GBM 400	GBM 10 RE	GBM 13 RE
Công Suất	320W	350W	400 W	600W	600W
Tốc Độ Không Tải	4000 Vòng/Phút	4000 Vòng/Phút	2800 Vòng/Phút	2600 Vòng/Phút	2600 Vòng/Phút
Size Đầu Cập	0.5-6.5 mm	0.5-6.5 mm	10 mm	1-10 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	Hộp giấy, chìa vặn.	Hộp giấy, chìa vặn.	Hộp giấy, chìa vặn.	Hộp giấy, chìa vặn.	Hộp giấy, chìa vặn.
Tính Năng Vượt Trội	Tốc độ quay tùy biến. Có đảo chiều xoay	Máy chuyên dụng. Có đảo chiều xoay. Điều chỉnh tốc độ.	Tốc độ quay tùy biến. Có đảo chiều xoay. Cách điện 2 lớp	Máy chuyên dụng. Có đảo chiều xoay. Tốc độ quay tùy biến. Báng cầm mềm.	Máy chuyên dụng. Có đảo chiều xoay. Điều chỉnh tốc độ.

MÁY KHOAN/BẮN VÍT DÙNG PIN

HÌNH ẢNH						
Mã MECSU	**BOS-06019G80K0**	**BOS-06019G80K5**	**BOS-06019G90K0**	**BOS-06019H5100**	**BOS-06019H50K0**	**BOS-06019K31K2**
Mã Sản Phẩm	GSR 120-LI GEN II	GSR 120-LI GEN II	GSR 12V-30	GSB 18V-50	GSR 18V-50	GSB 185-LI
Điện Áp Pin	12 V	12 V	12 V	18 V	18 V	18 V
Tốc Độ Không Tải	1500 Vòng/Phút	1500 Vòng/Phút	1600 Vòng/Phút	1800 Vòng/Phút	1800 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút
Size Đầu Cập	1.5-10 mm	1.5-10 mm	0.8-10 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc, valy nhựa	1 Pin 2.0Ah, 1 Sạc, valy nhựa, bộ phụ kiện	2 Pin 2,0Ah, 1 Sạc GAL 12V-40, valy nhựa	2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL18V-20,valy nhựa	2 Pin 2,0Ah, 1 sạc GAL18V-40, valy nhựa	1 sạc GAL 18V-20, 2 pin GBA 18V 2.0Ah. Bộ 23 chi tiết có ống cặp, valy nhựa
Tính Năng Vượt Trội	Hộp số 2 cấp. Tốc độ quay tùy biến. Có đèn chiếu sáng.	Hộp số 2 cấp. Tốc độ quay tùy biến. Có đèn chiếu sáng.	Máy chuyên dụng. Động cơ không chổi than.Hộp số 2 cấp.Tốc độ quay tùy biến. Có đèn chiếu sáng.	Máy chuyên dụng. Động cơ không chổi than. Chức năng đảo chiều xoay.	Máy chuyên dụng. Động cơ không chổi than. Chức năng đảo chiều xoay.	Tuổi thọ pin bền. Động cơ không chổi than. Đường kính vít tối đa 10 mm.

HÌNH ẢNH						
Mã MECSU	**BOS-06019K31K1**	**BOS-06019F83K2**	**BOS-06019F81K1**	**BOS-06019K3083**	**BOS-06019K60L0**	**BOS-06019J50L0**
Mã Sản Phẩm	GSB 185-LI (1 pin)	GSB 180-LI (hộp công cụ)	GSR 180-LI (kèm phụ kiện)	GSR 185-LI (SOLO)	GSR 18V-90 C (SOLO)	GSR 18V-150 C (SOLO)
Điện Áp Pin	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V
Tốc Độ Không Tải	1900 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút	1900 Vòng/Phút	2100 Vòng/Phút	2200 Vòng/Phút
Size Đầu Cập	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	1 sạc GAL 18V-20,1 pin GBA 18V 2.0Ah, valy nhựa	2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, set phụ kiện 41 món, hộp công cụ	2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít	Không sạc, Không pin. Valy nhựa	Không sạc, Không pin. Valy nhựa	Không pin, không sạc, hộp Lboxx, mô-đun kết nối GCY 42
Tính Năng Vượt Trội	Tuổi thọ pin bền. Động cơ không chổi than. Đường kính vít tối đa 10 mm.	Tốc độ quay tùy biến.Có đảo chiều xoay.Hộp số 2 cấp.Mâm cặp tự động	Hộp số 2 cấp.Tốc độ quay tùy biến.Có đèn chiếu sáng.Mâm cặp tự động.Chức năng đảo chiều.	Tuổi thọ pin bền.Động cơ không chổi than.Đường kính vít tối đa 10 mm.	Máy chuyên dụng.Động cơ không chổi than.Chống đá ngược (on/off)	Máy chuyên dụng. Động cơ không chổi than. Hỗ trợ khoan nghiêng.

MÁY KHOAN BÚA CÓ DÂY

HÌNH ẢNH					
Mã MECSU	**BOS-06112A60K1**	**BOS-06112A60K0**	**BOS-06113321K0**	**BOS-06112730K0**	**BOS-06112720K0**
Mã Sản Phẩm	GBH 220	GBH 220	GBH 4-32 DFR	GBH 2-24 DFR	GBH 2-24 RE
Công Suất	720 W	720 W	790 W	790 W	790 W
Tốc Độ Đập	4.800 bpm	4.800 bpm	3.600 bpm	4.200 bpm	4.200 bpm
Lực Đập	2 J	2J	4.2 J	2.7J	2.7J
Tốc Độ Quay	2000 Vòng/Phút	2000 Vòng/Phút	800 Vòng/Phút	930 Vòng/Phút	930 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Valy Nhựa,3 mũi khoan SDS plus 6 8 10mm.Đầu cặp 13mm.Bộ mũi khoan 5 chi tiết (4/5/6/8/10mm) 1 đầu nối bộ phận hút bụi GDE 24 Professional	Valy nhựa, thước đo, tay cầm	valy nhựa, thước đo, tay cầm	valy nhựa, thước đo, tay cầm, đầu kẹp	valy nhựa, thước đo, tay cầm
Tính Năng Vượt Trội	Búa kết hợp đục.	Búa kết hợp đục. Khoan tối đa 22mm vào bê tông.	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Tốc độ quay tùy biến.Chức năng giảm rung.	Máy chuyên dụng.	Máy chuyên dụng.

HÌNH ẢNH						
Mã MECSU	**BOS-06112721K2**	**BOS-06112721K0**	**BOS-0611253704**	**BOS-0611253604**	**BOS-0611251704**	**BOS-0611251604**
Mã Sản Phẩm	GBH 2-24 DRE	GBH 2-24 DRE	GBH 2-26 DRE	GBH 2-26 DE	GBH 2-26 RE	GBH 2-26 E
Công Suất	790 W	790 W	800 W	800 W	800 W	800 W
Tốc Độ Đập	4.200 bpm	4.200 bpm	4.000 bpm	4.000 bpm	4.000 bpm	4.000 bpm
Lực Đập	2.7J	2.7J	2.7J	3 J	3 J	3 J
Tốc Độ Quay	930 Vòng/Phút	930 Vòng/Phút	900 Vòng/Phút	900 Vòng/Phút	900 Vòng/Phút	900 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Đang cập nhật	Hộp mang	Valy Nhựa,Chốt chặn độ sâu 210 mm, Tay cầm	Valy Nhựa,Chốt chặn độ sâu 210 mm, Tay cầm	Valy Nhựa,Chốt chặn độ sâu 210 mm, Tay cầm	Valy Nhựa,Chốt chặn độ sâu 210 mm, Tay cầm
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng.	Máy chuyên dụng.	Máy chuyên dụng. Rotation control clutch. Tốc độ quay tùy biến.	Máy chuyên dụng. Rotation control clutch. Tốc độ quay tùy biến.	Máy chuyên dụng. Rotation control clutch. Tốc độ quay tùy biến. Chức năng đảo chiều xoay.	Máy chuyên dụng. Rotation control clutch. Tốc độ quay tùy biến.

MÁY KHOAN BÚA CÓ DÂY

HÌNH ẢNH						
Mã MECSU	**BOS-061123A0K0**	**BOS-0611267102**	**BOS-06112672K1**	**BOS-06112690K0**	**BOS-06112650K0**	**BOS-06112651K0**
Mã Sản Phẩm	GBH 3-28 DRE	GBH 2-28 DV	GBH 2-28 DFV	GBH 5-40D	GBH 8-45DV	GBH 8-45D
Công Suất	800 W	820 W	820 W	1100W	1500 W	1500W
Tốc Độ Đập	4.000 bpm	5.100 bpm	5.100 bpm	2.900 bpm	2.760 bpm	2.720 bpm
Lực Đập	3.1 J	3.2 J	3.2J	8.5J	12.5 J	12.5 J
Tốc Độ Quay Định Mức	900 Vòng/Phút	1.300 Vòng/Phút	1.300 Vòng/Phút	340 Vòng/Phút	305 Vòng/Phút	305 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Valy Nhựa,Chốt chặn độ sâu 210 mm, Tay cầm	Valy nhựa, thước đo, tay cầm	Valy nhựa, thước đo, tay cầm	Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ, khăn lau	Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ, khăn lau	Hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ, khăn lau
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Lựa chọn tốc độ quay.Chức năng giảm rung.	Máy chuyên dụng. Rotation control clutch. Tốc độ quay tùy biến. Chức năng đảo chiều xoay.Giảm rung.	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Tốc độ quay tùy biến.Chức năng đảo chiều xoay.Chức năng giảm rung.	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Lựa chọn tốc độ quay.	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Chức năng giảm rung.Lựa chọn tốc độ quay.Ngắn tự khởi động lại.	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Lựa chọn tốc độ quay.Ngắn tự khởi động lại.

MÁY KHOAN BÚA DÙNG PIN

HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-0611913080**	**BOS-0611923181**	**BOS-06119230K0**	**BOS-06119240L0**	**BOS-06119240K1**	**BOS-06119111K1**	**BOS-0611914082**
Mã Sản Phẩm	GBH 18V-45 C (SOLO)	GBH 187-LI (SOLO)	GBH 187-LI	GBH 185-LI (SOLO)	GBH 185-LI	GBH 180-LI BL	GBH 18V-34CF(SOLO)
Điện Áp Pin	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V	18 V
Tốc Độ Đập	2.760 bpm	4.350 bpm	4.350 bpm	4.675 bpm	4.675 bpm	5100 bpm	2900 bpm
Lực Đập	12.5 J	2.4 J	2.4 J	1.9 J	1.9 J	2 J	5.8 J
Tốc Độ Quay Định Mức	305 Vòng/Phút	980 Vòng/Phút	980 Vòng/Phút	1050 Vòng/Phút	1050 Vòng/Phút	1.800 Vòng/Phút	500 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy	Không pin, không sạc, valy	2 pin 5.0Ah, sạc GAL 1880CV, valy nhựa	Không pin, không sạc, valy	2 pin GBA 18V 4.0Ah, Bộ sạc nhanh GAL 18V-40Professional.Hộp mang.	1 sạc GAL 18V-40,2 pin GBA 18V 4.0AhTay nắm phụ,Chốt chặn độ sâu,Vải máy,Hộp mang	Không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, đầu cặp phụ, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng.Khởi động mềmĐộ rung động thấp.Chống đá ngược.Giao diện người dùng tích hợp.	Không có	Động cơ không chổi than. Độ rung động thấp.	Tuổi thọ động cơ dài.Tốc độ duy trì khi chịu tải.Búa kết hợp đục.Độ rung động thấp.Có đèn chiếu sáng.	Tuổi thọ động cơ dài.Tốc độ duy trì khi chịu tải.Búa kết hợp đục.Độ rung động thấp.Có đèn chiếu sáng.	Búa kết hợp đục. Có đèn chiếu sáng.	Máy chuyên dụng.Rotation control clutch.Có đèn chiếu sáng.Chức năng giảm rung.

MÁY KHOAN BÚA DÙNG PIN

HÌNH ẢNH		
Mã MECSU	**BOS-0611915082**	**BOS-0611906003**
Mã Sản Phẩm	GBH 18V-36 C (SOLO)	GBH 36 V-LI
Điện Áp Pin	18 V	36 V
Tốc Độ Đập	2900 bpm	4.200 bpm
Lực Đập	7.0 J	3.2 J
Tốc Độ Quay Định Mức	500 Vòng/Phút	940 Vòng/Phút
Phụ Kiện Đi Kèm	Không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy	2 Pin 4.0Ah, 1 sạc 3680, valy nhựa, tay cầm, thước chặn
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng. Không chổi than Chống đá ngược. Giao diện người dùng tích hợp.	Máy chuyên dụng. Búa kết hợp đục. Độ rung động thấp. Có đèn chiếu sáng.

MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC CÓ DÂY

HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-06012161K0**	**BOS-06012161K1**	**BOS-06011A15K2**	**BOS-06011A15K8**	**BOS-06011A15K7**	**BOS-06011A15K1**	**BOS-06011A15K0**
Mã Sản Phẩm	GSB 10 RE (Vali nhựa)	GSB 10 RE (Hộp Giấy)	GSB 550 Bộ 80 món	GSB 550 Bộ 19 món	GSB 550 Bộ 100 món	GSB 550 Kèm Phụ Kiện	GSB 550
Công Suất	500 W	500 W	550 W	550 W	550 W	550 W	550 W
Tốc Độ Không Tải	2.600 Vòng/Phút	2.600 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút
Tốc Độ Đập	41.600 bpm	41.600 bpm	44.800 bpm	44.800 bpm	44.800 bpm	44.800 bpm	44.800 bpm
Size Đầu Cập	1.5-10 mm	1.5-10 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	Hộp nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít	Hộp giấy	Hộp nhựa, bộ phụ kiện 80 món, tay cầm, thước chặn	Hộp nhựa, bộ phụ kiện 19 món, tay cầm, thước chặn	Hộp nhựa, bộ phụ kiện 100món, tay cầm, thước chặn	Hộp dụng cụ, phụ kiện, tay cầm, thước chặn	hộp giấy, tay cầm, thước chặn
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên dụng. Chức năng đảo chiều xoay.	Máy chuyên dụng. Chức năng đảo chiều xoay.	Chức năng đảo chiều xoay.	Chức năng đảo chiều xoay.	Chức năng đảo chiều xoay.	Chức năng đảo chiều xoay.	Chức năng đảo chiều xoay.

MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC CÓ DÂY

HÌNH ẢNH						
Mã MECSU	**BOS-06011A03K1**	**BOS-06011A03K0**	**BOS-06012281K1**	**BOS-06012271K3**	**BOS-06012271K0**	**BOS-06011A21K1**
Mã Sản Phẩm	GSB 600 (100 món)	GSB 600	GSB 16 RE (Hộp Nhựa)	GSB 13 RE Bộ 100 món	GSB 13 RE (Hộp Giấy)	GSB20-2RE
Công Suất	600 W	600 W	600 W	600 W	600 W	800 W
Tốc Độ Không Tải			3.250 Vòng/Phút			3.000Vòng/Phút
Tốc Độ Đập	48.000 bpm	48.000 bpm	48.500 bpm			48.000 bpm
Size Đầu Cập	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	Hộp nhựa, phụ kiện	Hộp giấy	Hộp nhựa, tay cầm, thước chặn	Bộ dụng cụ tay 100 chiếc,chìa mở đầu cặp Thước đo độ sâu,Tay cầm	Hộp giấy, tay cầm, thước chặn	Hộp giấy, tay cầm, thước chặn
Tính Năng Vượt Trội	Tốc độ tùy biến. Chức năng đảo chiều xoay. Cách điện 2 lớp	Tốc độ tùy biến. Chức năng đảo chiều xoay. Cách điện 2 lớp	Máy chuyên dụng.	Máy chuyên dụng.	Máy chuyên dụng.	Máy chuyên dụng.

MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC DÙNG PIN

HÌNH ẢNH			
Mã MECSU	**BOS-06019G81K0**	**BOS-06019J51L0**	**BOS-06019K3183**
Mã Sản Phẩm	GSB 120-LI GEN II	GSB 18V-150 C (SOLO)	GSB 185-LI (SOLO)
Điện Áp Pin	12 V	18 V	18 V
Tốc Độ Không Tải	1.500 Vòng/Phút	2.200 Vòng/Phút	1.900 Vòng/Phút
Tốc Độ Đập	22.500 bpm	30.000 bpm	27.000 bpm
Size Đầu Cập	0.8-10 mm	1.5-13 mm	1.5-13 mm
Phụ Kiện Đi Kèm	1 sạc GAL 1210 CV,2 pin GBA 12V 2.0Ah ,Hộp mang	Không pin, không sạc, hộp Lboxx, mô-đun kết nối GCY 42	Không pin, không sạc, hộp mang
Tính Năng Vượt Trội	Hộp số 2 cấp. Tốc độ tùy biến. Có đèn chiếu sáng.	Máy chuyên dụng. Động cơ không chổi than. Hỗ trợ khoan góc nghiêng	Động cơ không chổi than. Tuổi thọ pin dài. Đường kính vít tối đa 10 mm.

MÁY VẶN VÍT CÓ DÂY

Hình Ảnh	
Mã MECSU	**BOS-06014A20K0**
Mã Sản Phẩm	GTB 650
Công Suất	650 W
Tốc Độ Không Tải	5.000 Vòng/Phút
Chuôi Gài	Chuôi Lục Giác 1/4"
Phụ Kiện Đi Kèm	Valy
Tính Năng Vượt Trội	Báng cầm mềm. Chức năng đảo chiều xoay. Tốc độ tùy biến. Mô-men xoắn 12 Nm.

MÁY VẶN VÍT DÙNG PIN

HÌNH ẢNH							
Mã MECSU	**BOS-06019J85L1**	**BOS-06019G4104**	**BOS-06019K70L1**	**BOS-06019F0000**	**BOS-06019K00K1**	**BOS-06019J22L0**	**BOS-06019G61K0**
Mã Sản Phẩm	GDS 18V-1050 H (SOLO)	GDR 18V-200 C (SOLO)	GTB 185-LI (SOLO)	GDR 120-LI (SOLO)	GDS 18V-400 (SOLO)	GDX 18V-200 (SOLO)	GDS 250-LI
Điện Áp Pin	18 V	18 V	18 V	12 V	18 V	18 V	18 V
Tốc Độ Không Tải	1.750 Vòng/Phút	3.400 Vòng/Phút	4.500 Vòng/Phút	2.600 Vòng/Phút	2.500 Vòng/Phút	3.400 Vòng/Phút	2.400 Vòng/Phút
Chuôi Gài	Đầu vuông 3/4"	Chuôi Lục Giác 1/4"	Chuôi Lục Giác 1/4"	Chuôi Lục Giác 1/4"	Đầu vuông 1/2"	Đầu vuông 1/2",Chuôi Lục Giác 1/4"	Đầu vuông 1/2"
Tốc Độ Đập	2.600 bpm	4.000 bpm		3.200 bpm	3.700 bpm	4.200 bpm	3.300 bpm
Phụ Kiện Đi Kèm	Không pin, không sạc	Không pin, không sạc	Không pin, không sạc	Không pin, không sạc	Không pin, không sạc	Không pin, không sạc	2 Pin 4.0Ah, 1 sạc, valy nhựa
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên nghiệp. Lựa chọn tốc độ. Mô-men siết chặt/ phá hủy 1.050Nm /1.700Nm.	Máy chuyên nghiệp. Mô-men xoắn 200 Nm.	Động cơ không chổi than. Chức năng PowerSave. Có đèn chiếu sáng. Mô-men xoắn 32 Nm.	Hộp số 2 cấp. Báng cầm mềm. Mô-men xoắn 100 Nm.	Máy chuyên nghiệp. Mô-men xoắn 400 Nm.	Máy chuyên nghiệp. Động cơ không chổi than. Mô-men xoắn siết chặt/ phá hủy 200Nm/ 350Nm.	Mô-men xoắn 250 Nm.

HÌNH ẢNH					
Mã MECSU	**BOS-06019G4204**	**BOS-06019G52L0**	**BOS-06019G51K0**	**BOS-06019H2181**	**BOS-06019H21L1**
Mã Sản Phẩm	GDX 18V-200 C (SOLO)	GDX 180-LI	GDR 180-LI	Go Gen II	Go Gen II
Điện Áp Pin	18 V	18 V	18 V	3.6 V	3.6 V
Tốc Độ Không Tải	3.400 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút	2.800 Vòng/Phút	360 Vòng/Phút	360 Vòng/Phút
Chuôi Gài	Đầu vuông 1/2",Chuôi Lục Giác 1/4"	Đầu vuông 1/2",Chuôi Lục Giác 1/4"	Chuôi Lục Giác 1/4"	Chuôi Lục Giác 1/4"	Chuôi Lục Giác 1/4"
Tốc Độ Đập	4.000 bpm	3.600 bpm	3.600 bpm		
Phụ Kiện Đi Kèm	Không pin, không sạc	2 Pin 2,0Ah, 1 sạc AL1814 Valy nhựa	2 Pin 2.0Ah, 1 sạc. Valy nhựa	Cáp sạc, hộp nhựa, 32 mũi vít	Cáp sạc, hộp nhựa, 2 mũi vít
Tính Năng Vượt Trội	Máy chuyên nghiệp. Tốc độ tùy biến. Lựa chọn mức tốc độ. Mô-men xoắn 200 Nm.	Tốc độ tùy biến. Chức năng đảo chiều xoay. Mô-men xoắn 180 Nm.	Tốc độ tùy biến. Chức năng đảo chiều xoay. Mô-men xoắn 160 Nm.	Cài đặt mô men xoắn. Chức năng đảo chiều xoay. Phanh điện tử. Chế độ kích hoạt kép.	Cài đặt mô men xoắn. Chức năng đảo chiều xoay. Phanh điện tử. Chế độ kích hoạt kép.

Hotline: 1800 8137
Website: mecsu.vn

Vật Tư Mài Mòn

MECSU

MỤC LỤC VẬT TƯ GIA CÔNG

1 Mũi Khoan Trụ Thép — Trang B1
2 Mũi Khoan Trụ Inox — Trang B2
3 Mũi Khoan Trụ Chuyên Lỗ Sâu — Trang B3
4 Mũi Khoan Trụ Siêu Nhỏ — Trang B4
5 Mũi Taro Ren Tay — Trang B5
6 Taro Lỗ Thông Chuyên Dùng Thép, Inox hệ Inch — Trang B6
7 Taro Lỗ Thông hệ Met — Trang B7
8 Taro Lỗ Thông Đặc Biệt hệ Met — Trang B8
9 Taro Lỗ Bít — Trang B9
10 Taro Lỗ Bít Đặc Biệt — Trang B10
11 Taro Lỗ Bít Cán Dài — Trang B11
12 Taro Lỗ Bít Có Phủ — Trang B12
13 Đá Mài — Trang B13
14 Đá Cắt — Trang B14

VẬT TƯ GIA CÔNG

Mũi khoan là dụng cụ cơ khí được sử dụng với mục đích khoét lỗ trên bề mặt vật liệu. Vật liệu được khoét lỗ ở đây có nhiều loại như sắt, thép, gỗ, bê tông,…

Mũi Taro là dụng cụ được sử dụng để tạo ren trong cho lỗ đã có sẵn. Mũi taro có thể dùng tay hoặc sử dụng trên máy phay, máy tiện, máy khoan.

Một số yếu tố xác định ***Mũi Khoan, Mũi Taro*** sẽ tốt nhất cho nhu cầu sử dụng: bao gồm loại vật liệu cần khoan, taro. Tốc độ khoan, taro và số lỗ mong muốn trên mỗi mũi. Chọn một mũi khoan, mũi taro có sự kết hợp giữa vật liệu, lớp phủ (xử lý bề mặt), chiều dài và kiểu dáng phù hợp nhất cho công việc của bạn.

Vật Liệu		Xử Lý Bề Mặt	
HSS	Có tính chịu nóng rất cao và độ cứng lớn, loại thép này bao gồm các mác thép hợp kim hóa cao	**Black Oxide**	Lớp phủ màu đen này có giá rẻ, dùng trên những loại mũi khoan thông thường, mang đến khả năng chịu nhiệt và tạo độ trơn, cũng như chống ăn mòn cho mũi khoan, qua đó tăng tuổi thọ cho mũi khoan thép gió.
HSS-G	Được gia công bằng phương pháp kéo nóng vật liệu thép gió HSS	**TiN**	Titanium Nitride là vật liệu ceramic rất cứng thường được sử dụng để phủ lên mũi khoan thép gió (thường là mũi khoan xoắn), giúp kéo dài tuổi thọ lưỡi cắt lên gấp ba lần hoặc hơn.
HSS-R	Gia công và tạo hình cho mũi khoan do các máy CNC đảm nhận. Nhờ đó mà độ chính xác và cũng như độ sắc bén cũng cao hơn so với loại HSS-G	**TiCN**	Titanium Carbon Nitride lớp phủ này giúp cải thiện khả năng chống ăn mòn, giảm ma sát cho mũi khoan, được đánh giá là tốt hơn TiN.
HSS-Co5	Thành phần tạo nên loại mũi khoan bao gồm: thép và cobalt với tỷ lệ 5%	**TiAlN**	Titanium Aluminum Nitride lớp phủ này giúp cải thiện khả năng chống ăn mòn, giảm ma sát cho mũi khoan, được đánh giá là tốt hơn TiN.
HSS-Co8	Giống như HSS-Co5, nhưng thành phần Cobalt đạt mức 8%. Việc sử dụng thêm cobalt giúp gia tăng độ cứng và khả năng chịu nhiệt của mũi khoan.	**Al-Chrome Silicon Nitride**	(AlCrSi/Ti)N là lớp phủ đa lớp được sử dụng trên các mũi khoan trong việc khoan các vật liệu polyme gia cố bằng sợi carbon (CFRP) và CFRP-Ti, cũng như nhiều loại vật liệu khác. Lớp phủ (AlCrSi/Ti)N siêu cứng, tốt hơn nhiều các lớp phủ khác.
Wolfram Cardide	Có độ cứng cực kỳ cao và có thể khoan hầu hết mọi loại vật liệu, đồng thời nó cũng chịu nhiệt tốt và giữ được độ sắc của cạnh cắt lâu hơn.		
PCD	Kim cương đa tinh thể là một trong những vật liệu cứng nhất trong các vật liệu chế tạo dụng cụ cắt gọt, có khả năng chống mài mòn cực kỳ tốt.		

** Việc sử dụng thêm cobalt giúp gia tăng độ cứng và khả năng chịu nhiệt của MŨI KHOAN, MŨI TARO*

** Để tăng độ cứng, khả năng chịu nhiệt hay tăng khả năng chống ăn mòn, giúp tăng tuổi thọ và khả năng gia công, nên chọn những MŨI KHOAN, MŨI TARO có một hoặc nhiều lớp phủ (xử lý bề mặt).*

Đá mài là một bộ phận quan trọng được dùng trong các máy mài, máy khoan. Nó dùng để mài mòn bề mặt sản phẩm, làm phẳng mịn bề mặt và tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm. Đá mài được cấu tạo từ các hạt mài và chất kết dính. Những hạt mài này được làm từ kim cương, cao su, gốm,...

Đá cắt được làm từ hạt mài, chất kết dính và phụ gia được pha trộn theo tỷ lệ nhất định nên có độ cứng tốt, độ bền rất cao, chất lượng ổn định, khả năng kết dính tốt. Đá cắt được kết hợp với máy cắt đa năng Bosch, Makita,… giúp dễ dàng cắt vật liệu như sắt, thép, nhôm, inox,... thành những hình dạng, kích thước đúng như nhu cầu.

Thông qua cấu tạo và cách chế tạo ***ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT*** có thể thấy được độ hạt, độ kết dính hay độ xốp là các yếu tố quan trọng khi nói về tính chất của đá mài, đá cắt.
Độ hạt cho biết được số lượng hạt mài trên một diện tích của đá mài, đá cắt.

- Độ hạt thấp, khả năng mài mòn không cao, thích hợp dùng để mài thô, không quan trọng tính thẩm mỹ của thành phẩm.

- Độ hạt cao thì khả năng mài mòn lớn, đá mài sắc bén, thích hợp mài tinh hay dùng trong các trường hợp cần độ thẩm mỹ cao cho sản phẩm.

Bề Mặt	Thô							Mịn					Rất Mịn					Đánh Bóng			
Độ Hạt	16	24	36	40	50	60	80	100	120	150	180	220	240	280	320	360	400	500	800	1200	2000
Nhóm Hạt	Siêu Thô			Thô			Trung Bình		Mịn		Rất Mịn		Siêu Mịn			Đánh Bóng					
Cỡ Hạt	530-1815µm			336-425µm			115-265µm		60-106µm		45-60µm		36-45µm			Nhỏ hơn 30µm					

Ứng Dụng	Loại Hạt Nhám	Đặc Tính
Đa Dụng	Nhôm Oxit	Độ bền cao chống mài mòn tốt, chất mài mòn này được dùng trên hầu hết tất cả mọi vật liệu.
	Zirconia Aluminum	Tốc độ cắt nhanh và tuổi thọ cao hơn Nhôm Oxit sử dụng được trên hầu hết vật liệu.
	Nylon Mesh	Làm mịn, làm sạch và đánh bóng, kiểm soát quá trình hoàn thiện sản phẩm.
Inox, Titan và Kim Loại Cứng	Zirconia Aluminum	Sử dụng tốt cho kim loại cứng, loại vật liệu mài mòn này cắt nhanh và bền hơn Nhôm Oxit. Ceramic Alumina cứng hơn so với Zirconia Alumina và cũng bền hơn nhưng lúc sử dụng phải dùng nhiều lực hơn.
	Ceramic Alumina	
Nhôm, Đồng và Kim Loại Mềm	Silicon Carbide	Là một trong những chất mài mòn sắc bén nhất nó có thể cắt qua nhôm và kim loại mềm mà không tạo ra nhiều nhiệt, giúp ngăn ngừa sự tích tụ bụi mài.
Gỗ	Garnet	Được sử dụng trong chế biến gỗ, đặc biệt là quá trình hoàn thiện, hạt Garnet mài mòn chậm hơn so với Oxit Nhôm nhưng tạo bề mặt gỗ mịn hơn.
Phi Kim (nhựa, đá, gốm sứ)	Silicon Carbide	Được sử dụng trong chế biến gỗ, đặc biệt là quá trình hoàn thiện, hạt Garnet mài mòn chậm hơn so với Oxit Nhôm nhưng tạo bề mặt gỗ mịn hơn.
	Kim Cương	Lựa chọn tốt nhất để mài mòn phi kim cứng, thời gian sử dụng lâu hơn Silicon Carbide

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan thông dụng dùng cho sắt, thép, nhôm, gỗ, nhựa, …)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Không Phủ			Có Phủ			
	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Dân Dụng	Chuyên Dụng			
							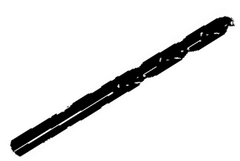
	Nachi (JP)	FCT (TW)	Thượng Hải (CN)	Phủ TiN		Phủ TiALN	
				YG1 (KR)	FCT (TW)	FCT (TW)	
1	1103N0010	FCT-SSD-D1	1103SH0010	D1GP103010	FCT-SSDG-D1	FCT-F1SD-D1	
1.05					FCT-SSDG-D1.05	FCT-F1SD-D1.05	
1.1	1103N0011	FCT-SSD-D1.1	1103SH0011	D1GP103011	FCT-SSDG-D1.1	FCT-F1SD-D1.1	
1.15					FCT-SSDG-D1.15	FCT-F1SD-D1.15	
1.2	1103N0012	FCT-SSD-D1.2	1103SH0012	D1GP103012	FCT-SSDG-D1.2	FCT-F1SD-D1.2	
1.25					FCT-SSDG-D1.25	FCT-F1SD-D1.25	
1.3	1103N0013	FCT-SSD-D1.3	1103SH0013	D1GP103013	FCT-SSDG-D1.3	FCT-F1SD-D1.3	
1.35					FCT-SSDG-D1.35	FCT-F1SD-D1.35	
1.4	1103N0014	FCT-SSD-D1.4	1103SH0014	D1GP103014	FCT-SSDG-D1.4	FCT-F1SD-D1.4	
1.45					FCT-SSDG-D1.45	FCT-F1SD-D1.45	
1.5	1103N0015	FCT-SSD-D1.5	1103SH0015	D1GP103015	FCT-SSDG-D1.5	FCT-F1SD-D1.5	
1.55					FCT-SSDG-D1.55	FCT-F1SD-D1.55	
1.6	1103N0016	FCT-SSD-D1.6	1103SH0016	D1GP103016	FCT-SSDG-D1.6	FCT-F1SD-D1.6	
1.65					FCT-SSDG-D1.65	FCT-F1SD-D1.65	
1.7	1103N0017	FCT-SSD-D1.7	1103SH0017	D1GP103017	FCT-SSDG-D1.7	FCT-F1SD-D1.7	
1.75					FCT-SSDG-D1.75	FCT-F1SD-D1.75	
1.8	1103N0018	FCT-SSD-D1.8	1103SH0018	D1GP103018	FCT-SSDG-D1.8	FCT-F1SD-D1.8	
1.85					FCT-SSDG-D1.85	FCT-F1SD-D1.85	
1.9	1103N0019	FCT-SSD-D1.9	1103SH0019	D1GP103019	FCT-SSDG-D1.9	FCT-F1SD-D1.9	
1.95					FCT-SSDG-D1.95	FCT-F1SD-D1.95	
2	1103N0020	FCT-SSD-D2	1103SH0020	D1GP103020	FCT-SSDG-D2	FCT-F1SD-D2	FCT-F1LD-D2
2.05					FCT-SSDG-D2.05	FCT-F1SD-D2.05	
2.1	1103N0021	FCT-SSD-D2.1	1103SH0021	D1GP103021	FCT-SSDG-D2.1	FCT-F1SD-D2.1	FCT-F1LD-D2.1
2.15					FCT-SSDG-D2.15	FCT-F1SD-D2.15	
2.2	1103N0022	FCT-SSD-D2.2	1103SH0022	D1GP103022	FCT-SSDG-D2.2	FCT-F1SD-D2.2	FCT-F1LD-D2.2
2.25					FCT-SSDG-D2.25	FCT-F1SD-D2.25	
2.3	1103N0023	FCT-SSD-D2.3	1103SH0023	D1GP103023	FCT-SSDG-D2.3	FCT-F1SD-D2.3	FCT-F1LD-D2.3
2.35					FCT-SSDG-D2.35	FCT-F1SD-D2.35	
2.4	1103N0024	FCT-SSD-D2.4	1103SH0024	D1GP103024	FCT-SSDG-D2.4	FCT-F1SD-D2.4	FCT-F1LD-D2.4
2.45					FCT-SSDG-D2.45	FCT-F1SD-D2.45	
2.5	1103N0025	FCT-SSD-D2.5	1103SH0025	D1GP103025	FCT-SSDG-D2.5	FCT-F1SD-D2.5	FCT-F1LD-D2.5
2.55					FCT-SSDG-D2.55	FCT-F1SD-D2.55	
2.6	1103N0026	FCT-SSD-D2.6	1103SH0026	D1GP103026	FCT-SSDG-D2.6	FCT-F1SD-D2.6	FCT-F1LD-D2.6
2.65					FCT-SSDG-D2.65	FCT-F1SD-D2.65	
2.7	1103N0027	FCT-SSD-D2.7	1103SH0027	D1GP103027	FCT-SSDG-D2.7	FCT-F1SD-D2.7	FCT-F1LD-D2.7
2.75					FCT-SSDG-D2.75	FCT-F1SD-D2.75	
2.8	1103N0028	FCT-SSD-D2.8	1103SH0028	D1GP103028	FCT-SSDG-D2.8	FCT-F1SD-D2.8	FCT-F1LD-D2.8
2.85					FCT-SSDG-D2.85	FCT-F1SD-D2.85	
2.9	1103N0029	FCT-SSD-D2.9	1103SH0029	D1GP103029	FCT-SSDG-D2.9	FCT-F1SD-D2.9	FCT-F1LD-D2.9
2.95					FCT-SSDG-D2.95	FCT-F1SD-D2.95	
3	1103N0030	FCT-SSD-D3	1103SH0030	D1GP103030	FCT-SSDG-D3	FCT-F1SD-D3	FCT-F1LD-D3
3.05					FCT-SSDG-D3.05	FCT-F1SD-D3.05	
3.1	1103N0031	FCT-SSD-D3.1	1103SH0031	D1GP103031	FCT-SSDG-D3.1	FCT-F1SD-D3.1	FCT-F1LD-D3.1
3.15					FCT-SSDG-D3.15	FCT-F1SD-D3.15	

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan thông dụng dùng cho sắt, thép, nhôm, gỗ, nhựa, …)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Không Phủ			Có Phủ			
	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Dân Dụng	Chuyên Dụng			
							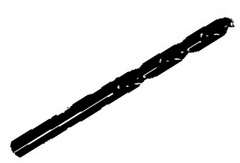
	Nachi (JP)	FCT (TW)	Thượng Hải (CN)	Phủ TiN		Phủ TiALN	
				YG1 (KR)	FCT (TW)	FCT (TW)	
3.2	1103N0032	FCT-SSD-D3.2	1103SH0032	D1GP103032	FCT-SSDG-D3.2	FCT-F1SD-D3.2	FCT-F1LD-D3.2
3.25					FCT-SSDG-D3.25	FCT-F1SD-D3.25	
3.3	1103N0033	FCT-SSD-D3.3	1103SH0033	D1GP103033	FCT-SSDG-D3.3	FCT-F1SD-D3.3	FCT-F1LD-D3.3
3.35					FCT-SSDG-D3.35	FCT-F1SD-D3.35	
3.4	1103N0034	FCT-SSD-D3.4	1103SH0034	D1GP103034	FCT-SSDG-D3.4	FCT-F1SD-D3.4	FCT-F1LD-D3.4
3.45					FCT-SSDG-D3.45	FCT-F1SD-D3.45	
3.5	1103N0035	FCT-SSD-D3.5	1103SH0035	D1GP103035	FCT-SSDG-D3.5	FCT-F1SD-D3.5	FCT-F1LD-D3.5
3.55					FCT-SSDG-D3.55	FCT-F1SD-D3.55	
3.6	1103N0036	FCT-SSD-D3.6	1103SH0036	D1GP103036	FCT-SSDG-D3.6	FCT-F1SD-D3.6	FCT-F1LD-D3.6
3.65					FCT-SSDG-D3.65	FCT-F1SD-D3.65	
3.7	1103N0037	FCT-SSD-D3.7	1103SH0037	D1GP103037	FCT-SSDG-D3.7	FCT-F1SD-D3.7	FCT-F1LD-D3.7
3.75					FCT-SSDG-D3.75	FCT-F1SD-D3.75	
3.8	1103N0038	FCT-SSD-D3.8	1103SH0038	D1GP103038	FCT-SSDG-D3.8	FCT-F1SD-D3.8	FCT-F1LD-D3.8
3.85					FCT-SSDG-D3.85	FCT-F1SD-D3.85	
3.9	1103N0039	FCT-SSD-D3.9	1103SH0039	D1GP103039	FCT-SSDG-D3.9	FCT-F1SD-D3.9	FCT-F1LD-D3.9
3.95					FCT-SSDG-D3.95	FCT-F1SD-D3.95	
4	1103N0040	FCT-SSD-D4	1103SH0040	D1GP103040	FCT-SSDG-D4	FCT-F1SD-D4	FCT-F1LD-D4
4.05					FCT-SSDG-D4.05	FCT-F1SD-D4.05	
4.1	1103N0041	FCT-SSD-D4.1	1103SH0041	D1GP103041	FCT-SSDG-D4.1	FCT-F1SD-D4.1	FCT-F1LD-D4.1
4.15					FCT-SSDG-D4.15	FCT-F1SD-D4.15	
4.2	1103N0042	FCT-SSD-D4.2	1103SH0042	D1GP103042	FCT-SSDG-D4.2	FCT-F1SD-D4.2	FCT-F1LD-D4.2
4.25					FCT-SSDG-D4.25	FCT-F1SD-D4.25	
4.3	1103N0043	FCT-SSD-D4.3	1103SH0043	D1GP123043K	FCT-SSDG-D4.3	FCT-F1SD-D4.3	FCT-F1LD-D4.3
4.35					FCT-SSDG-D4.35	FCT-F1SD-D4.35	
4.4	1103N0044	FCT-SSD-D4.4	1103SH0044	D1GP103044	FCT-SSDG-D4.4	FCT-F1SD-D4.4	FCT-F1LD-D4.4
4.45					FCT-SSDG-D4.45	FCT-F1SD-D4.45	
4.5	1103N0045	FCT-SSD-D4.5	1103SH0045	D1GP103045	FCT-SSDG-D4.5	FCT-F1SD-D4.5	FCT-F1LD-D4.5
4.55					FCT-SSDG-D4.55	FCT-F1SD-D4.55	
4.6	1103N0046	FCT-SSD-D4.6	1103SH0046	D1GP103046	FCT-SSDG-D4.6	FCT-F1SD-D4.6	FCT-F1LD-D4.6
4.65					FCT-SSDG-D4.65	FCT-F1SD-D4.65	
4.7	1103N0047	FCT-SSD-D4.7	1103SH0047	D1GP103047	FCT-SSDG-D4.7	FCT-F1SD-D4.7	FCT-F1LD-D4.7
4.75					FCT-SSDG-D4.75	FCT-F1SD-D4.75	
4.8	1103N0048	FCT-SSD-D4.8	1103SH0048	D1GP103048	FCT-SSDG-D4.8	FCT-F1SD-D4.8	FCT-F1LD-D4.8
4.85					FCT-SSDG-D4.85	FCT-F1SD-D4.85	
4.9	1103N0049	FCT-SSD-D4.9	1103SH0049	D1GP103049	FCT-SSDG-D4.9	FCT-F1SD-D4.9	FCT-F1LD-D4.9
4.95					FCT-SSDG-D4.95	FCT-F1SD-D4.95	
5	1103N0050	FCT-SSD-D5	1103SH0050	D1GP103050	FCT-SSDG-D5	FCT-F1SD-D5	FCT-F1LD-D5
5.05					FCT-SSDG-D5.05	FCT-F1SD-D5.05	
5.1	1103N0051	FCT-SSD-D5.1	1103SH0051	D1GP103051	FCT-SSDG-D5.1	FCT-F1SD-D5.1	FCT-F1LD-D5.1
5.15					FCT-SSDG-D5.15	FCT-F1SD-D5.15	
5.2	1103N0052	FCT-SSD-D5.2	1103SH0052	D1GP103052	FCT-SSDG-D5.2	FCT-F1SD-D5.2	FCT-F1LD-D5.2
5.25					FCT-SSDG-D5.25	FCT-F1SD-D5.25	
5.3	1103N0053	FCT-SSD-D5.3	1103SH0053	D1GP103053	FCT-SSDG-D5.3	FCT-F1SD-D5.3	FCT-F1LD-D5.3
5.35					FCT-SSDG-D5.35	FCT-F1SD-D5.35	

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan thông dụng dùng cho sắt, thép, nhôm, gỗ, nhựa, …)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Không Phủ			Có Phủ			
	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Dân Dụng	Chuyên Dụng			
							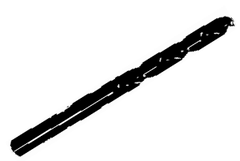
	Nachi (JP)	FCT (TW)	Thượng Hải (CN)	Phủ TiN		Phủ TiALN	
				YG1 (KR)	FCT (TW)	FCT (TW)	
5.4	1103N0054	FCT-SSD-D5.4	1103SH0054	D1GP103054	FCT-SSDG-D5.4	FCT-F1SD-D5.4	FCT-F1LD-D5.4
5.45					FCT-SSDG-D5.45	FCT-F1SD-D5.45	
5.5	1103N0055	FCT-SSD-D5.5	1103SH0055	D1GP103055	FCT-SSDG-D5.5	FCT-F1SD-D5.5	FCT-F1LD-D5.5
5.55					FCT-SSDG-D5.55	FCT-F1SD-D5.55	
5.6	1103N0056	FCT-SSD-D5.6	1103SH0056	D1GP103056	FCT-SSDG-D5.6	FCT-F1SD-D5.6	FCT-F1LD-D5.6
5.65					FCT-SSDG-D5.65	FCT-F1SD-D5.65	
5.7	1103N0057	FCT-SSD-D5.7	1103SH0057	D1GP103057	FCT-SSDG-D5.7	FCT-F1SD-D5.7	FCT-F1LD-D5.7
5.75					FCT-SSDG-D5.75	FCT-F1SD-D5.75	
5.8	1103N0058	FCT-SSD-D5.8	1103SH0058	D1GP103058	FCT-SSDG-D5.8	FCT-F1SD-D5.8	FCT-F1LD-D5.8
5.85					FCT-SSDG-D5.85	FCT-F1SD-D5.85	
5.9	1103N0059	FCT-SSD-D5.9	1103SH0059	D1GP103059	FCT-SSDG-D5.9	FCT-F1SD-D5.9	FCT-F1LD-D5.9
5.95					FCT-SSDG-D5.95	FCT-F1SD-D5.95	
6	1103N0060	FCT-SSD-D6	1103SH0060	D1GP103060	FCT-SSDG-D6	FCT-F1SD-D6	FCT-F1LD-D6
6.05					FCT-SSDG-D6.05		
6.1	1103N0061	FCT-SSD-D6.1	1103SH0061	D1GP103061	FCT-SSDG-D6.1	FCT-F1SD-D6.1	FCT-F1LD-D6.1
6.15					FCT-SSDG-D6.15		
6.2	1103N0062	FCT-SSD-D6.2	1103SH0062	D1GP103062	FCT-SSDG-D6.2	FCT-F1SD-D6.2	FCT-F1LD-D6.2
6.25					FCT-SSDG-D6.25		
6.3	1103N0063	FCT-SSD-D6.3	1103SH0063	D1GP103063	FCT-SSDG-D6.3	FCT-F1SD-D6.3	FCT-F1LD-D6.3
6.35					FCT-SSDG-D6.35		
6.4	1103N0064	FCT-SSD-D6.4	1103SH0064	D1GP103064	FCT-SSDG-D6.4	FCT-F1SD-D6.4	FCT-F1LD-D6.4
6.45					FCT-SSDG-D6.45		
6.5	1103N0065	FCT-SSD-D6.5	1103SH0065	D1GP103065	FCT-SSDG-D6.5	FCT-F1SD-D6.5	FCT-F1LD-D6.5
6.55					FCT-SSDG-D6.55		
6.6	1103N0066	FCT-SSD-D6.6	1103SH0066	D1GP103066	FCT-SSDG-D6.6	FCT-F1SD-D6.6	FCT-F1LD-D6.6
6.65					FCT-SSDG-D6.65		
6.7	1103N0067	FCT-SSD-D6.7	1103SH0067	D1GP103067	FCT-SSDG-D6.7	FCT-F1SD-D6.7	FCT-F1LD-D6.7
6.75					FCT-SSDG-D6.75		
6.8	1103N0068	FCT-SSD-D6.8	1103SH0068	D1GP123068K	FCT-SSDG-D6.8	FCT-F1SD-D6.8	FCT-F1LD-D6.8
6.85					FCT-SSDG-D6.85		
6.9	1103N0069	FCT-SSD-D6.9	1103SH0069	D1GP103069	FCT-SSDG-D6.9	FCT-F1SD-D6.9	FCT-F1LD-D6.9
6.95					FCT-SSDG-D6.95		
7	1103N0070	FCT-SSD-D7	1103SH0070	D1GP103070	FCT-SSDG-D7	FCT-F1SD-D7	FCT-F1LD-D7
7.05					FCT-SSDG-D7.05		
7.1	1103N0071	FCT-SSD-D7.1	1103SH0071	D1GP103071	FCT-SSDG-D7.1	FCT-F1SD-D7.1	FCT-F1LD-D7.1
7.15					FCT-SSDG-D7.15		
7.2	1103N0072	FCT-SSD-D7.2	1103SH0072	D1GP103072	FCT-SSDG-D7.2	FCT-F1SD-D7.2	FCT-F1LD-D7.2
7.25					FCT-SSDG-D7.25		
7.3	1103N0073	FCT-SSD-D7.3	1103SH0073	D1GP103073	FCT-SSDG-D7.3	FCT-F1SD-D7.3	FCT-F1LD-D7.3
7.35					FCT-SSDG-D7.35		
7.4	1103N0074	FCT-SSD-D7.4	1103SH0074	D1GP103074	FCT-SSDG-D7.4	FCT-F1SD-D7.4	FCT-F1LD-D7.4
7.45					FCT-SSDG-D7.45		
7.5	1103N0075	FCT-SSD-D7.5	1103SH0075	D1GP103075	FCT-SSDG-D7.5	FCT-F1SD-D7.5	FCT-F1LD-D7.5
7.55					FCT-SSDG-D7.55		

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan thông dụng dùng cho sắt, thép, nhôm, gỗ, nhựa, …)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Không Phủ			Có Phủ			
	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Dân Dụng	Chuyên Dụng			
							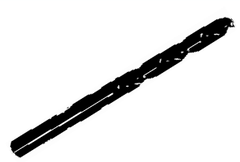
	Nachi (JP)	FCT (TW)	Thượng Hải (CN)	Phủ TiN		Phủ TiALN	
				YG1 (KR)	FCT (TW)	FCT (TW)	
7.6	1103N0076	FCT-SSD-D7.6	1103SH0076	D1GP103076	FCT-SSDG-D7.6	FCT-F1SD-D7.6	FCT-F1LD-D7.6
7.65					FCT-SSDG-D7.65		
7.7	1103N0077	FCT-SSD-D7.7	1103SH0077	D1GP103077	FCT-SSDG-D7.7	FCT-F1SD-D7.7	FCT-F1LD-D7.7
7.75					FCT-SSDG-D7.75		
7.8	1103N0078	FCT-SSD-D7.8	1103SH0078	D1GP103078	FCT-SSDG-D7.8	FCT-F1SD-D7.8	FCT-F1LD-D7.8
7.85					FCT-SSDG-D7.85		
7.9	1103N0079	FCT-SSD-D7.9	1103SH0079	D1GP103079	FCT-SSDG-D7.9	FCT-F1SD-D7.9	FCT-F1LD-D7.9
7.95					FCT-SSDG-D7.95		
8	1103N0080	FCT-SSD-D8	1103SH0080	D1GP103080	FCT-SSDG-D8	FCT-F1SD-D8	FCT-F1LD-D8
8.1	1103N0081	FCT-SSD-D8.1	1103SH0081	D1GP103081	FCT-SSDG-D8.1	FCT-F1SD-D8.1	FCT-F1LD-D8.1
8.2	1103N0082	FCT-SSD-D8.2	1103SH0082	D1GP103082	FCT-SSDG-D8.2	FCT-F1SD-D8.2	FCT-F1LD-D8.2
8.3	1103N0083	FCT-SSD-D8.3	1103SH0083	D1GP103083	FCT-SSDG-D8.3	FCT-F1SD-D8.3	FCT-F1LD-D8.3
8.4	1103N0084	FCT-SSD-D8.4	1103SH0084	D1GP103084	FCT-SSDG-D8.4	FCT-F1SD-D8.4	FCT-F1LD-D8.4
8.5	1103N0085	FCT-SSD-D8.5	1103SH0085	D1GP103085	FCT-SSDG-D8.5	FCT-F1SD-D8.5	FCT-F1LD-D8.5
8.6	1103N0086	FCT-SSD-D8.6	1103SH0086	D1GP123086K	FCT-SSDG-D8.6	FCT-F1SD-D8.6	FCT-F1LD-D8.6
8.7	1103N0087	FCT-SSD-D8.7	1103SH0087	D1GP103087	FCT-SSDG-D8.7	FCT-F1SD-D8.7	FCT-F1LD-D8.7
8.8	1103N0088	FCT-SSD-D8.8	1103SH0088	D1GP103088	FCT-SSDG-D8.8	FCT-F1SD-D8.8	FCT-F1LD-D8.8
8.9	1103N0089	FCT-SSD-D8.9	1103SH0089	D1GP103089	FCT-SSDG-D8.9	FCT-F1SD-D8.9	FCT-F1LD-D8.9
9	1103N0090	FCT-SSD-D9	1103SH0090	D1GP123090K	FCT-SSDG-D9	FCT-F1SD-D9	FCT-F1LD-D9
9.1	1103N0091	FCT-SSD-D9.1	1103SH0091	D1GP103091	FCT-SSDG-D9.1	FCT-F1SD-D9.1	FCT-F1LD-D9.1
9.2	1103N0092	FCT-SSD-D9.2	1103SH0092	D1GP123092	FCT-SSDG-D9.2	FCT-F1SD-D9.2	FCT-F1LD-D9.2
9.3	1103N0093	FCT-SSD-D9.3	1103SH0093	D1GP103093	FCT-SSDG-D9.3	FCT-F1SD-D9.3	FCT-F1LD-D9.3
9.4	1103N0094	FCT-SSD-D9.4	1103SH0094	D1GP103094	FCT-SSDG-D9.4	FCT-F1SD-D9.4	FCT-F1LD-D9.4
9.5	1103N0095	FCT-SSD-D9.5	1103SH0095	D1GP103095	FCT-SSDG-D9.5	FCT-F1SD-D9.5	FCT-F1LD-D9.5
9.6	1103N0096	FCT-SSD-D9.6	1103SH0096	D1GP103096	FCT-SSDG-D9.6	FCT-F1SD-D9.6	FCT-F1LD-D9.6
9.7	1103N0097	FCT-SSD-D9.7	1103SH0097	D1GP103097	FCT-SSDG-D9.7	FCT-F1SD-D9.7	FCT-F1LD-D9.7
9.8	1103N0098	FCT-SSD-D9.8	1103SH0098	D1GP103098	FCT-SSDG-D9.8	FCT-F1SD-D9.8	FCT-F1LD-D9.8
9.9	1103N0099	FCT-SSD-D9.9	1103SH0099	D1GP103099	FCT-SSDG-D9.9	FCT-F1SD-D9.9	FCT-F1LD-D9.9
10	1103N0100	FCT-SSD-D10	1103SH0100	D1GP103100	FCT-SSDG-D10	FCT-F1SD-D10	FCT-F1LD-D10
10.1	1103N0101	FCT-SSD-D10.1	1103SH0101	D1GP103101	FCT-SSDG-D10.1	FCT-F1SD-D10.1	FCT-F1LD-D10.1
10.2	1103N0102	FCT-SSD-D10.2	1103SH0102	D1GP103102	FCT-SSDG-D10.2	FCT-F1SD-D10.2	FCT-F1LD-D10.2
10.3	1103N0103	FCT-SSD-D10.3	1103SH0103	D1GP123103K	FCT-SSDG-D10.3	FCT-F1SD-D10.3	FCT-F1LD-D10.3
10.4	1103N0104	FCT-SSD-D10.4	1103SH0104	D1GP103104	FCT-SSDG-D10.4	FCT-F1SD-D10.4	FCT-F1LD-D10.4
10.5	1103N0105	FCT-SSD-D10.5	1103SH0105	D1GP103105	FCT-SSDG-D10.5	FCT-F1SD-D10.5	FCT-F1LD-D10.5
10.6	1103N0106	FCT-SSD-D10.6	1103SH0106	D1GP103106	FCT-SSDG-D10.6	FCT-F1SD-D10.6	FCT-F1LD-D10.6
10.7	1103N0107	FCT-SSD-D10.7	1103SH0107	D1GP103107	FCT-SSDG-D10.7	FCT-F1SD-D10.7	FCT-F1LD-D10.7
10.8	1103N0108	FCT-SSD-D10.8	1103SH0108	D1GP103108	FCT-SSDG-D10.8	FCT-F1SD-D10.8	FCT-F1LD-D10.8
10.9	1103N0109	FCT-SSD-D10.9	1103SH0109	D1GP103109	FCT-SSDG-D10.9	FCT-F1SD-D10.9	FCT-F1LD-D10.9
11	1103N0110	FCT-SSD-D11	1103SH0110	D1GP103110	FCT-SSDG-D11	FCT-F1SD-D11	FCT-F1LD-D11
11.1	1103N0111	FCT-SSD-D11.1	1103SH0111	D1GP103111	FCT-SSDG-D11.1	FCT-F1SD-D11.1	FCT-F1LD-D11.1
11.2	1103N0112	FCT-SSD-D11.2	1103SH0112	D1GP103112	FCT-SSDG-D11.2	FCT-F1SD-D11.2	FCT-F1LD-D11.2
11.3	1103N0113	FCT-SSD-D11.3	1103SH0113	D1GP103113	FCT-SSDG-D11.3	FCT-F1SD-D11.3	FCT-F1LD-D11.3
11.4	1103N0114	FCT-SSD-D11.4	1103SH0114	D1GP103114	FCT-SSDG-D11.4	FCT-F1SD-D11.4	FCT-F1LD-D11.4
11.5	1103N0115	FCT-SSD-D11.5	1103SH0115	D1GP103115	FCT-SSDG-D11.5	FCT-F1SD-D11.5	FCT-F1LD-D11.5

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan thông dụng dùng cho sắt, thép, nhôm, gỗ, nhựa, …)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Không Phủ			Có Phủ			
	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Dân Dụng	Chuyên Dụng			
							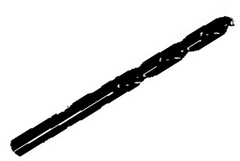
	Nachi (JP)	FCT (TW)	Thượng Hải (CN)	Phủ TiN		Phủ TiALN	
				YG1 (KR)	FCT (TW)	FCT (TW)	
11.6	1103N0116	FCT-SSD-D11.6	1103SH0116	D1GP103116	FCT-SSDG-D11.6	FCT-F1SD-D11.6	FCT-F1LD-D11.6
11.7	1103N0117	FCT-SSD-D11.7	1103SH0117	D1GP103117	FCT-SSDG-D11.7	FCT-F1SD-D11.7	FCT-F1LD-D11.7
11.8	1103N0118	FCT-SSD-D11.8	1103SH0118	D1GP103118	FCT-SSDG-D11.8	FCT-F1SD-D11.8	FCT-F1LD-D11.8
11.9	1103N0119	FCT-SSD-D11.9	1103SH0119	D1GP103119	FCT-SSDG-D11.9	FCT-F1SD-D11.9	FCT-F1LD-D11.9
12	1103N0120	FCT-SSD-D12	1103SH0120	D1GP103120	FCT-SSDG-D12	FCT-F1SD-D12	FCT-F1LD-D12
12.1	1103N0121	FCT-SSD-D12.1	1103SH0121	D1GP103121	FCT-SSDG-D12.1	FCT-F1SD-D12.1	FCT-F1LD-D12.1
12.2	1103N0122	FCT-SSD-D12.2	1103SH0122	D1GP103122	FCT-SSDG-D12.2	FCT-F1SD-D12.2	FCT-F1LD-D12.2
12.3	1103N0123	FCT-SSD-D12.3	1103SH0123	D1GP103123	FCT-SSDG-D12.3	FCT-F1SD-D12.3	FCT-F1LD-D12.3
12.4	1103N0124	FCT-SSD-D12.4	1103SH0124	D1GP103124	FCT-SSDG-D12.4	FCT-F1SD-D12.4	FCT-F1LD-D12.4
12.5	1103N0125	FCT-SSD-D12.5	1103SH0125	D1GP103125	FCT-SSDG-D12.5	FCT-F1SD-D12.5	FCT-F1LD-D12.5
12.6	1103N0126	FCT-SSD-D12.6	1103SH0126	D1GP103126	FCT-SSDG-D12.6	FCT-F1SD-D12.6	FCT-F1LD-D12.6
12.7	1103N0127	FCT-SSD-D12.7	1103SH0127	D1GP103127	FCT-SSDG-D12.7	FCT-F1SD-D12.7	FCT-F1LD-D12.7
12.8	1103N0128	FCT-SSD-D12.8	1103SH0128	D1GP103128	FCT-SSDG-D12.8	FCT-F1SD-D12.8	FCT-F1LD-D12.8
12.9	1103N0129	FCT-SSD-D12.9	1103SH0129	D1GP103129	FCT-SSDG-D12.9	FCT-F1SD-D12.9	FCT-F1LD-D12.9
13	1103N0130	FCT-SSD-D13	1103SH0130	D1GP103130	FCT-SSDG-D13	FCT-F1SD-D13	FCT-F1LD-D13
13.2	1103N0132						
13.3	1103N0133						
13.4	1103N0134						
13.5	1103N0135		1103SH0135				
13.6	1103N0136						
13.7	1103N0137						
13.8	1103N0138						
13.9	1103N0139						
14	1103N0140		1103SH0140				
14.1	1103N0141						
14.2	1103N0142						
14.3	1103N0143						
14.4	1103N0144						
14.5	1103N0145		1103SH0145				
14.6	1103N0146		1103SH0146				
14.7	1103N0147		1103SH0147				
14.8	1103N0148		1103SH0148				
14.9	1103N0149		1103SH0149				
15	1103N0150		1103SH0150				
15.1	1103N0151		1103SH0151				
15.2	1103N0152		1103SH0152				
15.3	1103N0153		1103SH0153				
15.4	1103N0154		1103SH0154				
15.5	1103N0155		1103SH0155				
15.6	1103N0156		1103SH0156				
15.7	1103N0157		1103SH0157				
15.8	1103N0158		1103SH0158				
15.9	1103N0159		1103SH0159				
16	1103N0160		1103SH0160				

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan thông dụng dùng cho sắt, thép, nhôm, gỗ, nhựa, …)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Không Phủ			Có Phủ			
	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Dân Dụng	Chuyên Dụng			
	Nachi (JP)	FCT (TW)	Thượng Hải (CN)	Phủ TiN		Phủ TiALN	
				YG1 (KR)	FCT (TW)	FCT (TW)	
16.1	1103N0161						
16.2	1103N0162						
16.3	1103N0163						
16.4	1103N0164						
16.5	1103N0165		1103SH0165				
16.6	1103N0166						
16.7	1103N0167						
16.8	1103N0168						
16.9	1103N0169						
17	1103N0170		1103SH0170				
17.1	1103N0171						
17.2	1103N0172						
17.3	1103N0173						
17.4	1103N0174						
17.5	1103N0175		1103SH0175				
18			1103SH0180				
18.5			1103SH0185				
18.6			1103SH0186				
18.7			1103SH0187				
18.8			1103SH0188				
18.9			1103SH0189				
19			1103SH0190				
20			1103SH0200				

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi Khoan trụ chuyên dùng lỗ sâu-Mũi khoan trụ chuyên dùng inox)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Mũi Khoan Lỗ Sâu			Mũi Khoan Inox	
	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Cao Cấp
			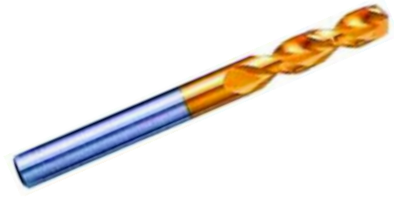		
	FCT (TW)			FCT (TW)	Nachi (JP)
	Không Phủ	Không Phủ	Phủ TiN	Phủ TiN	Không Phủ
0.5					1103N1005
0.6					1103N1006
0.7					1103N1007
0.8					1103N1008
0.9					1103N1009
1				FCT-GSD-D1	1103N1010
1.1				FCT-GSD-D1.1	1103N1011
1.2				FCT-GSD-D1.2	1103N1012
1.3				FCT-GSD-D1.3	1103N1013
1.4				FCT-GSD-D1.4	1103N1014
1.5				FCT-GSD-D1.5	1103N1015
1.6				FCT-GSD-D1.6	1103N1016
1.7				FCT-GSD-D1.7	1103N1017
1.8				FCT-GSD-D1.8	1103N1018
1.9				FCT-GSD-D1.9	1103N1019
2	FCT-PSD-D2	FCT-PJD-D2	FCT-PSDG-D2	FCT-GSD-D2	1103N1020
2.1	FCT-PSD-D2.1	FCT-PJD-D2.1	FCT-PSDG-D2.1	FCT-GSD-D2.1	1103N1021
2.2	FCT-PSD-D2.2	FCT-PJD-D2.2	FCT-PSDG-D2.2	FCT-GSD-D2.2	1103N1022
2.3	FCT-PSD-D2.3	FCT-PJD-D2.3	FCT-PSDG-D2.3	FCT-GSD-D2.3	1103N1023
2.4	FCT-PSD-D2.4	FCT-PJD-D2.4	FCT-PSDG-D2.4	FCT-GSD-D2.4	1103N1024
2.5	FCT-PSD-D2.5	FCT-PJD-D2.5	FCT-PSDG-D2.5	FCT-GSD-D2.5	1103N1025
2.6	FCT-PSD-D2.6	FCT-PJD-D2.6	FCT-PSDG-D2.6	FCT-GSD-D2.6	1103N1026
2.7	FCT-PSD-D2.7	FCT-PJD-D2.7	FCT-PSDG-D2.7	FCT-GSD-D2.7	1103N1027
2.8	FCT-PSD-D2.8	FCT-PJD-D2.8	FCT-PSDG-D2.8	FCT-GSD-D2.8	1103N1028
2.9	FCT-PSD-D2.9	FCT-PJD-D2.9	FCT-PSDG-D2.9	FCT-GSD-D2.9	1103N1029
3	FCT-PSD-D3	FCT-PJD-D3	FCT-PSDG-D3	FCT-GSD-D3	1103N1030
3.1	FCT-PSD-D3.1	FCT-PJD-D3.1	FCT-PSDG-D3.1	FCT-GSD-D3.1	1103N1031
3.2	FCT-PSD-D3.2	FCT-PJD-D3.2	FCT-PSDG-D3.2	FCT-GSD-D3.2	1103N1032
3.3	FCT-PSD-D3.3	FCT-PJD-D3.3	FCT-PSDG-D3.3	FCT-GSD-D3.3	1103N1033

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi Khoan trụ chuyên dùng lỗ sâu-Mũi khoan trụ chuyên dùng inox)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Mũi Khoan Lỗ Sâu			Mũi Khoan Inox	
	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Cao Cấp
	FCT (TW)			FCT (TW)	Nachi (JP)
	Không Phủ	Không Phủ	Phủ TiN	Phủ TiN	Không Phủ
3.4	FCT-PSD-D3.4	FCT-PJD-D3.4	FCT-PSDG-D3.4	FCT-GSD-D3.4	1103N1034
3.5	FCT-PSD-D3.5	FCT-PJD-D3.5	FCT-PSDG-D3.5	FCT-GSD-D3.5	1103N1035
3.6	FCT-PSD-D3.6	FCT-PJD-D3.6	FCT-PSDG-D3.6	FCT-GSD-D3.6	1103N1036
3.7	FCT-PSD-D3.7	FCT-PJD-D3.7	FCT-PSDG-D3.7	FCT-GSD-D3.7	1103N1037
3.8	FCT-PSD-D3.8	FCT-PJD-D3.8	FCT-PSDG-D3.8	FCT-GSD-D3.8	1103N1038
3.9	FCT-PSD-D3.9	FCT-PJD-D3.9	FCT-PSDG-D3.9	FCT-GSD-D3.9	1103N1039
4	FCT-PSD-D4	FCT-PJD-D4	FCT-PSDG-D4	FCT-GSD-D4	1103N1040
4.1	FCT-PSD-D4.1	FCT-PJD-D4.1	FCT-PSDG-D4.1	FCT-GSD-D4.1	1103N1041
4.2	FCT-PSD-D4.2	FCT-PJD-D4.2	FCT-PSDG-D4.2	FCT-GSD-D4.2	1103N1042
4.3	FCT-PSD-D4.3	FCT-PJD-D4.3	FCT-PSDG-D4.3	FCT-GSD-D4.3	1103N1043
4.4	FCT-PSD-D4.4	FCT-PJD-D4.4	FCT-PSDG-D4.4	FCT-GSD-D4.4	1103N1044
4.5	FCT-PSD-D4.5	FCT-PJD-D4.5	FCT-PSDG-D4.5	FCT-GSD-D4.5	1103N1045
4.6	FCT-PSD-D4.6	FCT-PJD-D4.6	FCT-PSDG-D4.6	FCT-GSD-D4.6	1103N1046
4.7	FCT-PSD-D4.7	FCT-PJD-D4.7	FCT-PSDG-D4.7	FCT-GSD-D4.7	1103N1047
4.8	FCT-PSD-D4.8	FCT-PJD-D4.8	FCT-PSDG-D4.8	FCT-GSD-D4.8	1103N1048
4.9	FCT-PSD-D4.9	FCT-PJD-D4.9	FCT-PSDG-D4.9	FCT-GSD-D4.9	1103N1049
5	FCT-PSD-D5	FCT-PJD-D5	FCT-PSDG-D5	FCT-GSD-D5	1103N1050
5.1	FCT-PSD-D5.1	FCT-PJD-D5.1	FCT-PSDG-D5.1	FCT-GSD-D5.1	1103N1051
5.2	FCT-PSD-D5.2	FCT-PJD-D5.2	FCT-PSDG-D5.2	FCT-GSD-D5.2	1103N1052
5.3	FCT-PSD-D5.3	FCT-PJD-D5.3	FCT-PSDG-D5.3	FCT-GSD-D5.3	1103N1053
5.4	FCT-PSD-D5.4	FCT-PJD-D5.4	FCT-PSDG-D5.4	FCT-GSD-D5.4	1103N1054
5.5	FCT-PSD-D5.5	FCT-PJD-D5.5	FCT-PSDG-D5.5	FCT-GSD-D5.5	1103N1055
5.6	FCT-PSD-D5.6	FCT-PJD-D5.6	FCT-PSDG-D5.6	FCT-GSD-D5.6	1103N1056
5.7	FCT-PSD-D5.7	FCT-PJD-D5.7	FCT-PSDG-D5.7	FCT-GSD-D5.7	1103N1057
5.8	FCT-PSD-D5.8	FCT-PJD-D5.8	FCT-PSDG-D5.8	FCT-GSD-D5.8	1103N1058
5.9	FCT-PSD-D5.9	FCT-PJD-D5.9	FCT-PSDG-D5.9	FCT-GSD-D5.9	1103N1059
6	FCT-PSD-D6	FCT-PJD-D6	FCT-PSDG-D6	FCT-GSD-D6	1103N1060
6.1	FCT-PSD-D6.1	FCT-PJD-D6.1	FCT-PSDG-D6.1	FCT-GSD-D6.1	1103N1061
6.2	FCT-PSD-D6.2	FCT-PJD-D6.2	FCT-PSDG-D6.2	FCT-GSD-D6.2	1103N1062

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi Khoan trụ chuyên dùng lỗ sâu-Mũi khoan trụ chuyên dùng inox)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Mũi Khoan Lỗ Sâu			Mũi Khoan Inox	
	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Cao Cấp
	FCT (TW)			FCT (TW)	Nachi (JP)
	Không Phủ	Không Phủ	Phủ TiN	Phủ TiN	Không Phủ
6.3	FCT-PSD-D6.3	FCT-PJD-D6.3	FCT-PSDG-D6.3	FCT-GSD-D6.3	1103N1063
6.4	FCT-PSD-D6.4	FCT-PJD-D6.4	FCT-PSDG-D6.4	FCT-GSD-D6.4	1103N1064
6.5	FCT-PSD-D6.5	FCT-PJD-D6.5	FCT-PSDG-D6.5	FCT-GSD-D6.5	1103N1065
6.6	FCT-PSD-D6.6	FCT-PJD-D6.6	FCT-PSDG-D6.6	FCT-GSD-D6.6	1103N1066
6.7	FCT-PSD-D6.7	FCT-PJD-D6.7	FCT-PSDG-D6.7	FCT-GSD-D6.7	1103N1067
6.8	FCT-PSD-D6.8	FCT-PJD-D6.8	FCT-PSDG-D6.8	FCT-GSD-D6.8	1103N1068
6.9	FCT-PSD-D6.9	FCT-PJD-D6.9	FCT-PSDG-D6.9	FCT-GSD-D6.9	1103N1069
7	FCT-PSD-D7	FCT-PJD-D7	FCT-PSDG-D7	FCT-GSD-D7	1103N1070
7.1	FCT-PSD-D7.1	FCT-PJD-D7.1	FCT-PSDG-D7.1	FCT-GSD-D7.1	1103N1071
7.2	FCT-PSD-D7.2	FCT-PJD-D7.2	FCT-PSDG-D7.2	FCT-GSD-D7.2	1103N1072
7.3	FCT-PSD-D7.3	FCT-PJD-D7.3	FCT-PSDG-D7.3	FCT-GSD-D7.3	1103N1073
7.4	FCT-PSD-D7.4	FCT-PJD-D7.4	FCT-PSDG-D7.4	FCT-GSD-D7.4	1103N1074
7.5	FCT-PSD-D7.5	FCT-PJD-D7.5	FCT-PSDG-D7.5	FCT-GSD-D7.5	1103N1075
7.6	FCT-PSD-D7.6	FCT-PJD-D7.6	FCT-PSDG-D7.6	FCT-GSD-D7.6	1103N1076
7.7	FCT-PSD-D7.7	FCT-PJD-D7.7	FCT-PSDG-D7.7	FCT-GSD-D7.7	1103N1077
7.8	FCT-PSD-D7.8	FCT-PJD-D7.8	FCT-PSDG-D7.8	FCT-GSD-D7.8	1103N1078
7.9	FCT-PSD-D7.9	FCT-PJD-D7.9	FCT-PSDG-D7.9	FCT-GSD-D7.9	1103N1079
8	FCT-PSD-D8	FCT-PJD-D8	FCT-PSDG-D8	FCT-GSD-D8	1103N1080
8.1	FCT-PSD-D8.1	FCT-PJD-D8.1	FCT-PSDG-D8.1	FCT-GSD-D8.1	1103N1081
8.2	FCT-PSD-D8.2	FCT-PJD-D8.2	FCT-PSDG-D8.2	FCT-GSD-D8.2	1103N1082
8.3	FCT-PSD-D8.3	FCT-PJD-D8.3	FCT-PSDG-D8.3	FCT-GSD-D8.3	1103N1083
8.4	FCT-PSD-D8.4	FCT-PJD-D8.4	FCT-PSDG-D8.4	FCT-GSD-D8.4	1103N1084
8.5	FCT-PSD-D8.5	FCT-PJD-D8.5	FCT-PSDG-D8.5	FCT-GSD-D8.5	1103N1085
8.6	FCT-PSD-D8.6	FCT-PJD-D8.6	FCT-PSDG-D8.6	FCT-GSD-D8.6	1103N1086
8.7	FCT-PSD-D8.7	FCT-PJD-D8.7	FCT-PSDG-D8.7	FCT-GSD-D8.7	1103N1087
8.8	FCT-PSD-D8.8	FCT-PJD-D8.8	FCT-PSDG-D8.8	FCT-GSD-D8.8	1103N1088
8.9	FCT-PSD-D8.9	FCT-PJD-D8.9	FCT-PSDG-D8.9	FCT-GSD-D8.9	1103N1089
9	FCT-PSD-D9	FCT-PJD-D9	FCT-PSDG-D9	FCT-GSD-D9	1103N1090
9.1	FCT-PSD-D9.1	FCT-PJD-D9.1	FCT-PSDG-D9.1	FCT-GSD-D9.1	1103N1091

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi Khoan trụ chuyên dùng lỗ sâu-Mũi khoan trụ chuyên dùng inox)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Mũi Khoan Lỗ Sâu			Mũi Khoan Inox	
	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Cao Cấp
	FCT (TW)			FCT (TW)	Nachi (JP)
	Không Phủ	Không Phủ	Phủ TiN	Phủ TiN	Không Phủ
9.2	FCT-PSD-D9.2	FCT-PJD-D9.2	FCT-PSDG-D9.2	FCT-GSD-D9.2	1103N1092
9.3	FCT-PSD-D9.3	FCT-PJD-D9.3	FCT-PSDG-D9.3	FCT-GSD-D9.3	1103N1093
9.4	FCT-PSD-D9.4	FCT-PJD-D9.4	FCT-PSDG-D9.4	FCT-GSD-D9.4	1103N1094
9.5	FCT-PSD-D9.5	FCT-PJD-D9.5	FCT-PSDG-D9.5	FCT-GSD-D9.5	1103N1095
9.6	FCT-PSD-D9.6	FCT-PJD-D9.6	FCT-PSDG-D9.6	FCT-GSD-D9.6	1103N1096
9.7	FCT-PSD-D9.7	FCT-PJD-D9.7	FCT-PSDG-D9.7	FCT-GSD-D9.7	1103N1097
9.8	FCT-PSD-D9.8	FCT-PJD-D9.8	FCT-PSDG-D9.8	FCT-GSD-D9.8	1103N1098
9.9	FCT-PSD-D9.9	FCT-PJD-D9.9	FCT-PSDG-D9.9	FCT-GSD-D9.9	1103N1099
10	FCT-PSD-D10	FCT-PJD-D10	FCT-PSDG-D10	FCT-GSD-D10	1103N1100
10.1				FCT-GSD-D10.1	1103N1101
10.2	FCT-PSD-D10.2	FCT-PJD-D10.2	FCT-PSDG-D10.2	FCT-GSD-D10.2	1103N1102
10.3	FCT-PSD-D10.3	FCT-PJD-D10.3	FCT-PSDG-D10.3	FCT-GSD-D10.3	1103N1103
10.4				FCT-GSD-D10.4	1103N1104
10.5	FCT-PSD-D10.5	FCT-PJD-D10.5	FCT-PSDG-D10.5	FCT-GSD-D10.5	1103N1105
10.6				FCT-GSD-D10.6	1103N1106
10.7				FCT-GSD-D10.7	1103N1107
10.8	FCT-PSD-D10.8		FCT-PSDG-D10.8	FCT-GSD-D10.8	1103N1108
10.9				FCT-GSD-D10.9	1103N1109
11	FCT-PSD-D11	FCT-PJD-D11	FCT-PSDG-D11	FCT-GSD-D11	1103N1110
11.1				FCT-GSD-D11.1	1103N1111
11.2	FCT-PSD-D11.2	FCT-PJD-D11.2	FCT-PSDG-D11.2	FCT-GSD-D11.2	1103N1112
11.3				FCT-GSD-D11.3	1103N1113
11.4				FCT-GSD-D11.4	1103N1114
11.5	FCT-PSD-D11.5	FCT-PJD-D11.5	FCT-PSDG-D11.5	FCT-GSD-D11.5	1103N1115
11.6				FCT-GSD-D11.6	1103N1116
11.7				FCT-GSD-D11.7	1103N1117
11.8	FCT-PSD-D11.8		FCT-PSDG-D11.8	FCT-GSD-D11.8	1103N1118
11.9				FCT-GSD-D11.9	1103N1119
12	FCT-PSD-D12	FCT-PJD-D12	FCT-PSDG-D12	FCT-GSD-D12	1103N1120

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi Khoan trụ chuyên dùng lỗ sâu-Mũi khoan trụ chuyên dùng inox)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Mũi Khoan Lỗ Sâu			Mũi Khoan Inox	
	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	Cao Cấp
	FCT (TW)			FCT (TW)	Nachi (JP)
	Không Phủ	Không Phủ	Phủ TiN	Phủ TiN	Không Phủ
12.1				FCT-GSD-D12.1	1103N1121
12.2				FCT-GSD-D12.2	1103N1122
12.3				FCT-GSD-D12.3	1103N1123
12.4				FCT-GSD-D12.4	1103N1124
12.5	FCT-PSD-D12.5	FCT-PJD-D12.5	FCT-PSDG-D12.5	FCT-GSD-D12.5	1103N1125
12.6				FCT-GSD-D12.6	1103N1126
12.7				FCT-GSD-D12.7	1103N1127
12.8				FCT-GSD-D12.8	1103N1128
12.9				FCT-GSD-D12.9	1103N1129
13	FCT-PSD-D13	FCT-PJD-D13	FCT-PSDG-D13	FCT-GSD-D13	1103N1130
13.1					1103N1131
13.5	FCT-PSD-D13.5	FCT-PJD-D13.5	FCT-PSDG-D13.5		
14	FCT-PSD-D14	FCT-PJD-D14	FCT-PSDG-D14		
14.5	FCT-PSD-D14.5	FCT-PJD-D14.5	FCT-PSDG-D14.5		
15	FCT-PSD-D15	FCT-PJD-D15	FCT-PSDG-D15		
15.5	FCT-PSD-D15.5	FCT-PJD-D15.5	FCT-PSDG-D15.5		
16	FCT-PSD-D16	FCT-PJD-D16	FCT-PSDG-D16		
16.5	FCT-PSD-D16.5		FCT-PSDG-D16.5		
17	FCT-PSD-D17		FCT-PSDG-D17		
17.5	FCT-PSD-D17.5		FCT-PSDG-D17.5		
18	FCT-PSD-D18		FCT-PSDG-D18		
18.5	FCT-PSD-D18.5		FCT-PSDG-D18.5		
19	FCT-PSD-D19		FCT-PSDG-D19		
19.5	FCT-PSD-D19.5		FCT-PSDG-D19.5		
20	FCT-PSD-D20		FCT-PSDG-D20		

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan có chiều dài lớn chuyên dùng khoan lỗ sâu)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng
		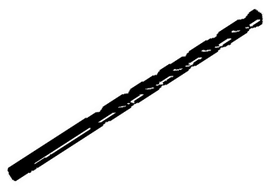	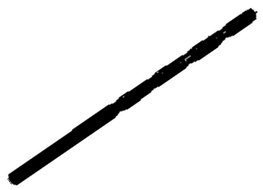					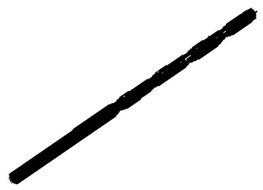	
		Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)			Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)
		Mạ đen	Mạ đen	Không phủ			Mạ đen	Mạ đen	Không phủ
1	**75**	1103N3010-75			**2.8**	**150**	1103N3028-150	FCT-LSDD2.8-150	
1	**100**	1103N3010-100			**2.8**	**200**	1103N3028-200	FCT-LSDD2.8-200	
1.1	**75**	1103N3011-75			**2.9**	**100**	1103N3029-100		
1.1	**100**	1103N3011-100			**2.9**	**150**	1103N3029-150	FCT-LSDD2.9-150	
1.2	**75**	1103N3012-75			**2.9**	**200**	1103N3029-200	FCT-LSDD2.9-200	
1.2	**100**	1103N3012-100			**3**	**100**	1103N3030-100	FCT-LSDD3-100	D1102230
1.3	**75**	1103N3013-75			**3**	**150**	1103N3030-150	FCT-LSDD3-150	D1102330
1.3	**100**	1103N3013-100			**3**	**200**	1103N3030-200	FCT-LSDD3-200	D1102430
1.4	**75**	1103N3014-75			**3.1**	**100**		FCT-LSDD3.1-100	
1.4	**100**	1103N3014-100			**3.1**	**150**	1103N3031-150	FCT-LSDD3.1-150	
1.5	**75**	1103N3015-75			**3.1**	**200**	1103N3031-200		
1.5	**100**	1103N3015-100			**3.2**	**100**		FCT-LSDD3.2-100	
1.6	**75**	1103N3016-75			**3.2**	**150**	1103N3032-150	FCT-LSDD3.2-150	
1.6	**100**	1103N3016-100			**3.2**	**200**	1103N3032-200	FCT-LSDD3.2-200	
1.7	**75**	1103N3017-75			**3.3**	**100**		FCT-LSDD3.3-100	
1.7	**100**	1103N3017-100			**3.3**	**150**	1103N3033-150	FCT-LSDD3.3-150	
1.9	**75**	1103N3019-75			**3.3**	**200**	1103N3033-200		
1.9	**100**	1103N3019-100			**3.4**	**100**		FCT-LSDD3.4-100	
2	**100**	1103N3020-100	FCT-LSDD2-100	D1102220	**3.4**	**150**	1103N3034-150	FCT-LSDD3.4-150	
2	**150**	1103N3020-150	FCT-LSDD2-150	D1102320	**3.4**	**200**	1103N3034-200	FCT-LSDD3.4-200	
2	**200**		FCT-LSDD2-200	D1102420	**3.5**	**100**		FCT-LSDD3.5-100	D1102235
2.1	**100**	1103N3021-100	FCT-LSDD2.1-100		**3.5**	**150**	1103N3035-150	FCT-LSDD3.5-150	D1102335
2.1	**150**	1103N3021-150	FCT-LSDD2.1-150		**3.5**	**200**	1103N3035-200	FCT-LSDD3.5-200	D1102435
2.1	**200**	1103N3021-200			**3.6**	**100**		FCT-LSDD3.6-100	
2.2	**100**	1103N3022-100	FCT-LSDD2.2-100		**3.6**	**150**	1103N3036-150	FCT-LSDD3.6-150	
2.2	**150**	1103N3022-150	FCT-LSDD2.2-150		**3.6**	**200**	1103N3036-200	FCT-LSDD3.6-200	
2.2	**200**	1103N3022-200	FCT-LSDD2.2-200		**3.6**	**250**	1103N3036-250	FCT-LSDD3.6-250	
2.3	**100**	1103N3023-100	FCT-LSDD2.3-100		**3.6**	**300**	1103N3036-300		
2.3	**150**	1103N3023-150	FCT-LSDD2.3-150		**3.7**	**100**		FCT-LSDD3.7-100	
2.3	**200**	1103N3023-200			**3.7**	**150**	1103N3037-150	FCT-LSDD3.7-150	
2.4	**100**	1103N3024-100	FCT-LSDD2.4-100		**3.7**	**200**	1103N3037-200	FCT-LSDD3.7-200	
2.4	**150**	1103N3024-150	FCT-LSDD2.4-150		**3.7**	**250**	1103N3037-250		
2.4	**200**	1103N3024-200	FCT-LSDD2.4-200		**3.7**	**300**	1103N3037-300		
2.5	**100**	1103N3025-100	FCT-LSDD2.5-100	D1102225	**3.8**	**100**		FCT-LSDD3.8-100	
2.5	**150**	1103N3025-150	FCT-LSDD2.5-150	D1102325	**3.8**	**150**	1103N3038-150	FCT-LSDD3.8-150	
2.5	**200**	1103N3025-200	FCT-LSDD2.5-200	D1102425	**3.8**	**200**	1103N3038-200	FCT-LSDD3.8-200	
2.6	**100**	1103N3026-100	FCT-LSDD2.6-100		**3.8**	**250**	1103N3038-250		
2.6	**150**	1103N3026-150	FCT-LSDD2.6-150		**3.8**	**300**	1103N3038-300		
2.6	**200**	1103N3026-200			**3.9**	**150**	1103N3039-150	FCT-LSDD3.9-150	
2.7	**100**	1103N3027-100			**3.9**	**200**	1103N3039-200	FCT-LSDD3.9-200	
2.7	**150**	1103N3027-150	FCT-LSDD2.7-150		**3.9**	**250**	1103N3039-250		
2.7	**200**	1103N3027-200	FCT-LSDD2.7-200		**3.9**	**300**	1103N3039-300		
2.8	**100**	1103N3028-100	FCT-LSDD2.8-100		**4**	**100**		FCT-LSDD4-100	D1102240

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan có chiều dài lớn chuyên dùng khoan lỗ sâu)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng
			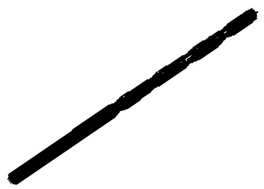					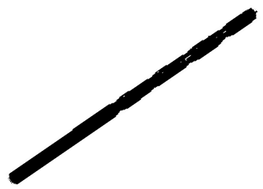	
		Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)			Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)
		Mạ đen	Mạ đen	Không phủ			Mạ đen	Mạ đen	Không phủ
4	**150**	1103N3040-150	FCT-LSDD4-150	D1102340	**4.9**	**150**	1103N3049-150	FCT-LSDD4.9-150	
4	**200**	1103N3040-200	FCT-LSDD4-200	D1102440	**4.9**	**200**	1103N3049-200	FCT-LSDD4.9-200	
4	**250**	1103N3040-250	FCT-LSDD4-250	D1102540	**4.9**	**250**	1103N3049-250		
4	**300**	1103N3040-300			**4.9**	**300**	1103N3049-300		
4.1	**100**		FCT-LSDD4.1-100		**5**	**100**		FCT-LSDD5-100	D1102250
4.1	**150**	1103N3041-150	FCT-LSDD4.1-150		**5**	**150**	1103N3050-150	FCT-LSDD5-150	D1102350
4.1	**200**	1103N3041-200	FCT-LSDD4.1-200		**5**	**200**	1103N3050-200	FCT-LSDD5-200	D1102450
4.1	**250**	1103N3041-250			**5**	**250**	1103N3050-250	FCT-LSDD5-250	D1102550
4.1	**300**	1103N3041-300			**5**	**300**	1103N3050-300		
4.2	**100**		FCT-LSDD4.2-100		**5.1**	**150**	1103N3051-150	FCT-LSDD5.1-150	
4.2	**150**	1103N3042-150	FCT-LSDD4.2-150		**5.1**	**200**	1103N3051-200	FCT-LSDD5.1-200	
4.2	**200**	1103N3042-200	FCT-LSDD4.2-200		**5.1**	**250**	1103N3051-250	FCT-LSDD5.1-250	
4.2	**250**	1103N3042-250			**5.1**	**300**	1103N3051-300		
4.2	**300**	1103N3042-300			**5.2**	**100**		FCT-LSDD5.2-100	D1102252
4.3	**100**		FCT-LSDD4.3-100		**5.2**	**150**	1103N3052-150	FCT-LSDD5.2-150	D1102352
4.3	**150**	1103N3043-150	FCT-LSDD4.3-150		**5.2**	**200**	1103N3052-200	FCT-LSDD5.2-200	D1102452
4.3	**200**	1103N3043-200	FCT-LSDD4.3-200		**5.2**	**250**	1103N3052-250	FCT-LSDD5.2-250	D1102552
4.3	**250**	1103N3043-250			**5.2**	**300**	1103N3052-300		
4.3	**300**	1103N3043-300			**5.3**	**150**	1103N3053-150	FCT-LSDD5.3-150	
4.4	**100**		FCT-LSDD4.4-100		**5.3**	**200**	1103N3053-200	FCT-LSDD5.3-200	
4.4	**150**	1103N3044-150	FCT-LSDD4.4-150		**5.3**	**250**	1103N3053-250	FCT-LSDD5.3-250	
4.4	**200**	1103N3044-200	FCT-LSDD4.4-200		**5.3**	**300**	1103N3053-300		
4.4	**250**	1103N3044-250	FCT-LSDD4.4-250		**5.4**	**100**		FCT-LSDD5.4-100	
4.4	**300**	1103N3044-300			**5.4**	**150**	1103N3054-150	FCT-LSDD5.4-150	
4.5	**100**		FCT-LSDD4.5-100	D1102245	**5.4**	**200**	1103N3054-200	FCT-LSDD5.4-200	
4.5	**150**	1103N3045-150	FCT-LSDD4.5-150	D1102345	**5.4**	**250**	1103N3054-250	FCT-LSDD5.4-250	
4.5	**200**	1103N3045-200	FCT-LSDD4.5-200	D1102445	**5.4**	**300**	1103N3054-300	FCT-LSDD5.4-300	
4.5	**250**	1103N3045-250	FCT-LSDD4.5-250	D1102545	**5.5**	**100**		FCT-LSDD5.5-100	
4.5	**300**	1103N3045-300			**5.5**	**150**	1103N3055-150	FCT-LSDD5.5-150	D1102355
4.6	**100**		FCT-LSDD4.6-100		**5.5**	**200**	1103N3055-200	FCT-LSDD5.5-200	D1102455
4.6	**150**	1103N3046-150	FCT-LSDD4.6-150		**5.5**	**250**	1103N3055-250	FCT-LSDD5.5-250	D1102555
4.6	**200**	1103N3046-200	FCT-LSDD4.6-200		**5.5**	**300**	1103N3055-300	FCT-LSDD5.5-300	D1102655
4.6	**250**	1103N3046-250	FCT-LSDD4.6-250		**5.5**	**300**	1103N3055-300	FCT-LSDD5.5-300	D1102655
4.6	**300**	1103N3046-300			**5.6**	**150**	1103N3056-150	FCT-LSDD5.6-150	
4.7	**150**		FCT-LSDD4.7-150		**5.6**	**200**	1103N3056-200	FCT-LSDD5.6-200	
4.7	**200**	1103N3047-200	FCT-LSDD4.7-200		**5.6**	**250**	1103N3056-250	FCT-LSDD5.6-250	
4.7	**250**	1103N3047-250			**5.6**	**300**	1103N3056-300	FCT-LSDD5.6-300	
4.7	**300**	1103N3047-300			**5.7**	**150**	1103N3057-150	FCT-LSDD5.7-150	
4.8	**100**		FCT-LSDD4.8-100		**5.7**	**200**	1103N3057-200	FCT-LSDD5.7-200	
4.8	**150**	1103N3048-150	FCT-LSDD4.8-150		**5.7**	**250**	1103N3057-250		
4.8	**200**	1103N3048-200	FCT-LSDD4.8-200		**5.7**	**300**	1103N3057-300		
4.8	**250**	1103N3048-250	FCT-LSDD4.8-250		**5.8**	**150**	1103N3058-150	FCT-LSDD5.8-150	
4.8	**300**	1103N3048-300			**5.8**	**200**	1103N3058-200	FCT-LSDD5.8-200	

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan có chiều dài lớn chuyên dùng khoan lỗ sâu)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng
			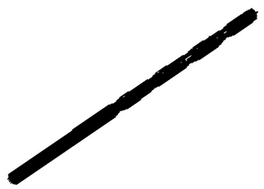					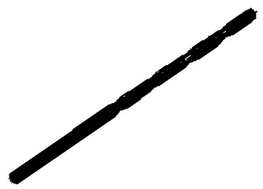	
		Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)			Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)
		Mạ đen	Mạ đen	Không phủ			Mạ đen	Mạ đen	Không phủ
5.8	**250**	1103N3058-250	FCT-LSDD5.8-250		**6.9**	**200**	1103N3069-200	FCT-LSDD6.9-200	
5.8	**300**	1103N3058-300			**6.9**	**250**	1103N3069-250	FCT-LSDD6.9-250	
5.9	**150**	1103N3059-150	FCT-LSDD5.9-150		**6.9**	**300**	1103N3069-300		
5.9	**200**	1103N3059-200	FCT-LSDD5.9-200		**7**	**150**		FCT-LSDD7-150	D1102370
5.9	**250**	1103N3059-250			**7**	**200**	1103N3070-200	FCT-LSDD7-200	D1102470
5.9	**300**	1103N3059-300			**7**	**250**	1103N3070-250	FCT-LSDD7-250	D1102570
6	**150**	1103N3060-150	FCT-LSDD6-150	D1102360	**7**	**300**	1103N3070-300	FCT-LSDD7-300	D1102670
6	**200**	1103N3060-200	FCT-LSDD6-200	D1102460	**7.1**	**150**		FCT-LSDD7.1-150	
6	**250**	1103N3060-250	FCT-LSDD6-250	D1102560	**7.1**	**200**	1103N3071-200	FCT-LSDD7.1-200	
6	**300**	1103N3060-300	FCT-LSDD6-300	D1102660	**7.1**	**250**	1103N3071-250	FCT-LSDD7.1-250	
6.1	**150**	1103N3061-150	FCT-LSDD6.1-150		**7.1**	**300**	1103N3071-300		
6.1	**200**	1103N3061-200	FCT-LSDD6.1-200		**7.2**	**150**		FCT-LSDD7.2-150	
6.1	**250**	1103N3061-250	FCT-LSDD6.1-250		**7.2**	**200**	1103N3072-200	FCT-LSDD7.2-200	
6.1	**300**	1103N3061-300			**7.2**	**250**	1103N3072-250	FCT-LSDD7.2-250	
6.2	**150**	1103N3062-150	FCT-LSDD6.2-150		**7.2**	**300**	1103N3072-300	FCT-LSDD7.2-300	
6.2	**200**	1103N3062-200	FCT-LSDD6.2-200		**7.3**	**150**		FCT-LSDD7.3-150	
6.2	**250**	1103N3062-250	FCT-LSDD6.2-250		**7.3**	**200**	1103N3073-200	FCT-LSDD7.3-200	
6.2	**300**	1103N3062-300	FCT-LSDD6.2-300		**7.3**	**250**	1103N3073-250	FCT-LSDD7.3-250	
6.3	**150**	1103N3063-150	FCT-LSDD6.3-150		**7.3**	**300**	1103N3073-300		
6.3	**200**	1103N3063-200	FCT-LSDD6.3-200		**7.4**	**150**		FCT-LSDD7.4-150	
6.3	**250**	1103N3063-250	FCT-LSDD6.3-250		**7.4**	**200**	1103N3074-200	FCT-LSDD7.4-200	
6.3	**300**	1103N3063-300			**7.4**	**250**	1103N3074-250	FCT-LSDD7.4-250	
6.4	**150**	1103N3064-150	FCT-LSDD6.4-150		**7.4**	**300**	1103N3074-300	FCT-LSDD7.4-300	
6.4	**200**	1103N3064-200	FCT-LSDD6.4-200		**7.5**	**150**		FCT-LSDD7.5-150	D1102375
6.4	**250**	1103N3064-250	FCT-LSDD6.4-250		**7.5**	**200**	1103N3075-200	FCT-LSDD7.5-200	D1102475
6.4	**300**	1103N3064-300	FCT-LSDD6.4-300		**7.5**	**250**	1103N3075-250	FCT-LSDD7.5-250	D1102575
6.5	**150**	1103N3065-150	FCT-LSDD6.5-150	D1102365	**7.5**	**300**	1103N3075-300	FCT-LSDD7.5-300	D1102675
6.5	**200**	1103N3065-200	FCT-LSDD6.5-200	D1102465	**7.6**	**150**		FCT-LSDD7.6-150	
6.5	**250**	1103N3065-250	FCT-LSDD6.5-250	D1102565	**7.6**	**200**	1103N3076-200	FCT-LSDD7.6-200	
6.5	**300**	1103N3065-300	FCT-LSDD6.5-300	D1102665	**7.6**	**250**	1103N3076-250	FCT-LSDD7.6-250	
6.6	**150**		FCT-LSDD6.6-150		**7.6**	**300**	1103N3076-300	FCT-LSDD7.6-300	
6.6	**200**	1103N3066-200	FCT-LSDD6.6-200		**7.7**	**150**		FCT-LSDD7.7-150	
6.6	**250**	1103N3066-250	FCT-LSDD6.6-250		**7.7**	**200**	1103N3077-200	FCT-LSDD7.7-200	
6.6	**300**	1103N3066-300	FCT-LSDD6.6-300		**7.7**	**250**	1103N3077-250	FCT-LSDD7.7-250	
6.7	**150**		FCT-LSDD6.7-150		**7.7**	**300**	1103N3077-300		
6.7	**200**	1103N3067-200	FCT-LSDD6.7-200		**7.8**	**150**		FCT-LSDD7.8-150	
6.7	**250**	1103N3067-250	FCT-LSDD6.7-250		**7.8**	**200**	1103N3078-200	FCT-LSDD7.8-200	
6.7	**300**	1103N3067-300			**7.8**	**250**	1103N3078-250	FCT-LSDD7.8-250	
6.8	**150**		FCT-LSDD6.8-150		**7.8**	**300**	1103N3078-300	FCT-LSDD7.8-300	
6.8	**200**	1103N3068-200	FCT-LSDD6.8-200		**7.9**	**150**		FCT-LSDD7.9-150	
6.8	**250**	1103N3068-250	FCT-LSDD6.8-250		**7.9**	**200**	1103N3079-200	FCT-LSDD7.9-200	
6.8	**300**	1103N3068-300			**7.9**	**250**	1103N3079-250	FCT-LSDD7.9-250	
6.9	**150**		FCT-LSDD6.9-150		**7.9**	**300**	1103N3079-300		

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan có chiều dài lớn chuyên dùng khoan lỗ sâu)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng
			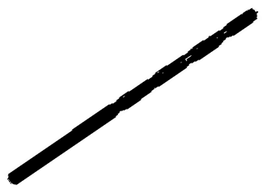					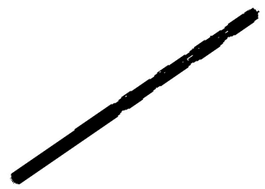	
		Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)			Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)
		Mạ đen	Mạ đen	Không phủ			Mạ đen	Mạ đen	Không phủ
8	**150**		FCT-LSDD8-150	D1102380	**9.2**	**150**		FCT-LSDD9.2-150	
8	**200**	1103N3080-200	FCT-LSDD8-200	D1102480	**9.2**	**200**	1103N3092-200	FCT-LSDD9.2-200	
8	**250**	1103N3080-250	FCT-LSDD8-250	D1102580	**9.2**	**250**	1103N3092-250	FCT-LSDD9.2-250	
8	**300**	1103N3080-300	FCT-LSDD8-300	D1102680	**9.2**	**300**	1103N3092-300	FCT-LSDD9.2-300	
8.1	**200**	1103N3081-200	FCT-LSDD8.1-200		**9.3**	**200**	1103N3093-200	FCT-LSDD9.3-200	
8.1	**250**	1103N3081-250	FCT-LSDD8.1-250		**9.3**	**250**	1103N3093-250	FCT-LSDD9.3-250	
8.1	**300**	1103N3081-300			**9.3**	**300**	1103N3093-300		
8.2	**150**		FCT-LSDD8.2-150		**9.4**	**150**		FCT-LSDD9.4-150	
8.2	**200**	1103N3082-200	FCT-LSDD8.2-200		**9.4**	**200**	1103N3094-200	FCT-LSDD9.4-200	
8.2	**250**	1103N3082-250	FCT-LSDD8.2-250		**9.4**	**250**	1103N3094-250	FCT-LSDD9.4-250	
8.2	**300**	1103N3082-300	FCT-LSDD8.2-300		**9.4**	**300**	1103N3094-300	FCT-LSDD9.4-300	
8.3	**200**	1103N3083-200	FCT-LSDD8.3-200		**9.5**	**150**		FCT-LSDD9.5-150	D1102395
8.3	**250**	1103N3083-250	FCT-LSDD8.3-250		**9.5**	**200**	1103N3095-200	FCT-LSDD9.5-200	D1102495
8.3	**300**	1103N3083-300			**9.5**	**250**	1103N3095-250	FCT-LSDD9.5-250	D1102595
8.4	**150**		FCT-LSDD8.4-150		**9.5**	**300**	1103N3095-300	FCT-LSDD9.5-300	D1102695
8.4	**200**	1103N3084-200	FCT-LSDD8.4-200		**9.6**	**150**		FCT-LSDD9.6-150	
8.4	**250**	1103N3084-250	FCT-LSDD8.4-250		**9.6**	**200**	1103N3096-200	FCT-LSDD9.6-200	
8.4	**300**	1103N3084-300	FCT-LSDD8.4-300		**9.6**	**250**	1103N3096-250	FCT-LSDD9.6-250	
8.5	**150**		FCT-LSDD8.5-150	D1102385	**9.6**	**300**	1103N3096-300	FCT-LSDD9.6-300	
8.5	**200**	1103N3085-200	FCT-LSDD8.5-200	D1102485	**9.7**	**200**	1103N3097-200	FCT-LSDD9.7-200	
8.5	**250**	1103N3085-250	FCT-LSDD8.5-250	D1102585	**9.7**	**250**	1103N3097-250	FCT-LSDD9.7-250	
8.5	**300**	1103N3085-300	FCT-LSDD8.5-300	D1102685	**9.7**	**300**	1103N3097-300		
8.6	**150**		FCT-LSDD8.6-150		**9.8**	**150**		FCT-LSDD9.8-150	
8.6	**200**	1103N3086-200	FCT-LSDD8.6-200		**9.8**	**200**	1103N3098-200	FCT-LSDD9.8-200	
8.6	**250**	1103N3086-250	FCT-LSDD8.6-250		**9.8**	**250**	1103N3098-250	FCT-LSDD9.8-250	
8.6	**300**	1103N3086-300	FCT-LSDD8.6-300		**9.8**	**300**	1103N3098-300	FCT-LSDD9.8-300	
8.7	**200**	1103N3087-200	FCT-LSDD8.7-200		**9.9**	**200**	1103N3099-200	FCT-LSDD9.9-200	
8.7	**250**	1103N3087-250	FCT-LSDD8.7-250		**9.9**	**250**	1103N3099-250	FCT-LSDD9.9-250	
8.7	**300**	1103N3087-300			**9.9**	**300**	1103N3099-300		
8.8	**150**		FCT-LSDD8.8-150		**10**	**150**		FCT-LSDD10-150	D1102600
8.8	**200**	1103N3088-200	FCT-LSDD8.8-200		**10**	**200**	1103N3100-200	FCT-LSDD10-200	D1102700
8.8	**250**	1103N3088-250	FCT-LSDD8.8-250		**10**	**250**	1103N3100-250	FCT-LSDD10-250	D1102800
8.8	**300**	1103N3088-300	FCT-LSDD8.8-300		**10**	**300**	1103N3100-300	FCT-LSDD10-300	D1102900
8.9	**200**	1103N3089-200	FCT-LSDD8.9-200		**10**	**400**	1103N3100-400		
8.9	**250**	1103N3089-250	FCT-LSDD8.9-250		**10.1**	**200**	1103N3101-200		
8.9	**300**	1103N3089-300			**10.1**	**250**	1103N3101-250	FCT-LSDD10.1-250	
9	**150**		FCT-LSDD9-150	D1102390	**10.1**	**300**	1103N3101-300	FCT-LSDD10.1-300	
9	**200**	1103N3090-200	FCT-LSDD9-200	D1102490	**10.2**	**150**		FCT-LSDD10.2-150	
9	**250**	1103N3090-250	FCT-LSDD9-250	D1102590	**10.2**	**200**	1103N3102-200	FCT-LSDD10.2-200	
9	**300**	1103N3090-300	FCT-LSDD9-300	D1102690	**10.2**	**250**	1103N3102-250	FCT-LSDD10.2-250	
9.1	**200**	1103N3091-200	FCT-LSDD9.1-200		**10.2**	**300**	1103N3102-300	FCT-LSDD10.2-300	
9.1	**250**	1103N3091-250	FCT-LSDD9.1-250		**10.3**	**200**	1103N3103-200		
9.1	**300**	1103N3091-300			**10.3**	**250**	1103N3103-250	FCT-LSDD10.3-250	

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi khoan có chiều dài lớn chuyên dùng khoan lỗ sâu)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng	ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	Cao Cấp	Chuyên Dụng	Chuyên Dụng
			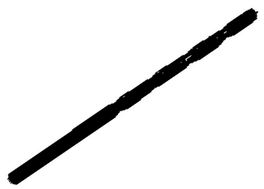					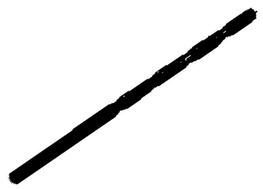	
		Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)			Nachi (JP)	FCT (TW)	YG1 (KR)
		Mạ đen	Mạ đen	Không phủ			Mạ đen	Mạ đen	Không phủ
10.3	**300**	1103N3103-300	FCT-LSDD10.3-300		**11.6**	**300**	1103N3116-300	FCT-LSDD11.6-300	
10.4	**150**		FCT-LSDD10.4-150		**11.7**	**250**	1103N3117-250	FCT-LSDD11.7-250	
10.4	**200**	1103N3104-200	FCT-LSDD10.4-200		**11.7**	**300**	1103N3117-300	FCT-LSDD11.7-300	
10.4	**250**	1103N3104-250	FCT-LSDD10.4-250		**11.8**	**200**		FCT-LSDD11.8-200	
10.4	**300**	1103N3104-300	FCT-LSDD10.4-300		**11.8**	**250**	1103N3118-250	FCT-LSDD11.8-250	
10.5	**150**		FCT-LSDD10.5-150	D1102605	**11.8**	**300**	1103N3118-300	FCT-LSDD11.8-300	
10.5	**200**	1103N3105-200	FCT-LSDD10.5-200	D1102705	**11.9**	**250**	1103N3119-250	FCT-LSDD11.9-250	
10.5	**250**	1103N3105-250	FCT-LSDD10.5-250	D1102805	**11.9**	**300**	1103N3119-300	FCT-LSDD11.9-300	
10.5	**300**	1103N3105-300	FCT-LSDD10.5-300	D1102905	**12**	**200**		FCT-LSDD12-200	D1102720
10.6	**150**		FCT-LSDD10.6-150		**12**	**250**	1103N3120-250	FCT-LSDD12-250	D1102820
10.6	**200**		FCT-LSDD10.6-200		**12**	**300**	1103N3120-300	FCT-LSDD12-300	D1102920
10.6	**250**	1103N3106-250	FCT-LSDD10.6-250		**12**	**350**		FCT-LSDD12-350	D1102A20
10.6	**300**	1103N3106-300	FCT-LSDD10.6-300		**12.1**	**250**	1103N3121-250	FCT-LSDD12.1-250	
10.7	**250**	1103N3107-250	FCT-LSDD10.7-250		**12.1**	**300**	1103N3121-300	FCT-LSDD12.1-300	
10.7	**300**	1103N3107-300	FCT-LSDD10.7-300		**12.2**	**200**		FCT-LSDD12.2-200	
10.8	**150**		FCT-LSDD10.8-150		**12.2**	**250**	1103N3122-250	FCT-LSDD12.2-250	
10.8	**200**		FCT-LSDD10.8-200		**12.2**	**300**	1103N3122-300	FCT-LSDD12.2-300	
10.8	**250**	1103N3108-250	FCT-LSDD10.8-250		**12.3**	**250**	1103N3123-250	FCT-LSDD12.3-250	
10.8	**300**	1103N3108-300	FCT-LSDD10.8-300		**12.3**	**300**	1103N3123-300	FCT-LSDD12.3-300	
10.9	**250**	1103N3109-250	FCT-LSDD10.9-250		**12.4**	**200**		FCT-LSDD12.4-200	
10.9	**300**	1103N3109-300	FCT-LSDD10.9-300		**12.4**	**250**	1103N3124-250	FCT-LSDD12.4-250	
11	**150**		FCT-LSDD11-150	D1102610	**12.4**	**300**	1103N3124-300	FCT-LSDD12.4-300	
11	**200**		FCT-LSDD11-200	D1102710	**12.5**	**200**		FCT-LSDD12.5-200	D1102725
11	**250**	1103N3110-250	FCT-LSDD11-250	D1102810	**12.5**	**250**	1103N3125-250	FCT-LSDD12.5-250	D1102825
11	**300**	1103N3110-300	FCT-LSDD11-300	D1102910	**12.5**	**300**	1103N3125-300	FCT-LSDD12.5-300	D1102925
11.1	**250**	1103N3111-250	FCT-LSDD11.1-250		**12.6**	**200**		FCT-LSDD12.6-200	
11.1	**300**	1103N3111-300	FCT-LSDD11.1-300		**12.6**	**250**	1103N3126-250	FCT-LSDD12.6-250	
11.2	**200**		FCT-LSDD11.2-200		**12.6**	**300**	1103N3126-300	FCT-LSDD12.6-300	
11.2	**250**	1103N3112-250	FCT-LSDD11.2-250		**12.7**	**250**	1103N3127-250	FCT-LSDD12.7-250	
11.2	**300**	1103N3112-300	FCT-LSDD11.2-300		**12.7**	**300**	1103N3127-300	FCT-LSDD12.7-300	
11.3	**250**	1103N3113-250	FCT-LSDD11.3-250		**12.8**	**200**		FCT-LSDD12.8-200	
11.3	**300**	1103N3113-300	FCT-LSDD11.3-300		**12.8**	**250**	1103N3128-250	FCT-LSDD12.8-250	
11.4	**200**		FCT-LSDD11.4-200		**12.8**	**300**	1103N3128-300	FCT-LSDD12.8-300	
11.4	**250**	1103N3114-250	FCT-LSDD11.4-250		**12.9**	**250**	1103N3129-250	FCT-LSDD12.9-250	
11.4	**300**	1103N3114-300	FCT-LSDD11.4-300		**12.9**	**300**	1103N3129-300	FCT-LSDD12.9-300	
11.5	**200**		FCT-LSDD11.5-200	D1102715	**13**	**200**		FCT-LSDD13-200	D1102730
11.5	**250**	1103N3115-250	FCT-LSDD11.5-250	D1102815	**13**	**250**	1103N3130-250	FCT-LSDD13-250	D1102830
11.5	**300**	1103N3115-300	FCT-LSDD11.5-300	D1102915	**13**	**300**	1103N3130-300	FCT-LSDD13-300	D1102930
11.6	**200**		FCT-LSDD11.6-200		**13**	**350**		FCT-LSDD13-350	D1102A30
11.6	**250**	1103N3116-250	FCT-LSDD11.6-250						

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI KHOAN TRỤ

(Mũi Khoan Trụ Kim Loại siêu nhỏ từ 0.1 mm đến 1mm)

ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Cao Cấp	Cao Cấp	Chuyên Dụng	ĐƯỜNG KÍNH MŨI (mm)	Cao Cấp	Cao Cấp	Chuyên Dụng
	Nachi (JP)	NS Tool (JP)	FCT (TW)		Nachi (JP)	NS Tool (JP)	FCT (TW)
0.1		NST-04-00200-00100		0.56		NST-04-00200-00560	
0.11		NST-04-00200-00110		0.57		NST-04-00200-00570	
0.12		NST-04-00200-00120		0.58		NST-04-00200-00580	
0.13		NST-04-00200-00130		0.59		NST-04-00200-00590	
0.14		NST-04-00200-00140		0.6	1103N0006	NST-04-00200-00600	FCT-SSD-D0.6
0.15		NST-04-00200-00150		0.61		NST-04-00200-00610	
0.16		NST-04-00200-00160		0.62		NST-04-00200-00620	
0.17		NST-04-00200-00170		0.63		NST-04-00200-00630	
0.18		NST-04-00200-00180		0.64		NST-04-00200-00640	
0.19		NST-04-00200-00190		0.65		NST-04-00200-00650	FCT-SSD-D0.65
0.2	1103N0002	NST-04-00200-00200		0.66		NST-04-00200-00660	
0.21		NST-04-00200-00210		0.67		NST-04-00200-00670	
0.22		NST-04-00200-00220		0.68		NST-04-00200-00680	
0.23		NST-04-00200-00230		0.69		NST-04-00200-00690	
0.24		NST-04-00200-00240		0.7	1103N0007	NST-04-00200-00700	FCT-SSD-D0.7
0.25		NST-04-00200-00250		0.71		NST-04-00200-00710	
0.26		NST-04-00200-00260		0.72		NST-04-00200-00720	
0.27		NST-04-00200-00270		0.73		NST-04-00200-00730	
0.28		NST-04-00200-00280		0.74		NST-04-00200-00740	
0.29		NST-04-00200-00290		0.75		NST-04-00200-00750	FCT-SSD-D0.75
0.3	1103N0003	NST-04-00200-00300	FCT-SSD-D0.3	0.76		NST-04-00200-00760	
0.31		NST-04-00200-00310		0.77		NST-04-00200-00770	
0.32		NST-04-00200-00320		0.78		NST-04-00200-00780	
0.33		NST-04-00200-00330		0.79		NST-04-00200-00790	
0.34		NST-04-00200-00340		0.8	1103N0008	NST-04-00200-00800	FCT-SSD-D0.8
0.35		NST-04-00200-00350	FCT-SSD-D0.35	0.81		NST-04-00200-00810	
0.36		NST-04-00200-00360		0.82		NST-04-00200-00820	
0.37		NST-04-00200-00370		0.83		NST-04-00200-00830	
0.38		NST-04-00200-00380		0.84		NST-04-00200-00840	
0.39		NST-04-00200-00390		0.85		NST-04-00200-00850	FCT-SSD-D0.85
0.4	1103N0004	NST-04-00200-00400	FCT-SSD-D0.4	0.86		NST-04-00200-00860	
0.41		NST-04-00200-00410		0.87		NST-04-00200-00870	
0.42		NST-04-00200-00420		0.88		NST-04-00200-00880	
0.43		NST-04-00200-00430		0.89		NST-04-00200-00890	
0.44		NST-04-00200-00440		0.9	1103N0009	NST-04-00200-00900	FCT-SSD-D0.9
0.45		NST-04-00200-00450	FCT-SSD-D0.45	0.91		NST-04-00200-00910	
0.46		NST-04-00200-00460		0.92		NST-04-00200-00920	
0.47		NST-04-00200-00470		0.93		NST-04-00200-00930	
0.48		NST-04-00200-00480		0.94		NST-04-00200-00940	
0.49		NST-04-00200-00490		0.95		NST-04-00200-00950	FCT-SSD-D0.95
0.5	1103N0005	NST-04-00200-00500	FCT-SSD-D0.5	0.96		NST-04-00200-00960	
0.51		NST-04-00200-00510		0.97		NST-04-00200-00970	
0.52		NST-04-00200-00520		0.98		NST-04-00200-00980	
0.53		NST-04-00200-00530		0.99		NST-04-00200-00990	
0.54		NST-04-00200-00540		1	1103N0010	NST-04-00200-01000	FCT-SSD-D1
0.55		NST-04-00200-00550	FCT-SSD-D0.55				

BỘ TARO REN TAY

(Bộ 2 và 3 mũi Taro Ren hệ Met dùng bằng tay, không phủ hoặc mạ đen)

Bộ 2 và 3 Mũi Taro Ren Tay Thông Dụng

Hệ Met

SIZE REN	Bộ 3 cây	Bộ 2 cây	SIZE REN	Bộ 3 cây	Bộ 2 cây
	FCT	Thượng Hải		FCT	Thượng Hải
M2x0.4	FCT-HTSKSS-M020040		**M14x1**		1102HT-M14100-1
M2.5x0.45	FCT-HTSKSS-M025045		**M14x1.25**		1102HT-M14125-1
M3x0.5	FCT-HTSKSS-M030050	1102HT-M03050-1	**M14x1.5**	FCT-HTSKSS-M140150	1102HT-M14150-1
M4x0.7	FCT-HTSKSS-M040070	1102HT-M04070-1	**M14x2**	FCT-HTSKSS-M140200	1102HT-M14200-1
M5x0.8	FCT-HTSKSS-M050080	1102HT-M05080-1	**M15x1.5**		1102HT-M15150-1
M6x1	FCT-HTSKSS-M060100	1102HT-M06100-1	**M16x1**		1102HT-M16100-1
M7x1		1102HT-M07100-1	**M16x1.5**	FCT-HTSKSS-M160150	1102HT-M16150-1
M8x1		1102HT-M08100-1	**M16x2**	FCT-HTSKSS-M160200	1102HT-M16200-1
M8x1.25	FCT-HTSKSS-M080125	1102HT-M08125-1	**M18x1.5**	FCT-HTSKSS-M180150	1102HT-M18150-1
M9x1		1102HT-M09100-1	**M18x2.5**	FCT-HTSKSS-M180250	1102HT-M18250-1
M9x1.25		1102HT-M09125-1	**M20x1.5**	FCT-HTSKSS-M200150	1102HT-M20150-1
M10x1	FCT-HTSKSS-M100100	1102HT-M10100-1	**M20x2.5**	FCT-HTSKSS-M200250	1102HT-M20250-1
M10x1.25	FCT-HTSKSS-M100125	1102HT-M10125-1	**M22x1.5**	FCT-HTSKSS-M220150	1102HT-M22150-1
M10x1.5	FCT-HTSKSS-M100150	1102HT-M10150-1	**M22x2.5**	FCT-HTSKSS-M220250	1102HT-M22250-1
M11x1		1102HT-M11100-1	**M22x3**		1102HT-M22300-1
M11x1.25		1102HT-M11125-1	**M24x1.5**	FCT-HTSKSS-M240150	
M11x1.5		1102HT-M11150-1	**M24x3**	FCT-HTSKSS-M240300	
M12x1.25	FCT-HTSKSS-M120125	1102HT-M12125-1	**M27x1.5**		1102HT-M27150-1
M12x1.5	FCT-HTSKSS-M120150	1102HT-M12150-1	**M27x3**		1102HT-M27300-1
M12x1.75	FCT-HTSKSS-M120175	1102HT-M12175-1	**M30x1.5**		1102HT-M30150-1
M13x1.5		1102HT-M13150-1	**M30x3.5**		1102HT-M30350-1

MŨI TARO LỖ THÔNG

(Mũi taro hệ inch chuyên dùng kim loại thép,inox cho lỗ thông)

MŨI TARO HỆ INCH CHUYÊN DÙNG

SIZE REN					SIZE REN				
	FCT (TW)	YAMAWA (JP)				FCT (TW)	YAMAWA (JP)		
	Dùng Cho Thép	Dùng Cho Thép	Dùng Cho Thép	Dùng Cho Inox		Dùng Cho Thép	Dùng Cho Thép	Dùng Cho Thép	Dùng Cho Inox
	F1-PO	PO	PO Phủ Oxide	SU-PO		F1-PO	PO	PO Phủ Oxide	SU-PO
#1-8	FCT-F1PO-S100008				**5/16"-18**	FCT-F1PO-S516018	YMW-PORU05O	YMW-PORU05OX	
#1-12	FCT-F1PO-S100012				**5/16W18**	FCT-F1PO-W516018			
#1-14					**5/16"-24**	FCT-F1PO-S516024			
#1-72					**5/16"-32**				
#2-56	FCT-F1PO-S002056	YMW-POPUN2E	YMW-POPUN2EX	YMW-PUMPUN2E	**3/8"-16**	FCT-F1PO-S380016	YMW-PORU06P		
#3-48					**3/8W16**	FCT-F1PO-W380016			
#4-40	FCT-F1PO-S004040	YMW-POQUN4H	YMW-POQUN4HX	YMW-PUMQUN4H	**3/8"-24**	FCT-F1PO-S380024	YMW-POQU06M		
#4-48	FCT-F1PO-S004048				**7/16"-14**	FCT-F1PO-S716014	YMW-PORU07Q		
#5-40	FCT-F1PO-S005040				**7/16W14**	FCT-F1PO-W716014			
#5-44	FCT-F1PO-S005044				**7/16"-20**	FCT-F1PO-S716020			
#6-32	FCT-F1PO-S006032	YMW-POQUN6J	YMW-POQUN6JX	YMW-PUMQUN6J	**1/2W12**	FCT-F1PO-W120012	YMW-PORW08S		
#6-40	FCT-F1PO-S006040				**1/2"-13**	FCT-F1PO-S120013			
#8-32	FCT-F1PO-S008032	YMW-POQUN8J	YMW-POQUN8JX	YMW-PUMQUN8J	**1/2"-20**	FCT-F1PO-S120020			
#8-36	FCT-F1PO-S008036				**1/2"-28**				
#10-24	FCT-F1PO-S010024	YMW-POQUNAM	YMW-POQUNAMX	YMW-PUMQUNAM	**9/16"-12**	FCT-F1PO-S916012			
#10-32	FCT-F1PO-S010032	YMW-POQUNAJ	YMW-POQUNAJX		**9/16W12**	FCT-F1PO-W916012			
#12-24	FCT-F1PO-S012024				**9/16"-18**	FCT-F1PO-S916018			
#12-28	FCT-F1PO-S012028				**5/8"-11**	FCT-F1PO-S580011		YMW-PORU10UX	
1/8W40	FCT-F1PO-W180040				**5/8W11**	FCT-F1PO-W580011			
1/8SM40					**5/8"-18**	FCT-F1PO-S580018			
1/8SM44					**3/4"-10**	FCT-F1PO-S340010			
5/32W32	FCT-F1PO-W532032				**3/4W10**	FCT-F1PO-W340010			
3/16W24	FCT-F1PO-W316024				**3/4"-16**	FCT-F1PO-S340016			
15/64SM28					**7/8"-9**	FCT-F1PO-S780009			
1/4"-20	FCT-F1PO-S140020	YMW-POQU04N	YMW-POQU04NX	YMW-PUMQU04N	**7/8W9**	FCT-F1PO-W780009			
1/4W20	FCT-F1PO-W140020				**7/8"-14**	FCT-F1PO-S780014			
1/4"-28	FCT-F1PO-S140028				**1W8**	FCT-F1PO-W100008			
1/4SM40					**1 1/4"-7**				

MŨI TARO LỖ THÔNG

(Mũi Taro hệ Met dùng cho nhiều loại vật liệu)

SIZE REN	MŨI TARO DÒNG TIÊU CHUẨN THÔNG DỤNG HỆ MET				
	FCT (TW)	YAMAWA (JP)			NACHI (JP)
	F1-PO	PO	VU-PO	PO OX	List 6868
	HSS-EX	HSS	HSS-P	HSS Phủ Oxide	HSS-E
M1x0.25	FCT-F1PO-M010025				
M1.2x0.25	FCT-F1PO-M012025	YMW-POP12B			
M1.4x0.3	FCT-F1PO-M014030	YMW-POP14C			
M1.6x0.35	FCT-F1PO-M016035	YMW-POQ16D			
M1.7x0.35	FCT-F1PO-M017035	YMW-POQ17D			
M1.8x0.35					
M2x0.4	FCT-F1PO-M020040	YMW-POQ20E		YMW-POQ20EX	L6868M020040
M2.2x0.45					
M2.3x0.4	FCT-F1PO-M023040				
M2.5x0.35					
M2.5x0.45	FCT-F1PO-M025045	YMW-POQ25F		YMW-POQ25FX	L6868M025045
M2.6x0.45	FCT-F1PO-M026045	YMW-POQ26F			L6868M026045
M3x0.35					
M3x0.5	FCT-F1PO-M030050	YMW-POQ30G		YMW-POQ30GX	L6868M030050
M3.5x0.6	FCT-F1PO-M035060	YMW-POQ35H			L6868M035060
M4x0.5	FCT-F1PO-M040050	YMW-POQ40G			
M4x0.7	FCT-F1PO-M040070	YMW-POQ40I	YMW-1102101042	YMW-POQ40IX	L6868M040070
M4.5x0.75	FCT-F1PO-M045075				
M5x0.5	FCT-F1PO-M050050				
M5x0.8	FCT-F1PO-M050080	YMW-POQ50K	YMW-1102101049	YMW-POQ50KX	L6868M050080
M6x0.75	FCT-F1PO-M060075				L6868M060075
M6x1	FCT-F1PO-M060100	YMW-POQ60M	YMW-1102101055	YMW-POQ60MX	L6868M060100
M7x0.75	FCT-F1PO-M070075				
M7x1	FCT-F1PO-M070100				L6868M070100
M8x0.75	FCT-F1PO-M080075				
M8x1	FCT-F1PO-M080100	YMW-POR80M			L6868M080100
M8x1.25	FCT-F1PO-M080125	YMW-POR80N	YMW-1102101064	YMW-POR80NX	L6868M080125
M9x0.75					
M9x1	FCT-F1PO-M090100				
M9x1.25	FCT-F1PO-M090125				
M10x0.75		YMW-POR010J			
M10x1	FCT-F1PO-M100100	YMW-POR010M			L6868M100100
M10x1.25	FCT-F1PO-M100125	YMW-POR010N		YMW-POR010NX	L6868M100125
M10x1.5	FCT-F1PO-M100150	YMW-POR010O	YMW-1102101078	YMW-POR010OX	L6868M100150
M11x1.5					
M12x1	FCT-F1PO-M120100	YMW-POR012M			
M12x1.25	FCT-F1PO-M120125			YMW-POS012NX	L6868M120125
M12x1.5	FCT-F1PO-M120150		YMW-1102101089		L6868M120150
M12x1.75	FCT-F1PO-M120175	YMW-POS012P	YMW-1102101088	YMW-POS012PX	L6868M120175
M13x1					
M14x1	FCT-F1PO-M140100				
M14x1.25	FCT-F1PO-M140125				

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI TARO LỖ THÔNG

(Mũi Taro hệ Met dùng cho nhiều loại vật liệu)

SIZE REN	CÁC MŨI TARO DÒNG TIÊU CHUẨN THÔNG DỤNG HỆ MET				
	FCT (TW)	YAMAWA (JP)			NACHI (JP)
	F1-PO	PO	VU-PO	PO OX	List 6868
	HSS-EX	HSS	HSS-P	HSS Phủ Oxide	HSS-E
M14x1.5	FCT-F1PO-M140150				L6868M140150
M14x2	FCT-F1PO-M140200	YMW-POS014Q		YMW-POS014QX	L6868M140200
M15x1					
M15x1.5		YMW-POR015O			
M16x1	FCT-F1PO-M160100				
M16x1.5	FCT-F1PO-M160150		YMW-1102101116		L6868M160150
M16x2	FCT-F1PO-M160200	YMW-POS016Q		YMW-POS016QX	L6868M160200
M17x1					
M17x1.5					
M18x1	FCT-F1PO-M180100	YMW-POR018M			
M18x1.5	FCT-F1PO-M180150				L6868M180150
M18x2	FCT-F1PO-M180200			YMW-POS018QX	
M18x2.5	FCT-F1PO-M180250	YMW-POS018R		YMW-POS018RX	L6868M180250
M20x1	FCT-F1PO-M200100				
M20x1.5	FCT-F1PO-M200150	YMW-POS020O			L6868M200150
M20x2	FCT-F1PO-M200200				
M20x2.5	FCT-F1PO-M200250	YMW-POS020R		YMW-POS020RX	L6868M200250
M22x1	FCT-F1PO-M220100				
M22x1.5	FCT-F1PO-M220150				L6868M220150
M22x2	FCT-F1PO-M220200				
M22x2.5	FCT-F1PO-M220250			YMW-POS022RX	L6868M220250
M24x1.5	FCT-F1PO-M240150				L6868M240150
M24x2	FCT-F1PO-M240200	YMW-POS024Q			
M24x3	FCT-F1PO-M240300	YMW-POS024S		YMW-POS024SX	L6868M240300
M25x1.5	FCT-F1PO-M250150				
M25x2	FCT-F1PO-M250200				
M26x1.5	FCT-F1PO-M260150				
M26x2	FCT-F1PO-M260200				
M27x1.5	FCT-F1PO-M270150				
M27x3	FCT-F1PO-M270300			YMW-POS027SX	
M28x1.5	FCT-F1PO-M280150				
M28x2	FCT-F1PO-M280200				
M30x1	FCT-F1PO-M300100				
M30x1.5	FCT-F1PO-M300150				
M30x2	FCT-F1PO-M300200				
M30x3	FCT-F1PO-M300300				
M30x3.5	FCT-F1PO-M300350	YMW-POT030T		YMW-POT030TX	
M33x3.5					
M36x4					
M42x1.5					
M42x4.5		YMW-POMT042V			

MŨI TARO LỖ THÔNG

(Mũi taro có phủ-Mũi taro chuyên dùng hệ met)

SIZE REN	MŨI TARO CHUYÊN DÙNG HỆ MET							
	Có Phủ			Chuyên Dùng Cho				
	FCT (TW)	Yamawa (JP)		FCT (TW)		Yamawa (JP)		
	F1-POG Phủ TiN	POV phủ TiN	SVPO phủ TiN	50HRC	60HRC	Khó Cắt	Chuyên Inox	Chuyên Nikel*
M1.4x0.3								
M1.6x0.35								
M2x0.4	FCT-F1POG-M020040						YMW-PUPQ20E	
M2.5x0.45	FCT-F1POG-M025045						YMW-PUPQ25F	
M2.6x0.45							YMW-PUPQ26F	
M3x0.5	FCT-F1POG-M030050		YMW-PY30GRNEV	FCT-HTPMX-M030050	FCT-CSTOX-M030050	YMW-PY30GRDPB	YMW-PUMQ30G	YMW-ZENPMR30G
M3.5x0.6								
M4x0.7	FCT-F1POG-M040070		YMW-PY40IRNEV	FCT-HTPMX-M040070	FCT-CSTOX-M040070	YMW-PY40IRDPB	YMW-PUMQ40I	YMW-ZENPMR40I
M5x0.8	FCT-F1POG-M050080		YMW-PY50KRNEV	FCT-HTPMX-M050080	FCT-CSTOX-M050080		YMW-PUMQ50K	YMW-ZENPMR50K
M6x0.75								
M6x1	FCT-F1POG-M060100		YMW-PY60MRNEV	FCT-HTPMX-M060100	FCT-CSTOX-M060100	YMW-PY60MRDPB	YMW-PUMQ60M	YMW-ZENPMR60M
M7x1	FCT-F1POG-M070100							
M8x1				FCT-HTPMX-M080100				
M8x1.25	FCT-F1POG-M080125		YMW-PY80NSNEV	FCT-HTPMX-M080125	FCT-CSTOX-M080125	YMW-PY80NSDPB	YMW-PUMR80N	
M10x1				FCT-HTPMX-M100100				
M10x1.25	FCT-F1POG-M100125		YMW-PY010NSNEV	FCT-HTPMX-M100125				YMW-ZENPMS010N
M10x1.5	FCT-F1POG-M100150		YMW-PY010OSNEV	FCT-HTPMX-M100150	FCT-CSTOX-M100150		YMW-PUMR010O	
M12x1								
M12x1.25	FCT-F1POG-M120125			FCT-HTPMX-M120125			YMW-PUMS012N	
M12x1.5				FCT-HTPMX-M120150				
M12x1.75	FCT-F1POG-M120175		YMW-PY012PTNEV	FCT-HTPMX-M120175	FCT-CSTOX-M120175		YMW-PUMS012P	
M14x1.5								
M14x2	FCT-F1POG-M140200				FCT-CSTOX-M140200		YMW-PUMS014Q	
M16x1.5								
M16x2	FCT-F1POG-M160200				FCT-CSTOX-M160200		YMW-PUMS016Q	
M18x1.5								
M18x2.5								
M20x1.5								
M20x2.5	FCT-F1POG-M200250						YMW-PUMS020R	
M24x3								

Chuyên Nikel: Chuyên dùng cho bề mặt vật liệu phủ Nikel

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi taro thông dụng chuyên dùng cho lỗ bít)

SIZE REN	MŨI TARO TIÊU CHUẨN THÔNG DỤNG						
	FCT (TW)	Nachi (JP)	Yamawa (JP)				
	F1-SP	List 6866	SP	SP 1.5P	SP OX	XSP	Ren trái
M1.2x0.25			YMW-SPP12B				
M1.4x0.3			YMW-SPP14C				
M1.6x0.35			YMW-SPP16D		YMW-SPP16DX		
M1.7x0.35			YMW-SPP17D		YMW-SPP17DX		
M2x0.25							
M2x0.4	FCT-MSP-M020040	STSP2M0.4R	YMW-SPP20E	YMW-SY20EPNEBA	YMW-SPP20EX		
M2.2x0.45							
M2.3x0.4			YMW-SPP23E				
M2.5x0.45	FCT-MSP-M025045	STSP2.5M0.45R	YMW-SPP25F		YMW-SPP25FX		
M2.6x0.45	FCT-MSP-M026045	STSP2.6M0.45R	YMW-SPP26F	YMW-SY26FPNEBA	YMW-SPP26FX		YMW-SPP26F--L
M3x0.35							
M3x0.5	FCT-MSP-M030050	STSP3M0.5R	YMW-SPP30G	YMW-SY30GPNEBA	YMW-SPP30GX		YMW-SPP30G-L
M3.5x0.35							
M3.5x0.6		STSP3.5M0.6R					
M4x0.5			YMW-SPP40G		YMW-SPP40GX		
M4x0.7	FCT-MSP-M040070	STSP4M0.7R	YMW-SPQ40I	YMW-SY40IQNEBA	YMW-SPQ40IX		YMW-SPQ40I-L
M4x0.75							
M5x0.5			YMW-SPP50G				
M5x0.75			YMW-SPQ50J				
M5x0.8	FCT-MSP-M050080	STSP5M0.8R	YMW-SPQ50K	YMW-SY50KQNEBA	YMW-SPQ50KX		YMW-SPQ50K-L
M6x0.5			YMW-SPP60G				
M6x0.75		STSP6M0.75R	YMW-SPQ60J				
M6x1	FCT-MSP-M060100	STSP6M1R	YMW-SPQ60M	YMW-SY60MQNEBA	YMW-SPQ60MX		YMW-SPQ60M-L
M7x0.5							
M7x0.75			YMW-SPQ70J				
M7x1	FCT-MSP-M070100	STSP7M1R	YMW-SPQ70M		YMW-SPQ70MX		
M8x0.5			YMW-SPQ80G				
M8x0.75			YMW-SPQ80J				
M8x1	FCT-MSP-M080100	STSP8M1R	YMW-SPQ80M		YMW-SPQ80MX		
M8x1.25	FCT-MSP-M080125	STSP8M1.25R	YMW-SPQ80N	YMW-SY80NQNEBA	YMW-SPQ80NX	YMW-SNXR80N	YMW-SPQ80N-L
M9x0.75							
M9x1			YMW-SPQ90M				
M10x0.5			YMW-SPQ010G				
M10x0.75			YMW-SPQ010J				
M10x1		STSP10M1R			YMW-SPQ010MX		
M10x1.25	FCT-MSP-M100125	STSP10M1.25R	YMW-SPQ010N		YMW-SPQ010NX		YMW-SPQ010N-L
M10x1.5	FCT-MSP-M100150	STSP10M1.5R	YMW-SPQ010O		YMW-SPQ010OX		YMW-SPQ010O--L

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi taro thông dụng chuyên dùng cho lỗ bít)

SIZE REN	MŨI TARO TIÊU CHUẨN THÔNG DỤNG						
	FCT (TW)	Nachi (JP)	Yamawa (JP)				
	F1-SP	List 6866	SP	SP 1.5P	SP OX	XSP	Ren trái
M11x0.75							
M11x1							
M12x0.5			YMW-SPQ012G				
M12x0.75							
M12x1			YMW-SPQ012M				
M12x1.25	FCT-MSP-M120125	STSP12M1.25R					YMW-SPQ012N--L
M12x1.5	FCT-MSP-M120150	STSP12M1.5R	YMW-SPQ012O		YMW-SPQ012OX		
M12x1.75	FCT-MSP-M120175	STSP12M1.75R	YMW-SPQ012P		YMW-SPQ012PX		YMW-SPQ012P-L
M14x1							YMW-SPQ014M--L
M14x1.25			YMW-SPQ014N				
M14x1.5	FCT-MSP-M140150	STSP14M1.5R	YMW-SPQ014O		YMW-SPQ014OX		YMW-SPQ014O--L
M14x2	FCT-MSP-M140200	STSP14M2R	YMW-SPQ014Q		YMW-SPQ014QX		
M15x1							
M15x1.5							
M16x1			YMW-SPQ016M				
M16x1.5	FCT-MSP-M160150	STSP16M1.5R	YMW-SPQ016O		YMW-SPQ016OX	YMW-HDISPS80N	
M16x2	FCT-MSP-M160200	STSP16M2R	YMW-SPQ016Q		YMW-SPQ016QX		YMW-SPQ016Q--L
M17x1.5							
M18x1							
M18x1.5	FCT-MSP-M180150	STSP18M1.5R	YMW-SPQ018O				
M18x2							
M18x2.5	FCT-MSP-M180250	STSP18M2.5R	YMW-SPR018R		YMW-SPR018RX		
M20x1			YMW-SPQ020M				
M20x1.5	FCT-MSP-M200150	STSP20M1.5R	YMW-SPR020O		YMW-SPR020OX		YMW-SPR020O--L
M20x2							
M20x2.5	FCT-MSP-M200250	STSP20M2.5R	YMW-SPR020R		YMW-SPR020RX		
M22x1							
M22x1.5	FCT-MSP-M220150	STSP22M1.5R					
M22x2.5	FCT-MSP-M220250	STSP22M2.5R			YMW-SPR022RX		
M24x1							
M24x1.5	FCT-MSP-M240150	STSP24M1.5R					
M24x2							
M24x3	FCT-MSP-M240300	STSP24M3R	YMW-SPR024S		YMW-SPR024SX		
M25x1.5							
M26x1							
M26x1.5							
M27x1.5							

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi taro thông dụng chuyên dùng cho lỗ bít)

SIZE REN	MŨI TARO TIÊU CHUẨN THÔNG DỤNG						
	FCT (TW)	Nachi (JP)	Yamawa (JP)				
	F1-SP	List 6866	SP	SP 1.5P	SP OX	XSP	Ren trái
M27x2			YMW-SPR027Q				
M27x3			YMW-SPR027S		YMW-SPR027SX		
M28x1.5							
M28x2							
M30x1.5							
M30x2							
M30x3							
M30x3.5			YMW-SPS030T		YMW-SPS030TX		
M32x1.5							
M33x2							
M33x3.5			YMW-SPMS033T		YMW-SPMS033TX		
M35x1							
M36x3							
M36x4			YMW-SPMS036U		YMW-SPMS036UX		
M42x1.5							
M42x4.5			YMW-SPMS042V			YMW-HDISPS80N	
M48x5			YMW-SPMS048W				
#2-56	FCT-MSP-S002056C						
#3-48							
#4-40	FCT-MSP-S004040C		YMW-SPPUN4H		YMW-SPPUN4HX		
#4-48							
#5-40			YMW-SPPUN5H				
#6-32	FCT-MSP-S006032C		YMW-SPQUN6J		YMW-SPQUN6JX		
#8-32	FCT-MSP-S008032C		YMW-SPQUN8J		YMW-SPQUN8JX		
#10-24	FCT-MSP-S010024C		YMW-SPQUNAM				
#10-32	FCT-MSP-S010032F				YMW-SPQUNAJX		
3/32"SM56							
1/8"SM40							
9/64"SM40							
5/32"W32							
3/16"W24							
3/16"-24	FCT-MSP-S316024C						
3/16W24	FCT-MSP-S316024W						
3/16"-32	FCT-MSP-S316032F						
1/4"-12							
1/4"-20	FCT-MSP-S140020C				YMW-SPQU04NX		
1/4W20	FCT-MSP-S140020W						

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi taro thông dụng chuyên dùng cho lỗ bít)

SIZE REN	MŨI TARO TIÊU CHUẨN THÔNG DỤNG						
	FCT (TW)	Nachi (JP)	Yamawa (JP)				
	F1-SP	List 6866	SP	SP 1.5P	SP OX	XSP	Ren trái
1/4"-28	FCT-MSP-S140028F		YMW-SPQU04K		YMW-SPQU04KX		
1/4"SM40							
5/16"-18	FCT-MSP-S516018C		YMW-SPQU05O		YMW-SPQU05OX		YMW-SPQU05O--L
5/16W18	FCT-MSP-S516018W						
5/16"-24	FCT-MSP-S516024F						
3/8"-16	FCT-MSP-S380016C		YMW-SPQU06P		YMW-SPQU06PX		
3/8W16	FCT-MSP-S380016W						
3/8"-24	FCT-MSP-S380024F						
3/8"-32							
7/16"-14			YMW-SPRU07Q				
7/16"-20							
7/16"-28							
1/2"-12	FCT-MSP-S120012W						
1/2"W12							
1/2"-13	FCT-MSP-S120013C		YMW-SPRU08R		YMW-SPRU08RX		
1/2"-20	FCT-MSP-S120020F					YMW-HDISPS80N	
1/2"-28							
9/16"-18							
5/8"-11	FCT-MSP-S580011C						
5/8W11	FCT-MSP-S580011W						
5/8"-18	FCT-MSP-S580018F						
5/8"-24							
3/4"-10	FCT-MSP-S340010C		YMW-SPRU12V				
3/4"W10							
3/4W10	FCT-MSP-S340010W						
3/4"-16	FCT-MSP-S340016F						
7/8"-9	FCT-MSP-S780009C						
7/8W9	FCT-MSP-S780009W						
7/8"-14	FCT-MSP-S780014F						
1"-8	FCT-MSP-S100008C						
1W8	FCT-MSP-S100008W						
1"-12	FCT-MSP-S001012F						

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi Taro Xoắn - Lỗ Bít chuyên dùng cho vật liệu đặc biệt của hãng Yamawa Nhật Bản)

SIZE REN	MŨI TARO CHUYÊN DÙNG CHO VẬT LIỆU ĐẶC BIỆT								
	Chuyên Nhôm			CHUYÊN Inox			Chuyên Nikel	Vật Liệu Khó Cắt	Taro Ren Cấy
	+SP	-SP	-SP 1.5P	SU+SP	SU-SP	SU2-SP	ZEN-B	PM-SP	STI
M2x0.4				YMW-SUPP20E					
M2.5x0.45			YMW-SY25FQLENA	YMW-SUPP25F					
M2.6x0.45				YMW-SUPP26F					
M3x0.5	YMW-ASHPQ30G		YMW-SY30GQLENA	YMW-SUPP30G			YMW-ZENBMQ30G	YMW-SY30GRDPB	YMW-SW30G1LEN
M4x0.7	YMW-ASHPR40I		YMW-SY40IRLENA	YMW-SUPQ40I			YMW-ZENBMR40I	YMW-SY40IRDPB	
M5x0.8	YMW-ASHPR50K		YMW-SY50KRLENA	YMW-SUPQ50K		YMW-SU2MQ50K	YMW-ZENBMR50K	YMW-SY50KRDPB	YMW-SW50K1LEN
M6x1	YMW-ASHPR60M		YMW-SY60MRLENA	YMW-SUPQ60M		YMW-SU2MQ60M	YMW-ZENBMR60M	YMW-SY60MRDPB	YMW-SW60M1LEN
M8x0.75					YMW-SUMQ80J				
M8x1.25		YMW-ASHMR80N			YMW-SUMQ80N		YMW-ZENBMR80N	YMW-SY80NRDPB	YMW-SW80N1LEN
M10x1		YMW-ASHMR010M			YMW-SUMQ010M				
M10x1.25									
M10x1.5		YMW-ASHMR010O				YMW-SU2MR010O		YMW-SY010ORDPB	YMW-SW010O1LEN
M12x1									
M12x1.2									
M12x1.25									
M12x1.75		YMW-ASHMR012P			YMW-SUMQ012P	YMW-SU2MR012P	YMW-ZENBMR012P	YMW-SY012PRDPB	YMW-SW012P1LEN
M14x1.5		YMW-ASHMR014O			YMW-SUMQ014O				
M14x2					YMW-SUMQ014Q				
M16x1.5									YMW-SW016O1LEN
M16x2					YMW-SUMQ016Q				
M20x2.5									
#2-56					YMW-SUMPUN2E				
#4-40					YMW-SUMPUN4H				
#6-32					YMW-SUMQUN6J				
#8-32					YMW-SUMQUN8J				
#10-24					YMW-SUMQUNAM				
#10-32					YMW-SUMQUNAJ				
5/16"-18					YMW-SUMQU05O				

VẬT TƯ GIA CÔNG

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi taro cán dài-cổ dài chuyên dùng lỗ sâu)

SIZE REN	TỔNG CHIỀU DÀI (mm)	LOẠI CÁN DÀI		
		CÁN DÀI		TỐC ĐỘ CAO
		LS-SP	LS-SP-K	F-SP
M2x0.4	**70**	YMW-SPFP20EL07		
M3x0.5	**46**			YMW-VFSHMQ30G
M3x0.5	**100**	YMW-SPFP30GL10	YMW-SY30GPFEBE	
M4x0.7	**52**			YMW-VFSHMQ40I
M4x0.7	**70**	YMW-SPFQ40IL07		
M4x0.7	**100**	YMW-SPFQ40IL10		
M5x0.8	**60**			YMW-VFSHMQ50K
M5x0.8	**100**	YMW-SPFQ50KL10	YMW-SY50KQFEBE	
M6x1	**62**			YMW-VFSHMQ60M
M6x1	**100**	YMW-SPFQ60ML10		
M6x1	**120**	YMW-SPFQ60ML12		
M6x1	**150**	YMW-SPFQ60ML15		
M8x1.25	**70**			YMW-VFSHMR80N
M8x1.25	**100**	YMW-SPQ80NL10		
M8x1.25	**120**	YMW-SPQ80NL12		
M8x1.25	**150**	YMW-SPQ80NL15		
M8x1.25	**200**	YMW-SPQ80NL20		
M10x1.5	**100**	YMW-SPQ010OL10		
M10x1.5	**150**	YMW-SPQ010OL15		
M10x1.5	**200**	YMW-SPQ010OL20		
M12x1.75	**82**			YMW-VFSHMS012P
M12x1.75	**100**	YMW-SPQ012PL10		
M12x1.75	**150**	YMW-SPQ012PL15		

MŨI TARO LỖ BÍT

(Loại taro có lớp phủ đặc biệt)

SIZE REN	PHỦ BỀ MẶT		
	Phủ TiN	Phủ Đặc Biệt	
	SVSP	AUSP	VUSP
M2x0.4		YMW-VSAPQ20E	
M2.5x0.45		YMW-VSAPQ25F	
M3x0.5	YMW-SY30GQNEV	YMW-VSAPQ30G	YMW-1101101035
M4x0.7	YMW-SY40IRNEV	YMW-VSAPQ40I	YMW-1101101042
M5x0.8	YMW-SY50KRNEV	YMW-VSAPQ50K	YMW-1101101049
M6x0.75			YMW-1101301056
M6x1	YMW-SY60MRNEV	YMW-VSAPQ60M	YMW-1101101055
M8x1			YMW-1101101065
M8x1.25	YMW-SY80NRNEV	YMW-VSAPR80N	YMW-1101101064
M10x1			YMW-1101101080
M10x1.25	YMW-SY010NRNEV		YMW-1101101079
M10x1.5	YMW-SY010ORNEV	YMW-VSAPR010O	YMW-1101101078
M12x1.5			YMW-1101101089
M12x1.75	YMW-SY012PRNEV	YMW-VSAPR012P	YMW-1101101088

MŨI TARO LỖ BÍT

(Mũi taro có phủ bề mặt chuyên dùng cho lỗ bít, hãng FCT Đài Loan)

HỆ KÍCH THƯỚC	SIZE REN	MŨI TARO HỆ MET		
		FCT (TW)		
		Phủ Homo/Bright	Phủ TiN	
		F1-PO	F1-SPG	PM-F1-SPG
Hệ Met	M1x0.25	FCT-F1SP-M010025		
	M1.2x0.25	FCT-F1SP-M012025		
	M1.4x0.3	FCT-F1SP-M014030		
	M1.6x0.35	FCT-F1SP-M016035		
	M1.7x0.35	FCT-F1SP-M017035		
	M2x0.4	FCT-F1SP-M020040	FCT-F1SPG-M020040	
	M2.3x0.4	FCT-F1SP-M023040		
	M2.5x0.45	FCT-F1SP-M025045		
	M2.6x0.45	FCT-F1SP-M026045		
	M3x0.5	FCT-F1SP-M030050	FCT-F1SPG-M030050	FCT-PMF1SPG-M030050
	M3.5x0.6	FCT-F1SP-M035060		
	M4x0.5	FCT-F1SP-M040050		
	M4x0.7	FCT-F1SP-M040070	FCT-F1SPG-M040070	FCT-PMF1SPG-M040070
	M4.5x0.75	FCT-F1SP-M045075		
	M5x0.5	FCT-F1SP-M050050		
	M5x0.8	FCT-F1SP-M050080	FCT-F1SPG-M050080	FCT-PMF1SPG-M050080
	M6x0.75	FCT-F1SP-M060075		
	M6x1	FCT-F1SP-M060100	FCT-F1SPG-M060100	FCT-PMF1SPG-M060100
	M7x0.75	FCT-F1SP-M070075		
	M7x1	FCT-F1SP-M070100	FCT-F1SPG-M070100	
	M8x0.75	FCT-F1SP-M080075		
	M8x1	FCT-F1SP-M080100		FCT-PMF1SPG-M080100
	M8x1.25	FCT-F1SP-M080125	FCT-F1SPG-M080125	FCT-PMF1SPG-M080125
	M9x1	FCT-F1SP-M090100		
	M9x1.25	FCT-F1SP-M090125		
	M10x1	FCT-F1SP-M100100		
	M10x1.25	FCT-F1SP-M100125		FCT-PMF1SPG-M100125
	M10x1.5	FCT-F1SP-M100150	FCT-F1SPG-M100150	FCT-PMF1SPG-M100150
	M12x1	FCT-F1SP-M120100		FCT-PMF1SPG-M120100
	M12x1.25	FCT-F1SP-M120125		FCT-PMF1SPG-M120125
	M12x1.5	FCT-F1SP-M120150		FCT-PMF1SPG-M120150
	M12x1.75	FCT-F1SP-M120175	FCT-F1SPG-M120175	FCT-PMF1SPG-M120175
	M14x1	FCT-F1SP-M140100		
	M14x1.25	FCT-F1SP-M140125		
	M14x1.5	FCT-F1SP-M140150		FCT-PMF1SPG-M140150

HỆ KÍCH THƯỚC	SIZE REN	MŨI TARO HỆ MET		
		FCT (TW)		
		Phủ Homo/Bright	Phủ TiN	
		F1-PO	F1-SPG	PM-F1-SPG
Hệ Met	M14x2	FCT-F1SP-M140200	FCT-F1SPG-M140200	FCT-PMF1SPG-M140200
	M16x1	FCT-F1SP-M160100		
	M16x1.5	FCT-F1SP-M160150		FCT-PMF1SPG-M160150
	M16x2	FCT-F1SP-M160200	FCT-F1SPG-M160200	FCT-PMF1SPG-M160200
	M18x1	FCT-F1SP-M180100		
	M18x1.5	FCT-F1SP-M180150		FCT-PMF1SPG-M180150
	M18x2	FCT-F1SP-M180200		
	M18x2.5	FCT-F1SP-M180250		FCT-PMF1SPG-M180250
	M20x1	FCT-F1SP-M200100		
	M20x1.5	FCT-F1SP-M200150		FCT-PMF1SPG-M200150
	M20x2	FCT-F1SP-M200200		
	M20x2.5	FCT-F1SP-M200250	FCT-F1SPG-M200250	FCT-PMF1SPG-M200250
	M22x1	FCT-F1SP-M220100		
	M22x1.5	FCT-F1SP-M220150		FCT-PMF1SPG-M220150
	M22x2	FCT-F1SP-M220200		
	M22x2.5	FCT-F1SP-M220250		FCT-PMF1SPG-M220250
	M24x1.5	FCT-F1SP-M240150		FCT-PMF1SPG-M240150
	M24x2	FCT-F1SP-M240200		
	M24x3	FCT-F1SP-M240300		FCT-PMF1SPG-M240300
	M25x1.5	FCT-F1SP-M250150		
	M25x2	FCT-F1SP-M250200		
	M26x1.5	FCT-F1SP-M260150		
	M26x2	FCT-F1SP-M260200		
	M27x1.5	FCT-F1SP-M270150		
	M27x3	FCT-F1SP-M270300		
	M28x1.5	FCT-F1SP-M280150		
	M28x2	FCT-F1SP-M280200		
	M30x1	FCT-F1SP-M300100		
	M30x1.5	FCT-F1SP-M300150		
	M30x2	FCT-F1SP-M300200		
	M30x3	FCT-F1SP-M300300		
	M30x3.5	FCT-F1SP-M300350		

MŨI TARO LỖ XOẮN - LỖ BÍT

(Mũi taro hệ inch có phủ bề mặt chuyên dùng cho lỗ bít)

HỆ KÍCH THƯỚC	SIZE REN	MŨI TARO HỆ INCH		
		FCT (TW)		
		Phủ Homo/Bright	Phủ TiN	
		F1-PO	F1-SPG	PM-F1-SPG
Hệ Inch	#2-56	FCT-F1SP-S002056		
	#4-40	FCT-F1SP-S004040		
	#4-48	FCT-F1SP-S004048		
	#5-40	FCT-F1SP-S005040		
	#5-44	FCT-F1SP-S005044		
	#6-32	FCT-F1SP-S006032		
	#6-40	FCT-F1SP-S006040		
	#8-32	FCT-F1SP-S008032		
	#8-36	FCT-F1SP-S008036		
	#10-24	FCT-F1SP-S010024		
	#10-32	FCT-F1SP-S010032		
	#12-24	FCT-F1SP-S012024		
	#12-28	FCT-F1SP-S012028		
	1/8"-40	FCT-F1SP-W180040		
	5/32"-32	FCT-F1SP-W532032		
	3/16"-24	FCT-F1SP-W316024		
	1/4"-20	FCT-F1SP-S140020		
	1/4"-28	FCT-F1SP-S140028		
	5/16"-18	FCT-F1SP-S516018		
	5/16"-24	FCT-F1SP-S516024		
	3/8"-16	FCT-F1SP-S380016		
	3/8"-24	FCT-F1SP-S380024		
	7/16"-14	FCT-F1SP-S716014		

HỆ KÍCH THƯỚC	SIZE REN	MŨI TARO HỆ INCH		
		FCT (TW)		
		Phủ Homo/Bright	Phủ TiN	
		F1-PO	F1-SPG	PM-F1-SPG
Hệ Inch	7/16"-20	FCT-F1SP-S716020		
	1/2"-12	FCT-F1SP-W120012		
	1/2"-13	FCT-F1SP-S120013		
	1/2"-20	FCT-F1SP-S120020		
	9/16"-12	FCT-F1SP-S916012		
	9/16"-18	FCT-F1SP-S916018		
	5/8"-11	FCT-F1SP-S580011		
	5/8"-18	FCT-F1SP-S580018		
	3/4"-10	FCT-F1SP-S340010		
	3/4"-16	FCT-F1SP-S340016		
	7/8"-9	FCT-F1SP-S780009		
	7/8"-14	FCT-F1SP-S780014		
	1"-8	FCT-F1SP-S100008		
	1"-12	FCT-F1SP-S100012		

ĐÁ MÀI

Đá Mài Kim Loại Chuyên Dụng

ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (mm)	BỀ DÀY (mm)	ĐƯỜNG KÍNH TRỤC (mm)	Mài Kim Loại			Mài Inox		Mài Bê Tông
			Hải Dương (VN)	Bosch (GER)	Dewalt (US)	Hải Dương (VN)	Bosch (GER)	Bosch (GER)
100	2	16					BOS-2608620690	
100	2.5	16						BOS-2608603606
100	3	16	HDM1003160D			HDM1003160H		
100	6	16	HDM1006160D	BOS-2608600017	DEW-DWA4500-B1	HDM1006160H	BOS-2608602267	
125	6	22	HDM1256220D		DEW-DW4543A-B1	HDM1256220H		
125	6	22			DEW-DW4543AIA-B1			
125	6	22.2		BOS-2608600263			BOS-2608602488	
150	6	22	HDM1506220D			HDM1506220H		
150	6	22.2		BOS-2608600855	DEW-DW4624		BOS-2608602489	
180	6	22	HDM1806220D			HDM1806220H		
180	6	22.2		BOS-2608600264	DEW-DW4547AIA-AE		BOS-2608600540	
200	25	32		BOS-2608600111				
200	25	32		BOS-2608600112				
230	6	22	HDM2306220D					
230	6	22.2		BOS-2608600265				

ĐÁ CẮT

ĐÁ CẮT KIM LOẠI CHUYÊN DỤNG

ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (mm)	BỀ DÀY (mm)	ĐƯỜNG KÍNH TRỤC (mm)	Chuyên Sắt			Chuyên Inox		Chuyên Sắt & Inox			
			Hải Dương (VN)	Bosch (GER)	Dewalt (US)	Hải Dương (VN)	Bosch (GER)	Hải Dương (VN)	Stanley (US)	Bosch (GER)	Dewalt (US)
100	**1.2**	**16**		BOS-2608600266							DEW-DWA8060-B1
100	**1.5**	**16**	HDC10015160D			HDC10015160H		HDC10015160S			
100	**1.6**	**16**							STA-STA8050		
100	**2**	**16**		BOS-2608600267							
100	**2.5**	**16**		BOS-2608600091	DEW-DWA4520FAIA-B1				STA-STA4520FA		
105	**1**	**16**					BOS-2608901468		STA-STA8060SUT		DEW-DWA8060B50
105	**1.2**	**16**		BOS-2608603412			BOS-2608603413			BOS-2608619701	
107	**1.2**	**16**						HDC10712160S			
125	**1**	**22.2**					BOS-2608600549				
125	**2**	**22**	HDC12520220D			HDC12520160H		HDC12520220S			
125	**2**	**22.2**					BOS-2608600094				
125	**2.5**	**22**			DEW-DWA4522FA-B1				STA-STA4522FA		
125	**2.5**	**22.2**								BOS-2608602389	
125	**3**	**22.2**		BOS-2608600270							
150	**1.6**	**22.2**					BOS-2608603405				
150	**2**	**22**	HDC15020220D			HDC15020220H		HDC15020220S			
150	**2.5**	**22**			DEW-DWA4523FA-B1						
150	**2.5**	**22.2**		BOS-2608600854							
180	**2**	**22**	HDC18020220D			HDC18020220H		HDC18020220S			
180	**2**	**22.2**					BOS-2608600095				
180	**2.5**	**22**			DEW-DWA4524FA-B1						
180	**3**	**22.2**		BOS-2608600272							
185	**2.5**	**22**							STA-STA4524FA		
230	**3**	**22.2**		BOS-2608600274							
305	**3**	**25.4**	HDC30530254D	BOS-2608600276		HDC30530254H		HDC30530254S			
355	**3**	**25.4**	HDC35530254D	BOS-2608602751	DEW-DWA8011B20	HDC35530254H		HDC35530254S			
405	**4**	**25.4**	HDC40540254D					HDC40540254S			

MS-PRO

Linh Kiện Kẹp Chặt

"+6200 SKu có sẵn
Giao hàng nhanh trong 24H"

MECSU

MỤC LỤC LINH KIỆN KẸP CHẶT

1 Bulong Đầu Lục Giác — Trang A1

2 Lục Giác Chìm Col — Trang A25

3 Lục Giác Chìm Trụ — Trang A41

4 Lục Giác Chìm Mo — Trang A72

5 Tán Lục Giác — Trang A84

6 Tán Keo — Trang A86

7 Tán Khía — Trang A86

8 Tán Bầu — Trang A86

9 Lông Đền Phẳng — Trang A88

10 Lông Đền Vênh — Trang A88

11 Lông Đền Nord-Lock — Trang A89

12 Lông Đền Heico-Lock — Trang A89

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Hex Bolts
Bulong đầu lục giác (Hex Bolts) là bulong có đầu được tạo hình lục giác đều, có dạng hình thanh trụ tròn có ren, được thiết kế sao cho phù hợp với đai ốc hoặc chi tiết có ren âm.

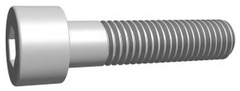

Socket Cap Screw
Lục giác chìm trụ (Socket Cap Screw) thường được sử dụng để buộc chặt cường độ cao trong máy công cụ, khuôn dập và đồ gá. Những đầu này đôi khi có khía, giúp tăng thêm độ bám để siết chặt ban đầu bằng tay.

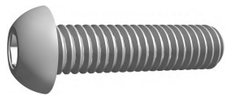

Socket Button Cap Screw
Lục giác chìm mo (Socket Button Cap Screw) có đầu hình tròn, thấp chứa 1 lỗ khoét hình lục giác. Thường phù hợp để sử dụng ở những không gian hạn chế.

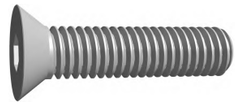

Flat Socket Cap Screw
Lục giác chìm col (Flat Socket Cap Screw) có ren với đầu được làm thon phía dưới và phẳng ở phía trên. Chúng được thiết kế để sử dụng với lỗ chìm khớp với phần côn của đầu, phần đầu sẽ nằm phẳng với bề mặt sau lắp ráp.

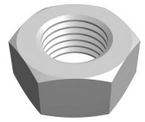

Hex Nut
Tán lục giác có 6 mặt và 1 lỗ đã được tạo ren.

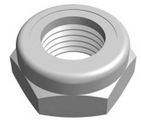

Nylon Insert Lock Nut
Tán keo có vòng nhựa bên trong sẽ được tạo ren khi siết chặt có tác dụng chống lại sự tự tháo của tán, đai ốc.

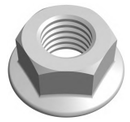

Flange Nut
Tán khía có mặt đệm liền phía sau. Có 2 loại là: có khía và không khía. Có tác dụng chống rung rất tốt.

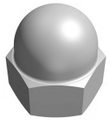

Acorn Nut
Tán bầu dùng để siết, bịt kín đầu bulong tránh cho bụi, nước xâm nhập vào mối ghép, nhằm tránh hoen gỉ.

Flat Washer
Lông đền phẳng sử dụng để phân phối tải.

Spring Washer
Lông đền vênh được sử dụng phổ biến để ngăn chặn đai ốc, bulong tự nới lỏng.

Nord Lock - Heico Lock
Hay còn gọi là lông đền chống xoay, cấu tạo 2 mảnh ghép vào nhau, chúng có mặt răng ăn khớp với nhau, chế tạo từ vật liệu thép, thép không gỉ.

Có Thể Bạn Chưa Biết

Ren phải
Là chiều ren ứng dụng phổ biến nhất. Chúng di chuyển ra xa bạn khi quay theo chiều kim đồng hồ.

Ren trái
Còn được gọi là ren ngược. Chúng di chuyển về phía bạn khi quay theo chiều kim đồng hồ.

Các loại ren

Trên các sản phẩm ren có cùng đường kính, các ren càng gần thì khoảng cách càng mịn

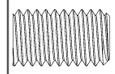

Ren thô: là loại ren phổ biến nhất, chúng có khoảng cách rộng nhất, vì vậy chúng dễ dàng và cần ít vòng xoắn nhất để thắt chặt. Phần đỉnh, chân ren sau và dày nên ít khả năng bị đứt hoặc kẹt, ngay cả khi bị khía, bẩn và bị gỉ.

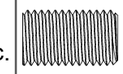

Ren mịn: khoảng cách ren được gia công gần nhau hơn so với ren thô, điều này giúp chúng ít bị lỏng hơn khi rung, nhưng nhiều khả năng bị kẹt trong quá trình lắp. Các đỉnh, chân ren mảnh và nông hơn rất hữu ích để thực hiện các điều chỉnh chính xác.

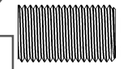

Ren cực mịn: khoảng cách giữa các ren của chúng thậm chí còn gần nhau hơn so với ren mịn. Điều này cho phép điều chỉnh gia tăng, chính xác.

Kích thước đai ốc và lông đền

Kích thước của đai ốc và lông đền cho biết kích thước của vít hoặc bulong phù hợp.
Ví dụ trong trường hợp dưới đây, kích thước của ren sẽ biểu thị kích thước của vít hoặc bulong cần thiết

M12 x 60mm M12 M12

Bước ren là khoảng cách giữa các đỉnh ren, được đo bằng milimet. Ví dụ: Ren có bước là 1.25 có nghĩa là khoảng cách giữa đỉnh ren này đến đỉnh ren tiếp theo là 1.25 mm.

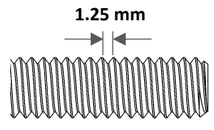

Đường kính được đo trên phần ren bên ngoài của bulong

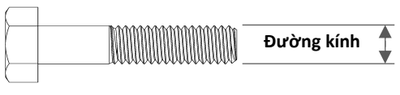

Đo Chiều Dài: Bulong ốc vít đầu bằng sẽ được đo trên toàn bộ chiều dài. Tất cả các loại khác được đo từ dưới đầu.

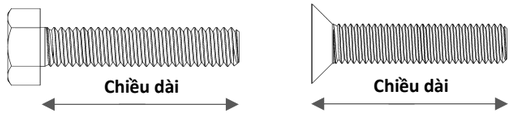

Một số loại đầu bulong, ốc vít

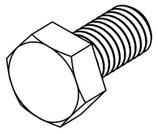

Đầu lục giác: thường được sử dụng để siết chặt cường độ cao. Khi chúng được siết chặt, chúng truyền nhiều mô-men xoắn hơn để giữ chặt hơn so với đầu vuông.

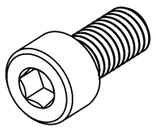

Lục giác chìm trụ: là loại bulong với phần đầu trụ, dập lục giác chìm có độ sâu theo tiêu chuẩn. Đầu có đường kính nhỏ hơn hầu hết các đầu vít máy khác, thường chỉ bằng 1.5 lần đường kính ren danh nghĩa.

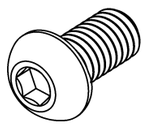

Lục giác chìm mo: hay còn gọi là bulong lục giác chìm đầu dù (cầu). Là bulong lục giác với phần đầu được bo tròn và cong xuống giống như chiếc dù.

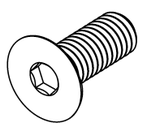

Lục giác chìm col: hay còn gọi là bulong lục giác chìm đầu bằng, được thiết kế để sau khi lắp ráp, phần đầu sẽ nằm bằng với bề mặt.

Phân Bố Ren

Ren suốt (Fully Threaded)

Ren được gia công xuyên suốt chiều dài của bulong.

Ren lửng (Partially Threaded)

Ren chỉ được gia công một phần, phần còn lại được thiết kế trơn và liền với đầu bulong.

Cấp bền và ký hiệu

Cấp bền đề cập đến tính chất cơ học của vật liệu. Chẳng hạn như được đánh số ký hiệu cao hơn cho thấy, vật liệu chắc hơn, cứng hơn (nhưng cũng giòn hơn).

Ký hiệu đầu bulong (US)

Carbon Thấp Grade 5 Grade 8

Ký hiệu đầu bulong (Metric)

Class 8.8 Class 10.9 Class 12.9

Xử Lý Bề Mặt

Thép Đen, Thép Mộc: bề mặt có lớp màu đen đặc trưng do quá trình nhiệt tạo ra, hoặc màu được phủ lớp nhuộm đen và lớp dầu tráng nhẹ bảo vệ bên ngoài.

Thép Mạ Kẽm: bề mặt đã được tráng một lớp kẽm, lớp phũ kẽm cung cấp một lớp bảo vệ cho thép bên dưới và cung cấp khả năng chống ăn mòn.

Nhúng Nóng Kẽm: thép được tẩy rửa bề mặt rồi đưa qua bể chứa kẽm nóng. Chúng có màu đục, bề mặt sần sùi chứ không đẹp như bề mặt của mạ kẽm điện phân.

Mạ Geomet: là lớp phủ vảy nhôm kẽm theo công nghệ Geomet, được sấy thành phần chống ăn mòn là chất nền chủ yếu là vô cơ, không chứa crom.

Mạ Dacromet: là hợp kim kẽm - crom - nhôm qua quá trình xử lý nhiệt trên 300°C tạo lớp phủ bám chắc với nền kim loại, chống ăn mòn cao.

Thép không gỉ (Inox): Thép không gỉ là hợp kim chống ăn mòn của sắt, crom và trong một số trường hợp là niken và các kim loại khác. Có thể tái chế hoàn toàn và vô hạn, thép không gỉ là "vật liệu xanh" tuyệt vời nhất.

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M3 - M6

DIN 933

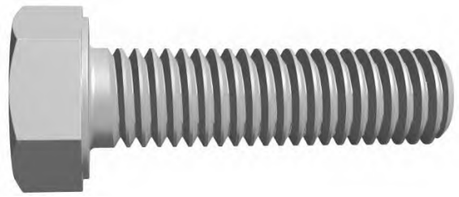

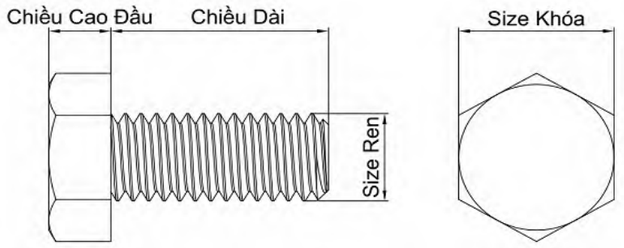

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M3 x 10							B01M0301010TH00	
M3 x 16							B01M0301016TH00	
M3 x 20							B01M0301020TH00	
M3 x 25							B01M0301025TH00	
M3 x 30							B01M0301030TH00	
M3 x 40							B01M0301040TH00	
M4 x 10							B01M0401010TH00	
M4 x 16							B01M0401016TH00	
M4 x 20							B01M0401020TH00	
M4 x 25							B01M0401025TH00	
M4 x 30							B01M0401030TH00	
M4 x 40							B01M0401040TH00	
M5 x 10							B01M0501010TH00	
M5 x 16							B01M0501016TH00	
M5 x 20							B01M0501020TH00	
M5 x 25							B01M0501025TH00	
M5 x 30							B01M0501030TH00	
M5 x 40							B01M0501040TH00	
M5 x 50							B01M0501050TH00	
M5 x 60							B01M0501060TH00	
M6 x 10			B01M0601010TD20		B01M0601010TD40		B01M0601010TH00	B01M0601010TK00
M6 x 12	B01M0601012TD10		B01M0601012TD20				B01M0601012TH00	B01M0601012TK00
M6 x 15								B01M0601015TK00
M6 x 16	B01M0601016TD10		B01M0601016TD20				B01M0601016TH00	B01M0601016TK00
M6 x 20	B01M0601020TD10		B01M0601020TD20				B01M0601020TH00	B01M0601020TK00
M6 x 25	B01M0601025TD10		B01M0601025TD20				B01M0601025TH00	B01M0601025TK00
M6 x 30	B01M0601030TD10		B01M0601030TD20				B01M0601030TH00	B01M0601030TK00
M6 x 35	B01M0601035TD10		B01M0601035TD20					
M6 x 40	B01M0601040TD10		B01M0601040TD20				B01M0601040TH00	B01M0601040TK00
M6 x 45					B01M0601045TD40			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M6 - M10

DIN 933

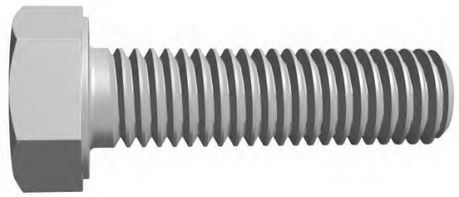

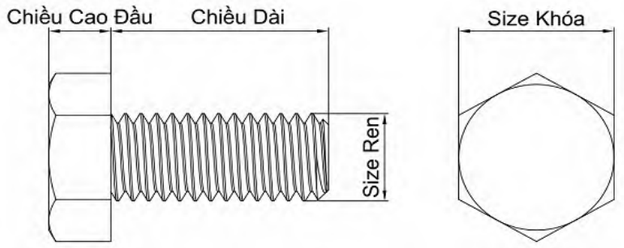

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M6 x 50	B01M0601050TD10		B01M0601050TD20				B01M0601050TH00	B01M0601050TK00
M6 x 60	B01M0601060TD10		B01M0601060TD20				B01M0601060TH00	B01M0601060TK00
M6 x 70			B01M0601070TD20		B01M0601070TD40		B01M0601070TH00	B01M0601070TK00
M6 x 80							B01M0601080TH00	B01M0601080TK00
M6 x 100			B01M0601100TD20				B01M0601100TH00	B01M0601100TK00
M6 x 110							B01M0601110TH00	
M6 x 120							B01M0601120TH00	B01M0601120TK00
M6 x 140							B01M0601140TH00	
M6 x 150								B01M0601150TK00
M8 x 12	B01M0801012TD10		B01M0801012TD20		B01M0801012TD40		B01M0801012TH00	B01M0801012TK00
M8 x 15								B01M0801015TK00
M8 x 16	B01M0801016TD10		B01M0801016TD20		B01M0801016TD40		B01M0801016TH00	B01M0801016TK00
M8 x 20	B01M0801020TD10		B01M0801020TD20		B01M0801020TD40		B01M0801020TH00	B01M0801020TK00
M8 x 25	B01M0801025TD10		B01M0801025TD20		B01M0801025TD40		B01M0801025TH00	B01M0801025TK00
M8 x 30	B01M0801030TD10		B01M0801030TD20		B01M0801030TD40		B01M0801030TH00	B01M0801030TK00
M8 x 35					B01M0801035TD40		B01M0801035TH00	
M8 x 40	B01M0801040TD10		B01M0801040TD20		B01M0801040TD40		B01M0801040TH00	B01M0801040TK00
M8 x 45							B01M0801045TH00	
M8 x 50	B01M0801050TD10		B01M0801050TD20		B01M0801050TD40		B01M0801050TH00	B01M0801050TK00
M8 x 60	B01M0801060TD10		B01M0801060TD20		B01M0801060TD40		B01M0801060TH00	B01M0801060TK00
M8 x 70	B01M0801070TD10		B01M0801070TD20		B01M0801070TD40		B01M0801070TH00	B01M0801070TK00
M8 x 80	B01M0801080TD10		B01M0801080TD20		B01M0801080TD40		B01M0801080TH00	B01M0801080TK00
M8 x 100	B01M0801100TD10						B01M0801100TH00	B01M0801100TK00
M8 x 120							B01M0801120TH00	B01M0801120TK00
M8 x 130			B01M0801130TD20					
M8 x 150							B01M0801150TH00	B01M0801150TK00
M10 x 16	B01M1001016TD10		B01M1001016TD20		B01M1001016TD40		B01M1001016TH00	
M10 x 20	B01M1001020TD10		B01M1001020TD20	B01M1001020TE20	B01M1001020TD40		B01M1001020TH00	B01M1001020TK00
M10 x 25	B01M1001025TD10	B01M1001025TE10	B01M1001025TD20		B01M1001025TD40		B01M1001025TH00	B01M1001025TK00
M10 x 30	B01M1001030TD10	B01M1001030TE10	B01M1001030TD20		B01M1001030TD40		B01M1001030TH00	B01M1001030TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M10 - M12

DIN 933

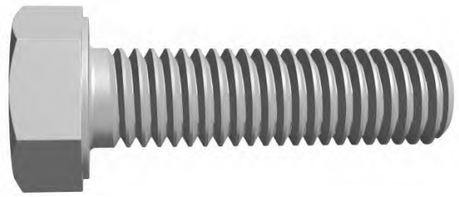

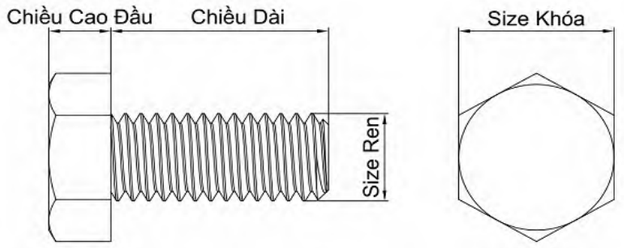

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M10 x 35	B01M1001035TD10	B01M1001035TE10	B01M1001035TD20	B01M1001035TE20	B01M1001035TD40		B01M1001035TH00	
M10 x 40	B01M1001040TD10		B01M1001040TD20	B01M1001040TE20	B01M1001040TD40		B01M1001040TH00	B01M1001040TK00
M10 x 45			B01M1001045TD20		B01M1001045TD40		B01M1001045TH00	
M10 x 50	B01M1001050TD10		B01M1001050TD20		B01M1001050TD40		B01M1001050TH00	B01M1001050TK00
M10 x 55	B01M1001055TD10	B01M1001055TE10	B01M1001055TD20	B01M1001055TE20				
M10 x 60	B01M1001060TD10		B01M1001060TD20		B01M1001060TD40		B01M1001060TH00	B01M1001060TK00
M10 x 70	B01M1001070TD10		B01M1001070TD20		B01M1001070TD40		B01M1001070TH00	B01M1001070TK00
M10 x 75							B01M1001075TH00	
M10 x 80	B01M1001080TD10	B01M1001080TE10	B01M1001080TD20	B01M1001080TE20	B01M1001080TD40		B01M1001080TH00	B01M1001080TK00
M10 x 90			B01M1001090TD20				B01M1001090TH00	
M10 x 100	B01M1001100TD10		B01M1001100TD20		B01M1001100TD40		B01M1001100TH00	B01M1001100TK00
M10 x 120			B01M1001120TD20		B01M1001120TD40		B01M1001120TH00	B01M1001120TK00
M10 x 130	B01M1001130TD10		B01M1001130TD20					
M10 x 150	B01M1001150TD10						B01M1001150TH00	B01M1001150TK00
M12 x 16			B01M1201016TD20					
M12 x 20	B01M1201020TD10		B01M1201020TD20				B01M1201020TH00	B01M1201020TK00
M12 x 25	B01M1201025TD10		B01M1201025TD20		B01M1201025TD40		B01M1201025TH00	B01M1201025TK00
M12 x 30	B01M1201030TD10		B01M1201030TD20	B01M1201030TE20	B01M1201030TD40		B01M1201030TH00	
M12 x 35			B01M1201035TD20		B01M1201035TD40		B01M1201035TH00	
M12 x 40	B01M1201040TD10	B01M1201040TE10	B01M1201040TD20	B01M1201040TE20	B01M1201040TD40		B01M1201040TH00	B01M1201040TK00
M12 x 45	B01M1201045TD10				B01M1201045TD40		B01M1201045TH00	
M12 x 50	B01M1201050TD10		B01M1201050TD20	B01M1201050TE20	B01M1201050TD40		B01M1201050TH00	B01M1201050TK00
M12 x 55	B01M1201055TD10				B01M1201055TD40		B01M1201055TH00	
M12 x 60	B01M1201060TD10		B01M1201060TD20		B01M1201060TD40		B01M1201060TH00	B01M1201060TK00
M12 x 65	B01M1201065TD10		B01M1201065TD20		B01M1201065TD40		B01M1201065TH00	
M12 x 70	B01M1201070TD10		B01M1201070TD20		B01M1201070TD40		B01M1201070TH00	B01M1201070TK00
M12 x 75					B01M1201075TD40			
M12 x 80	B01M1201080TD10		B01M1201080TD20		B01M1201080TD40		B01M1201080TH00	B01M1201080TK00
M12 x 90			B01M1201090TD20		B01M1201090TD40			
M12 x 100	B01M1201100TD10		B01M1201100TD20		B01M1201100TD40		B01M1201100TH00	B01M1201100TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M12 - M16

DIN 933

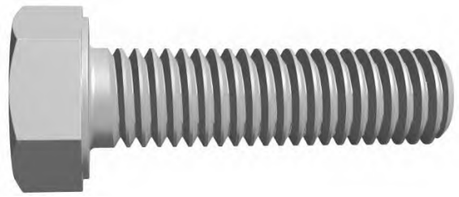

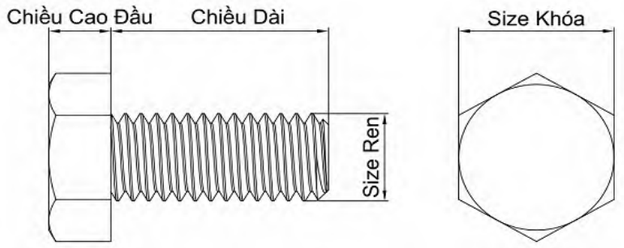

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M12 x 120	B01M1201120TD10		B01M1201120TD20				B01M1201120TH00	B01M1201120TK00
M12 x 130	B01M1201130TD10		B01M1201130TD20					
M12 x 150	B01M1201150TD10				B01M1201150TD40		B01M1201150TH00	B01M1201150TK00
M14 x 30	B01M1401030TD10		B01M1401030TD20	B01M1401030TE20	B01M1401030TD40		B01M1401030TH00	B01M1401030TK00
M14 x 35	B01M1401035TD10				B01M1401035TD40			
M14 x 40	B01M1401040TD10		B01M1401040TD20	B01M1401040TE20	B01M1401040TD40		B01M1401040TH00	B01M1401040TK00
M14 x 50	B01M1401050TD10		B01M1401050TD20	B01M1401050TE20	B01M1401050TD40		B01M1401050TH00	B01M1401050TK00
M14 x 60	B01M1401060TD10		B01M1401060TD20		B01M1401060TD40		B01M1401060TH00	B01M1401060TK00
M14 x 70	B01M1401070TD10		B01M1401070TD20		B01M1401070TD40		B01M1401070TH00	B01M1401070TK00
M14 x 80	B01M1401080TD10		B01M1401080TD20		B01M1401080TD40		B01M1401080TH00	B01M1401080TK00
M14 x 100	B01M1401100TD10		B01M1401100TD20				B01M1401100TH00	B01M1401100TK00
M14 x 120							B01M1401120TH00	B01M1401120TK00
M14 x 150							B01M1401150TH00	B01M1401150TK00
M16 x 25							B01M1601025TH00	
M16 x 30	B01M1601030TD10		B01M1601030TD20	B01M1601030TE20	B01M1601030TD40		B01M1601030TH00	B01M1601030TK00
M16 x 35	B01M1601035TD10	B01M1601035TE10	B01M1601035TD20	B01M1601035TE20	B01M1601035TD40		B01M1601035TH00	
M16 x 40	B01M1601040TD10	B01M1601040TE10	B01M1601040TD20	B01M1601040TE20	B01M1601040TD40		B01M1601040TH00	B01M1601040TK00
M16 x 45	B01M1601045TD10		B01M1601045TD20		B01M1601045TD40		B01M1601045TH00	
M16 x 50	B01M1601050TD10	B01M1601050TE10	B01M1601050TD20	B01M1601050TE20	B01M1601050TD40		B01M1601050TH00	B01M1601050TK00
M16 x 55	B01M1601055TD10		B01M1601055TD20				B01M1601055TH00	
M16 x 60	B01M1601060TD10		B01M1601060TD20		B01M1601060TD40		B01M1601060TH00	B01M1601060TK00
M16 x 65			B01M1601065TD20					
M16 x 70	B01M1601070TD10		B01M1601070TD20		B01M1601070TD40		B01M1601070TH00	B01M1601070TK00
M16 x 75					B01M1601075TD40			
M16 x 80	B01M1601080TD10		B01M1601080TD20		B01M1601080TD40		B01M1601080TH00	B01M1601080TK00
M16 x 90					B01M1601090TD40		B01M1601090TH00	
M16 x 100	B01M1601100TD10		B01M1601100TD20		B01M1601100TD40		B01M1601100TH00	B01M1601100TK00
M16 x 120	B01M1601120TD10		B01M1601120TD20		B01M1601120TD40		B01M1601120TH00	B01M1601120TK00
M16 x 150	B01M1601150TD10		B01M1601150TD20		B01M1601150TD40		B01M1601150TH00	B01M1601150TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M18 - M22

DIN 933

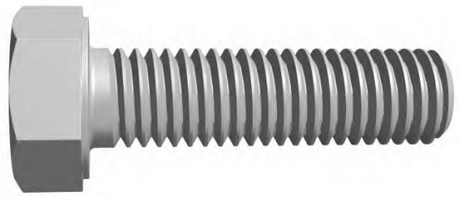

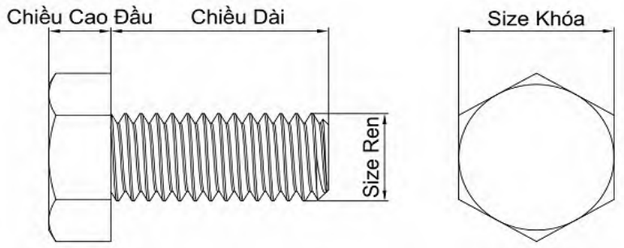

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M18 x 40	B01M1801040TD10		B01M1801040TD20		B01M1801040TD40		B01M1801040TH00	B01M1801040TK00
M18 x 50	B01M1801050TD10		B01M1801050TD20		B01M1801050TD40		B01M1801050TH00	B01M1801050TK00
M18 x 60	B01M1801060TD10				B01M1801060TD40		B01M1801060TH00	B01M1801060TK00
M18 x 70							B01M1801070TH00	B01M1801070TK00
M18 x 80	B01M1801080TD10		B01M1801080TD20		B01M1801080TD40		B01M1801080TH00	B01M1801080TK00
M18 x 100	B01M1801100TD10				B01M1801100TD40		B01M1801100TH00	B01M1801100TK00
M18 x 120	B01M1801120TD10				B01M1801120TD40		B01M1801120TH00	B01M1801120TK00
M18 x 150							B01M1801150TH00	B01M1801150TK00
M18 x 180							B01M1801180TH00	
M20 x 40	B01M2001040TD10		B01M2001040TD20	B01M2001040TE20	B01M2001040TD40		B01M2001040TH00	B01M2001040TK00
M20 x 45			B01M2001045TD20		B01M2001045TD40			
M20 x 50	B01M2001050TD10		B01M2001050TD20	B01M2001050TE20	B01M2001050TD40		B01M2001050TH00	B01M2001050TK00
M20 x 55					B01M2001055TD40			
M20 x 60	B01M2001060TD10		B01M2001060TD20		B01M2001060TD40		B01M2001060TH00	B01M2001060TK00
M20 x 65					B01M2001065TD40			
M20 x 70			B01M2001070TD20		B01M2001070TD40		B01M2001070TH00	B01M2001070TK00
M20 x 75			B01M2001075TD20					
M20 x 80			B01M2001080TD20		B01M2001080TD40		B01M2001080TH00	B01M2001080TK00
M20 x 85					B01M2001085TD40			
M20 x 90	B01M2001090TD10		B01M2001090TD20		B01M2001090TD40			
M20 x 100		B01M2001100TE10	B01M2001100TD20	B01M2001100TE20	B01M2001100TD40		B01M2001100TH00	
M20 x 120	B01M2001120TD10		B01M2001120TD20		B01M2001120TD40		B01M2001120TH00	B01M2001120TK00
M20 x 130			B01M2001130TD20					
M20 x 140			B01M2001140TD20					
M20 x 150			B01M2001150TD20		B01M2001150TD40		B01M2001150TH00	B01M2001150TK00
M20 x 200					B01M2001200TD40			
M22 x 50	B01M2201050TD10		B01M2201050TD20		B01M2201050TD40		B01M2201050TH00	B01M2201050TK00
M22 x 60	B01M2201060TD10		B01M2201060TD20		B01M2201060TD40		B01M2201060TH00	B01M2201060TK00
M22 x 70	B01M2201070TD10		B01M2201070TD20		B01M2201070TD40		B01M2201070TH00	B01M2201070TK00
M22 x 80	B01M2201080TD10		B01M2201080TD20		B01M2201080TD40		B01M2201080TH00	B01M2201080TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M22 - M30

DIN 933

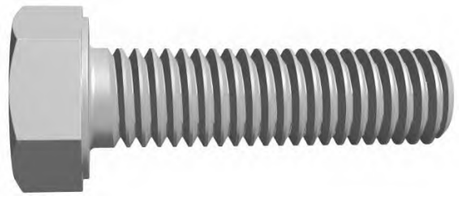

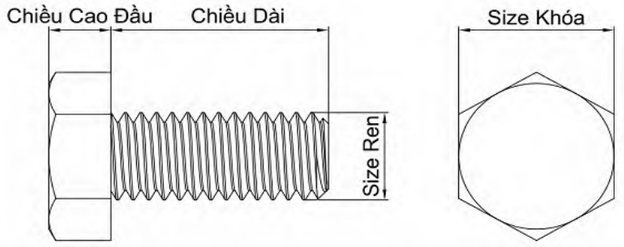

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M22 x 90	B01M2201090TD10				B01M2201090TD40			
M22 x 100	B01M2201100TD10		B01M2201100TD20		B01M2201100TD40		B01M2201100TH00	B01M2201100TK00
M22 x 120	B01M2201120TD10		B01M2201120TD20		B01M2201120TD40		B01M2201120TH00	B01M2201120TK00
M22 x 150	B01M2201150TD10		B01M2201150TD20		B01M2201150TD40		B01M2201150TH00	B01M2201150TK00
M22 x 200							B01M2201200TH00	
M24 x 50			B01M2401050TD20		B01M2401050TD40		B01M2401050TH00	B01M2401050TK00
M24 x 60	B01M2401060TD10		B01M2401060TD20		B01M2401060TD40		B01M2401060TH00	B01M2401060TK00
M24 x 70			B01M2401070TD20				B01M2401070TH00	B01M2401070TK00
M24 x 80	B01M2401080TD10	B01M2401080TE10	B01M2401080TD20		B01M2401080TD40		B01M2401080TH00	B01M2401080TK00
M24 x 90	B01M2401090TD10		B01M2401090TD20					
M24 x 100	B01M2401100TD10		B01M2401100TD20				B01M2401100TH00	B01M2401100TK00
M24 x 120	B01M2401120TD10						B01M2401120TH00	B01M2401120TK00
M24 x 140					B01M2401140TD40			
M24 x 150			B01M2401150TD20				B01M2401150TH00	B01M2401150TK00
M24 x 200							B01M2401200TH00	
M24 x 220							B01M2401220TH00	
M24 x 250							B01M2401250TH00	
M27 x 70			B01M2701070TD20					
M27 x 80			B01M2701080TD20					
M27 x 90			B01M2701090TD20					
M27 x 100	B01M2701100TD10		B01M2701100TD20				B01M2701100TH00	
M27 x 120					B01M2701120TD40		B01M2701120TH00	
M27 x 150	B01M2701150TD10						B01M2701150TH00	
M27 x 180			B01M2701180TD20					
M30 x 70					B01M3001070TD40			
M30 x 80	B01M3001080TE11							
M30 x 90					B01M3001090TD40			
M30 x 100	B01M3001100TD10		B01M3001100TD20		B01M3001100TD40		B01M3001100TH00	
M30 x 120					B01M3001120TD40		B01M3001120TH00	
M30 x 150	B01M3001150TD10				B01M3001150TD40		B01M3001150TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M6 - M10

DIN 931

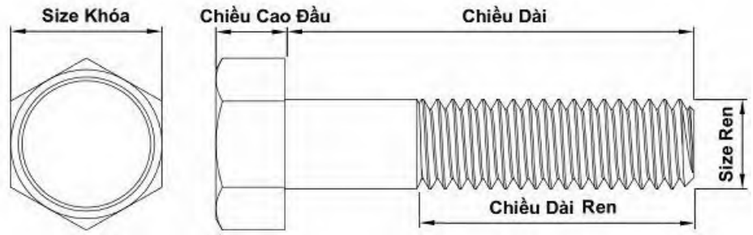

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M6 x 40			B01M0601040PD20					
M6 x 60			B01M0601060PD20					
M6 x 80	B01M0601080PD10		B01M0601080PD20					
M6 x 100	B01M0601100PD10		B01M0601100PD20					
M8 x 45	B01M0801045PD10							
M8 x 50					B01M0801050PD40			
M8 x 60	B01M0801060PD10		B01M0801060PD20		B01M0801060PD40			
M8 x 70	B01M0801070PD10		B01M0801070PD20					
M8 x 80	B01M0801080PD10		B01M0801080PD20		B01M0801080PD40			
M8 x 90			B01M0801090PD20					
M8 x 100	B01M0801100PD10		B01M0801100PD20		B01M0801100PD40			
M8 x 120	B01M0801120PD10		B01M0801120PD20		B01M0801120PD40			
M10 x 40	B01M1001040PD10		B01M1001040PD20					
M10 x 50	B01M1001050PD10		B01M1001050PD20	B01M1001050PE20	B01M1001050PD40		B01M1001050PH00	
M10 x 55					B01M1001055PD40			
M10 x 60	B01M1001060PD10	B01M1001060PE10	B01M1001060PD20	B01M1001060PE20	B01M1001060PD40			
M10 x 65		B01M1001065PE10	B01M1001065PD20	B01M1001065PE20				
M10 x 70	B01M1001070PD10		B01M1001070PD20		B01M1001070PD40			
M10 x 75	B01M1001075PD10		B01M1001075PD20		B01M1001075PD40			
M10 x 80	B01M1001080PD10		B01M1001080PD20		B01M1001080PD40			
M10 x 90	B01M1001090PD10		B01M1001090PD20		B01M1001090PD40			
M10 x 100	B01M1001100PD10		B01M1001100PD20		B01M1001100PD40			
M10 x 110			B01M1001110PD20		B01M1001110PD40			
M10 x 120	B01M1001120PD10	B01M1001120PE10	B01M1001120PD20	B01M1001120PE20	B01M1001120PD40			
M10 x 150	B01M1001150PD10		B01M1001150PD20		B01M1001150PD40			
M10 x 160					B01M1001160PD40		B01M1001160PH00	
M10 x 180							B01M1001180PH00	
M10 x 200			B01M1001200PD20		B01M1001200PD40		B01M1001200PH00	
M10 x 220							B01M1001220PH00	
M10 x 250							B01M1001250PH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M12 - M14

DIN 931

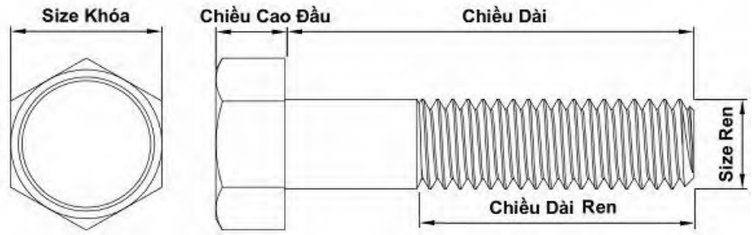

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M12 x 40					B01M1201040PD40			
M12 x 50	B01M1201050PD10			B01M1201050PE20	B01M1201050PD40			B01M1201050PK00
M12 x 55	B01M1201055PD10							
M12 x 60	B01M1201060PD10	B01M1201060PE10	B01M1201060PD20	B01M1201060PE20	B01M1201060PD40		B01M1201060PH00	
M12 x 70	B01M1201070PD10	B01M1201070PE10	B01M1201070PD20	B01M1201070PE20	B01M1201070PD40			
M12 x 80	B01M1201080PD10		B01M1201080PD20	B01M1201080PE20	B01M1201080PD40		B01M1201080PH00	B01M1201080PK00
M12 x 90	B01M1201090PD10		B01M1201090PD20					
M12 x 100	B01M1201100PD10	B01M1201100PE10	B01M1201100PD20	B01M1201100PE20	B01M1201100PD40			
M12 x 110			B01M1201110PD20					
M12 x 120	B01M1201120PD10	B01M1201120PE10	B01M1201120PD20	B01M1201120PE20	B01M1201120PD40			
M12 x 130					B01M1201130PD40			
M12 x 150	B01M1201150PD10	B01M1201150PE10	B01M1201150PD20	B01M1201150PE20	B01M1201150PD40			
M12 x 160			B01M1201160PD20				B01M1201160PH00	
M12 x 180							B01M1201180PH00	
M12 x 200		B01M1201200PE10		B01M1201200PE20			B01M1201200PH00	
M12 x 220							B01M1201220PH00	
M12 x 250					B01M1201250PD40		B01M1201250PH00	
M12 x 300					B01M1201300PD40			
M14 x 50					B01M1401050PD40			
M14 x 60	B01M1401060PD10		B01M1401060PD20		B01M1401060PD40			
M14 x 70	B01M1401070PD10		B01M1401070PD20		B01M1401070PD40			
M14 x 80	B01M1401080PD10		B01M1401080PD20		B01M1401080PD40			
M14 x 100	B01M1401100PD10		B01M1401100PD20		B01M1401100PD40			
M14 x 110		B01M1401110PE10		B01M1401110PE20				
M14 x 120	B01M1401120PD10	B01M1401120PE10	B01M1401120PD20	B01M1401120PE20	B01M1401120PD40			
M14 x 150	B01M1401150PD10		B01M1401150PD20		B01M1401150PD40			
M14 x 160							B01M1401160PH00	
M14 x 180	B01M1401180PD10				B01M1401180PD40		B01M1401180PH00	
M14 x 200							B01M1401200PH00	
M14 x 220							B01M1401220PH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M14 - M20

DIN 931

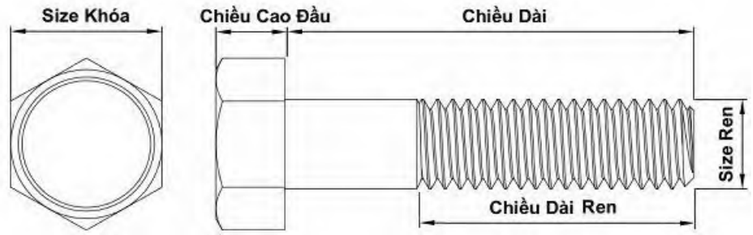

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M14 x 250							B01M1401250PH00	
M14 x 280							B01M1401280PH00	
M14 x 300							B01M1401300PH00	
M16 x 50	B01M1601050PD10		B01M1601050PD20		B01M1601050PD40			
M16 x 60	B01M1601060PD10	B01M1601060PE10	B01M1601060PD20	B01M1601060PE20	B01M1601060PD40			
M16 x 65			B01M1601065PD20		B01M1601065PD40			B01M1601065PK00
M16 x 70	B01M1601070PD10	B01M1601070PE10	B01M1601070PD20	B01M1601070PE20	B01M1601070PD40			
M16 x 75								B01M1601075PK00
M16 x 80	B01M1601080PD10		B01M1601080PD20	B01M1601080PE20	B01M1601080PD40			
M16 x 100	B01M1601100PD10	B01M1601100PE10	B01M1601100PD20	B01M1601100PE20	B01M1601100PD40			
M16 x 110	B01M1601110PD10				B01M1601110PD40			
M16 x 120	B01M1601120PD10	B01M1601120PE10	B01M1601120PD20	B01M1601120PE20				
M16 x 130			B01M1601130PD20		B01M1601130PD40			
M16 x 140					B01M1601140PD40			
M16 x 150	B01M1601150PD10		B01M1601150PD20		B01M1601150PD40			
M16 x 160					B01M1601160PD40		B01M1601160PH00	
M16 x 180		B01M1601180PE10		B01M1601180PE20	B01M1601180PD40		B01M1601180PH00	
M16 x 200			B01M1601200PD20		B01M1601200PD40		B01M1601200PH00	
M16 x 220							B01M1601220PH00	
M16 x 250							B01M1601250PH00	
M16 x 280							B01M1601280PH00	
M18 x 120		B01M1801120PE10						
M18 x 160		B01M1801160PE10			B01M1801160PD40			
M18 x 180							B01M1801180PH00	
M20 x 60	B01M2001060PD10			B01M2001060PE20	B01M2001060PD40			
M20 x 70	B01M2001070PD10	B01M2001070PE10	B01M2001070PD20	B01M2001070PE20	B01M2001070PD40			
M20 x 80	B01M2001080PD10	B01M2001080PE10	B01M2001080PD20	B01M2001080PE20	B01M2001080PD40			
M20 x 90		B01M2001090PE10		B01M2001090PE20	B01M2001090PD40			
M20 x 100	B01M2001100PD10		B01M2001100PD20		B01M2001100PD40			
M20 x 110					B01M2001110PD40			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M20 - M24

DIN 931

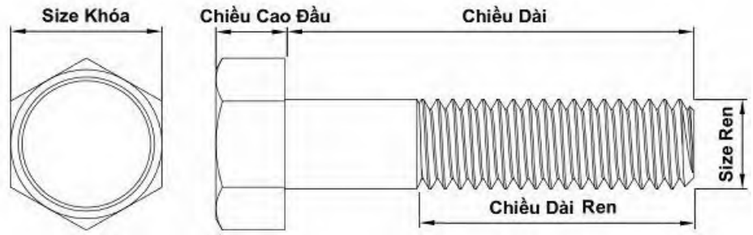

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M20 x 120	B01M2001120PD10		B01M2001120PD20	B01M2001120PE20	B01M2001120PD40			
M20 x 130					B01M2001130PD40			
M20 x 150	B01M2001150PD10	B01M2001150PE10	B01M2001150PD20	B01M2001150PE20	B01M2001150PD40			
M20 x 160					B01M2001160PD40		B01M2001160PH00	
M20 x 180	B01M2001180PD10						B01M2001180PH00	
M20 x 200							B01M2001200PH00	
M20 x 220							B01M2001220PH00	
M20 x 250					B01M2001250PD40		B01M2001250PH00	
M22 x 80	B01M2201080PD10		B01M2201080PD20		B01M2201080PD40			
M22 x 100	B01M2201100PD10		B01M2201100PD20		B01M2201100PD40			
M22 x 110		B01M2201110PE10						
M22 x 120	B01M2201120PD10	B01M2201120PE10	B01M2201120PD20					
M22 x 130					B01M2201130PD40			
M22 x 140					B01M2201140PD40			
M22 x 150	B01M2201150PD10		B01M2201150PD20		B01M2201150PD40			
M22 x 160							B01M2201160PH00	
M22 x 180							B01M2201180PH00	
M22 x 200							B01M2201200PH00	
M22 x 220							B01M2201220PH00	
M22 x 250							B01M2201250PH00	
M24 x 70	B01M2401070PD10				B01M2401070PD40			
M24 x 90		B01M2401090PE10			B01M2401090PD40			
M24 x 100	B01M2401100PD10				B01M2401100PD40			
M24 x 110		B01M2401110PE10			B01M2401110PD40			
M24 x 120	B01M2401120PD10	B01M2401120PE10	B01M2401120PD20		B01M2401120PD40			
M24 x 130		B01M2401130PE10			B01M2401130PD40			
M24 x 150	B01M2401150PD10	B01M2401150PE10	B01M2401150PD20		B01M2401150PD40			
M24 x 160			B01M2401160PD20		B01M2401160PD40		B01M2401160PH00	
M24 x 180	B01M2401180PD10		B01M2401180PD20		B01M2401180PD40		B01M2401180PH00	
M24 x 200	B01M2401200PD10		B01M2401200PD20		B01M2401200PD40		B01M2401200PH00	B01M2401200PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác (Hex Bolt)

M24 - M30

DIN 931

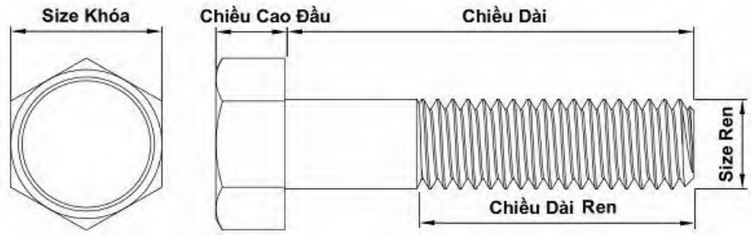

M x L	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng		Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8	10.9		
M24 x 220							B01M2401220PH00	B01M2401220PK00
M24 x 250							B01M2401250PH00	B01M2401250PK00
M24 x 300					B01M2401300PD40			
M27 x 80		B01M2701080PE10						
M27 x 110					B01M2701110PD40			
M27 x 120					B01M2701120PD40			
M27 x 130					B01M2701130PD40			
M27 x 160			B01M2701160PD20					
M27 x 180							B01M2701180PH00	
M27 x 200			B01M2701200PD20				B01M2701200PH00	
M27 x 220							B01M2701220PH00	
M27 x 250							B01M2701250PH00	
M30 x 120	B01M3001120PE10				B01M3001120PD40			
M30 x 150	B01M3001150PE10				B01M3001150PD40			
M30 x 160					B01M3001160PD40			
M30 x 180	B01M3001180PE10				B01M3001180PD40		B01M3001180PH00	
M30 x 200							B01M3001200PH00	
M30 x 220							B01M3001220PH00	
M30 x 250							B01M3001250PH00	
M30 x 280					B01M3001280PD40			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

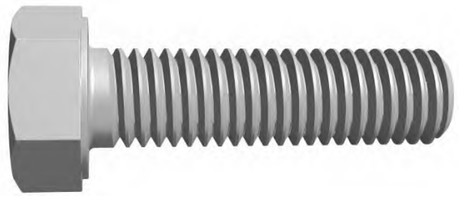

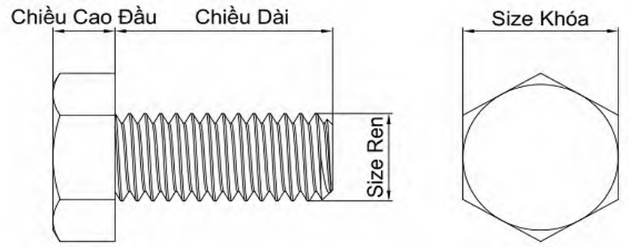

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/4-20 x 3/8					B01S1401038TH00		B01S1401038TK00	
1/4-20 x 1/2	B01S1401012TD10				B01S1401012TH00		B01S1401012TK00	
1/4-20 x 5/8	B01S1401058TD10				B01S1401058TH00		B01S1401058TK00	
1/4-20 x 3/4	B01S1401034TD10				B01S1401034TH00		B01S1401034TK00	
1/4-20 x 7/8					B01S1401078TH00			
1/4-20 x 1	B01S1401100TD10		B01S1401100TD20		B01S1401100TH00		B01S1401100TK00	
1/4-20 x 1.1/4		B01S1401114PD10			B01S1401114TH00	B01S1401114PH00	B01S1401114TK00	B01S1401114PK00
1/4-20 x 1.1/2		B01S1401112PD10			B01S1401112TH00	B01S1401112PH00	B01S1401112TK00	B01S1401112PK00
1/4-20 x 1.3/4		B01S1401134PD10			B01S1401134TH00	B01S1401134PH00	B01S1401134TK00	B01S1401134PK00
1/4-20 x 2		B01S1401200PD10		B01S1401200PD20	B01S1401200TH00	B01S1401200PH00	B01S1401200TK00	B01S1401200PK00
1/4-20 x 2.1/4		B01S1401214PD10				B01S1401214PH00	B01S1401214TK00	B01S1401214PK00
1/4-20 x 2.1/2	B01S1401212TD10	B01S1401212PD10	B01S1401212TD20	B01S1401212PD20	B01S1401212TH00	B01S1401212PH00	B01S1401212TK00	B01S1401212PK00
1/4-20 x 2.3/4					B01S1401234TH00	B01S1401234PH00		B01S1401234PK00
1/4-20 x 3		B01S1401300PD10			B01S1401300TH00	B01S1401300PH00	B01S1401300TK00	B01S1401300PK00
1/4-20 x 3.1/4						B01S1401314PH00		
1/4-20 x 3.1/2		B01S1401312PD10			B01S1401312TH00	B01S1401312PH00	B01S1401312TK00	B01S1401312PK00
1/4-20 x 4		B01S1401400PD10			B01S1401400TH00	B01S1401400PH00	B01S1401400TK00	B01S1401400PK00
1/4-20 x 4.1/2		B01S1401412PD10				B01S1401412PH00		B01S1401412PK00
1/4-20 x 5		B01S1401500PD10				B01S1401500PH00		B01S1401500PK00
1/4-20 x 5.1/2		B01S1401512PD10				B01S1401512PH00		B01S1401512PK00
1/4-20 x 6		B01S1401600PD10				B01S1401600PH00		B01S1401600PK00
5/16-18 x 1/2	B01S5161012TD10				B01S5161012TH00		B01S5161012TK00	
5/16-18 x 5/8	B01S5161058TD10				B01S5161058TH00		B01S5161058TK00	
5/16-18 x 3/4	B01S5161034TD10				B01S5161034TH00		B01S5161034TK00	
5/16-18 x 7/8					B01S5161078TH00		B01S5161078TK00	
5/16-18 x 1	B01S5161100TD10		B01S5161100TD20		B01S5161100TH00		B01S5161100TK00	
5/16-18 x 1.1/4	B01S5161114TD10		B01S5161114TD20		B01S5161114TH00		B01S5161114TK00	
5/16-18 x 1.1/2	B01S5161112TD10	B01S5161112PD10	B01S5161112TD20		B01S5161112TH00	B01S5161112PH00	B01S5161112TK00	B01S5161112PK00
5/16-18 x 1.3/4	B01S5161134TD10	B01S5161134PD10	B01S5161134TD20		B01S5161134TH00	B01S5161134PH00	B01S5161134TK00	B01S5161134PK00
5/16-18 x 2		B01S5161200PD10			B01S5161200TH00	B01S5161200PH00	B01S5161200TK00	B01S5161200PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

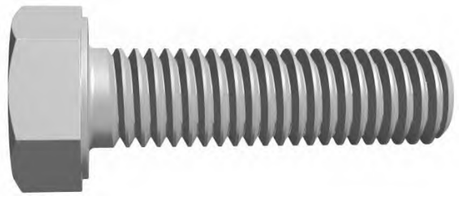

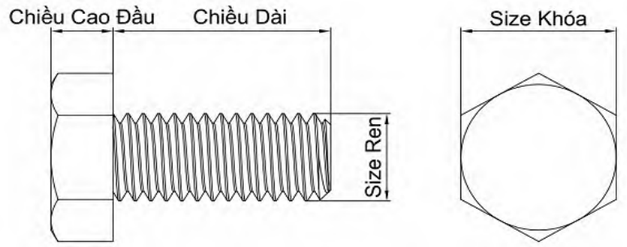

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
5/16-18 x 2.1/4		B01S5161214PD10				B01S5161214PH00		B01S5161214PK00
5/16-18 x 2.1/2		B01S5161212PD10		B01S5161212PD20	B01S5161212TH00	B01S5161212PH00	B01S5161212TK00	B01S5161212PK00
5/16-18 x 2.3/4		B01S5161234PD10				B01S5161234PH00		B01S5161234PK00
5/16-18 x 3		B01S5161300PD10			B01S5161300TH00	B01S5161300PH00	B01S5161300TK00	B01S5161300PK00
5/16-18 x 3.1/4						B01S5161314PH00		
5/16-18 x 3.1/2		B01S5161312PD10			B01S5161312TH00	B01S5161312PH00	B01S5161312TK00	B01S5161312PK00
5/16-18 x 3.3/4						B01S5161334PH00		
5/16-18 x 4		B01S5161400PD10			B01S5161400TH00	B01S5161400PH00	B01S5161400TK00	B01S5161400PK00
5/16-18 x 4.1/2		B01S5161412PD10			B01S5161412TH00	B01S5161412PH00		B01S5161412PK00
5/16-18 x 5		B01S5161500PD10				B01S5161500PH00		B01S5161500PK00
5/16-18 x 5.1/2		B01S5161512PD10				B01S5161512PH00		B01S5161512PK00
5/16-18 x 6		B01S5161600PD10				B01S5161600PH00		B01S5161600PK00
3/8-16 x 1/2					B01S3801012TH00		B01S3801012TK00	
3/8-16 x 5/8					B01S3801058TH00		B01S3801058TK00	
3/8-16 x 3/4	B01S3801034TD10				B01S3801034TH00		B01S3801034TK00	
3/8-16 x 1	B01S3801100TD10		B01S3801100TD20		B01S3801100TH00		B01S3801100TK00	
3/8-16 x 1.1/4	B01S3801114TD10		B01S3801114TD20		B01S3801114TH00		B01S3801114TK00	
3/8-16 x 1.1/2	B01S3801112TD10	B01S3801112PD10	B01S3801112TD20		B01S3801112TH00	B01S3801112PH00	B01S3801112TK00	B01S3801112PK00
3/8-16 x 1.3/4		B01S3801134PD10			B01S3801134TH00	B01S3801134PH00	B01S3801134TK00	B01S3801134PK00
3/8-16 x 2		B01S3801200PD10		B01S3801200PD20	B01S3801200TH00	B01S3801200PH00	B01S3801200TK00	B01S3801200PK00
3/8-16 x 2.1/4		B01S3801214PD10		B01S3801214PD20		B01S3801214PH00		B01S3801214PK00
3/8-16 x 2.1/2		B01S3801212PD10	B01S3801212TD20		B01S3801212TH00	B01S3801212PH00	B01S3801212TK00	B01S3801212PK00
3/8-16 x 2.3/4						B01S3801234PH00		B01S3801234PK00
3/8-16 x 3		B01S3801300PD10		B01S3801300PD20	B01S3801300TH00	B01S3801300PH00	B01S3801300TK00	B01S3801300PK00
3/8-16 x 3.1/4		B01S3801314PD10		B01S3801314PD20		B01S3801314PH00		
3/8-16 x 3.1/2		B01S3801312PD10			B01S3801312TH00	B01S3801312PH00	B01S3801312TK00	B01S3801312PK00
3/8-16 x 3.3/4		B01S3801334PD10		B01S3801334PD20		B01S3801334PH00		
3/8-16 x 4		B01S3801400PD10		B01S3801400PD20	B01S3801400TH00	B01S3801400PH00	B01S3801400TK00	B01S3801400PK00
3/8-16 x 4.1/2		B01S3801412PD10		B01S3801412PD20		B01S3801412PH00		B01S3801412PK00
3/8-16 x 5		B01S3801500PD10		B01S3801500PD20	B01S3801500TH00	B01S3801500PH00		B01S3801500PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

3/8 - 1/2

UNC

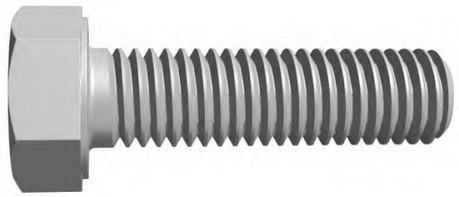

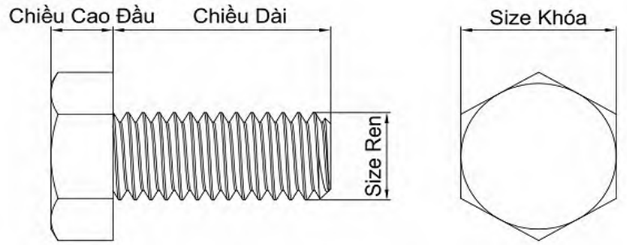

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/8-16 x 5.1/2		B01S3801512PD10		B01S3801512PD20		B01S3801512PH00		B01S3801512PK00
3/8-16 x 6		B01S3801600PD10		B01S3801600PD20		B01S3801600PH00		B01S3801600PK00
3/8-16 x 6.1/2						B01S3801612PH00		
3/8-16 x 7		B01S3801700PD10				B01S3801700PH00		B01S3801700PK00
3/8-16 x 7.1/2						B01S3801712PH00		
3/8-16 x 8		B01S3801800PD10		B01S3801800PD20		B01S3801800PH00		B01S3801800PK00
3/8-16 x 9		B01S3801900PD10				B01S3801900PH00		B01S3801900PK00
3/8-16 x 10		B01S38011000PD10				B01S38011000PH00		B01S38011000PK00
3/8-16 x 12						B01S38011200PH00		
7/16-14 x 3/4	B01S7161034TD10						B01S7161034TK00	
7/16-14 x 1	B01S7161100TD10		B01S7161100TD20		B01S7161100TH00		B01S7161100TK00	
7/16-14 x 1.1/4	B01S7161114TD10		B01S7161114TD20		B01S7161114TH00		B01S7161114TK00	
7/16-14 x 1.1/2	B01S7161112TD10				B01S7161112TH00		B01S7161112TK00	
7/16-14 x 1.3/4		B01S7161134PD10			B01S7161134TH00	B01S7161134PH00		B01S7161134PK00
7/16-14 x 2		B01S7161200PD10			B01S7161200TH00	B01S7161200PH00	B01S7161200TK00	B01S7161200PK00
7/16-14 x 2.1/4		B01S7161214PD10		B01S7161214PD20		B01S7161214PH00		
7/16-14 x 2.1/2		B01S7161212PD10			B01S7161212TH00	B01S7161212PH00	B01S7161212TK00	B01S7161212PK00
7/16-14 x 2.3/4						B01S7161234PH00		
7/16-14 x 3		B01S7161300PD10		B01S7161300PD20	B01S7161300TH00	B01S7161300PH00	B01S7161300TK00	B01S7161300PK00
7/16-14 x 3.1/4		B01S7161314PD10						
7/16-14 x 3.1/2		B01S7161312PD10				B01S7161312PH00	B01S7161312TK00	B01S7161312PK00
7/16-14 x 4		B01S7161400PD10		B01S7161400PD20		B01S7161400PH00		B01S7161400PK00
7/16-14 x 4.1/2		B01S7161412PD10				B01S7161412PH00		
7/16-14 x 5		B01S7161500PD10		B01S7161500PD20		B01S7161500PH00		B01S7161500PK00
7/16-14 x 5.1/2		B01S7161512PD10				B01S7161512PH00		
7/16-14 x 6		B01S7161600PD10				B01S7161600PH00		B01S7161600PK00
7/16-14 x 7				B01S7161700PD20				
1/2-13 x 3/4	B01S1201034TD10		B01S1201034TD20		B01S1201034TH00		B01S1201034TK00	
1/2-13 x 1	B01S1201100TD10				B01S1201100TH00		B01S1201100TK00	
1/2-13 x 1.1/4	B01S1201114TD10		B01S1201114TD20		B01S1201114TH00		B01S1201114TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

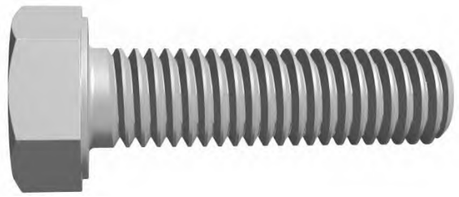

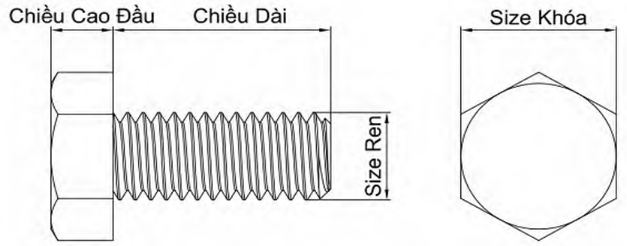

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/2-13 x 1.1/2	B01S1201112TD10		B01S1201112TD20		B01S1201112TH00		B01S1201112TK00	
1/2-13 x 1.3/4	B01S1201134TD10				B01S1201134TH00		B01S1201134TK00	
1/2-13 x 2	B01S1201200TD10	B01S1201200PD10	B01S1201200TD20		B01S1201200TH00		B01S1201200TK00	B01S1201200PK00
1/2-13 x 2.1/4		B01S1201214PD10			B01S1201214TH00	B01S1201214PH00	B01S1201214TK00	B01S1201214PK00
1/2-13 x 2.1/2		B01S1201212PD10		B01S1201212PD20	B01S1201212TH00	B01S1201212PH00	B01S1201212TK00	B01S1201212PK00
1/2-13 x 2.3/4						B01S1201234PH00		B01S1201234PK00
1/2-13 x 3		B01S1201300PD10			B01S1201300TH00	B01S1201300PH00	B01S1201300TK00	B01S1201300PK00
1/2-13 x 3.1/4		B01S1201314PD10		B01S1201314PD20				B01S1201314PK00
1/2-13 x 3.1/2		B01S1201312PD10		B01S1201312PD20	B01S1201312TH00	B01S1201312PH00	B01S1201312TK00	B01S1201312PK00
1/2-13 x 4		B01S1201400PD10			B01S1201400TH00	B01S1201400PH00	B01S1201400TK00	B01S1201400PK00
1/2-13 x 4.1/2		B01S1201412PD10		B01S1201412PD20	B01S1201412TH00	B01S1201412PH00	B01S1201412TK00	B01S1201412PK00
1/2-13 x 5		B01S1201500PD10			B01S1201500TH00	B01S1201500PH00	B01S1201500TK00	B01S1201500PK00
1/2-13 x 5.1/2		B01S1201512PD10				B01S1201512PH00		B01S1201512PK00
1/2-13 x 6		B01S1201600PD10				B01S1201600PH00		B01S1201600PK00
1/2-13 x 6.1/2		B01S1201612PD10				B01S1201612PH00		B01S1201612PK00
1/2-13 x 7		B01S1201700PD10				B01S1201700PH00		B01S1201700PK00
1/2-13 x 7.1/2						B01S1201712PH00		
1/2-13 x 8		B01S1201800PD10						B01S1201800PK00
1/2-13 x 9		B01S1201900PD10						B01S1201900PK00
1/2-13 x 10		B01S12011000PD10				B01S12011000PH00		B01S12011000PK00
1/2-13 x 11		B01S12011100PD10				B01S12011100PH00		
1/2-13 x 12		B01S12011200PD10				B01S12011200PH00		B01S12011200PK00
5/8-11 x 1	B01S5801100TD10				B01S5801100TH00		B01S5801100TK00	
5/8-11 x 1.1/4	B01S5801114TD10				B01S5801114TH00		B01S5801114TK00	
5/8-11 x 1.1/2	B01S5801112TD10				B01S5801112TH00		B01S5801112TK00	
5/8-11 x 1.3/4	B01S5801134TD10				B01S5801134TH00		B01S5801134TK00	
5/8-11 x 2	B01S5801200TD10	B01S5801200PD10	B01S5801200TD20	B01S5801200PD20	B01S5801200TH00		B01S5801200TK00	
5/8-11 x 2.1/4		B01S5801214PD10				B01S5801214PH00	B01S5801214TK00	B01S5801214PK00
5/8-11 x 2.1/2	B01S5801212TD10	B01S5801212PD10	B01S5801212TD20		B01S5801212TH00	B01S5801212PH00	B01S5801212TK00	B01S5801212PK00
5/8-11 x 2.3/4		B01S5801234PD10				B01S5801234PH00		B01S5801234PK00

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

5/8 - 3/4

UNC

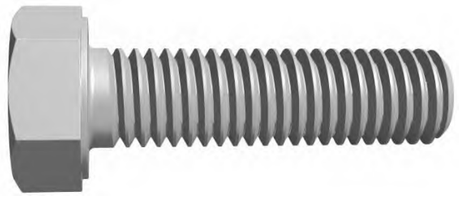

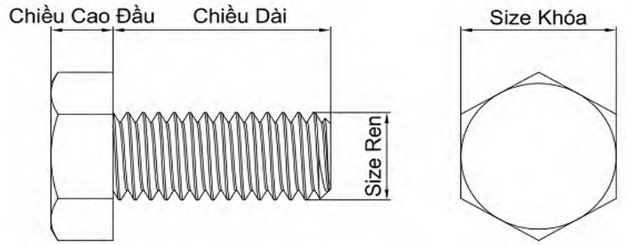

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
5/8-11 x 3		B01S5801300PD10		B01S5801300PD20	B01S5801300TH00	B01S5801300PH00	B01S5801300TK00	B01S5801300PK00
5/8-11 x 3.1/4								B01S5801314PK00
5/8-11 x 3.1/2		B01S5801312PD10			B01S5801312TH00	B01S5801312PH00	B01S5801312TK00	B01S5801312PK00
5/8-11 x 4		B01S5801400PD10		B01S5801400PD20	B01S5801400TH00	B01S5801400PH00	B01S5801400TK00	B01S5801400PK00
5/8-11 x 4.1/4								B01S5801414PK00
5/8-11 x 4.1/2		B01S5801412PD10			B01S5801412TH00	B01S5801412PH00	B01S5801412TK00	B01S5801412PK00
5/8-11 x 5		B01S5801500PD10				B01S5801500PH00	B01S5801500TK00	B01S5801500PK00
5/8-11 x 5.1/2		B01S5801512PD10				B01S5801512PH00		B01S5801512PK00
5/8-11 x 6		B01S5801600PD10			B01S5801600TH00	B01S5801600PH00		B01S5801600PK00
5/8-11 x 6.1/2		B01S5801612PD10				B01S5801612PH00		B01S5801612PK00
5/8-11 x 7		B01S5801700PD10				B01S5801700PH00		B01S5801700PK00
5/8-11 x 8		B01S5801800PD10				B01S5801800PH00		B01S5801800PK00
5/8-11 x 9		B01S5801900PD10				B01S5801900PH00		B01S5801900PK00
5/8-11 x 10		B01S58011000PD10				B01S58011000PH00		B01S58011000PK00
5/8-11 x 11		B01S58011100PD10				B01S58011100PH00		B01S58011100PK00
5/8-11 x 12		B01S58011200PD10				B01S58011200PH00		B01S58011200PK00
5/8-11 x 13		B01S58011300PD10				B01S58011300PH00		
5/8-11 x 14		B01S58011400PD10				B01S58011400PH00		
5/8-11 x 15		B01S58011500PD10				B01S58011500PH00		
5/8-11 x 16						B01S58011600PH00		
5/8-11 x 18						B01S58011800PH00		
5/8-11 x 20						B01S58012000PH00		
3/4-10 x 1					B01S3401100TH00			
3/4-10 x 1.1/4					B01S3401114TH00		B01S3401114TK00	
3/4-10 x 1.1/2	B01S3401112TD10				B01S3401112TH00		B01S3401112TK00	
3/4-10 x 1.3/4	B01S3401134TD10				B01S3401134TH00		B01S3401134TK00	
3/4-10 x 2	B01S3401200TD10		B01S3401200TD20		B01S3401200TH00		B01S3401200TK00	
3/4-10 x 2.1/4	B01S3401214TD10				B01S3401214TH00		B01S3401214TK00	
3/4-10 x 2.1/2	B01S3401212TD10		B01S3401212TD20		B01S3401212TH00		B01S3401212TK00	
3/4-10 x 2.3/4		B01S3401234PD10			B01S3401234TH00	B01S3401234PH00		B01S3401234PK00

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

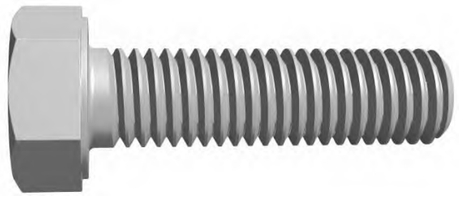

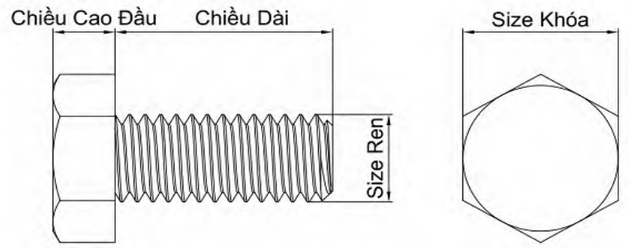

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/4-10 x 3		B01S3401300PD10			B01S3401300TH00	B01S3401300PH00	B01S3401300TK00	B01S3401300PK00
3/4-10 x 3.1/4		B01S3401314PD10						B01S3401314PK00
3/4-10 x 3.1/2		B01S3401312PD10			B01S3401312TH00	B01S3401312PH00	B01S3401312TK00	B01S3401312PK00
3/4-10 x 3.3/4								B01S3401334PK00
3/4-10 x 4					B01S3401400TH00	B01S3401400PH00	B01S3401400TK00	B01S3401400PK00
3/4-10 x 4.1/2		B01S3401412PD10			B01S3401412TH00	B01S3401412PH00	B01S3401412TK00	
3/4-10 x 5		B01S3401500PD10			B01S3401500TH00	B01S3401500PH00	B01S3401500TK00	B01S3401500PK00
3/4-10 x 5.1/2		B01S3401512PD10				B01S3401512PH00		B01S3401512PK00
3/4-10 x 6		B01S3401600PD10				B01S3401600PH00		B01S3401600PK00
3/4-10 x 6.1/2		B01S3401612PD10				B01S3401612PH00		B01S3401612PK00
3/4-10 x 7		B01S3401700PD10				B01S3401700PH00		B01S3401700PK00
3/4-10 x 7.1/2						B01S3401712PH00		
3/4-10 x 8		B01S3401800PD10				B01S3401800PH00		B01S3401800PK00
3/4-10 x 9		B01S3401900PD10				B01S3401900PH00		B01S3401900PK00
3/4-10 x 10		B01S34011000PD10				B01S34011000PH00		B01S34011000PK00
3/4-10 x 11		B01S34011100PD10				B01S34011100PH00		
3/4-10 x 12		B01S34011200PD10				B01S34011200PH00		
3/4-10 x 13		B01S34011300PD10						
3/4-10 x 14		B01S34011400PD10				B01S34011400PH00		
3/4-10 x 15		B01S34011500PD10				B01S34011500PH00		
3/4-10 x 16		B01S34011600PD10						
3/4-10 x 18		B01S34011800PD10						
3/4-10 x 20		B01S34012000PD10						
3/4-10 x 22		B01S34012200PD10						
3/4-10 x 24		B01S34012400PD10						
7/8-9 x 2	B01S7801200TD10				B01S7801200TH00		B01S7801200TK00	
7/8-9 x 2.1/4	B01S7801214TD10				B01S7801214TH00		B01S7801214TK00	
7/8-9 x 2.1/2	B01S7801212TD10				B01S7801212TH00		B01S7801212TK00	
7/8-9 x 2.3/4		B01S7801234PD10			B01S7801234TH00			
7/8-9 x 3		B01S7801300PD10			B01S7801300TH00	B01S7801300PH00	B01S7801300TK00	B01S7801300PK00

UNC

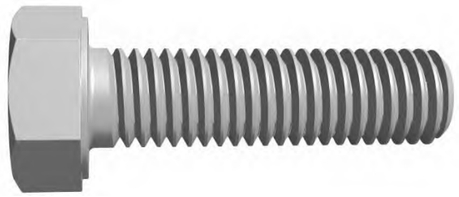

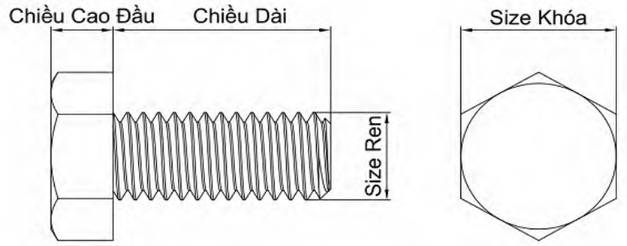

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
7/8-9 x 3.1/4		B01S7801314PD10						
7/8-9 x 3.1/2		B01S7801312PD10			B01S7801312TH00	B01S7801312PH00	B01S7801312TK00	B01S7801312PK00
7/8-9 x 3.3/4						B01S7801334PH00		
7/8-9 x 4		B01S7801400PD10				B01S7801400PH00	B01S7801400TK00	
7/8-9 x 4.1/2		B01S7801412PD10				B01S7801412PH00	B01S7801412TK00	B01S7801412PK00
7/8-9 x 5		B01S7801500PD10				B01S7801500PH00		B01S7801500PK00
7/8-9 x 5.1/2		B01S7801512PD10				B01S7801512PH00		B01S7801512PK00
7/8-9 x 6		B01S7801600PD10				B01S7801600PH00		B01S7801600PK00
7/8-9 x 6.1/2		B01S7801612PD10				B01S7801612PH00		
7/8-9 x 7		B01S7801700PD10				B01S7801700PH00		B01S7801700PK00
7/8-9 x 8		B01S7801800PD10				B01S7801800PH00		B01S7801800PK00
7/8-9 x 9		B01S7801900PD10				B01S7801900PH00		B01S7801900PK00
7/8-9 x 10		B01S78011000PD10				B01S78011000PH00		B01S78011000PK00
7/8-9 x 11		B01S78011100PD10				B01S78011100PH00		
7/8-9 x 12		B01S78011200PD10				B01S78011200PH00		
7/8-9 x 13		B01S78011300PD10						
7/8-9 x 14		B01S78011400PD10						
7/8-9 x 15		B01S78011500PD10				B01S78011500PH00		
7/8-9 x 16		B01S78011600PD10						
7/8-9 x 18		B01S78011800PD10						
7/8-9 x 20		B01S78012000PD10						
7/8-9 x 22		B01S78012200PD10						
7/8-9 x 24		B01S78012400PD10						
1-8 x 2	B01S1001200TD10				B01S1001200TH00		B01S1001200TK00	
1-8 x 2.1/4	B01S1001214TD10				B01S1001214TH00		B01S1001214TK00	
1-8 x 2.1/2	B01S1001212TD10				B01S1001212TH00		B01S1001212TK00	
1-8 x 2.3/4	B01S1001234TD10				B01S1001234TH00		B01S1001234TK00	
1-8 x 3	B01S1001300TD10				B01S1001300TH00		B01S1001300TK00	
1-8 x 3.1/2		B01S1001312PD10			B01S1001312TH00	B01S1001312PH00	B01S1001312TK00	B01S1001312PK00
1-8 x 4		B01S1001400PD10			B01S1001400TH00	B01S1001400PH00	B01S1001400TK00	B01S1001400PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

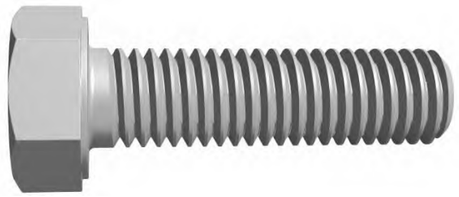

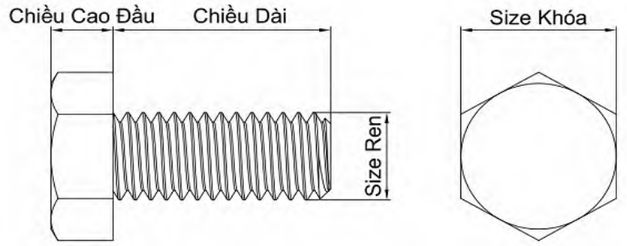

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1-8 x 4.1/2		B01S1001412PD10				B01S1001412PH00		B01S1001412PK00
1-8 x 5						B01S1001500PH00		B01S1001500PK00
1-8 x 5.1/2		B01S1001512PD10				B01S1001512PH00		B01S1001512PK00
1-8 x 6		B01S1001600PD10				B01S1001600PH00		B01S1001600PK00
1-8 x 6.1/2		B01S1001612PD10				B01S1001612PH00		B01S1001612PK00
1-8 x 7		B01S1001700PD10				B01S1001700PH00		B01S1001700PK00
1-8 x 7.1/2		B01S1001712PD10						
1-8 x 8		B01S1001800PD10				B01S1001800PH00		B01S1001800PK00
1-8 x 9		B01S1001900PD10				B01S1001900PH00		B01S1001900PK00
1-8 x 10		B01S10011000PD10				B01S10011000PH00		B01S10011000PK00
1-8 x 11		B01S10011100PD10				B01S10011100PH00		
1-8 x 12		B01S10011200PD10				B01S10011200PH00		
1-8 x 13		B01S10011300PD10				B01S10011300PH00		
1-8 x 14		B01S10011400PD10						
1-8 x 15		B01S10011500PD10				B01S10011500PH00		
1-8 x 16		B01S10011600PD10						
1-8 x 18		B01S10011800PD10						
1-8 x 20		B01S10012000PD10						
1-8 x 22		B01S10012200PD10						
1-8 x 24		B01S10012400PD10						
1.1/8-7 x 3	B01S1181300TD10							
1.1/8-7 x 3.1/2	B01S1181312TD10					B01S1181312PH00		
1.1/8-7 x 4						B01S1181400PH00		
1.1/8-7 x 4.1/2		B01S1181412PD10						
1.1/8-7 x 5		B01S1181500PD10				B01S1181500PH00		B01S1181500PK00
1.1/8-7 x 5.1/2						B01S1181512PH00		
1.1/8-7 x 6		B01S1181600PD10				B01S1181600PH00		
1.1/8-7 x 7		B01S1181700PD10				B01S1181700PH00		
1.1/8-7 x 8		B01S1181800PD10				B01S1181800PH00		
1.1/8-7 x 9		B01S1181900PD10						

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

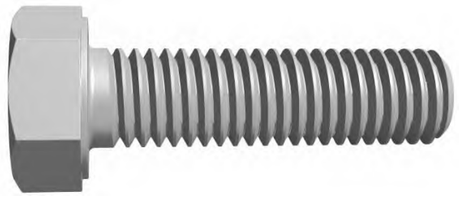

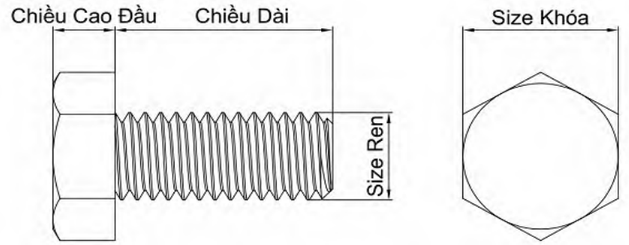

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1.1/8-7 x 10		B01S11811000PD10				B01S11811000PH00		
1.1/8-7 x 11		B01S11811100PD10						
1.1/8-7 x 12		B01S11811200PD10				B01S11811200PH00		
1.1/8-7 x 14		B01S11811400PD10						
1.1/8-7 x 16		B01S11811600PD10						
1.1/8-7 x 18		B01S11811800PD10						
1.1/8-7 x 20		B01S11812000PD10						
1.1/8-7 x 22		B01S11812200PD10						
1.1/8-7 x 24		B01S11812400PD10						
1.1/4-7 x 3	B01S1141300TD10				B01S1141300TH00			
1.1/4-7 x 3.1/2	B01S1141312TD10				B01S1141312TH00			
1.1/4-7 x 4		B01S1141400PD10				B01S1141400PH00		
1.1/4-7 x 4.1/2		B01S1141412PD10				B01S1141412PH00		
1.1/4-7 x 5		B01S1141500PD10				B01S1141500PH00		
1.1/4-7 x 5.1/2						B01S1141512PH00		
1.1/4-7 x 6		B01S1141600PD10				B01S1141600PH00		
1.1/4-7 x 7		B01S1141700PD10				B01S1141700PH00		
1.1/4-7 x 8		B01S1141800PD10				B01S1141800PH00		
1.1/4-7 x 9		B01S1141900PD10				B01S1141900PH00		
1.1/4-7 x 10		B01S11411000PD10				B01S11411000PH00		
1.1/4-7 x 11		B01S11411100PD10						
1.1/4-7 x 12		B01S11411200PD10				B01S11411200PH00		
1.1/4-7 x 14		B01S11411400PD10						
1.1/4-7 x 15		B01S11411500PD10				B01S11411500PH00		
1.1/4-7 x 16		B01S11411600PD10						
1.1/4-7 x 18		B01S11411800PD10						
1.1/4-7 x 20		B01S11412000PD10						
1.1/4-7 x 22		B01S11412200PD10						
1.1/4-7 x 24		B01S11412400PD10						

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNC

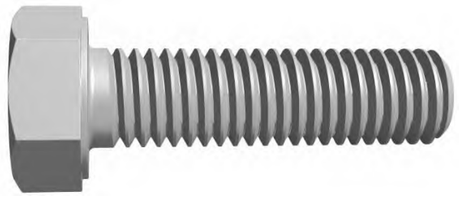

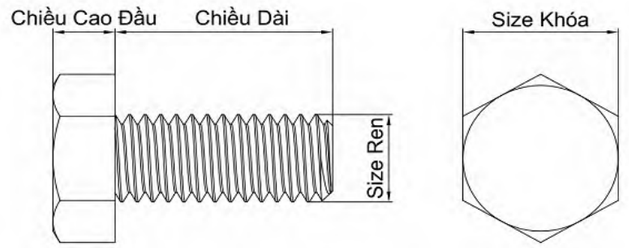

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1.1/2-6 x 4	B01S1121400TD10					B01S1121400PH00		
1.1/2-6 x 5		B01S1121500PD10				B01S1121500PH00		
1.1/2-6 x 6		B01S1121600PD10				B01S1121600PH00		
1.1/2-6 x 7		B01S1121700PD10				B01S1121700PH00		
1.1/2-6 x 8		B01S1121800PD10				B01S1121800PH00		
1.1/2-6 x 9		B01S1121900PD10				B01S1121900PH00		
1.1/2-6 x 10		B01S11211000PD10				B01S11211000PH00		
1.1/2-6 x 11		B01S11211100PD10						
1.1/2-6 x 12		B01S11211200PD10				B01S11211200PH00		
1.1/2-6 x 14		B01S11211400PD10						
1.1/2-6 x 15						B01S11211500PH00		
1.1/2-6 x 16		B01S11211600PD10						
1.1/2-6 x 18		B01S11211800PD10						
1.1/2-6 x 20		B01S11212000PD10						
1.1/2-6 x 22		B01S11212200PD10						
1.1/2-6 x 25		B01S11212400PD10						
2-4.5 x 6		B01S2001600PD10						
2-4.5 x 7		B01S2001700PD10						
2-4.5 x 8		B01S2001800PD10						
2-4.5 x 9		B01S2001900PD10						

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNF

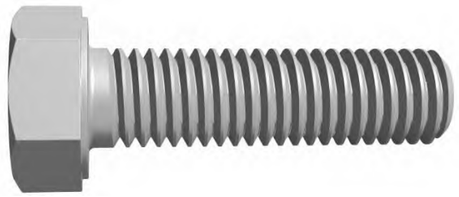

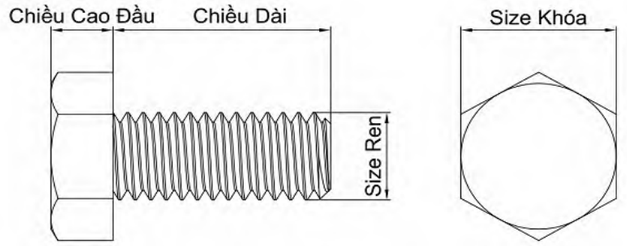

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/4-28 x 3/8					B01S1402038TH00			
1/4-28 x 1/2					B01S1402012TH00			
1/4-28 x 5/8					B01S1402058TH00			
1/4-28 x 3/4	B01S1402034TD10		B01S1402034TD20		B01S1402034TH00			
1/4-28 x 7/8					B01S1402078TH00			
1/4-28 x 1	B01S1402100TD10		B01S1402100TD20		B01S1402100TH00			
1/4-28 x 1.1/4		B01S1402114PD10		B01S1402114PD20	B01S1402114TH00			
1/4-28 x 1.1/2		B01S1402112PD10		B01S1402112PD20		B01S1402112PH00		
1/4-28 x 1.3/4						B01S1402134PH00		
1/4-28 x 2		B01S1402200PD10		B01S1402200PD20		B01S1402200PH00		
1/4-28 x 2.1/4		B01S1402214PD10				B01S1402214PH00		
1/4-28 x 2.1/2		B01S1402212PD10				B01S1402212PH00		
1/4-28 x 2.3/4						B01S1402234PH00		
1/4-28 x 3		B01S1402300PD10				B01S1402300PH00		
1/4-28 x 3.1/2						B01S1402312PH00		
1/4-28 x 4						B01S1402400PH00		
5/16-24 x 1/2					B01S5162012TH00			
5/16-24 x 5/8					B01S5162058TH00			
5/16-24 x 3/4	B01S5162034TD10		B01S5162034TD20		B01S5162034TH00			
5/16-24 x 1	B01S5162100TD10		B01S5162100TD20		B01S5162100TH00			
5/16-24 x 1.1/4		B01S5162114PD10	B01S5162114TD20		B01S5162114TH00			
5/16-24 x 1.1/2	B01S5162112TD10	B01S5162112PD10	B01S5162112TD20	B01S5162112PD20	B01S5162112TH00			
5/16-24 x 1.3/4	B01S5162134TD10		B01S5162134TD20			B01S5162134PH00		
5/16-24 x 2		B01S5162200PD10		B01S5162200PD20		B01S5162200PH00		
5/16-24 x 2.1/4						B01S5162214PH00		
5/16-24 x 2.1/2		B01S5162212PD10				B01S5162212PH00		
5/16-24 x 2.3/4						B01S5162234PH00		
5/16-24 x 3		B01S5162300PD10				B01S5162300PH00		
5/16-24 x 3.1/2		B01S5162312PD10				B01S5162312PH00		
5/16-24 x 4						B01S5162400PH00		

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNF

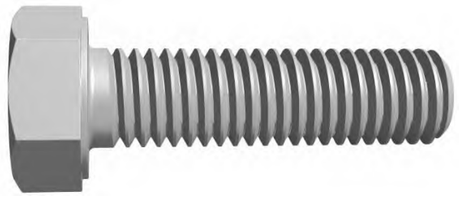

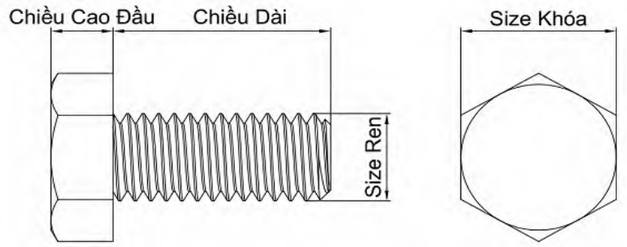

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/8-24 x 5/8					B01S3802058TH00			
3/8-24 x 3/4	B01S3802034TD10		B01S3802034TD20		B01S3802034TH00			
3/8-24 x 1	B01S3802100TD10				B01S3802100TH00			
3/8-24 x 1.1/4	B01S3802114TD10		B01S3802114TD20		B01S3802114TH00			
3/8-24 x 1.1/2		B01S3802112PD10	B01S3802112TD20	B01S3802112PD20		B01S3802112PH00		
3/8-24 x 1.3/4		B01S3802134PD10		B01S3802134PD20		B01S3802134PH00		
3/8-24 x 2		B01S3802200PD10		B01S3802200PD20		B01S3802200PH00		
3/8-24 x 2.1/2		B01S3802212PD10				B01S3802212PH00		
3/8-24 x 2.3/4						B01S3802234PH00		
3/8-24 x 3		B01S3802300PD10				B01S3802300PH00		
3/8-24 x 3.1/2						B01S3802312PH00		
3/8-24 x 4						B01S3802400PH00		
7/16-20 x 3/4					B01S7162034TH00			
7/16-20 x 1	B01S7162100TD10				B01S7162100TH00			
7/16-20 x 1.1/4	B01S7162114TD10		B01S7162114TD20		B01S7162114TH00			
7/16-20 x 1.1/2	B01S7162112TD10		B01S7162112TD20		B01S7162112TH00			
7/16-20 x 1.3/4		B01S7162134PD10				B01S7162134PH00		
7/16-20 x 2	B01S7162200TD10	B01S7162200PD10	B01S7162200TD20			B01S7162200PH00		
7/16-20 x 2.1/4	B01S7162214TD10		B01S7162214TD20			B01S7162214PH00		
7/16-20 x 2.1/2	B01S7162212TD10	B01S7162212PD10	B01S7162212TD20			B01S7162212PH00		
7/16-20 x 3		B01S7162300PD10				B01S7162300PH00		
1/2-20 x 3/4	B01S1202034TD10				B01S1202034TH00			
1/2-20 x 1	B01S1202100TD10		B01S1202100TD20		B01S1202100TH00			
1/2-20 x 1.1/4	B01S1202114TD10		B01S1202114TD20		B01S1202114TH00			
1/2-20 x 1.1/2	B01S1202112TD10		B01S1202112TD20		B01S1202112TH00			
1/2-20 x 1.3/4	B01S1202134TD10					B01S1202134PH00		
1/2-20 x 2	B01S1202200TD10	B01S1202200PD10	B01S1202200TD20			B01S1202200PH00		
1/2-20 x 2.1/4	B01S1202214TD10		B01S1202214TD20			B01S1202214PH00		
1/2-20 x 2.1/2	B01S1202212TD10	B01S1202212PD10	B01S1202212TD20			B01S1202212PH00		
1/2-20 x 2.3/4	B01S1202234TD10		B01S1202234TD20					

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Bulong Đầu Lục Giác Hệ Inch (Hex Bolt)

UNF

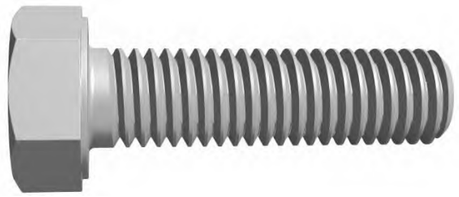

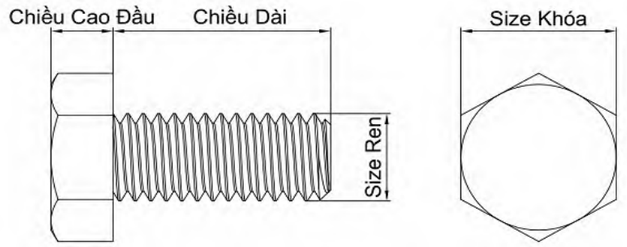

M x L	Thép Grade 5				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/2-20 x 3		B01S1202300PD10		B01S1202300PD20	B01S1202300TH00	B01S1202300PH00		
1/2-20 x 3.1/2		B01S1202312PD10		B01S1202312PD20		B01S1202312PH00		
1/2-20 x 3.3/4						B01S1202334PH00		
1/2-20 x 4						B01S1202400PH00		
1/2-20 x 5						B01S1202500PH00		
5/8-18 x 1					B01S5802100TH00			
5/8-18 x 1.1/4	B01S5802114TD10				B01S5802114TH00			
5/8-18 x 1.1/2	B01S5802112TD10				B01S5802112TH00			
5/8-18 x 1.3/4	B01S5802134TD10				B01S5802134TH00			
5/8-18 x 2	B01S5802200TD10				B01S5802200TH00			
5/8-18 x 2.1/4		B01S5802214PD10				B01S5802214PH00		
5/8-18 x 2.1/2		B01S5802212PD10				B01S5802212PH00		
5/8-18 x 3		B01S5802300PD10				B01S5802300PH00		
5/8-18 x 3.1/2		B01S5802312PD10				B01S5802312PH00		
5/8-18 x 4		B01S5802400PD10				B01S5802400PH00		
5/8-18 x 4.1/2						B01S5802412PH00		
5/8-18 x 5						B01S5802500PH00		
3/4-16 x 1.1/4	B01S3402114TD10				B01S3402114TH00			
3/4-16 x 1.1/2	B01S3402112TD10							
3/4-16 x 2	B01S3402200TD10				B01S3402200TH00			
3/4-16 x 2.1/4	B01S3402214TD10							
3/4-16 x 2.1/2	B01S3402212TD10				B01S3402212TH00			
3/4-16 x 2.3/4		B01S3402234PD10						
3/4-16 x 3		B01S3402300PD10				B01S3402300PH00		
3/4-16 x 3.1/2		B01S3402312PD10		B01S3402312PD20		B01S3402312PH00		
3/4-16 x 4		B01S3402400PD10				B01S3402400PH00		
3/4-16 x 5						B01S3402500PH00		

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col (Flat Socket Cap Screws)

M2 - M3

DIN 7991

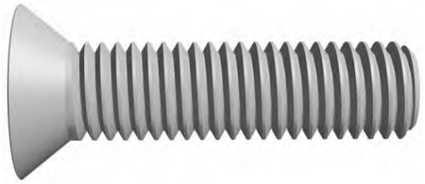

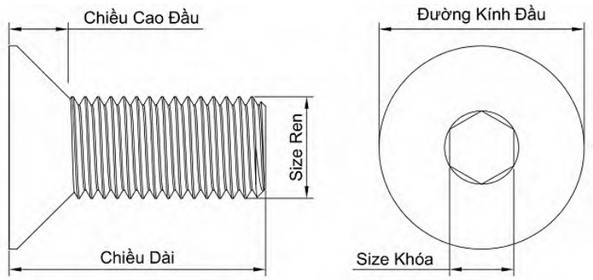

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M2 x 4			B03M0201004TH00	
M2 x 5			B03M0201005TH00	
M2 x 6			B03M0201006TH00	
M2 x 8			B03M0201008TH00	
M2 x 10			B03M0201010TH00	
M2 x 12			B03M0201012TH00	
M2.5 x 5			B03M0251005TH00	
M2.5 x 6			B03M0251006TH00	
M2.5 x 8			B03M0251008TH00	
M2.5 x 10			B03M0251010TH00	
M2.5 x 12			B03M0251012TH00	
M2.5 x 16			B03M0251016TH00	
M3 x 4			B03M0301004TH00	
M3 x 5			B03M0301005TH00	
M3 x 6	B03M0301006TE10	B03M0301006TE20	B03M0301006TH00	B03M0301006TK00
M3 x 8	B03M0301008TE10	B03M0301008TE20	B03M0301008TH00	B03M0301008TK00
M3 x 10	B03M0301010TE10	B03M0301010TE20	B03M0301010TH00	B03M0301010TK00
M3 x 12	B03M0301012TE10	B03M0301012TE20	B03M0301012TH00	B03M0301012TK00
M3 x 14			B03M0301014TH00	B03M0301014TK00
M3 x 15			B03M0301015TH00	
M3 x 16	B03M0301016TE10	B03M0301016TE20	B03M0301016TH00	B03M0301016TK00
M3 x 18			B03M0301018TH00	B03M0301018TK00
M3 x 20	B03M0301020TE10	B03M0301020TE20	B03M0301020TH00	B03M0301020TK00
M3 x 25	B03M0301025TE10	B03M0301025TE20	B03M0301025TH00	B03M0301025TK00
M3 x 30	B03M0301030TE10	B03M0301030TE20	B03M0301030TH00	
M3 x 35			B03M0301035TH00	
M3 x 40	B03M0301040TE10	B03M0301040TE20	B03M0301040TH00	
M3 x 45	B03M0301045TE10	B03M0301045TE20		
M3 x 50	B03M0301050TE10	B03M0301050TE20	B03M0301050TH00	B03M0301050TK00
M3 x 60				B03M0301060TK00
M3 x 80				B03M0301080TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col (Flat Socket Cap Screws)

M4 - M5

DIN 7991

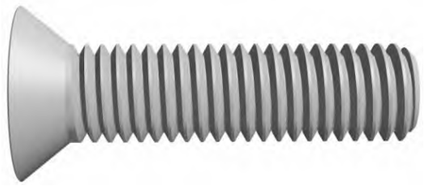

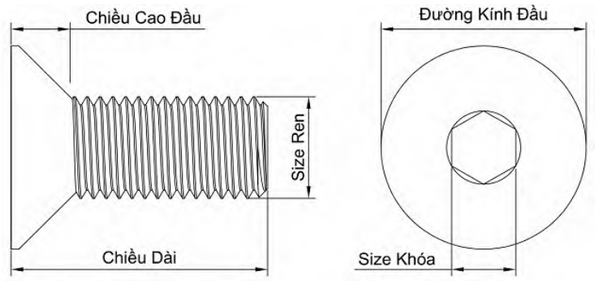

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M4 x 5				
M4 x 6		B03M0401006TE20	B03M0401006TH00	
M4 x 8	B03M0401008TE10	B03M0401008TE20	B03M0401008TH00	B03M0401008TK00
M4 x 10	B03M0401010TE10	B03M0401010TE20		B03M0401010TK00
M4 x 12	B03M0401012TE10	B03M0401012TE20	B03M0401012TH00	B03M0401012TK00
M4 x 14			B03M0401014TH00	B03M0401014TK00
M4 x 16	B03M0401016TE10	B03M0401016TE20	B03M0401016TH00	B03M0401016TK00
M4 x 18			B03M0401018TH00	B03M0401018TK00
M4 x 20	B03M0401020TE10	B03M0401020TE20	B03M0401020TH00	B03M0401020TK00
M4 x 22				B03M0401022TK00
M4 x 25	B03M0401025TE10	B03M0401025TE20	B03M0401025TH00	B03M0401025TK00
M4 x 30	B03M0401030TE10	B03M0401030TE20	B03M0401030TH00	B03M0401030TK00
M4 x 35	B03M0401035TE10		B03M0401035TH00	B03M0401035TK00
M4 x 40	B03M0401040TE10	B03M0401040TE20	B03M0401040TH00	B03M0401040TK00
M4 x 45	B03M0401045TE10		B03M0401045TH00	B03M0401045TK00
M4 x 50	B03M0401050TE10	B03M0401050TE20	B03M0401050TH00	
M4 x 55				
M4 x 60			B03M0401060TH00	B03M0401060TK00
M4 x 80				B03M0401080TK00
M5 x 6			B03M0501006TH00	
M5 x 8	B03M0501008TE10	B03M0501008TE20	B03M0501008TH00	B03M0501008TK00
M5 x 10	B03M0501010TE10	B03M0501010TE20	B03M0501010TH00	B03M0501010TK00
M5 x 12	B03M0501012TE10	B03M0501012TE20	B03M0501012TH00	B03M0501012TK00
M5 x 14			B03M0501014TH00	B03M0501014TK00
M5 x 15			B03M0501015TH00	
M5 x 16	B03M0501016TE10	B03M0501016TE20	B03M0501016TH00	B03M0501016TK00
M5 x 18			B03M0501018TH00	B03M0501018TK00
M5 x 20	B03M0501020TE10	B03M0501020TE20	B03M0501020TH00	B03M0501020TK00
M5 x 22				B03M0501022TK00
M5 x 25	B03M0501025TE10	B03M0501025TE20	B03M0501025TH00	B03M0501025TK00
M5 x 30	B03M0501030TE10	B03M0501030TE20	B03M0501030TH00	B03M0501030TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col (Flat Socket Cap Screws)

M5 - M6

DIN 7991

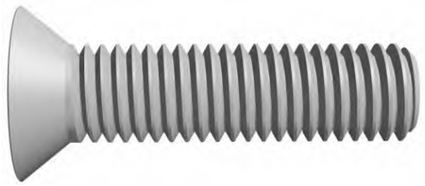

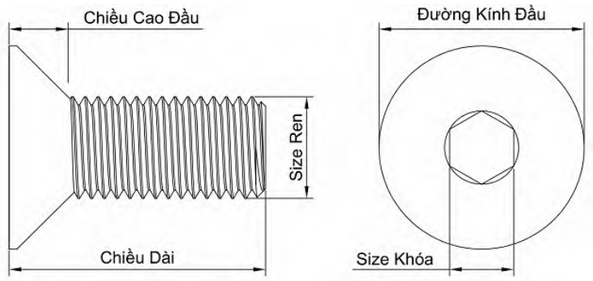

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M5 x 35			B03M0501035TH00	B03M0501035TK00
M5 x 40	B03M0501040TE10		B03M0501040TH00	B03M0501040TK00
M5 x 45			B03M0501045TH00	B03M0501045TK00
M5 x 50	B03M0501050TE10		B03M0501050TH00	B03M0501050TK00
M5 x 60	B03M0501060TE10		B03M0501060TH00	
M5 x 70			B03M0501070TH00	
M5 x 80				B03M0501080TK00
M6 x 8			B03M0601008TH00	
M6 x 10	B03M0601010TE10	B03M0601010TE20	B03M0601010TH00	B03M0601010TK00
M6 x 12	B03M0601012TE10	B03M0601012TE20	B03M0601012TH00	B03M0601012TK00
M6 x 14			B03M0601014TH00	B03M0601014TK00
M6 x 15			B03M0601015TH00	
M6 x 16	B03M0601016TE10	B03M0601016TE20	B03M0601016TH00	B03M0601016TK00
M6 x 18			B03M0601018TH00	B03M0601018TK00
M6 x 20	B03M0601020TE10	B03M0601020TE20	B03M0601020TH00	B03M0601020TK00
M6 x 22			B03M0601022TH00	B03M0601022TK00
M6 x 25	B03M0601025TE10	B03M0601025TE20	B03M0601025TH00	B03M0601025TK00
M6 x 30	B03M0601030TE10	B03M0601030TE20	B03M0601030TH00	B03M0601030TK00
M6 x 35	B03M0601035TE10		B03M0601035TH00	B03M0601035TK00
M6 x 40	B03M0601040TE10	B03M0601040TE20	B03M0601040TH00	B03M0601040TK00
M6 x 45	B03M0601045TE10		B03M0601045TH00	B03M0601045TK00
M6 x 50	B03M0601050TE10	B03M0601050TE20	B03M0601050TH00	B03M0601050TK00
M6 x 55			B03M0601055TH00	B03M0601055TK00
M6 x 60			B03M0601060TH00	B03M0601060TK00
M6 x 65			B03M0601065TH00	
M6 x 70			B03M0601070TH00	
M6 x 75			B03M0601075TH00	
M6 x 80			B03M0601080TH00	
M6 x 85			B03M0601085TH00	
M6 x 90			B03M0601090TH00	
M6 x 100			B03M0601100TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col (Flat Socket Cap Screws)

M8 - M10

DIN 7991

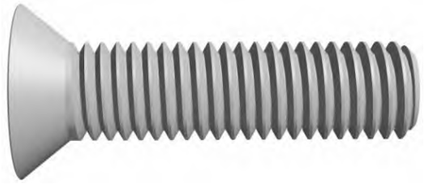

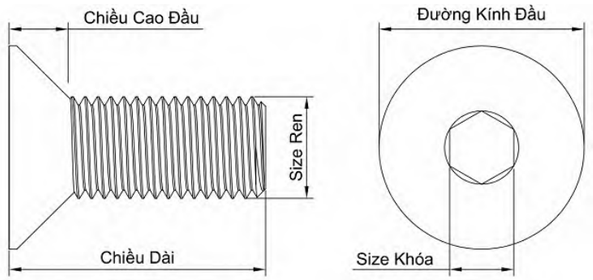

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M8 x 10	B03M0801010TE10	B03M0801010TE20		
M8 x 12			B03M0801012TH00	B03M0801012TK00
M8 x 14			B03M0801014TH00	B03M0801014TK00
M8 x 15			B03M0801015TH00	
M8 x 16	B03M0801016TE10	B03M0801016TE20	B03M0801016TH00	B03M0801016TK00
M8 x 18			B03M0801018TH00	B03M0801018TK00
M8 x 20	B03M0801020TE10	B03M0801020TE20	B03M0801020TH00	B03M0801020TK00
M8 x 25	B03M0801025TE10	B03M0801025TE20	B03M0801025TH00	B03M0801025TK00
M8 x 30	B03M0801030TE10	B03M0801030TE20	B03M0801030TH00	B03M0801030TK00
M8 x 35	B03M0801035TE10	B03M0801035TE20	B03M0801035TH00	B03M0801035TK00
M8 x 40	B03M0801040TE10	B03M0801040TE20	B03M0801040TH00	B03M0801040TK00
M8 x 45	B03M0801045TE10		B03M0801045TH00	B03M0801045TK00
M8 x 50	B03M0801050TE10	B03M0801050TE20	B03M0801050TH00	B03M0801050TK00
M8 x 55			B03M0801055TH00	B03M0801055TK00
M8 x 60		B03M0801060TE20	B03M0801060TH00	B03M0801060TK00
M8 x 65			B03M0801065TH00	B03M0801065TK00
M8 x 70			B03M0801070TH00	B03M0801070TK00
M8 x 75			B03M0801075TH00	B03M0801075TK00
M8 x 80			B03M0801080TH00	
M8 x 85			B03M0801085TH00	
M8 x 90			B03M0801090TH00	
M8 x 95			B03M0801095TH00	
M8 x 100			B03M0801100TH00	
M10 x 16	B03M1001016TE10	B03M1001016TE20	B03M1001016TH00	B03M1001016TK00
M10 x 18			B03M1001018TH00	
M10 x 20	B03M1001020TE10	B03M1001020TE20	B03M1001020TH00	B03M1001020TK00
M10 x 25	B03M1001025TE10	B03M1001025TE20	B03M1001025TH00	B03M1001025TK00
M10 x 30	B03M1001030TE10	B03M1001030TE20	B03M1001030TH00	B03M1001030TK00
M10 x 35	B03M1001035TE10		B03M1001035TH00	B03M1001035TK00
M10 x 40	B03M1001040TE10	B03M1001040TE20	B03M1001040TH00	B03M1001040TK00
M10 x 45			B03M1001045TH00	B03M1001045TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col (Flat Socket Cap Screws)

M10 - M16

DIN 7991

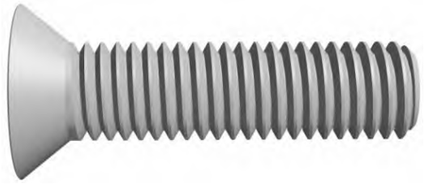

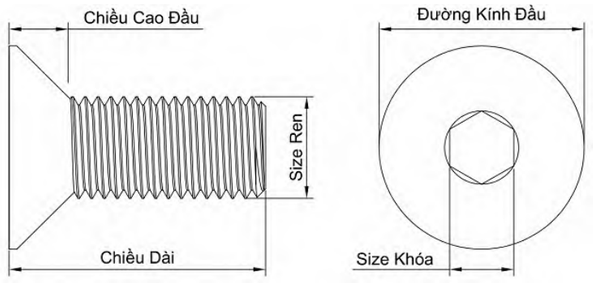

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M10 x 50	B03M1001050TE10	B03M1001050TE20	B03M1001050TH00	B03M1001050TK00
M10 x 55			B03M1001055TH00	B03M1001055TK00
M10 x 60	B03M1001060TE10	B03M1001060TE20	B03M1001060TH00	B03M1001060TK00
M10 x 65			B03M1001065TH00	B03M1001065TK00
M10 x 70			B03M1001070TH00	B03M1001070TK00
M10 x 75			B03M1001075TH00	B03M1001075TK00
M10 x 80			B03M1001080TH00	B03M1001080TK00
M10 x 85			B03M1001085TH00	
M10 x 95			B03M1001095TH00	
M10 x 100			B03M1001100TH00	
M12 x 20	B03M1201020TE10	B03M1201020TE20	B03M1201020TH00	B03M1201020TK00
M12 x 25	B03M1201025TE10	B03M1201025TE20	B03M1201025TH00	B03M1201025TK00
M12 x 30	B03M1201030TE10	B03M1201030TE20	B03M1201030TH00	B03M1201030TK00
M12 x 35	B03M1201035TE10		B03M1201035TH00	B03M1201035TK00
M12 x 40	B03M1201040TE10	B03M1201040TE20		B03M1201040TK00
M12 x 45	B03M1201045TE10	B03M1201045TE20	B03M1201045TH00	B03M1201045TK00
M12 x 50	B03M1201050TE10	B03M1201050TE20	B03M1201050TH00	B03M1201050TK00
M12 x 55			B03M1201055TH00	B03M1201055TK00
M12 x 60	B03M1201060TE10	B03M1201060TE20	B03M1201060TH00	B03M1201060TK00
M12 x 65			B03M1201065TH00	
M12 x 70	B03M1201070TE10	B03M1201070TE20	B03M1201070TH00	B03M1201070TK00
M12 x 75			B03M1201075TH00	
M12 x 80	B03M1201080TE10	B03M1201080TE20	B03M1201080TH00	B03M1201080TK00
M12 x 85			B03M1201085TH00	
M12 x 90			B03M1201090TH00	B03M1201090TK00
M12 x 95			B03M1201095TH00	
M12 x 100			B03M1201100TH00	B03M1201100TK00
M16 x 25			B03M1601025TH00	B03M1601025TK00
M16 x 30	B03M1601030TE10	B03M1601030TE20	B03M1601030TH00	B03M1601030TK00
M16 x 35			B03M1601035TH00	B03M1601035TK00
M16 x 40	B03M1601040TE10	B03M1601040TE20	B03M1601040TH00	B03M1601040TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col (Flat Socket Cap Screws)

M16 - M20

DIN 7991

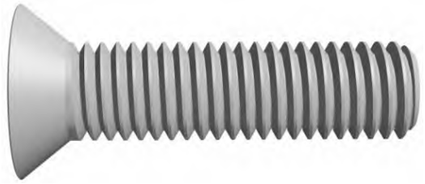

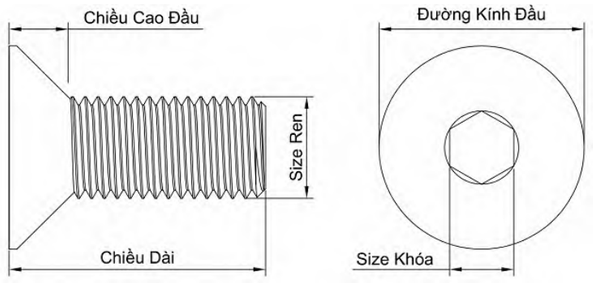

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M16 x 45			B03M1601045TH00	B03M1601045TK00
M16 x 50	B03M1601050TE10	B03M1601050TE20	B03M1601050TH00	B03M1601050TK00
M16 x 55			B03M1601055TH00	B03M1601055TK00
M16 x 60	B03M1601060TE10	B03M1601060TE20	B03M1601060TH00	B03M1601060TK00
M16 x 65			B03M1601065TH00	B03M1601065TK00
M16 x 70			B03M1601070TH00	B03M1601070TK00
M16 x 75			B03M1601075TH00	B03M1601075TK00
M16 x 80			B03M1601080TH00	B03M1601080TK00
M16 x 90			B03M1601090TH00	
M16 x 100				B03M1601100TK00
M20 x 40			B03M2001040TH00	
M20 x 50	B03M2001050TE10		B03M2001050TH00	
M20 x 60	B03M2001060TE10		B03M2001060TH00	B03M2001060TK00
M20 x 70			B03M2001070TH00	
M20 x 80			B03M2001080TH00	

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

#2 - #5

UNC

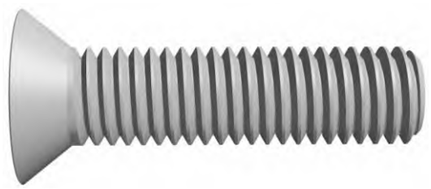

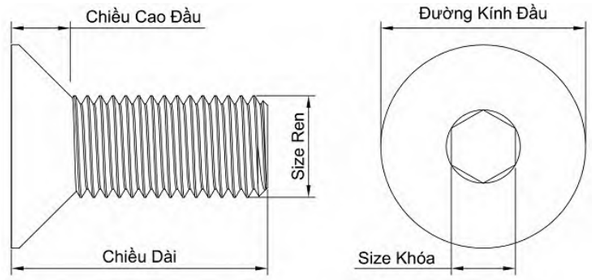

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#2-56 x 1/8					B03S0021018TH00	
#2-56 x 3/16	B03S0021316TD10		B03S0021316TE10		B03S0021316TH00	
#2-56 x 1/4	B03S0021014TD10		B03S0021014TE10		B03S0021014TH00	
#2-56 x 5/16	B03S0021516TD10		B03S0021516TE10		B03S0021516TH00	
#2-56 x 3/8	B03S0021038TD10		B03S0021038TE10		B03S0021038TH00	
#2-56 x 1/2	B03S0021012TD10		B03S0021012TE10		B03S0021012TH00	
#2-56 x 5/8	B03S0021058TD10		B03S0021058TE10		B03S0021058TH00	
#2-56 x 3/4	B03S0021034TD10		B03S0021034TE10		B03S0021034TH00	
#2-56 x 1	B03S0021100TD10		B03S0021100TE10		B03S0021100TH00	
#3-48 x 1/4			B03S0031014TE10			
#3-48 x 3/8			B03S0031038TE10			
#4-40 x 3/16	B03S0041316TD10		B03S0041316TE10		B03S0041316TH00	
#4-40 x 1/4	B03S0041014TD10		B03S0041014TE10		B03S0041014TH00	
#4-40 x 5/16	B03S0041516TD10		B03S0041516TE10		B03S0041516TH00	
#4-40 x 3/8	B03S0041038TD10		B03S0041038TE10		B03S0041038TH00	
#4-40 x 1/2	B03S0041012TD10		B03S0041012TE10		B03S0041012TH00	
#4-40 x 5/8	B03S0041058TD10		B03S0041058TE10		B03S0041058TH00	
#4-40 x 3/4	B03S0041034TD10		B03S0041034TE10		B03S0041034TH00	
#4-40 x 7/8	B03S0041078TD10		B03S0041078TE10		B03S0041078TH00	
#4-40 x 1	B03S0041100TD10		B03S0041100TE10		B03S0041100TH00	
#4-40 x 1.1/4	B03S0041114TD10		B03S0041114TE10		B03S0041114TH00	
#4-40 x 1.1/2					B03S0041112TH00	
#4-40 x 1.3/4					B03S0041134TH00	
#4-40 x 2					B03S0041200TH00	
#5-40 x 3/16	B03S0051316TD10		B03S0051316TE10			
#5-40 x 1/4	B03S0051014TD10		B03S0051014TE10		B03S0051014TH00	
#5-40 x 3/8	B03S0051038TD10		B03S0051038TE10		B03S0051038TH00	
#5-40 x 1/2	B03S0051012TD10		B03S0051012TE10		B03S0051012TH00	
#5-40 x 5/8	B03S0051058TD10		B03S0051058TE10		B03S0051058TH00	
#5-40 x 3/4	B03S0051034TD10		B03S0051034TE10		B03S0051034TH00	
#5-40 x 1	B03S0051100TD10		B03S0051100TE10		B03S0051100TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNC

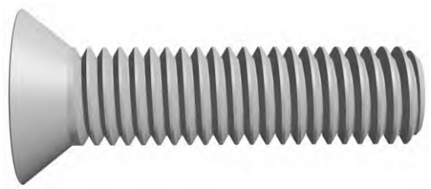

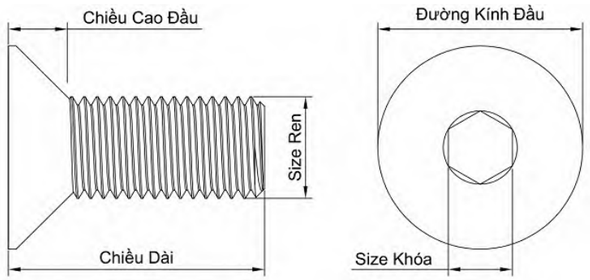

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#6-32 x 3/16					B03S0061316TH00	
#6-32 x 1/4	B03S0061014TD10		B03S0061014TE10		B03S0061014TH00	
#6-32 x 5/16	B03S0061516TD10		B03S0061516TE10		B03S0061516TH00	
#6-32 x 3/8	B03S0061038TD10		B03S0061038TE10		B03S0061038TH00	
#6-32 x 7/16					B03S0061716TH00	
#6-32 x 1/2	B03S0061012TD10		B03S0061012TE10		B03S0061012TH00	
#6-32 x 5/8	B03S0061058TD10		B03S0061058TE10		B03S0061058TH00	
#6-32 x 3/4	B03S0061034TD10		B03S0061034TE10		B03S0061034TH00	
#6-32 x 7/8	B03S0061078TD10		B03S0061078TE10		B03S0061078TH00	
#6-32 x 1	B03S0061100TD10		B03S0061100TE10		B03S0061100TH00	
#6-32 x 1.1/4	B03S0061114TD10		B03S0061114TE10		B03S0061114TH00	
#6-32 x 1.1/2	B03S0061112TD10		B03S0061112TE10		B03S0061112TH00	
#6-32 x 1.3/4					B03S0061134TH00	
#6-32 x 2		B03S0061200PD10	B03S0061200TE10		B03S0061200TH00	
#8-32 x 1/4	B03S0081014TD10		B03S0081014TE10		B03S0081014TH00	
#8-32 x 5/16	B03S0081516TD10		B03S0081516TE10		B03S0081516TH00	
#8-32 x 3/8	B03S0081038TD10		B03S0081038TE10		B03S0081038TH00	
#8-32 x 1/2	B03S0081012TD10		B03S0081012TE10		B03S0081012TH00	
#8-32 x 5/8	B03S0081058TD10		B03S0081058TE10		B03S0081058TH00	
#8-32 x 3/4	B03S0081034TD10		B03S0081034TE10		B03S0081034TH00	
#8-32 x 7/8	B03S0081078TD10		B03S0081078TE10		B03S0081078TH00	
#8-32 x 1	B03S0081100TD10		B03S0081100TE10		B03S0081100TH00	
#8-32 x 1.1/4	B03S0081114TD10		B03S0081114TE10		B03S0081114TH00	
#8-32 x 1.1/2	B03S0081112TD10		B03S0081112TE10		B03S0081112TH00	
#8-32 x 1.3/4		B03S0081134PD10	B03S0081134TE10		B03S0081134TH00	
#8-32 x 2		B03S0081200PD10	B03S0081200TE10		B03S0081200TH00	
#8-32 x 2.1/2		B03S0081212PD10	B03S0081212TE10			
#8-32 x 3		B03S0081300PD10	B03S0081300TE10			
#10-24 x 1/4	B03S0101014TD10		B03S0101014TE10		B03S0101014TH00	
#10-24 x 5/16	B03S0101516TD10		B03S0101516TE10		B03S0101516TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNC

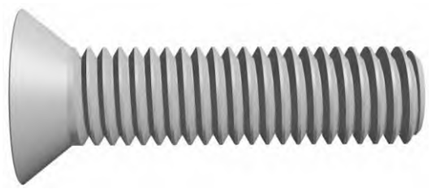

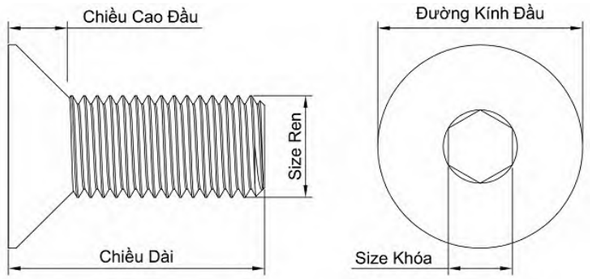

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#10-24 x 3/8	B03S0101038TD10		B03S0101038TE10		B03S0101038TH00	
#10-24 x 1/2	B03S0101012TD10		B03S0101012TE10		B03S0101012TH00	
#10-24 x 5/8	B03S0101058TD10		B03S0101058TE10		B03S0101058TH00	
#10-24 x 3/4	B03S0101034TD10		B03S0101034TE10		B03S0101034TH00	
#10-24 x 7/8	B03S0101078TD10		B03S0101078TE10		B03S0101078TH00	
#10-24 x 1	B03S0101100TD10		B03S0101100TE10		B03S0101100TH00	
#10-24 x 1.1/4	B03S0101114TD10		B03S0101114TE10		B03S0101114TH00	
#10-24 x 1.1/2	B03S0101112TD10		B03S0101112TE10		B03S0101112TH00	
#10-24 x 1.3/4		B03S0101134PD10	B03S0101134TE10		B03S0101134TH00	
#10-24 x 2		B03S0101200PD10	B03S0101200TE10		B03S0101200TH00	
#10-24 x 2.1/2		B03S0101212PD10	B03S0101212TE10		B03S0101212TH00	
#10-24 x 3		B03S0101300PD10	B03S0101300TE10		B03S0101300TH00	
1/4-20 x 3/8			B03S1401038TE10		B03S1401038TH00	
1/4-20 x 1/2	B03S1401012TD10				B03S1401012TH00	
1/4-20 x 5/8	B03S1401058TD10		B03S1401058TE10		B03S1401058TH00	
1/4-20 x 3/4	B03S1401034TD10		B03S1401034TE10		B03S1401034TH00	
1/4-20 x 7/8	B03S1401078TD10		B03S1401078TE10		B03S1401078TH00	
1/4-20 x 1	B03S1401100TD10				B03S1401100TH00	
1/4-20 x 1.1/4	B03S1401114TD10		B03S1401114TE10		B03S1401114TH00	
1/4-20 x 1.1/2	B03S1401112TD10		B03S1401112TE10		B03S1401112TH00	
1/4-20 x 1.3/4		B03S1401134PD10	B03S1401134TE10		B03S1401134TH00	
1/4-20 x 2		B03S1401200PD10	B03S1401200TE10		B03S1401200TH00	
1/4-20 x 2.1/2		B03S1401212PD10	B03S1401212TE10		B03S1401212TH00	
1/4-20 x 3		B03S1401300PD10	B03S1401300TE10		B03S1401300TH00	
1/4-20 x 3.1/2		B03S1401312PD10	B03S1401312TE10		B03S1401312TH00	
1/4-20 x 4		B03S1401400PD10	B03S1401400TE10		B03S1401400TH00	
5/16-18 x 3/8	B03S5161038TD10		B03S5161038TE10			
5/16-18 x 1/2	B03S5161012TD10		B03S5161012TE10		B03S5161012TH00	
5/16-18 x 5/8	B03S5161058TD10		B03S5161058TE10		B03S5161058TH00	
5/16-18 x 3/4	B03S5161034TD10		B03S5161034TE10		B03S5161034TH00	

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNC

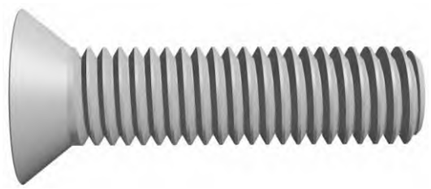

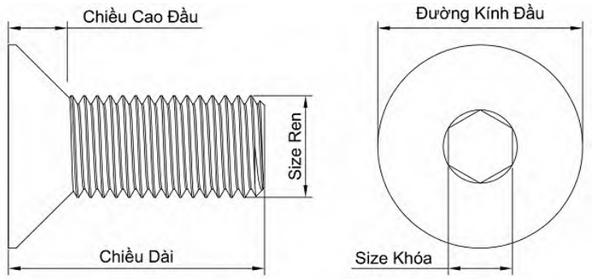

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
5/16-18 x 7/8	B03S5161078TD10		B03S5161078TE10			
5/16-18 x 1	B03S5161100TD10				B03S5161100TH00	
5/16-18 x 1.1/4	B03S5161114TD10		B03S5161114TE10		B03S5161114TH00	
5/16-18 x 1.1/2	B03S5161112TD10		B03S5161112TE10		B03S5161112TH00	
5/16-18 x 1.3/4		B03S5161134PD10	B03S5161134TE10		B03S5161134TH00	
5/16-18 x 2		B03S5161200PD10	B03S5161200TE10		B03S5161200TH00	
5/16-18 x 2.1/4		B03S5161214PD10	B03S5161214TE10			
5/16-18 x 2.1/2		B03S5161212PD10	B03S5161212TE10		B03S5161212TH00	
5/16-18 x 3		B03S5161300PD10	B03S5161300TE10		B03S5161300TH00	
5/16-18 x 3.1/2		B03S5161312PD10	B03S5161312TE10		B03S5161312TH00	
5/16-18 x 4		B03S5161400PD10	B03S5161400TE10		B03S5161400TH00	
3/8-16 x 1/2			B03S3801012TE10			
3/8-16 x 5/8	B03S3801058TD10		B03S3801058TE10			
3/8-16 x 3/4			B03S3801034TE10		B03S3801034TH00	
3/8-16 x 7/8	B03S3801078TD10		B03S3801078TE10		B03S3801078TH00	
3/8-16 x 1	B03S3801100TD10				B03S3801100TH00	
3/8-16 x 1.1/4	B03S3801114TD10		B03S3801114TE10		B03S3801114TH00	
3/8-16 x 1.1/2	B03S3801112TD10		B03S3801112TE10		B03S3801112TH00	
3/8-16 x 1.3/4		B03S3801134PD10	B03S3801134TE10		B03S3801134TH00	
3/8-16 x 2		B03S3801200PD10	B03S3801200TE10		B03S3801200TH00	
3/8-16 x 2.1/4		B03S3801214PD10	B03S3801214TE10			
3/8-16 x 2.1/2		B03S3801212PD10	B03S3801212TE10		B03S3801212TH00	
3/8-16 x 3			B03S3801300TE10		B03S3801300TH00	
3/8-16 x 3.1/2			B03S3801312TE10		B03S3801312TH00	
3/8-16 x 4		B03S3801400PD10	B03S3801400TE10		B03S3801400TH00	
3/8-16 x 4.1/2		B03S3801412PD10	B03S3801412TE10			
3/8-16 x 5		B03S3801500PD10	B03S3801500TE10			
3/8-16 x 6			B03S3801600TE10			
7/16-14 x 3/4			B03S7161034TE10			
7/16-14 x 1	B03S7161100TD10		B03S7161100TE10			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNC

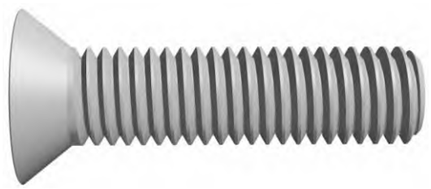

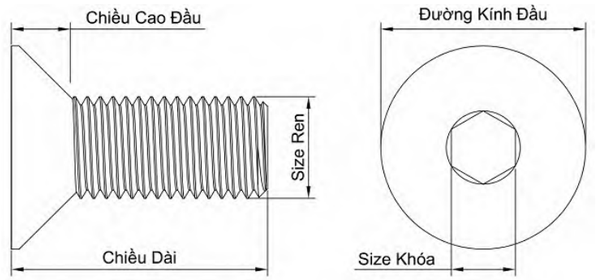

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
7/16-14 x 1.1/4	B03S7161114TD10		B03S7161114TE10			
7/16-14 x 1.1/2	B03S7161112TD10		B03S7161112TE10			
7/16-14 x 1.3/4		B03S7161134PD10	B03S7161134TE10			
7/16-14 x 2		B03S7161200PD10	B03S7161200TE10			
7/16-14 x 2.1/2		B03S7161212PD10	B03S7161212TE10			
7/16-14 x 3			B03S7161300TE10			
7/16-14 x 3.1/2		B03S7161312PD10	B03S7161312TE10			
7/16-14 x 4			B03S7161400TE10			
1/2-13 x 3/4			B03S1201034TE10		B03S1201034TH00	
1/2-13 x 1	B03S1201100TD10				B03S1201100TH00	
1/2-13 x 1.1/4	B03S1201114TD10		B03S1201114TE10		B03S1201114TH00	
1/2-13 x 1.1/2	B03S1201112TD10		B03S1201112TE10		B03S1201112TH00	
1/2-13 x 1.3/4		B03S1201134PD10	B03S1201134TE10		B03S1201134TH00	
1/2-13 x 2		B03S1201200PD10	B03S1201200TE10		B03S1201200TH00	
1/2-13 x 2.1/4		B03S1201214PD10	B03S1201214TE10			
1/2-13 x 2.1/2		B03S1201212PD10	B03S1201212TE10		B03S1201212TH00	
1/2-13 x 2.3/4		B03S1201234PD10	B03S1201234TE10			
1/2-13 x 3		B03S1201300PD10	B03S1201300TE10		B03S1201300TH00	
1/2-13 x 3.1/2			B03S1201312TE10		B03S1201312TH00	
1/2-13 x 4		B03S1201400PD10	B03S1201400TE10		B03S1201400TH00	
1/2-13 x 4.1/2			B03S1201412TE10			
1/2-13 x 5			B03S1201500TE10			
1/2-13 x 6		B03S1201600PD10	B03S1201600TE10			
1/2-13 x 7			B03S1201700TE10			
1/2-13 x 8			B03S1201800TE10			
5/8-11 x 1	B03S5801100TD10		B03S5801100TE10		B03S5801100TH00	
5/8-11 x 1.1/4			B03S5801114TE10		B03S5801114TH00	
5/8-11 x 1.1/2			B03S5801112TE10		B03S5801112TH00	
5/8-11 x 1.3/4		B03S5801134PD10	B03S5801134TE10		B03S5801134TH00	
5/8-11 x 2		B03S5801200PD10	B03S5801200TE10		B03S5801200TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

5/8 - 7/8

UNC

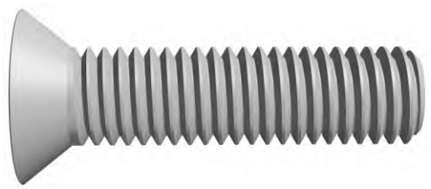

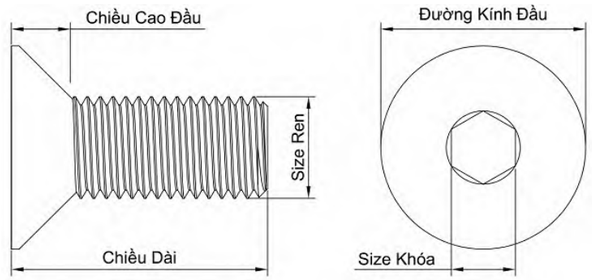

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
5/8-11 x 2.1/4		B03S5801214PD10	B03S5801214TE10			
5/8-11 x 2.1/2			B03S5801212TE10		B03S5801212TH00	
5/8-11 x 3		B03S5801300PD10	B03S5801300TE10		B03S5801300TH00	
5/8-11 x 3.1/2		B03S5801312PD10	B03S5801312TE10		B03S5801312TH00	
5/8-11 x 4		B03S5801400PD10	B03S5801400TE10		B03S5801400TH00	
5/8-11 x 4.1/2		B03S5801412PD10	B03S5801412TE10			
5/8-11 x 5			B03S5801500TE10			
5/8-11 x 6			B03S5801600TE10			
5/8-11 x 7			B03S5801700TE10			
5/8-11 x 8			B03S5801800TE10			
3/4-10 x 1			B03S3401100TE10			
3/4-10 x 1.1/4	B03S3401114TD10		B03S3401114TE10			
3/4-10 x 1.1/2	B03S3401112TD10		B03S3401112TE10		B03S3401112TH00	
3/4-10 x 1.3/4			B03S3401134TE10			
3/4-10 x 2		B03S3401200PD10	B03S3401200TE10		B03S3401200TH00	
3/4-10 x 2.1/4		B03S3401214PD10	B03S3401214TE10			
3/4-10 x 2.1/2		B03S3401212PD10	B03S3401212TE10		B03S3401212TH00	
3/4-10 x 3		B03S3401300PD10	B03S3401300TE10		B03S3401300TH00	
3/4-10 x 3.1/2		B03S3401312PD10	B03S3401312TE10			
3/4-10 x 4		B03S3401400PD10	B03S3401400TE10		B03S3401400TH00	
3/4-10 x 4.1/2			B03S3401412TE10			
3/4-10 x 5			B03S3401500TE10			
3/4-10 x 6			B03S3401600TE10			
3/4-10 x 7			B03S3401700TE10			
3/4-10 x 8			B03S3401800TE10			
7/8-9 x 2			B03S7801200TE10			
7/8-9 x 2.1/2			B03S7801212TE10			
7/8-9 x 3			B03S7801300TE10			
7/8-9 x 3.1/2			B03S7801312TE10			
7/8-9 x 4			B03S7801400TE10			

UNC

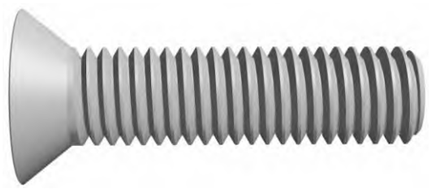

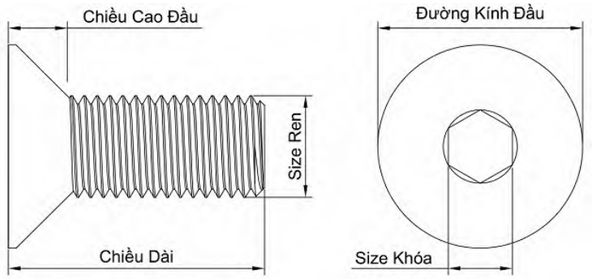

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
7/8-9 x 4.1/2			B03S7801412TE10			
7/8-9 x 5			B03S7801500TE10			
7/8-9 x 6			B03S7801600TE10			
1-8 x 2			B03S1001200TE10			
1-8 x 2.1/4			B03S1001214TE10			
1-8 x 2.1/2			B03S1001212TE10		B03S1001212TH00	
1-8 x 3			B03S1001300TE10			
1-8 x 3.1/2			B03S1001312TE10			
1-8 x 4			B03S1001400TE10			
1-8 x 4.1/2			B03S1001412TE10			
1-8 x 5			B03S1001500TE10			
1-8 x 6			B03S1001600TE10			
1-8 x 7			B03S1001700TE10			
1-8 x 8			B03S1001800TE10			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNF

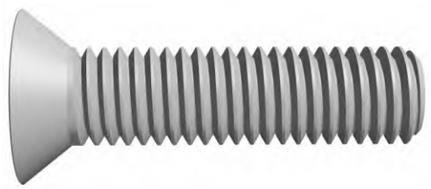

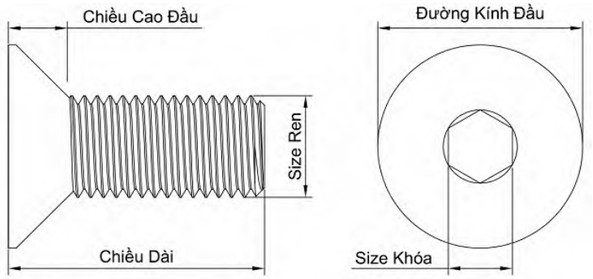

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#0-80 x 1/8			B03S0002018TE10		B03S0002018TH00	
#0-80 x 3/16			B03S0002316TE10		B03S0002316TH00	
#0-80 x 1/4	B03S0002014TD10		B03S0002014TE10		B03S0002014TH00	
#0-80 x 5/16					B03S0002516TH00	
#0-80 x 3/8					B03S0002038TH00	
#0-80 x 1/2					B03S0002012TH00	
#0-80 x 5/8					B03S0002058TH00	
#0-80 x 3/4					B03S0002034TH00	
#0-80 x 1					B03S0002100TH00	
#1-72 x 3/16			B03S0012316TE10			
#1-72 x 1/4					B03S0012014TH00	
#1-72 x 5/16					B03S0012516TH00	
#1-72 x 3/8	B03S0012038TD10		B03S0012038TE10			
#10-32 x 1/4	B03S0102014TD10		B03S0102014TE10		B03S0102014TH00	
#10-32 x 5/16	B03S0102516TD10		B03S0102516TE10		B03S0102516TH00	
#10-32 x 3/8	B03S0102038TD10		B03S0102038TE10		B03S0102038TH00	
#10-32 x 1/2	B03S0102012TD10		B03S0102012TE10		B03S0102012TH00	
#10-32 x 5/8	B03S0102058TD10		B03S0102058TE10		B03S0102058TH00	
#10-32 x 3/4	B03S0102034TD10		B03S0102034TE10		B03S0102034TH00	
#10-32 x 7/8	B03S0102078TD10		B03S0102078TE10		B03S0102078TH00	
#10-32 x 1	B03S0102100TD10		B03S0102100TE10		B03S0102100TH00	
#10-32 x 1.1/4	B03S0102114TD10		B03S0102114TE10		B03S0102114TH00	
#10-32 x 1.1/2	B03S0102112TD10		B03S0102112TE10		B03S0102112TH00	
#10-32 x 1.3/4		B03S0102134PD10	B03S0102134TE10		B03S0102134TH00	
#10-32 x 2		B03S0102200PD10	B03S0102200TE10		B03S0102200TH00	
#10-32 x 2.1/2		B03S0102212PD10	B03S0102212TE10		B03S0102212TH00	
#10-32 x 3		B03S0102300PD10	B03S0102300TE10		B03S0102300TH00	
1/4-28 x 3/8	B03S1402038TD10		B03S1402038TE10			
1/4-28 x 1/2	B03S1402012TD10		B03S1402012TE10		B03S1402012TH00	
1/4-28 x 5/8	B03S1402058TD10		B03S1402058TE10		B03S1402058TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNF

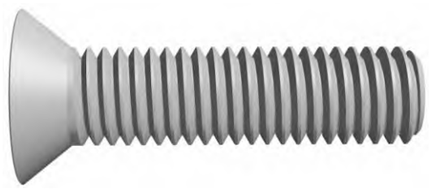

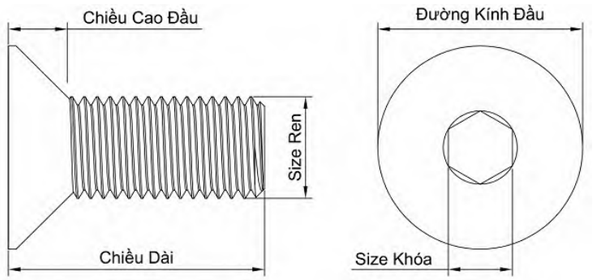

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/4-28 x 3/4	B03S1402034TD10		B03S1402034TE10		B03S1402034TH00	
1/4-28 x 7/8	B03S1402078TD10		B03S1402078TE10			
1/4-28 x 1	B03S1402100TD10		B03S1402100TE10		B03S1402100TH00	
1/4-28 x 1.1/4	B03S1402114TD10		B03S1402114TE10		B03S1402114TH00	
1/4-28 x 1.1/2	B03S1402112TD10		B03S1402112TE10		B03S1402112TH00	
1/4-28 x 1.3/4	B03S1402134PD10		B03S1402134TE10			
1/4-28 x 2	B03S1402200PD10				B03S1402200TH00	
1/4-28 x 2.1/2	B03S1402212PD10		B03S1402212TE10		B03S1402212TH00	
1/4-28 x 3	B03S1402300PD10		B03S1402300TE10		B03S1402300TH00	
5/16-24 x 1/2	B03S5162012TD10		B03S5162012TE10			
5/16-24 x 5/8	B03S5162058TD10		B03S5162058TE10			
5/16-24 x 3/4			B03S5162034TE10		B03S5162034TH00	
5/16-24 x 7/8			B03S5162078TE10			
5/16-24 x 1	B03S5162100TD10		B03S5162100TE10		B03S5162100TH00	
5/16-24 x 1.1/4	B03S5162114TD10		B03S5162114TE10		B03S5162114TH00	
5/16-24 x 1.1/2	B03S5162112TD10				B03S5162112TH00	
5/16-24 x 1.3/4		B03S5162134PD10	B03S5162134TE10			
5/16-24 x 2		B03S5162200PD10	B03S5162200TE10		B03S5162200TH00	
5/16-24 x 2.1/2		B03S5162212PD10	B03S5162212TE10		B03S5162212TH00	
5/16-24 x 3		B03S5162300PD10	B03S5162300TE10		B03S5162300TH00	
3/8-24 x 5/8	B03S3802058TD10		B03S3802058TE10			
3/8-24 x 3/4	B03S3802034TD10		B03S3802034TE10		B03S3802034TH00	
3/8-24 x 7/8	B03S3802078TD10		B03S3802078TE10			
3/8-24 x 1	B03S3802100TD10		B03S3802100TE10		B03S3802100TH00	
3/8-24 x 1.1/4			B03S3802114TE10		B03S3802114TH00	
3/8-24 x 1.1/2	B03S3802112TD10		B03S3802112TE10		B03S3802112TH00	
3/8-24 x 1.3/4		B03S3802134PD10	B03S3802134TE10			
3/8-24 x 2		B03S3802200PD10	B03S3802200TE10		B03S3802200TH00	
3/8-24 x 2.1/2		B03S3802212PD10	B03S3802212TE10		B03S3802212TH00	
3/8-24 x 3		B03S3802300PD10	B03S3802300TE10		B03S3802300TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Col Hệ Inch (Flat Socket Cap Screws)

UNF

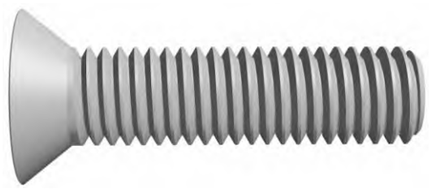

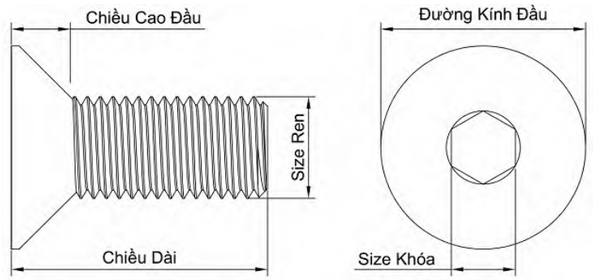

M x L	Thép Đen Grade 5		Thép Đen Grace 8		Inox 304	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
7/16-20 x 3/4	B03S7162034TD10		B03S7162034TE10			
7/16-20 x 1	B03S7162100TD10		B03S7162100TE10			
7/16-20 x 1.1/4	B03S7162114TD10		B03S7162114TE10			
7/16-20 x 1.1/2	B03S7162112TD10		B03S7162112TE10			
7/16-20 x 1.3/4			B03S7162134TE10			
7/16-20 x 2		B03S7162200PD10	B03S7162200TE10			
7/16-20 x 2.1/2		B03S7162212PD10	B03S7162212TE10			
1/2-20 x 3/4	B03S1202034TD10		B03S1202034TE10		B03S1202034TH00	
1/2-20 x 1	B03S1202100TD10		B03S1202100TE10		B03S1202100TH00	
1/2-20 x 1.1/4	B03S1202114TD10		B03S1202114TE10		B03S1202114TH00	
1/2-20 x 1.1/2	B03S1202112TD10		B03S1202112TE10		B03S1202112TH00	
1/2-20 x 1.3/4		B03S1202134PD10	B03S1202134TE10			
1/2-20 x 2			B03S1202200TE10		B03S1202200TH00	
1/2-20 x 2.1/2		B03S1202212PD10	B03S1202212TE10		B03S1202212TH00	
1/2-20 x 3		B03S1202300PD10	B03S1202300TE10		B03S1202300TH00	
1/2-20 x 3.1/2		B03S1202312PD10	B03S1202312TE10			
1/2-20 x 4			B03S1202400TE10			
5/8-18 x 1			B03S5802100TE10			
5/8-18 x 1.1/4	B03S5802114TD10		B03S5802114TE10			
5/8-18 x 1.1/2			B03S5802112TE10			
5/8-18 x 1.3/4		B03S5802134PD10	B03S5802134TE10			
5/8-18 x 2		B03S5802200PD10	B03S5802200TE10			
5/8-18 x 2.1/2			B03S5802212TE10			
5/8-18 x 3		B03S5802300PD10	B03S5802300TE10			
5/8-18 x 4			B03S5802400TE10			
5/8-18 x 5			B03S5802500TE10			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M2 - M3

DIN 912

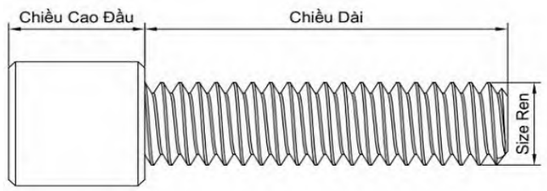

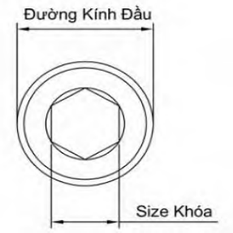

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M2 x 4					B02M0201004TH00		B02M0201004TK00	
M2 x 5					B02M0201005TH00		B02M0201005TK00	
M2 x 6					B02M0201006TH00		B02M0201006TK00	
M2 x 8					B02M0201008TH00		B02M0201008TK00	
M2 x 10					B02M0201010TH00		B02M0201010TK00	
M2 x 12					B02M0201012TH00		B02M0201012TK00	
M2 x 16					B02M0201016TH00		B02M0201016TK00	
M2 x 20					B02M0201020TH00		B02M0201020TK00	
M2.5 x 4					B02M0251004TH00		B02M0251004TK00	
M2.5 x 5					B02M0251005TH00		B02M0251005TK00	
M2.5 x 6					B02M0251006TH00		B02M0251006TK00	
M2.5 x 8					B02M0251008TH00		B02M0251008TK00	
M2.5 x 10					B02M0251010TH00		B02M0251010TK00	
M2.5 x 12					B02M0251012TH00		B02M0251012TK00	
M2.5 x 16					B02M0251016TH00		B02M0251016TK00	
M2.5 x 20							B02M0251020TK00	
M2.5 x 25							B02M0251025TK00	
M3 x 5							B02M0301005TK00	
M3 x 6	B02M0301006TF10		B02M0301006TF20		B02M0301006TH00		B02M0301006TK00	
M3 x 8	B02M0301008TF10		B02M0301008TF20		B02M0301008TH00		B02M0301008TK00	
M3 x 10	B02M0301010TF10		B02M0301010TF20		B02M0301010TH00		B02M0301010TK00	
M3 x 12	B02M0301012TF10		B02M0301012TF20		B02M0301012TH00		B02M0301012TK00	
M3 x 14					B02M0301014TH00			
M3 x 15							B02M0301015TK00	
M3 x 16	B02M0301016TF10		B02M0301016TF20		B02M0301016TH00		B02M0301016TK00	
M3 x 18					B02M0301018TH00			
M3 x 20	B02M0301020TF10		B02M0301020TF20		B02M0301020TH00		B02M0301020TK00	
M3 x 25	B02M0301025TF10		B02M0301025TF20	B02M0301025PF20	B02M0301025TH00			B02M0301025PK00
M3 x 30		B02M0301030PF10	B02M0301030TF20	B02M0301030PF20	B02M0301030TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M3 - M5

DIN 912

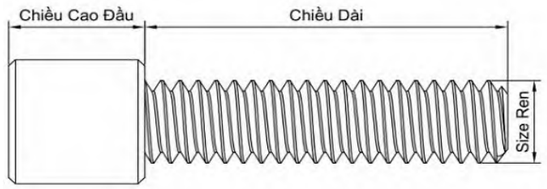

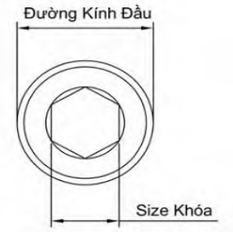

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M3 x 35							B02M0301035TK00	B02M0301035PK00
M3 x 40		B02M0301040PF10		B02M0301040PF20	B02M0301040TH00			B02M0301040PK00
M3 x 50		B02M0301050PF10		B02M0301050PF20	B02M0301050TH00			
M4 x 6	B02M0401006TF10		B02M0401006TF20		B02M0401006TH00		B02M0401006TK00	
M4 x 8	B02M0401008TF10		B02M0401008TF20		B02M0401008TH00		B02M0401008TK00	
M4 x 10	B02M0401010TF10		B02M0401010TF20		B02M0401010TH00		B02M0401010TK00	
M4 x 12	B02M0401012TF10		B02M0401012TF20		B02M0401012TH00		B02M0401012TK00	
M4 x 14					B02M0401014TH00		B02M0401014TK00	
M4 x 16	B02M0401016TF10		B02M0401016TF20		B02M0401016TH00		B02M0401016TK00	
M4 x 18					B02M0401018TH00			
M4 x 20	B02M0401020TF10		B02M0401020TF20		B02M0401020TH00		B02M0401020TK00	
M4 x 25	B02M0401025TF10	B02M0401025PF10	B02M0401025TF20	B02M0401025PF20	B02M0401025TH00		B02M0401025TK00	
M4 x 30	B02M0401030TF10	B02M0401030PF10	B02M0401030TF20	B02M0401030PF20	B02M0401030TH00		B02M0401030TK00	
M4 x 35			B02M0401035TF20		B02M0401035TH00		B02M0401035TK00	
M4 x 40	B02M0401040TF10	B02M0401040PF10		B02M0401040PF20	B02M0401040TH00		B02M0401040TK00	
M4 x 45	B02M0401045TF10							
M4 x 50	B02M0401050TF10	B02M0401050PF10		B02M0401050PF20	B02M0401050TH00		B02M0401050TK00	
M4 x 55		B02M0401055PF10						
M4 x 60	B02M0401060TF10				B02M0401060TH00			
M5 x 8	B02M0501008TF10		B02M0501008TF20					
M5 x 10	B02M0501010TF10		B02M0501010TF20		B02M0501010TH00		B02M0501010TK00	
M5 x 12	B02M0501012TF10		B02M0501012TF20		B02M0501012TH00		B02M0501012TK00	
M5 x 14					B02M0501014TH00		B02M0501014TK00	
M5 x 15							B02M0501015TK00	
M5 x 16	B02M0501016TF10		B02M0501016TF20				B02M0501016TK00	
M5 x 20	B02M0501020TF10		B02M0501020TF20		B02M0501020TH00		B02M0501020TK00	
M5 x 25	B02M0501025TF10		B02M0501025TF20		B02M0501025TH00		B02M0501025TK00	
M5 x 30	B02M0501030TF10	B02M0501030PF10	B02M0501030TF20	B02M0501030PF20	B02M0501030TH00		B02M0501030TK00	
M5 x 35	B02M0501035TF10	B02M0501035PF10					B02M0501035TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M5 - M6

DIN 912

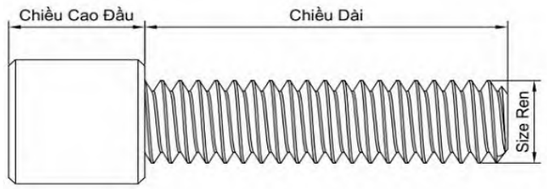

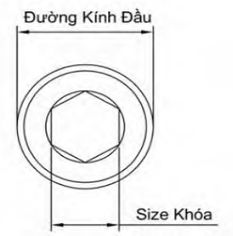

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M5 x 40	B02M0501040TF10	B02M0501040PF10	B02M0501040TF20	B02M0501040PF20	B02M0501040TH00		B02M0501040TK00	
M5 x 45		B02M0501045PF10		B02M0501045PF20			B02M0501045TK00	
M5 x 50		B02M0501050PF10	B02M0501050TF20	B02M0501050PF20	B02M0501050TH00		B02M0501050TK00	
M5 x 55				B02M0501055PF20			B02M0501055TK00	
M5 x 60		B02M0501060PF10		B02M0501060PF20			B02M0501060TK00	
M5 x 65								B02M0501065PK00
M5 x 70		B02M0501070PF10		B02M0501070PF20				B02M0501070PK00
M5 x 80		B02M0501080PF10	B02M0501080TF20	B02M0501080PF20				
M5 x 90		B02M0501090PF10		B02M0501090PF20				B02M0501090PK00
M5 x 100		B02M0501100PF10		B02M0501100PF20				
M5 x 120		B02M0501120PF10						
M6 x 10	B02M0601010TF10		B02M0601010TF20		B02M0601010TH00		B02M0601010TK00	
M6 x 12	B02M0601012TF10		B02M0601012TF20		B02M0601012TH00		B02M0601012TK00	
M6 x 15							B02M0601015TK00	
M6 x 16	B02M0601016TF10		B02M0601016TF20		B02M0601016TH00		B02M0601016TK00	
M6 x 20	B02M0601020TF10		B02M0601020TF20		B02M0601020TH00		B02M0601020TK00	
M6 x 25	B02M0601025TF10		B02M0601025TF20		B02M0601025TH00		B02M0601025TK00	
M6 x 30	B02M0601030TF10		B02M0601030TF20		B02M0601030TH00		B02M0601030TK00	
M6 x 35	B02M0601035TF10	B02M0601035PF10	B02M0601035TF20	B02M0601035PF20	B02M0601035TH00		B02M0601035TK00	
M6 x 40	B02M0601040TF10	B02M0601040PF10	B02M0601040TF20	B02M0601040PF20	B02M0601040TH00		B02M0601040TK00	B02M0601040PK00
M6 x 45	B02M0601045TF10	B02M0601045PF10		B02M0601045PF20			B02M0601045TK00	B02M0601045PK00
M6 x 50	B02M0601050TF10	B02M0601050PF10	B02M0601050TF20		B02M0601050TH00		B02M0601050TK00	B02M0601050PK00
M6 x 55	B02M0601055TF10	B02M0601055PF10					B02M0601055TK00	
M6 x 60	B02M0601060TF10	B02M0601060PF10	B02M0601060TF20	B02M0601060PF20	B02M0601060TH00		B02M0601060TK00	
M6 x 65								B02M0601065PK00
M6 x 70	B02M0601070TF10	B02M0601070PF10	B02M0601070TF20		B02M0601070TH00			B02M0601070PK00
M6 x 75								B02M0601075PK00
M6 x 80		B02M0601080PF10		B02M0601080PF20	B02M0601080TH00			B02M0601080PK00
M6 x 90		B02M0601090PF10		B02M0601090PF20				B02M0601090PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M6 - M8

DIN 912

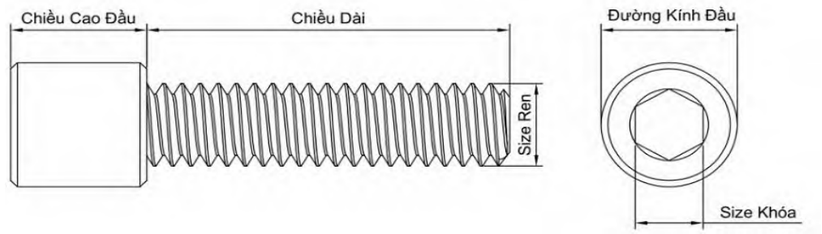

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M6 x 100		B02M0601100PF10		B02M0601100PF20	B02M0601100TH00			B02M0601100PK00
M6 x 110		B02M0601110PF10						
M6 x 120		B02M0601120PF10		B02M0601120PF20				B02M0601120PK00
M6 x 130		B02M0601130PF10						
M6 x 140		B02M0601140PF10						
M6 x 150		B02M0601150PF10						
M8 x 10	B02M0801010TF10		B02M0801010TF20		B02M0801010TH00		B02M0801010TK00	
M8 x 12	B02M0801012TF10		B02M0801012TF20				B02M0801012TK00	
M8 x 16	B02M0801016TF10		B02M0801016TF20		B02M0801016TH00		B02M0801016TK00	
M8 x 20	B02M0801020TF10		B02M0801020TF20		B02M0801020TH00		B02M0801020TK00	
M8 x 25	B02M0801025TF10		B02M0801025TF20		B02M0801025TH00		B02M0801025TK00	
M8 x 30	B02M0801030TF10		B02M0801030TF20		B02M0801030TH00		B02M0801030TK00	
M8 x 35	B02M0801035TF10		B02M0801035TF20				B02M0801035TK00	
M8 x 40	B02M0801040TF10		B02M0801040TF20	B02M0801040PF20	B02M0801040TH00		B02M0801040TK00	B02M0801040PK00
M8 x 45	B02M0801045TF10							B02M0801045PK00
M8 x 50		B02M0801050PF10	B02M0801050TF20	B02M0801050PF20	B02M0801050TH00			B02M0801050PK00
M8 x 55		B02M0801055PF10					B02M0801055TK00	B02M0801055PK00
M8 x 60	B02M0801060TF10	B02M0801060PF10	B02M0801060TF20	B02M0801060PF20	B02M0801060TH00		B02M0801060TK00	B02M0801060PK00
M8 x 65	B02M0801065TF10	B02M0801065PF10		B02M0801065PF20			B02M0801065TK00	B02M0801065PK00
M8 x 70	B02M0801070TF10	B02M0801070PF10	B02M0801070TF20	B02M0801070PF20	B02M0801070TH00		B02M0801070TK00	B02M0801070PK00
M8 x 75								B02M0801075PK00
M8 x 80		B02M0801080PF10	B02M0801080TF20	B02M0801080PF20				B02M0801080PK00
M8 x 90		B02M0801090PF10		B02M0801090PF20				B02M0801090PK00
M8 x 100		B02M0801100PF10		B02M0801100PF20	B02M0801100TH00			B02M0801100PK00
M8 x 110		B02M0801110PF10						B02M0801110PK00
M8 x 120		B02M0801120PF10		B02M0801120PF20				B02M0801120PK00
M8 x 130		B02M0801130PF10						B02M0801130PK00
M8 x 140		B02M0801140PF10						B02M0801140PK00
M8 x 150		B02M0801150PF10		B02M0801150PF20				B02M0801150PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M8 - M12

DIN 912

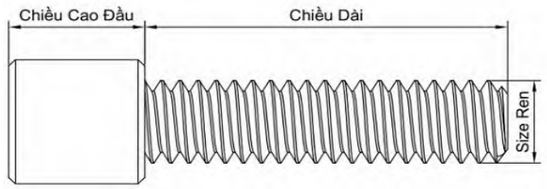

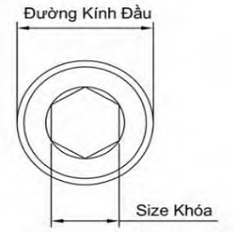

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M8 x 160		B02M0801160PF10						
M10 x 16	B02M1001016TF10		B02M1001016TF20		B02M1001016TH00		B02M1001016TK00	
M10 x 20	B02M1001020TF10		B02M1001020TF20		B02M1001020TH00		B02M1001020TK00	
M10 x 25	B02M1001025TF10		B02M1001025TF20		B02M1001025TH00		B02M1001025TK00	
M10 x 30	B02M1001030TF10		B02M1001030TF20		B02M1001030TH00		B02M1001030TK00	
M10 x 35	B02M1001035TF10		B02M1001035TF20				B02M1001035TK00	
M10 x 40	B02M1001040TF10		B02M1001040TF20	B02M1001040PF20	B02M1001040TH00		B02M1001040TK00	
M10 x 45	B02M1001045TF10	B02M1001045PF10	B02M1001045TF20	B02M1001045PF20			B02M1001045TK00	B02M1001045PK00
M10 x 50	B02M1001050TF10	B02M1001050PF10	B02M1001050TF20	B02M1001050PF20	B02M1001050TH00		B02M1001050TK00	B02M1001050PK00
M10 x 55	B02M1001055TF10	B02M1001055PF10						
M10 x 60	B02M1001060TF10	B02M1001060PF10	B02M1001060TF20	B02M1001060PF20	B02M1001060TH00		B02M1001060TK00	B02M1001060PK00
M10 x 65		B02M1001065PF10						B02M1001065PK00
M10 x 70	B02M1001070TF10	B02M1001070PF10	B02M1001070TF20	B02M1001070PF20	B02M1001070TH00			B02M1001070PK00
M10 x 75								B02M1001075PK00
M10 x 80		B02M1001080PF10	B02M1001080TF20	B02M1001080PF20	B02M1001080TH00			B02M1001080PK00
M10 x 90		B02M1001090PF10		B02M1001090PF20				B02M1001090PK00
M10 x 100		B02M1001100PF10		B02M1001100PF20	B02M1001100TH00			B02M1001100PK00
M10 x 110		B02M1001110PF10		B02M1001110PF20				B02M1001110PK00
M10 x 120		B02M1001120PF10		B02M1001120PF20				B02M1001120PK00
M10 x 130		B02M1001130PF10		B02M1001130PF20				B02M1001130PK00
M10 x 140		B02M1001140PF10		B02M1001140PF20				B02M1001140PK00
M10 x 150		B02M1001150PF10		B02M1001150PF20				B02M1001150PK00
M10 x 160		B02M1001160PF10						
M10 x 180		B02M1001180PF10						
M12 x 16					B02M1201016TH00			
M12 x 20	B02M1201020TF10		B02M1201020TF20		B02M1201020TH00		B02M1201020TK00	
M12 x 25	B02M1201025TF10		B02M1201025TF20		B02M1201025TH00		B02M1201025TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M12 - M14

DIN 912

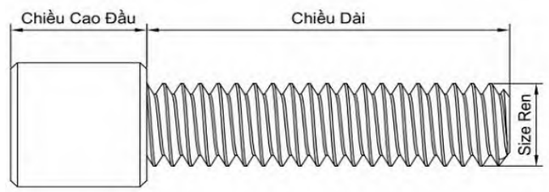

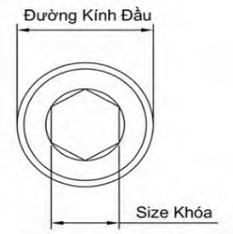

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M12 x 30	B02M1201030TF10		B02M1201030TF20		B02M1201030TH00		B02M1201030TK00	
M12 x 35	B02M1201035TF10		B02M1201035TF20				B02M1201035TK00	
M12 x 40	B02M1201040TF10		B02M1201040TF20		B02M1201040TH00		B02M1201040TK00	
M12 x 45	B02M1201045TF10		B02M1201045TF20				B02M1201045TK00	
M12 x 50	B02M1201050TF10	B02M1201050PF10	B02M1201050TF20	B02M1201050PF20	B02M1201050TH00		B02M1201050TK00	
M12 x 55			B02M1201055TF20					
M12 x 60	B02M1201060TF10	B02M1201060PF10	B02M1201060TF20	B02M1201060PF20	B02M1201060TH00		B02M1201060TK00	B02M1201060PK00
M12 x 65	B02M1201065TF10	B02M1201065PF10						B02M1201065PK00
M12 x 70	B02M1201070TF10	B02M1201070PF10		B02M1201070PF20	B02M1201070TH00			B02M1201070PK00
M12 x 75	B02M1201075TF10	B02M1201075PF10						B02M1201075PK00
M12 x 80	B02M1201080TF10	B02M1201080PF10	B02M1201080TF20	B02M1201080PF20	B02M1201080TH00			B02M1201080PK00
M12 x 90		B02M1201090PF10		B02M1201090PF20				B02M1201090PK00
M12 x 100		B02M1201100PF10		B02M1201100PF20	B02M1201100TH00			B02M1201100PK00
M12 x 110		B02M1201110PF10		B02M1201110PF20				B02M1201110PK00
M12 x 120		B02M1201120PF10	B02M1201120TF20	B02M1201120PF20				B02M1201120PK00
M12 x 130		B02M1201130PF10		B02M1201130PF20				B02M1201130PK00
M12 x 140		B02M1201140PF10		B02M1201140PF20				B02M1201140PK00
M12 x 150		B02M1201150PF10		B02M1201150PF20				B02M1201150PK00
M12 x 160		B02M1201160PF10		B02M1201160PF20				
M12 x 180				B02M1201180PF20				
M12 x 190		B02M1201190PF10						
M12 x 200		B02M1201200PF10		B02M1201200PF20				
M14 x 20							B02M1401020TK00	
M14 x 25	B02M1401025TF10						B02M1401025TK00	
M14 x 30	B02M1401030TF10		B02M1401030TF20		B02M1401030TH00		B02M1401030TK00	
M14 x 35	B02M1401035TF10		B02M1401035TF20				B02M1401035TK00	
M14 x 40	B02M1401040TF10		B02M1401040TF20		B02M1401040TH00		B02M1401040TK00	
M14 x 45			B02M1401045TF20				B02M1401045TK00	
M14 x 50	B02M1401050TF10		B02M1401050TF20		B02M1401050TH00		B02M1401050TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M14 - M16

DIN 912

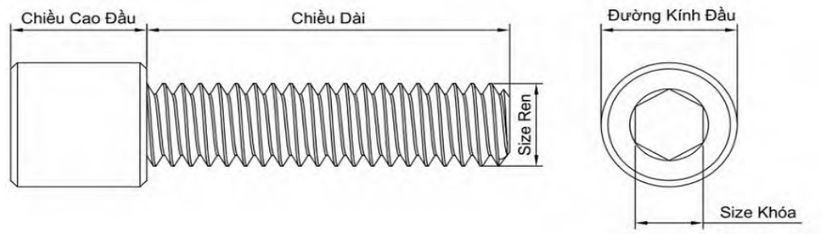

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M14 x 55			B02M1401055TF20					
M14 x 60	B02M1401060TF10	B02M1401060PF10	B02M1401060TF20		B02M1401060TH00			B02M1401060PK00
M14 x 70		B02M1401070PF10		B02M1401070PF20	B02M1401070TH00			B02M1401070PK00
M14 x 75								B02M1401075PK00
M14 x 80		B02M1401080PF10	B02M1401080TF20	B02M1401080PF20	B02M1401080TH00			B02M1401080PK00
M14 x 90		B02M1401090PF10		B02M1401090PF20				B02M1401090PK00
M14 x 100		B02M1401100PF10		B02M1401100PF20	B02M1401100TH00			B02M1401100PK00
M14 x 110		B02M1401110PF10		B02M1401110PF20				
M14 x 120		B02M1401120PF10		B02M1401120PF20				
M14 x 130		B02M1401130PF10		B02M1401130PF20				
M14 x 140				B02M1401140PF20				
M14 x 150		B02M1401150PF10		B02M1401150PF20				
M14 x 160				B02M1401160PF20				
M14 x 180		B02M1401180PF10		B02M1401180PF20				
M14 x 200		B02M1401200PF10		B02M1401200PF20				
M16 x 20							B02M1601020TK00	
M16 x 25	B02M1601025TF10						B02M1601025TK00	
M16 x 30	B02M1601030TF10		B02M1601030TF20		B02M1601030TH00		B02M1601030TK00	
M16 x 35			B02M1601035TF20				B02M1601035TK00	
M16 x 40	B02M1601040TF10		B02M1601040TF20		B02M1601040TH00		B02M1601040TK00	
M16 x 45	B02M1601045TF10		B02M1601045TF20				B02M1601045TK00	
M16 x 50	B02M1601050TF10				B02M1601050TH00		B02M1601050TK00	
M16 x 55	B02M1601055TF10		B02M1601055TF20				B02M1601055TK00	
M16 x 60	B02M1601060TF10		B02M1601060TF20		B02M1601060TH00		B02M1601060TK00	
M16 x 65	B02M1601065TF10			B02M1601065PF20				
M16 x 70	B02M1601070TF10	B02M1601070PF10	B02M1601070TF20	B02M1601070PF20	B02M1601070TH00			B02M1601070PK00
M16 x 75								B02M1601075PK00
M16 x 80	B02M1601080TF10	B02M1601080PF10	B02M1601080TF20	B02M1601080PF20	B02M1601080TH00		B02M1601080TK00	B02M1601080PK00
M16 x 90		B02M1601090PF10		B02M1601090PF20				B02M1601090PK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M16 - M20

DIN 912

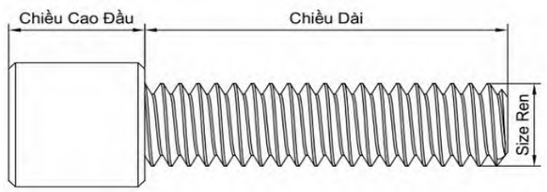

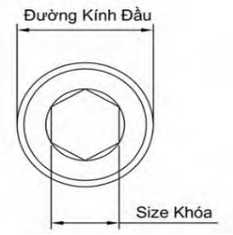

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M16 x 100	B02M1601100TF10	B02M1601100PF10		B02M1601100PF20	B02M1601100TH00			B02M1601100PK00
M16 x 110		B02M1601110PF10		B02M1601110PF20				B02M1601110PK00
M16 x 120		B02M1601120PF10		B02M1601120PF20	B02M1601120TH00			B02M1601120PK00
M16 x 130		B02M1601130PF10		B02M1601130PF20				B02M1601130PK00
M16 x 140		B02M1601140PF10		B02M1601140PF20				B02M1601140PK00
M16 x 150		B02M1601150PF10	B02M1601150TF20	B02M1601150PF20				B02M1601150PK00
M16 x 160		B02M1601160PF10		B02M1601160PF20				
M16 x 180		B02M1601180PF10		B02M1601180PF20				
M16 x 200		B02M1601200PF10		B02M1601200PF20				
M18 x 50	B02M1801050TF10							
M18 x 60	B02M1801060TF10							
M18 x 70	B02M1801070TF10	B02M1801070PF10						
M18 x 80	B02M1801080TF10							
M20 x 40			B02M2001040TF20				B02M2001040TK00	
M20 x 45							B02M2001045TK00	
M20 x 50	B02M2001050TF10						B02M2001050TK00	
M20 x 55							B02M2001055TK00	
M20 x 60	B02M2001060TF10		B02M2001060TF20		B02M2001060TH00		B02M2001060TK00	
M20 x 70	B02M2001070TF10				B02M2001070TH00		B02M2001070TK00	
M20 x 75								B02M2001075PK00
M20 x 80		B02M2001080PF10	B02M2001080TF20		B02M2001080TH00			B02M2001080PK00
M20 x 90		B02M2001090PF10		B02M2001090PF20				B02M2001090PK00
M20 x 100		B02M2001100PF10			B02M2001100TH00			B02M2001100PK00
M20 x 110				B02M2001110PF20				B02M2001110PK00
M20 x 120		B02M2001120PF10			B02M2001120TH00			B02M2001120PK00
M20 x 130								B02M2001130PK00
M20 x 140								B02M2001140PK00
M20 x 150		B02M2001150PF10		B02M2001150PF20				B02M2001150PK00
M20 x 160		B02M2001160PF10						

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ (Socket Cap Screw)

M20 - M30

DIN 912

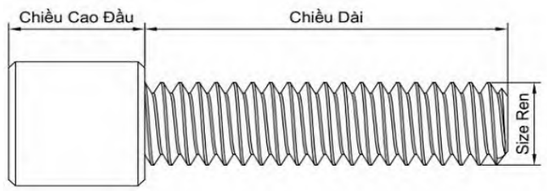

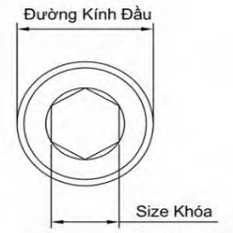

M x L	12.9				Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen		Mạ Kẽm					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
M20 x 170		B02M2001170PF10						
M20 x 180		B02M2001180PF10						
M20 x 200	B02M2001200TF10			B02M2001200PF20				
M22 x 50	B02M2201050TF10							
M22 x 60	B02M2201060TF10							
M22 x 70	B02M2201070TF10							
M22 x 80	B02M2201080TF10							
M22 x 100	B02M2201100TF10							
M22 x 120		B02M2201120PF10						
M22 x 150		B02M2201150PF10						
M24 x 60	B02M2401060TF10							
M24 x 70	B02M2401070TF10							
M24 x 80	B02M2401080TF10							
M24 x 100	B02M2401100TF10							
M24 x 120		B02M2401120PF10						
M24 x 150		B02M2401150PF10						
M24 x 160		B02M2401160PF10						
M24 x 180		B02M2401180PF10						
M24 x 200		B02M2401200PF10						
M30 x 80	B02M3001080TF10							
M30 x 100	B02M3001100TF10							
M30 x 120		B02M3001120PF10						
M30 x 150		B02M3001150PF10						

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

#2 - #4

UNC

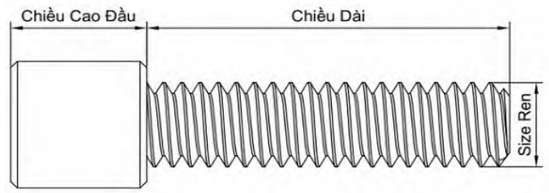

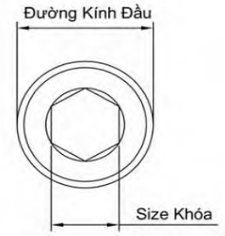

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#2-56 x 1/8	B02S0021018TF10		B02S0021018TH00			
#2-56 x 5/32			B02S0021532TH00			
#2-56 x 3/16			B02S0021316TH00			
#2-56 x 1/4	B02S0021014TF10		B02S0021014TH00			
#2-56 x 5/16	B02S0021516TF10		B02S0021516TH00			
#2-56 x 3/8	B02S0021038TF10		B02S0021038TH00			
#2-56 x 7/16			B02S0021716TH00			
#2-56 x 1/2	B02S0021012TF10		B02S0021012TH00			
#2-56 x 9/16			B02S0021916TH00			
#2-56 x 5/8	B02S0021058TF10		B02S0021058TH00			
#2-56 x 3/4	B02S0021034TF10		B02S0021034TH00			
#2-56 x 7/8			B02S0021078TH00	B02S0021078PH00		
#2-56 x 1		B02S0021100PF10	B02S0021100TH00	B02S0021100PH00		
#2-56 x 1.1/4			B02S0021114TH00	B02S0021114PH00		
#2-56 x 1.1/2			B02S0021112TH00	B02S0021112PH00		
#3-48 x 1/8	B02S0031018TF10					
#3-48 x 3/16	B02S0031316TF10		B02S0031316TH00			
#3-48 x 1/4	B02S0031014TF10		B02S0031014TH00			
#3-48 x 5/16			B02S0031516TH00			
#3-48 x 3/8	B02S0031038TF10		B02S0031038TH00			
#3-48 x 1/2	B02S0031012TF10		B02S0031012TH00			
#4-40 x 1/8	B02S0041018TF10		B02S0041018TH00			
#4-40 x 5/32	B02S0041532TF10					
#4-40 x 3/16	B02S0041316TF10		B02S0041316TH00			
#4-40 x 1/4	B02S0041014TF10		B02S0041014TH00			
#4-40 x 5/16	B02S0041516TF10		B02S0041516TH00			
#4-40 x 3/8	B02S0041038TF10		B02S0041038TH00			
#4-40 x 7/16	B02S0041716TF10		B02S0041716TH00			
#4-40 x 1/2	B02S0041012TF10		B02S0041012TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

#4 - #6

UNC

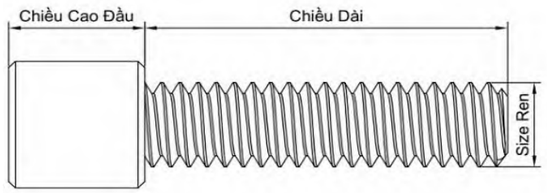

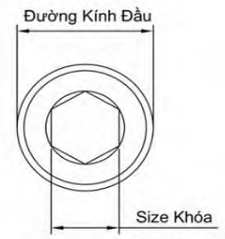

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#4-40 x 9/16	B02S0041916TF10		B02S0041916TH00			
#4-40 x 5/8	B02S0041058TF10		B02S0041058TH00			
#4-40 x 3/4	B02S0041034TF10		B02S0041034TH00			
#4-40 x 7/8	B02S0041078TF10		B02S0041078TH00			
#4-40 x 1	B02S0041100TF10		B02S0041100TH00			
#4-40 x 1.1/8			B02S0041118TH00	B02S0041118PH00		
#4-40 x 1.1/4		B02S0041114PF10	B02S0041114TH00	B02S0041114PH00		
#4-40 x 1.3/8			B02S0041138TH00	B02S0041138PH00		
#4-40 x 1.1/2		B02S0041112PF10	B02S0041112TH00	B02S0041112PH00		
#4-40 x 1.3/4		B02S0041134PF10	B02S0041134TH00	B02S0041134PH00		
#4-40 x 2		B02S0041200PF10	B02S0041020TH00	B02S0041200PH00		
#5-40 x 3/16			B02S0051316TH00			
#5-40 x 1/4	B02S0051014TF10		B02S0051014TH00			
#5-40 x 5/16			B02S0051516TH00			
#5-40 x 3/8	B02S0051038TF10		B02S0051038TH00			
#5-40 x 7/16			B02S0051716TH00			
#5-40 x 1/2	B02S0051012TF10		B02S0051012TH00			
#5-40 x 9/16			B02S0051916TH00			
#5-40 x 5/8	B02S0051058TF10		B02S0051058TH00			
#5-40 x 3/4	B02S0051034TF10		B02S0051034TH00			
#5-40 x 7/8			B02S0051078TH00			
#5-40 x 1		B02S0051100PF10	B02S0051100TH00	B02S0051100PH00		
#5-40 x 1.1/4		B02S0051114PF10	B02S0051114TH00	B02S0051114PH00		
#5-40 x 1.1/2		B02S0051112PF10	B02S0051112TH00	B02S0051112PH00		
#5-40 x 2		B02S0051200PF10	B02S0051200TH00	B02S0051200PH00		
#6-32 x 1/8	B02S0061018TF10		B02S0061018TH00			
#6-32 x 3/16	B02S0061316TF10		B02S0061316TH00			
#6-32 x 1/4	B02S0061014TF10		B02S0061014TH00		B02S0061014TK00	
#6-32 x 5/16	B02S0061516TF10		B02S0061516TH00		B02S0061516TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

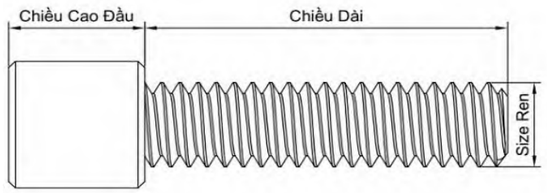

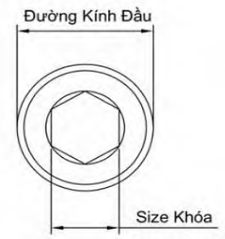

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#6-32 x 3/8	B02S0061038TF10		B02S0061038TH00		B02S0061038TK00	
#6-32 x 7/16			B02S0061716TH00		B02S0061716TK00	
#6-32 x 1/2	B02S0061012TF10		B02S0061012TH00		B02S0061012TK00	
#6-32 x 9/16			B02S0061916TH00			
#6-32 x 5/8	B02S0061058TF10		B02S0061058TH00		B02S0061058TK00	
#6-32 x 3/4	B02S0061034TF10		B02S0061034TH00		B02S0061034TK00	
#6-32 x 7/8	B02S0061078TF10		B02S0061078TH00		B02S0061078TK00	
#6-32 x 1	B02S0061100TF10		B02S0061100TH00		B02S0061100TK00	
#6-32 x 1.1/8			B02S0061118TH00			
#6-32 x 1.1/4	B02S0061114TF10		B02S0061114TH00			B02S0061114PK00
#6-32 x 1.1/2	B02S0061112TF10		B02S0061112TH00	B02S0061112PH00		B02S0061112PK00
#6-32 x 1.3/4		B02S0061134PF10	B02S0061134TH00	B02S0061134PH00		
#6-32 x 2		B02S0061200PF10		B02S0061200PH00		
#6-32 x 2.1/4		B02S0061214PF10	B02S0061214TH00	B02S0061214PH00		
#6-32 x 2.1/2		B02S0061212PF10	B02S0061212TH00	B02S0061212PH00		
#6-32 x 3		B02S0061300PF10		B02S0061300PH00		
#8-32 x 1/8			B02S0081018TH00			
#8-32 x 3/16	B02S0081316TF10		B02S0081316TH00			
#8-32 x 1/4	B02S0081014TF10		B02S0081014TH00		B02S0081014TK00	
#8-32 x 5/16	B02S0081516TF10		B02S0081516TH00		B02S0081516TK00	
#8-32 x 3/8	B02S0081038TF10		B02S0081038TH00		B02S0081038TK00	
#8-32 x 7/16			B02S0081716TH00		B02S0081716TK00	
#8-32 x 1/2	B02S0081012TF10		B02S0081012TH00		B02S0081012TK00	
#8-32 x 9/16			B02S0081916TH00			
#8-32 x 5/8	B02S0081058TF10		B02S0081058TH00		B02S0081058TK00	
#8-32 x 3/4	B02S0081034TF10		B02S0081034TH00		B02S0081034TK00	
#8-32 x 7/8	B02S0081078TF10		B02S0081078TH00		B02S0081078TK00	
#8-32 x 1	B02S0081100TF10		B02S0081100TH00		B02S0081100TK00	
#8-32 x 1.1/8			B02S0081118TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

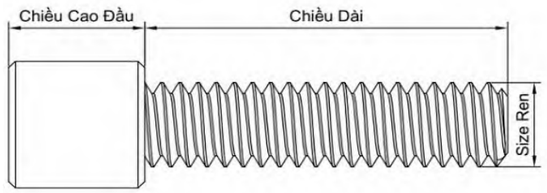

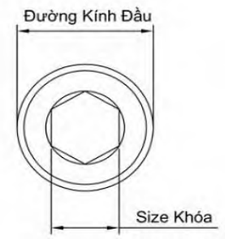

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#8-32 x 1.1/4		B02S0081114PF10	B02S0081114TH00	B02S0081114PH00		B02S0081114PK00
#8-32 x 1.3/8		B02S0081138PF10	B02S0081138TH00	B02S0081138PH00		
#8-32 x 1.1/2	B02S0081112TF10		B02S0081112TH00	B02S0081112PH00		B02S0081112PK00
#8-32 x 1.3/4	B02S0081134TF10		B02S0081134TH00			
#8-32 x 2	B02S0081200TF10		B02S0081200TH00			B02S0081200PK00
#8-32 x 2.1/4	B02S0081214TF10		B02S0081214TH00			
#8-32 x 2.1/2	B02S0081212TF10		B02S0081212TH00			
#8-32 x 2.3/4	B02S0081234TF10					
#8-32 x 3	B02S0081300TF10		B02S0081300TH00			
#8-32 x 3.1/2		B02S0081312PF10				
#8-32 x 4			B02S0081400TH00	B02S0081400PH00		
#10-24 x 1/4	B02S0101014TF10		B02S0101014TH00			
#10-24 x 5/16			B02S0101516TH00			
#10-24 x 3/8	B02S0101038TF10		B02S0101038TH00		B02S0101038TK00	
#10-24 x 7/16			B02S0101716TH00			
#10-24 x 1/2	B02S0101012TF10		B02S0101012TH00		B02S0101012TK00	
#10-24 x 9/16			B02S0101916TH00			
#10-24 x 5/8	B02S0101058TF10		B02S0101058TH00		B02S0101058TK00	
#10-24 x 3/4	B02S0101034TF10		B02S0101034TH00		B02S0101034TK00	
#10-24 x 7/8	B02S0101078TF10		B02S0101078TH00			
#10-24 x 1	B02S0101100TF10		B02S0101100TH00		B02S0101100TK00	
#10-24 x 1.1/4	B02S0101114TF10		B02S0101114TH00			B02S0101114PK00
#10-24 x 1.3/8				B02S0101138PH00		
#10-24 x 1.1/2	B02S0101112TF10		B02S0101112TH00			B02S0101112PK00
#10-24 x 1.3/4	B02S0101134TF10		B02S0101134TH00			
#10-24 x 2	B02S0101200TF10	B02S0101200PF10	B02S0101200TH00			B02S0101200PK00
#10-24 x 2.1/4	B02S0101214TF10		B02S0101214TH00			
#10-24 x 2.1/2	B02S0101212TF10		B02S0101212TH00			
#10-24 x 2.3/4	B02S0101234TF10		B02S0101234TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

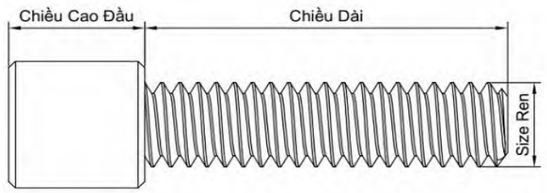

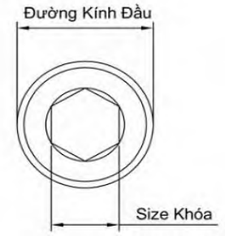

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#10-24 x 3	B02S0101300TF10		B02S0101300TH00			
#10-24 x 3.1/2	B02S0101312TF10					
#10-24 x 4		B02S0101400PF10				
#10-24 x 5		B02S0101500PF10				
#12-24 x 1/2			B02S0121012TH00			
#12-24 x 3/4			B02S0121034TH00			
#12-24 x 1			B02S0121100TH00			
#12-24 x 1.1/4			B02S0121114TH00			
1/4-20 x 1/4	B02S1401014TF10		B02S1401014TH00			
1/4-20 x 5/16	B02S1401516TF10		B02S1401516TH00			
1/4-20 x 3/8	B02S1401038TF10		B02S1401038TH00		B02S1401038TK00	
1/4-20 x 1/2	B02S1401012TF10		B02S1401012TH00		B02S1401012TK00	
1/4-20 x 5/8	B02S1401058TF10		B02S1401058TH00		B02S1401058TK00	
1/4-20 x 3/4	B02S1401034TF10		B02S1401034TH00		B02S1401034TK00	
1/4-20 x 7/8	B02S1401078TF10		B02S1401078TH00		B02S1401078TK00	
1/4-20 x 1	B02S1401100TF10		B02S1401100TH00		B02S1401100TK00	
1/4-20 x 1.1/8			B02S1401118TH00			
1/4-20 x 1.1/4	B02S1401114TF10		B02S1401114TH00		B02S1401114TK00	
1/4-20 x 1.1/2		B02S1401112PF10	B02S1401112TH00	B02S1401112PH00	B02S1401112TK00	
1/4-20 x 1.3/4	B02S1401134TF10	B02S1401134PF10	B02S1401134TH00	B02S1401134PH00	B02S1401134TK00	
1/4-20 x 2	B02S1401200TF10	B02S1401200PF10	B02S1401200TH00	B02S1401200PH00	B02S1401200TK00	
1/4-20 x 2.1/4	B02S1401214TF10		B02S1401214TH00	B02S1401214PH00	B02S1401214TK00	B02S1401214PK00
1/4-20 x 2.1/2	B02S1401212TF10	B02S1401212PF10	B02S1401212TH00		B02S1401212TK00	B02S1401212PK00
1/4-20 x 2.3/4	B02S1401234TF10		B02S1401234TH00	B02S1401234PH00		
1/4-20 x 3	B02S1401300TF10	B02S1401300PF10	B02S1401300TH00		B02S1401300TK00	B02S1401300PK00
1/4-20 x 3.1/4	B02S1401314TF10					
1/4-20 x 3.1/2	B02S1401312TF10		B02S1401312TH00		B02S1401312TK00	B02S1401312PK00
1/4-20 x 4	B02S1401400TF10	B02S1401400PF10	B02S1401400TH00		B02S1401400TK00	B02S1401400PK00
1/4-20 x 4.1/2		B02S1401412PF10		B02S1401412PH00		

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

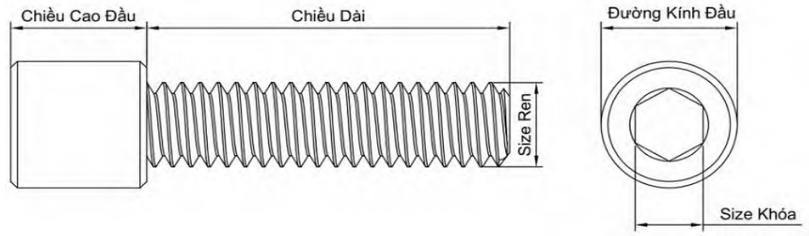

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/4-20 x 5		B02S1401500PF10		B02S1401500PH00		
1/4-20 x 5.1/2		B02S1401512PF10				
1/4-20 x 6		B02S1401600PF10		B02S1401600PH00		
1/4-20 x 7		B02S1401700PF10				
1/4-20 x 8		B02S1401800PF10				
5/16-18 x 1/4		B02S5162114PF10				
5/16-18 x 3/8	B02S5161038TF10		B02S5161038TH00			
5/16-18 x 1/2	B02S5161012TF10		B02S5161012TH00		B02S5161012TK00	
5/16-18 x 5/8	B02S5161058TF10		B02S5161058TH00		B02S5161058TK00	
5/16-18 x 3/4	B02S5161034TF10		B02S5161034TH00		B02S5161034TK00	
5/16-18 x 7/8	B02S5161078TF10		B02S5161078TH00		B02S5161078TK00	
5/16-18 x 1	B02S5161100TF10		B02S5161100TH00		B02S5161100TK00	
5/16-18 x 1.1/4	B02S5161125TF10		B02S5161114TH00		B02S5161114TK00	
5/16-18 x 1.1/2	B02S5161112TF10		B02S5161112TH00		B02S5161112TK00	
5/16-18 x 1.3/4	B02S5161134TF10	B02S5161134PF10	B02S5161134TH00		B02S5161134TK00	
5/16-18 x 2	B02S5161200TF10	B02S5161200PF10	B02S5161200TH00		B02S5161200TK00	
5/16-18 x 2.1/4	B02S5161214TF10	B02S5161214PF10	B02S5161214TH00			
5/16-18 x 2.1/2	B02S5161212TF10	B02S5161212PF10	B02S5161212TH00		B02S5161212TK00	B02S5161212PK00
5/16-18 x 2.3/4	B02S5161234TF10	B02S5161234PF10	B02S5161234TH00			
5/16-18 x 3	B02S5161300TF10	B02S5161300PF10	B02S5161300TH00		B02S5161300TK00	B02S5161300PK00
5/16-18 x 3.1/4	B02S5161314TF10		B02S5161314TH00			
5/16-18 x 3.1/2	B02S5161312TF10		B02S5161312TH00		B02S5161312TK00	B02S5161312PK00
5/16-18 x 4		B02S5161400PF10		B02S5161400PH00		B02S5161400PK00
5/16-18 x 4.1/2		B02S5161412PF10		B02S5161412PH00		
5/16-18 x 5		B02S5161500PF10		B02S5161500PH00		
5/16-18 x 5.1/2		B02S5161512PF10				
5/16-18 x 6		B02S5161600PF10	B02S5161600TH00	B02S5161600PH00		
5/16-18 x 6.1/2		B02S5161612PF10				
5/16-18 x 7		B02S5161700PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

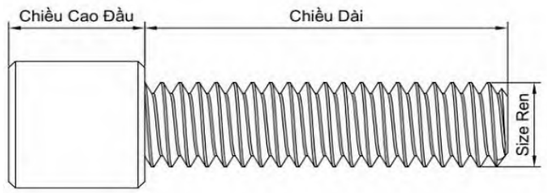

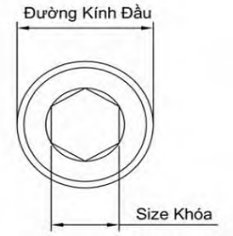

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
5/16-18 x 8		B02S5161800PF10				
5/16-18 x 9		B02S5161900PF10				
5/16-18 x 10		B02S51611000PF10				
3/8-16 x 3/8	B02S3801038TF10		B02S3801038TH00			
3/8-16 x 1/2	B02S3801012TF10		B02S3801012TH00			
3/8-16 x 5/8	B02S3801058TF10		B02S3801058TH00		B02S3801058TK00	
3/8-16 x 3/4	B02S3801034TF10		B02S3801034TH00		B02S3801034TK00	
3/8-16 x 7/8	B02S3801078TF10		B02S3801078TH00			
3/8-16 x 1	B02S3801100TF10		B02S3801100TH00		B02S3801100TK00	
3/8-16 x 1.1/4	B02S3801114TF10		B02S3801114TH00		B02S3801114TK00	
3/8-16 x 1.1/2	B02S3801112TF10		B02S3801112TH00		B02S3801112TK00	
3/8-16 x 1.3/4	B02S3801134TF10		B02S3801134TH00	B02S3801134PH00	B02S3801134TK00	
3/8-16 x 2	B02S3801200TF10		B02S3801200TH00	B02S3801200PH00	B02S3801200TK00	
3/8-16 x 2.1/4	B02S3801214TF10		B02S3801214TH00			
3/8-16 x 2.1/2	B02S3801212TF10	B02S3801212PF10	B02S3801212TH00		B02S3801212TK00	B02S3801212PK00
3/8-16 x 2.3/4	B02S3801234TF10		B02S3801234TH00			
3/8-16 x 3	B02S3801300TF10	B02S3801300PF10	B02S3801300TH00		B02S3801300TK00	B02S3801300PK00
3/8-16 x 3.1/4	B02S3801314TF10					
3/8-16 x 3.1/2	B02S3801312TF10			B02S3801312PH00	B02S3801312TK00	B02S3801312PK00
3/8-16 x 4	B02S3801400TF10	B02S3801400PF10	B02S3801400TH00		B02S3801400TK00	B02S3801400PK00
3/8-16 x 4.1/2	B02S3801412TF10	B02S3801412PF10	B02S3801412TH00			
3/8-16 x 5	B02S3801500TF10		B02S3801500TH00			
3/8-16 x 5.1/2	B02S3801512TF10					
3/8-16 x 6	B02S3801600TF10		B02S3801600TH00			
3/8-16 x 6.1/2	B02S3801612TF10					
3/8-16 x 7		B02S3801700PF10				
3/8-16 x 8		B02S3801800PF10				
3/8-16 x 9		B02S3801900PF10				
3/8-16 x 10		B02S38011000PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

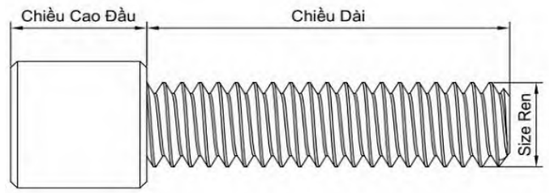

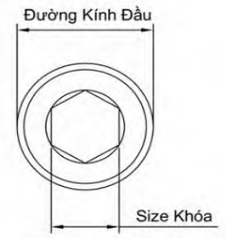

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/8-16 x 11		B02S38011100PF10				
3/8-16 x 12		B02S38011200PF10				
7/16-14 x 3/4	B02S7161034TF10		B02S7161034TH00		B02S7161034TK00	
7/16-14 x 1	B02S7161100TF10		B02S7161100TH00		B02S7161100TK00	
7/16-14 x 1.1/4	B02S7161114TF10		B02S7161114TH00		B02S7161114TK00	
7/16-14 x 1.1/2	B02S7161112TF10		B02S7161112TH00		B02S7161112TK00	
7/16-14 x 1.3/4	B02S7161134TF10		B02S7161134TH00			
7/16-14 x 2	B02S7161200TF10		B02S7161200TH00		B02S7161200TK00	
7/16-14 x 2.1/4		B02S7161214PF10				
7/16-14 x 2.1/2	B02S7161212TF10		B02S7161212TH00		B02S7161212TK00	
7/16-14 x 2.3/4	B02S7161234TF10					
7/16-14 x 3	B02S7161300TF10		B02S7161300TH00		B02S7161300TK00	
7/16-14 x 3.1/4		B02S7161314PF10				
7/16-14 x 3.1/2		B02S7161312PF10			B02S7161312TK00	B02S7161312PK00
7/16-14 x 4		B02S7161400PF10	B02S7161400TH00		B02S7161400TK00	B02S7161400PK00
7/16-14 x 4.1/2		B02S7161412PF10				
7/16-14 x 5		B02S7161500PF10				
7/16-14 x 5.1/2		B02S7161512PF10				
7/16-14 x 6		B02S7161600PF10				
7/16-14 x 7		B02S7161700PF10				
7/16-14 x 8		B02S7161800PF10				
1/2-13 x 1/2	B02S1201012TF10					
1/2-13 x 5/8	B02S1201058TF10					
1/2-13 x 3/4	B02S1201034TF10		B02S1201034TH00		B02S1201034TK00	
1/2-13 x 7/8	B02S1201078TF10					
1/2-13 x 1	B02S1201100TF10		B02S1201100TH00		B02S1201100TK00	
1/2-13 x 1.1/4	B02S1201114TF10		B02S1201114TH00		B02S1201114TK00	
1/2-13 x 1.1/2	B02S1201112TF10		B02S1201112TH00		B02S1201112TK00	
1/2-13 x 1.3/4	B02S1201134TF10		B02S1201134TH00		B02S1201134TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

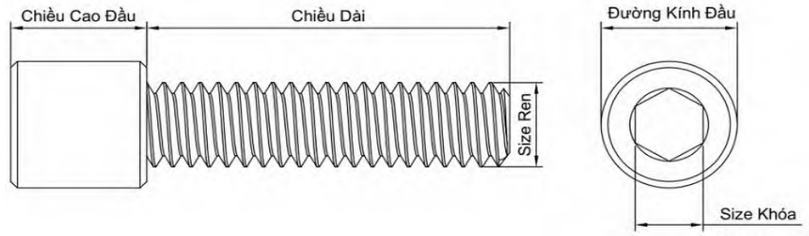

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/2-13 x 2	B02S1201200TF10		B02S1201200TH00		B02S1201200TK00	
1/2-13 x 2.1/4	B02S1201214TF10		B02S1201214TH00		B02S1201214TK00	
1/2-13 x 2.1/2	B02S1201212TF10		B02S1201212TH00		B02S1201212TK00	
1/2-13 x 2.3/4	B02S1201234TF10		B02S1201234TH00			
1/2-13 x 3	B02S1201300TF10		B02S1201300TH00		B02S1201300TK00	
1/2-13 x 3.1/4		B02S1201314PF10				
1/2-13 x 3.1/2	B02S1201312TF10		B02S1201312TH00		B02S1201312TK00	
1/2-13 x 4	B02S1201400TF10		B02S1201400TH00		B02S1201400TK00	
1/2-13 x 4.1/2		B02S1201412PF10				B02S1201412PK00
1/2-13 x 5	B02S1201500TF10			B02S1201500PH00	B02S1201500TK00	
1/2-13 x 5.1/2		B02S1201512PF10				
1/2-13 x 6	B02S1201600TF10			B02S1201600PH00		
1/2-13 x 6.1/2		B02S1201612PF10				
1/2-13 x 7		B02S1201700PF10		B02S1201700PH00		
1/2-13 x 8		B02S1201800PF10		B02S1201800PH00		
1/2-13 x 9		B02S1201900PF10				
1/2-13 x 10		B02S12011000PF10		B02S12011000PH00		
1/2-13 x 11		B02S12011100PF10				
1/2-13 x 12		B02S12011200PF10		B02S12011200PH00		
1/2-13 x 14		B02S12011400PF10				
1/2-13 x 15		B02S12011500PF10				
9/16-12 x 1	B02S9161100TF10					
9/16-12 x 1.1/2	B02S9161112TF10					
9/16-12 x 2	B02S9161200TF10					
5/8-11 x 5/8	B02S5801058TF10					
5/8-11 x 3/4	B02S5801034TF10					
5/8-11 x 1	B02S5801100TF10		B02S5801100TH00		B02S5801100TK00	
5/8-11 x 1.1/4	B02S5801114TF10		B02S5801114TH00		B02S5801114TK00	
5/8-11 x 1.1/2	B02S5801112TF10		B02S5801112TH00		B02S5801112TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

5/8 - 3/4

UNC

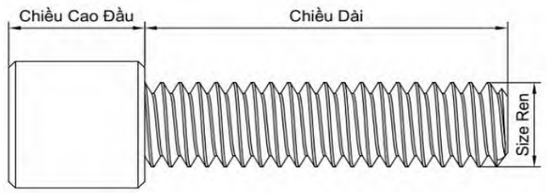

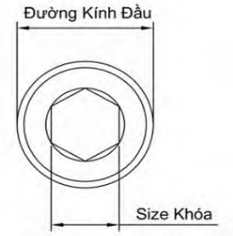

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
5/8-11 x 1.3/4	B02S5801134TF10		B02S5801134TH00			
5/8-11 x 2	B02S5801200TF10		B02S5801200TH00		B02S5801200TK00	
5/8-11 x 2.1/4	B02S5801214TF10		B02S5801214TH00			
5/8-11 x 2.1/2	B02S5801212TF10		B02S5801212TH00		B02S5801212TK00	
5/8-11 x 2.3/4		B02S5801234PF10				
5/8-11 x 3	B02S5801300TF10	B02S5801300PF10	B02S5801300TH00		B02S5801300TK00	
5/8-11 x 3.1/2	B02S5801312TF10	B02S5801312PF10	B02S5801312TH00		B02S5801312TK00	
5/8-11 x 4	B02S5801400TF10	B02S5801400PF10	B02S5801400TH00		B02S5801400TK00	
5/8-11 x 4.1/2		B02S5801412PF10		B02S5801412PH00		
5/8-11 x 5				B02S5801500PH00		
5/8-11 x 5.1/2		B02S5801512PF10				
5/8-11 x 6	B02S5801600TF10			B02S5801600PH00	B02S5801600TK00	
5/8-11 x 6.1/2		B02S5801612PF10				
5/8-11 x 7		B02S5801700PF10		B02S5801700PH00	B02S5801700TK00	B02S5801700PK00
5/8-11 x 7.1/2		B02S5801712PF10				
5/8-11 x 8		B02S5801800PF10		B02S5801800PH00		
5/8-11 x 9		B02S5801900PF10				
5/8-11 x 10		B02S58011000PF10				
5/8-11 x 11		B02S58011100PF10				
5/8-11 x 12		B02S58011200PF10				
5/8-11 x 13		B02S58011300PF10				
5/8-11 x 14		B02S58011400PF10				
5/8-11 x 15		B02S58011500PF10				
5/8-11 x 16		B02S58011600PF10				
3/4-10 x 3/4	B02S3401034TF10					
3/4-10 x 1	B02S3401100TF10		B02S3401100TH00			
3/4-10 x 1.1/4	B02S3401114TF10		B02S3401114TH00			
3/4-10 x 1.1/2	B02S3401112TF10		B02S3401112TH00		B02S3401112TK00	
3/4-10 x 1.3/4	B02S3401134TF10		B02S3401134TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

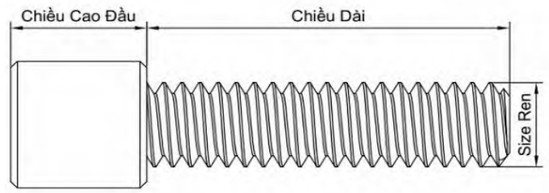

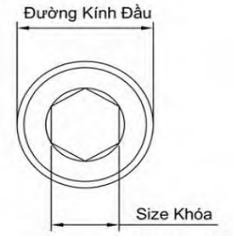

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/4-10 x 2	B02S3401200TF10		B02S3401200TH00		B02S3401200TK00	
3/4-10 x 2.1/4	B02S3401214TF10		B02S3401214TH00			
3/4-10 x 2.1/2	B02S3401212TF10		B02S3401212TH00		B02S3401212TK00	
3/4-10 x 2.3/4	B02S3401234TF10					
3/4-10 x 3	B02S3401300TF10		B02S3401300TH00		B02S3401300TK00	
3/4-10 x 3.1/4		B02S3401314PF10				
3/4-10 x 3.1/2	B02S3401312TF10		B02S3401312TH00		B02S3401312TK00	
3/4-10 x 4	B02S3401400TF10		B02S3401400PH00		B02S3401400TK00	B02S3401400PK00
3/4-10 x 4.1/2		B02S3401412PF10				
3/4-10 x 5	B02S3401500TF10		B02S3401500PH00		B02S3401500TK00	B02S3401500PK00
3/4-10 x 5.1/2		B02S3401512PF10				
3/4-10 x 6		B02S3401600PF10	B02S3401600PH00			B02S3401600PK00
3/4-10 x 6.1/2		B02S3401612PF10				
3/4-10 x 7		B02S3401700PF10	B02S3401700PH00			
3/4-10 x 8		B02S3401800PF10	B02S3401800PH00			
3/4-10 x 8.1/2		B02S3401812PF10				
3/4-10 x 9		B02S3401900PF10				
3/4-10 x 10		B02S34011000PF10				
3/4-10 x 11		B02S34011100PF10				
3/4-10 x 12		B02S34011200PF10				
3/4-10 x 13		B02S34011300PF10				
3/4-10 x 14		B02S34011400PF10				
3/4-10 x 15		B02S34011500PF10				
3/4-10 x 16		B02S34011600PF10				
3/4-10 x 18		B02S34011800PF10				
3/4-10 x 20		B02S34012000PF10				
7/8-9 x 1.1/2	B02S7801112TF10					
7/8-9 x 1.3/4	B02S7801134TF10					
7/8-9 x 2	B02S7801200TF10		B02S7801200TH00			

UNC

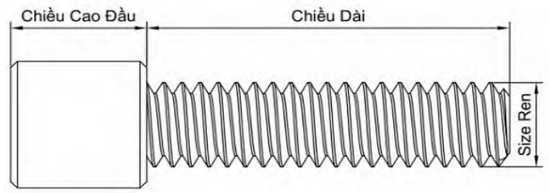

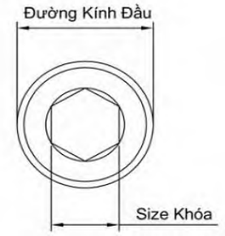

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
7/8-9 x 2.1/4	B02S7801214TF10					
7/8-9 x 2.1/2	B02S7801212TF10		B02S7801212TH00			
7/8-9 x 3	B02S7801300TF10		B02S7801300TH00			
7/8-9 x 3.1/2		B02S7801312PF10		B02S7801312PH00		
7/8-9 x 4		B02S7801400PF10		B02S7801400PH00		
7/8-9 x 4.1/2		B02S7801412PF10				
7/8-9 x 5		B02S7801500PF10		B02S7801500PH00		
7/8-9 x 6		B02S7801600PF10		B02S7801600PH00		
7/8-9 x 7		B02S7801700PF10	B02S7801700TH00	B02S7801700PH00		
7/8-9 x 8		B02S7801800PF10	B02S7801800TH00	B02S7801800PH00		
7/8-9 x 9		B02S7801900PF10				
7/8-9 x 10		B02S78011000PF10				
7/8-9 x 11		B02S78011100PF10				
7/8-9 x 12		B02S78011200PF10				
7/8-9 x 14		B02S78011400PF10				
7/8-9 x 15		B02S78011500PF10				
7/8-9 x 16		B02S78011600PF10				
7/8-9 x 18		B02S78011800PF10				
7/8-9 x 20		B02S78012000PF10				
1-8 x 1.1/2	B02S1001112TF10					
1-8 x 2	B02S1001200TF10					
1-8 x 2.1/4	B02S1001214TF10					
1-8 x 2.1/2	B02S1001212TF10		B02S1001212TH00			
1-8 x 2.3/4	B02S1001234TF10					
1-8 x 3	B02S1001300TF10		B02S1001300TH00			
1-8 x 3.1/2		B02S1001312PF10		B02S1001312PH00		
1-8 x 3.3/4		B02S1001334PF10				
1-8 x 4		B02S1001400PF10		B02S1001400PH00		
1-8 x 4.1/2		B02S1001412PF10				

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

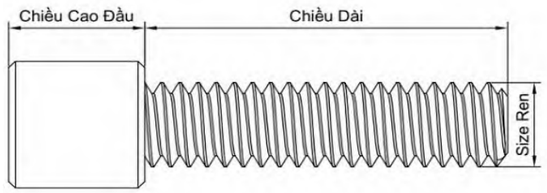

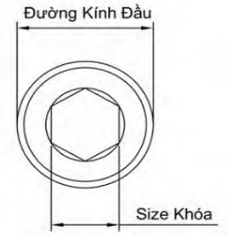

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1-8 x 5		B02S1001500PF10		B02S1001500PH00		
1-8 x 5.1/2		B02S1001512PF10				
1-8 x 6		B02S1001600PF10		B02S1001600PH00		
1-8 x 6.1/2		B02S1001612PF10				
1-8 x 7		B02S1001700PF10		B02S1001700PH00		
1-8 x 7.1/2		B02S1001712PF10				
1-8 x 8		B02S1001800PF10		B02S1001800PH00		
1-8 x 9		B02S1001900PF10		B02S1001900PH00		
1-8 x 10		B02S10011000PF10		B02S10011000PH00		
1-8 x 11		B02S10011100PF10				
1-8 x 12		B02S10011200PF10				
1-8 x 13		B02S10011300PF10				
1-8 x 14		B02S10011400PF10				
1-8 x 15		B02S10011500PF10				
1-8 x 16		B02S10011600PF10				
1-8 x 18		B02S10011800PF10				
1-8 x 20		B02S10012000PF10				
1.1/8-7 x 2.1/2	B02S1181212TF10					
1.1/8-7 x 3	B02S1181300TF10					
1.1/8-7 x 3.1/2		B02S1181312PF10				
1.1/8-7 x 4		B02S1181400PF10				
1.1/8-7 x 5		B02S1181500PF10				
1.1/8-7 x 6		B02S1181600PF10				
1.1/8-7 x 7		B02S1181700PF10				
1.1/8-7 x 8		B02S1181800PF10				
1.1/8-7 x 9		B02S1181900PF10				
1.1/8-7 x 10		B02S11811000PF10				
1.1/8-7 x 12		B02S11811200PF10				
1.1/8-7 x 13		B02S11811300PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

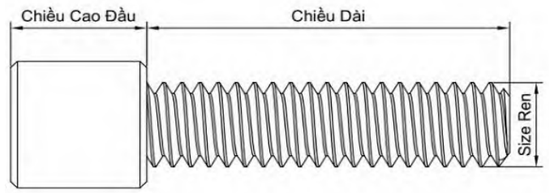

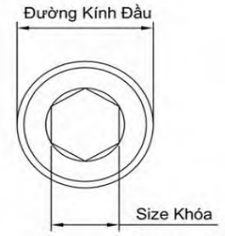

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1.1/8-7 x 15		B02S11811500PF10				
1.1/8-7 x 16		B02S11811600PF10				
1.1/4-7 x 2		B02S1141200PF10				
1.1/4-7 x 2.1/2		B02S1141212PF10				
1.1/4-7 x 3		B02S1141300PF10				
1.1/4-7 x 3.1/2		B02S1141312PF10				
1.1/4-7 x 4		B02S1141400PF10				
1.1/4-7 x 4.1/2		B02S1141412PF10				
1.1/4-7 x 5		B02S1141500PF10				
1.1/4-7 x 5.1/2		B02S1141512PF10				
1.1/4-7 x 6		B02S1141600PF10				
1.1/4-7 x 6.1/2		B02S1141612PF10				
1.1/4-7 x 7		B02S1141700PF10				
1.1/4-7 x 8		B02S1141800PF10				
1.1/4-7 x 9		B02S1141900PF10				
1.1/4-7 x 10		B02S11411000PF10				
1.1/4-7 x 12		B02S11411200PF10				
1.1/4-7 x 14		B02S11411400PF10				
1.1/4-7 x 15		B02S11411500PF10				
1.1/4-7 x 16		B02S11411600PF10				
1.1/4-7 x 18		B02S11411800PF10				
1.1/4-7 x 20		B02S11412000PF10				
1.1/2-6 x 3	B02S1121300TF10					
1.1/2-6 x 3.1/2	B02S1121312TF10					
1.1/2-6 x 4	B02S1121400TF10					
1.1/2-6 x 5		B02S1121500PF10				
1.1/2-6 x 6		B02S1121600PF10				
1.1/2-6 x 7		B02S1121700PF10				
1.1/2-6 x 8		B02S1121800PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNC

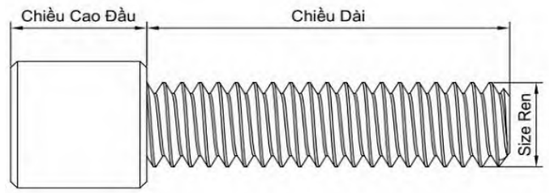

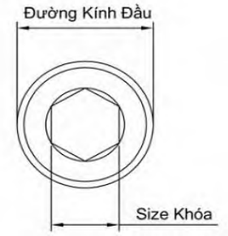

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1.1/2-6 x 9		B02S1121900PF10				
1.1/2-6 x 10		B02S11211000PF10				
1.1/2-6 x 11		B02S11211100PF10				
1.1/2-6 x 12		B02S11211200PF10				
1.1/2-6 x 13		B02S11211300PF10				
1.1/2-6 x 14		B02S11211400PF10				
1.1/2-6 x 15		B02S11211500PF10				
1.1/2-6 x 16		B02S11211600PF10				
1.1/2-6 x 18		B02S11211800PF10				
1.1/2-6 x 20		B02S11212000PF10				
1.3/8-6 x 4	B02S1381400TF10					
1.3/8-6 x 5		B02S1381500PF10				
1.3/8-6 x 8		B02S1381800PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

#0 - #5

UNF

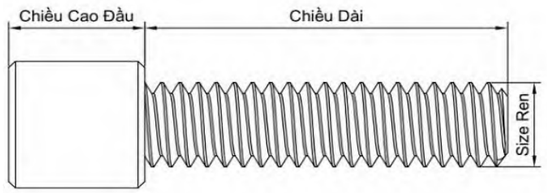

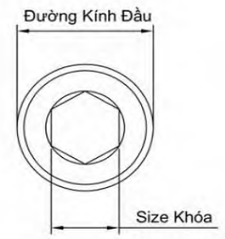

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#0-80 x 3/32			B02S0002332TH00			
#0-80 x 1/8	B02S0002018TF10		B02S0002018TH00			
#0-80 x 5/32	B02S0002532TF10		B02S0002532TH00			
#0-80 x 3/16	B02S0002316TF10		B02S0002316TH00			
#0-80 x 1/4	B02S0002014TF10		B02S0002014TH00			
#0-80 x 5/16	B02S0002516TF10		B02S0002516TH00			
#0-80 x 3/8	B02S0002038TF10		B02S0002038TH00			
#0-80 x 1/2			B02S0002012TH00			
#0-80 x 5/8			B02S0002058TH00			
#0-80 x 3/4			B02S0002034TH00			
#0-80 x 1			B02S0002100TH00			
#1-72 x 1/8	B02S0012018TF10		B02S0012018TH00			
#1-72 x 3/16	B02S0012316TF10		B02S0012316TH00			
#1-72 x 1/4	B02S0012014TF10		B02S0012014TH00			
#1-72 x 5/16			B02S0012516TH00			
#1-72 x 3/8			B02S0012038TH00			
#1-72 x 1/2			B02S0012012TH00			
#4-48 x 1/4	B02S0042014TF10		B02S0042014TH00			
#4-48 x 5/16	B02S0042516TF10					
#4-48 x 3/8	B02S0042038TF10		B02S0042038TH00			
#4-48 x 7/16			B02S0042716TH00			
#4-48 x 1/2	B02S0042012TF10		B02S0042012TH00			
#4-48 x 5/8			B02S0042058TH00			
#4-48 x 3/4	B02S0042034TF10		B02S0042034TH00			
#5-44 x 3/16			B02S0052316TH00			
#5-44 x 1/4			B02S0052014TH00			
#5-44 x 5/16			B02S0052516TH00			
#5-44 x 3/8			B02S0052038TH00			
#5-44 x 7/16			B02S0052716TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

#5 - #10

UNF

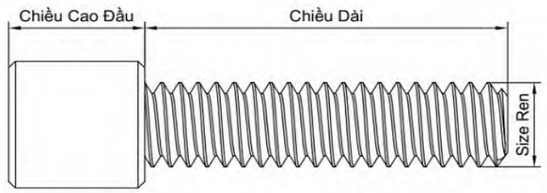

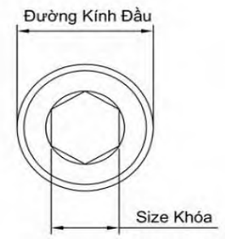

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#5-44 x 1/2			B02S0052012TH00			
#5-44 x 9/16			B02S0052916TH00			
#5-44 x 5/8			B02S0052058TH00			
#5-44 x 3/4			B02S0052034TH00			
#5-44 x 7/8			B02S0052078TH00			
#5-44 x 1			B02S0052100TH00	B02S0052100PH00		
#6-40 x 1/8			B02S0062018TH00			
#6-40 x 3/16			B02S0062316TH00			
#6-40 x 1/4	B02S0062014TF10		B02S0062014TH00			
#6-40 x 5/16	B02S0062516TF10					
#6-40 x 3/8	B02S0062038TF10		B02S0062038TH00			
#6-40 x 1/2	B02S0062012TF10		B02S0062012TH00			
#6-40 x 5/8	B02S0062058TF10		B02S0062058TH00			
#6-40 x 3/4	B02S0062034TF10		B02S0062034TH00			
#6-40 x 1			B02S0062100TH00			
#8-36 x 3/8	B02S0082038TF10		B02S0082038TH00			
#8-36 x 1/2	B02S0082012TF10		B02S0082012TH00			
#8-36 x 5/8	B02S0082058TF10		B02S0082058TH00			
#8-36 x 3/4	B02S0082034TF10		B02S0082034TH00			
#8-36 x 1	B02S0082100TF10		B02S0082100TH00			
#10-32 x 3/16			B02S0102316TH00			
#10-32 x 1/4	B02S0102014TF10		B02S0102014TH00			
#10-32 x 5/16	B02S0102516TF10		B02S0102516TH00			
#10-32 x 3/8	B02S0102038TF10		B02S0102038TH00		B02S0102038TK00	
#10-32 x 7/16			B02S0102716TH00			
#10-32 x 1/2	B02S0102012TF10		B02S0102012TH00		B02S0102012TK00	
#10-32 x 9/16	B02S0102916TF10		B02S0102916TH00			
#10-32 x 5/8	B02S0102058TF10		B02S0102058TH00		B02S0102058TK00	
#10-32 x 3/4	B02S0102034TF10		B02S0102034TH00		B02S0102034TK00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNF

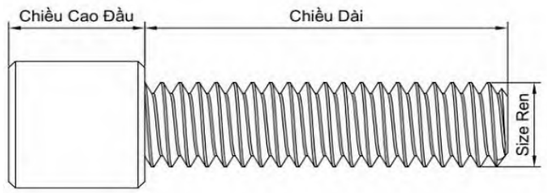

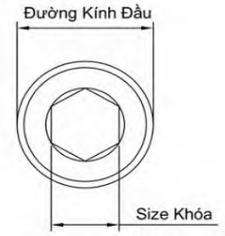

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
#10-32 x 7/8	B02S0102078TF10		B02S0102078TH00			
#10-32 x 1	B02S0102100TF10		B02S0102100TH00		B02S0102100TK00	
#10-32 x 1.1/8			B02S0102118TH00			
#10-32 x 1.1/4	B02S0102114TF10	B02S0102114PF10	B02S0102114TH00	B02S0102114PH00		B02S0102114PK00
#10-32 x 1.3/8			B02S0102138TH00	B02S0102138PH00		
#10-32 x 1.1/2	B02S0102112TF10	B02S0102112PF10	B02S0102112TH00			B02S0102112PK00
#10-32 x 1.3/4	B02S0102134TF10		B02S0102134TH00			
#10-32 x 2	B02S0102200TF10		B02S0102200TH00			B02S0102200PK00
#10-32 x 2.1/4	B02S0102214TF10		B02S0102214TH00			
#10-32 x 2.1/2	B02S0102212TF10		B02S0102212TH00			
#10-32 x 2.3/4	B02S0102234TF10		B02S0102234TH00			
#10-32 x 3	B02S0102300TF10		B02S0102300TH00			
#10-32 x 3.1/4	B02S0102314TF10		B02S0102314TH00			
#10-32 x 3.1/2	B02S0102312TF10		B02S0102312TH00			
#10-32 x 4	B02S0102400TF10		B02S0102400TH00			
#10-32 x 4.1/2	B02S0102412TF10					
#10-32 x 5	B02S0102500TF10					
1/4-28 x 1/4	B02S1402014TF10					
1/4-28 x 3/8	B02S1402038TF10		B02S1402038TH00			
1/4-28 x 1/2	B02S1402012TF10		B02S1402012TH00			
1/4-28 x 5/8	B02S1402058TF10		B02S1402058TH00			
1/4-28 x 3/4	B02S1402034TF10		B02S1402034TH00			
1/4-28 x 7/8	B02S1402078TF10					
1/4-28 x 1	B02S1402100TF10		B02S1402100TH00			
1/4-28 x 1.1/4	B02S1402114TF10		B02S1402114TH00			
1/4-28 x 1.1/2	B02S1402112TF10	B02S1402112PF10		B02S1402112PH00		
1/4-28 x 1.3/4	B02S1402134TF10		B02S1402134TH00			
1/4-28 x 2	B02S1402200TF10		B02S1402200TH00			
1/4-28 x 2.1/4		B02S1402214PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNF

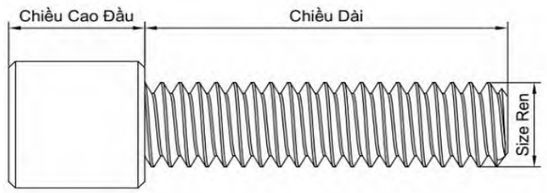

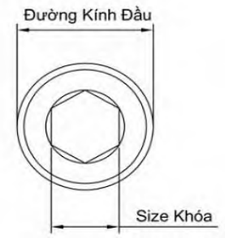

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/4-28 x 2.1/2	B02S1402212TF10	B02S1402212PF10	B02S1402212TH00			
1/4-28 x 3	B02S1402300TF10	B02S1402300PF10	B02S1402300TH00			
1/4-28 x 3.1/2		B02S1402312PF10				
1/4-28 x 4		B02S1402400PF10				
1/4-28 x 5		B02S1402500PF10				
5/16-24 x 3/8			B02S5162038TH00			
5/16-24 x 1/2	B02S5162012TF10		B02S5162012TH00			
5/16-24 x 5/8	B02S5162058TF10		B02S5162058TH00			
5/16-24 x 3/4	B02S5162034TF10		B02S5162034TH00			
5/16-24 x 7/8	B02S5162078TF10		B02S5162078TH00			
5/16-24 x 1	B02S5162100TF10		B02S5162100TH00			
5/16-24 x 1.1/4	B02S5162114TF10		B02S5162114TH00			
5/16-24 x 1.1/2	B02S5162112TF10		B02S5162112TH00			
5/16-24 x 1.3/4	B02S5162134TF10		B02S5162134TH00			
5/16-24 x 2		B02S5162200PF10	B02S5162200TH00	B02S5162200PH00		
5/16-24 x 2.1/4		B02S5162214PF10	B02S5162214TH00	B02S5162214PH00		
5/16-24 x 2.1/2		B02S5162212PF10	B02S5162212TH00	B02S5162212PH00		
5/16-24 x 2.3/4		B02S5162234PF10				
5/16-24 x 3		B02S5162300PF10	B02S5162300TH00	B02S5162300PH00		
5/16-24 x 3.1/2		B02S5162312PF10				
5/16-24 x 4		B02S5162400PF10				
5/16-24 x 4.1/2		B02S5162412PF10				
5/16-24 x 5		B02S5162500PF10				
3/8-24 x 1/2	B02S3802012TF10		B02S3802012TH00			
3/8-24 x 5/8	B02S3802058TF10		B02S3802058TH00			
3/8-24 x 3/4	B02S3802034TF10		B02S3802034TH00			
3/8-24 x 1	B02S3802100TF10		B02S3802100TH00			
3/8-24 x 1.1/4	B02S3802114TF10		B02S3802114TH00			
3/8-24 x 1.1/2	B02S3802112TF10		B02S3802112TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNF

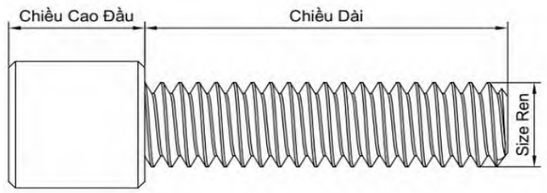

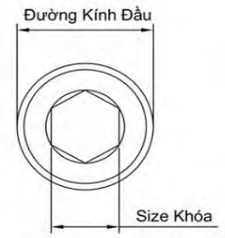

M x L	Grade 8		Inox 304		Inox 316	
	Thép Đen					
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/8-24 x 1.3/4	B02S3802134TF10		B02S3802134TH00			
3/8-24 x 2	B02S3802200TF10		B02S3802200TH00			
3/8-24 x 2.1/4	B02S3802214TF10		B02S3802214TH00			
3/8-24 x 2.1/2	B02S3802212TF10		B02S3802212TH00			
3/8-24 x 2.3/4		B02S3802234PF10	B02S3802234TH00			
3/8-24 x 3	B02S3802300TF10	B02S3802300PF10	B02S3802300TH00			
3/8-24 x 3.1/2		B02S3802312PF10				
3/8-24 x 4		B02S3802400PF10				
3/8-24 x 4.1/2		B02S3802412PF10				
3/8-24 x 5		B02S3802500PF10				
3/8-24 x 5.1/2		B02S3802512PF10				
3/8-24 x 6		B02S3802600PF10				
3/8-24 x 6.1/2		B02S3802612PF10				
3/8-24 x 7		B02S3802700PF10				
7/16-20 x 3/4	B02S7162034TF10		B02S7162034TH00			
7/16-20 x 1	B02S7162100TF10		B02S7162100TH00			
7/16-20 x 1.1/4	B02S7162114TF10		B02S7162114TH00			
7/16-20 x 1.1/2	B02S7162112TF10		B02S7162112TH00			
7/16-20 x 1.3/4	B02S7162134TF10					
7/16-20 x 2	B02S7162200TF10	B02S7162200PF10	B02S7162200TH00	B02S7162200PH00		
7/16-20 x 2.1/2		B02S7162212PF10				
7/16-20 x 3		B02S7162300PF10				
1/2-20 x 5/8	B02S1202058TF10					
1/2-20 x 3/4	B02S1202034TF10		B02S1202034TH00			
1/2-20 x 1	B02S1202100TF10		B02S1202100TH00			
1/2-20 x 1.1/4	B02S1202114TF10		B02S1202114TH00			
1/2-20 x 1.1/2	B02S1202112TF10		B02S1202112TH00			
1/2-20 x 1.3/4	B02S1202134TF10		B02S1202134TH00			
1/2-20 x 2	B02S1202200TF10		B02S1202200TH00			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNF

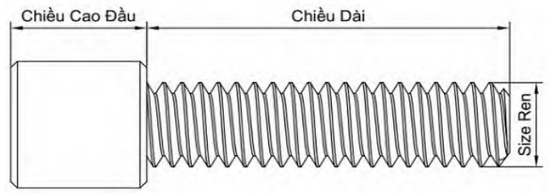

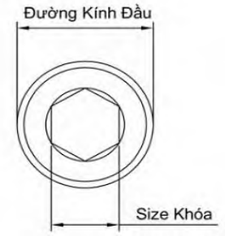

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
1/2-20 x 2.1/4		B02S1202214PF10				
1/2-20 x 2.1/2	B02S1202212TF10		B02S1202212TH00			
1/2-20 x 2.3/4		B02S1202234PF10				
1/2-20 x 3	B02S1202300TF10	B02S1202300PF10	B02S1202300TH00			
1/2-20 x 3.1/2		B02S1202312PF10	B02S1202312TH00	B02S1202312PH00		
1/2-20 x 4		B02S1202400PF10	B02S1202400TH00	B02S1202400PH00		
1/2-20 x 4.1/2		B02S1202412PF10				
1/2-20 x 5		B02S1202500PF10				
1/2-20 x 5.1/2		B02S1202512PF10				
1/2-20 x 6		B02S1202600PF10				
5/8-18 x 1	B02S5802100TF10					
5/8-18 x 1.1/4	B02S5802114TF10					
5/8-18 x 1.1/2	B02S5802112TF10		B02S5802112TH00			
5/8-18 x 1.3/4	B02S5802134TF10					
5/8-18 x 2	B02S5802200TF10		B02S5802200TH00			
5/8-18 x 2.1/4	B02S5802214TF10					
5/8-18 x 2.1/2		B02S5802212PF10	B02S5802212TH00	B02S5802212PH00		
5/8-18 x 2.3/4		B02S5802234PF10				
5/8-18 x 3		B02S5802300PF10	B02S5802300TH00	B02S5802300PH00		
5/8-18 x 3.1/2		B02S5802312PF10	B02S5802312TH00	B02S5802312PH00		
5/8-18 x 4		B02S5802400PF10	B02S5802400TH00			B02S5802400PH00
5/8-18 x 4.1/2		B02S5802412PF10				
5/8-18 x 5		B02S5802500PF10				
5/8-18 x 6		B02S5802600PF10				
3/4-16 x 1.1/4	B02S3402114TF10					
3/4-16 x 1.1/2	B02S3402112TF10					
3/4-16 x 1.3/4	B02S3402134TF10					
3/4-16 x 2	B02S3402200TF10					
3/4-16 x 2.1/4	B02S3402214TF10					

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Trụ Hệ Inch (Socket Cap Screw)

UNF

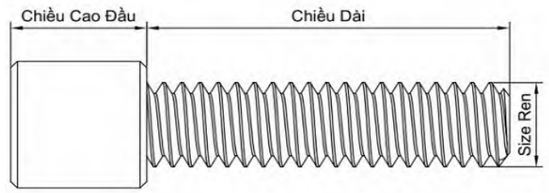

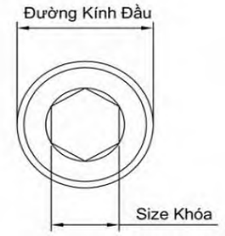

M x L	Grade 8 Thép Đen		Inox 304		Inox 316	
	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng	Suốt	Lửng
3/4-16 x 2.1/2	B02S3402212TF10					
3/4-16 x 2.3/4	B02S3402234TF10					
3/4-16 x 3		B02S3402300PF10				
3/4-16 x 3.1/2		B02S3402312PF10				
3/4-16 x 4		B02S3402400PF10				
3/4-16 x 4.1/2		B02S3402412PF10				
3/4-16 x 5		B02S3402500PF10				
3/4-16 x 6		B02S3402600PF10				
7/8-14 x 3	B02S7802300TF10					
7/8-14 x 3.1/2		B02S7802312PF10				
7/8-14 x 4		B02S7802400PF10				
7/8-14 x 5		B02S7802500PF10				
7/8-14 x 6		B02S7802600PF10				
1-12 x 2.1/4	B02S1002214TF10					
1-12 x 2.1/2	B02S1002212TF10					
1-12 x 3	B02S1002300TF10					
1-12 x 3.1/2	B02S1002312TF10					
1-12 x 4		B02S1002400PF10				
1-12 x 5		B02S1002500PF10				
1-12 x 6		B02S1002600PF10				
1-12 x 7		B02S1002700PF10				
1-12 x 8		B02S1002800PF10				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo (Socket Button Cap Screw)

M3 - M4

ISO 7830

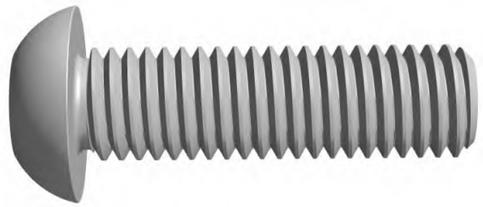

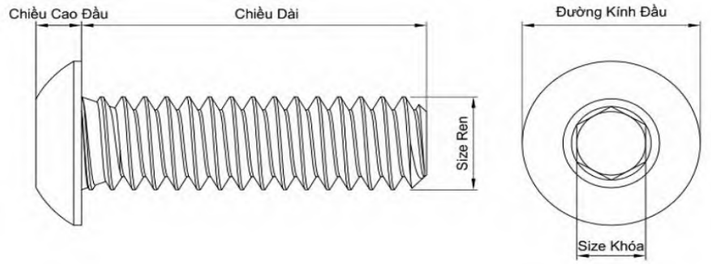

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M3 x 4			B04M0301004TH00	
M3 x 5			B04M0301005TH00	
M3 x 6	B04M0301006TE10	B04M0301006TE20	B04M0301006TH00	B04M0301006TK00
M3 x 8	B04M0301008TE10	B04M0301008TE20	B04M0301008TH00	
M3 x 10	B04M0301010TE10	B04M0301010TE20	B04M0301010TH00	
M3 x 12	B04M0301012TE10	B04M0301012TE20	B04M0301012TH00	
M3 x 14			B04M0301014TH00	
M3 x 15			B04M0301015TH00	
M3 x 16	B04M0301016TE10	B04M0301016TE20	B04M0301016TH00	
M3 x 20	B04M0301020TE10	B04M0301020TE20	B04M0301020TH00	
M3 x 25	B04M0301025TE10	B04M0301025TE20	B04M0301025TH00	
M3 x 30	B04M0301030TE10	B04M0301030TE20	B04M0301030TH00	
M3 x 35			B04M0301035TH00	
M3 x 40	B04M0301040TE10	B04M0301040TE20	B04M0301040TH00	
M3 x 45	B04M0301045TE10	B04M0301045TE20	B04M0301045TH00	
M3 x 50	B04M0301050TE10	B04M0301050TE20	B04M0301050TH00	
M4 x 4			B04M0401004TH00	
M4 x 5			B04M0401005TH00	
M4 x 6	B04M0401006TE10	B04M0401006TE20	B04M0401006TH00	
M4 x 8	B04M0401008TE10	B04M0401008TE20	B04M0401008TH00	
M4 x 10	B04M0401010TE10	B04M0401010TE20	B04M0401010TH00	
M4 x 12	B04M0401012TE10	B04M0401012TE20	B04M0401012TH00	
M4 x 14			B04M0401014TH00	
M4 x 15			B04M0401015TH00	
M4 x 16	B04M0401016TE10	B04M0401016TE20	B04M0401016TH00	
M4 x 18			B04M0401018TH00	
M4 x 20	B04M0401020TE10	B04M0401020TE20	B04M0401020TH00	
M4 x 22			B04M0401022TH00	
M4 x 25	B04M0401025TE10	B04M0401025TE20	B04M0401025TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo (Socket Button Cap Screw)

M4 - M6

ISO 7830

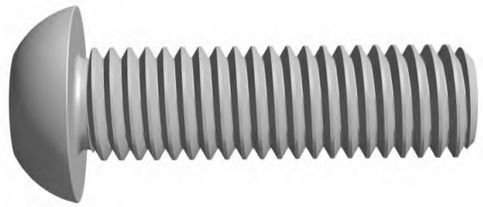

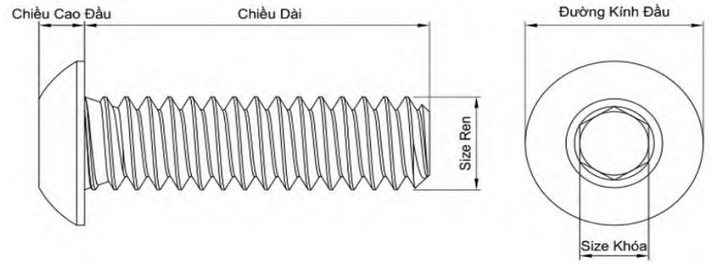

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M4 x 30	B04M0401030TE10	B04M0401030TE20	B04M0401030TH00	
M4 x 35			B04M0401035TH00	
M4 x 40	B04M0401040TE10	B04M0401040TE20	B04M0401040TH00	
M4 x 45	B04M0401045TE10	B04M0401045TE20	B04M0401045TH00	
M4 x 50	B04M0401050TE10	B04M0401050TE20	B04M0401050TH00	
M4 x 55			B04M0401055TH00	
M4 x 65			B04M0401065TH00	
M4 x 75			B04M0401075TH00	
M5 x 6			B04M0501006TH00	
M5 x 8		B04M0501008TE20	B04M0501008TH00	B04M0501008TK00
M5 x 10	B04M0501010TE10	B04M0501010TE20	B04M0501010TH00	B04M0501010TK00
M5 x 12	B04M0501012TE10	B04M0501012TE20	B04M0501012TH00	B04M0501012TK00
M5 x 14			B04M0501014TH00	
M5 x 15	B04M0501015TE10		B04M0501015TH00	
M5 x 16	B04M0501016TE10	B04M0501016TE30	B04M0501016TH00	B04M0501016TK00
M5 x 18			B04M0501018TH00	
M5 x 20	B04M0501020TE10	B04M0501020TE20	B04M0501020TH00	B04M0501020TK00
M5 x 25	B04M0501025TE10	B04M0501025TE20	B04M0501025TH00	
M5 x 30	B04M0501030TE10	B04M0501030TE20	B04M0501030TH00	
M5 x 35			B04M0501035TH00	
M5 x 40	B04M0501040TE10	B04M0501040TE20	B04M0501040TH00	
M5 x 45			B04M0501045TH00	
M5 x 50	B04M0501050TE10	B04M0501050TE20	B04M0501050TH00	
M5 x 55			B04M0501055TH00	
M5 x 60			B04M0501060TH00	
M6 x 8			B04M0601008TH00	
M6 x 10	B04M0601010TE10	B04M0601010TE20	B04M0601010TH00	B04M0601010TK00
M6 x 12	B04M0601012TE10	B04M0601012TE20	B04M0601012TH00	B04M0601012TK00
M6 x 14			B04M0601014TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo (Socket Button Cap Screw)

M6 - M8

ISO 7830

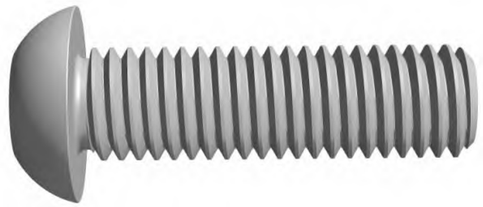

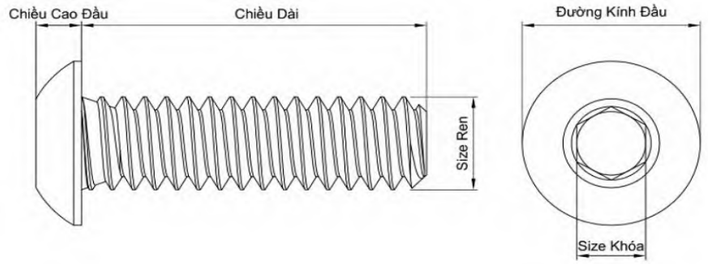

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M6 x 15			B04M0601015TH00	
M6 x 16	B04M0601016TE10	B04M0601016TE20	B04M0601016TH00	B04M0601016TK00
M6 x 18			B04M0601018TH00	
M6 x 20	B04M0601020TE10	B04M0601020TE20	B04M0601020TH00	B04M0601020TK00
M6 x 25	B04M0601025TE10	B04M0601025TE20	B04M0601025TH00	B04M0601025TK00
M6 x 30	B04M0601030TE10	B04M0601030TE20	B04M0601030TH00	B04M0601030TK00
M6 x 35		B04M0601035TE20	B04M0601035TH00	B04M0601035TK00
M6 x 40	B04M0601040TE10	B04M0601040TE20	B04M0601040TH00	B04M0601040TK00
M6 x 45			B04M0601045TH00	
M6 x 50	B04M0601050TE10	B04M0601050TE20	B04M0601050TH00	
M6 x 55			B04M0601055TH00	
M6 x 60	B04M0601060TE10	B04M0601060TE20	B04M0601060TH00	
M6 x 65			B04M0601065TH00	
M6 x 70			B04M0601070TH00	
M6 x 75			B04M0601075TH00	
M6 x 80			B04M0601080TH00	
M6 x 85			B04M0601085TH00	
M6 x 90			B04M0601090TH00	
M6 x 100			B04M0601100TH00	
M6 x 110			B04M0601110TH00	
M8 x 10			B04M0801010TH00	
M8 x 12			B04M0801012TH00	
M8 x 14			B04M0801014TH00	
M8 x 15			B04M0801015TH00	
M8 x 16	B04M0801016TE10	B04M0801016TE20	B04M0801016TH00	B04M0801016TK00
M8 x 18			B04M0801018TH00	
M8 x 20	B04M0801020TE10	B04M0801020TE20	B04M0801020TH00	B04M0801020TK00
M8 x 25	B04M0801025TE10	B04M0801025TE20	B04M0801025TH00	B04M0801025TK00
M8 x 30	B04M0801030TE10	B04M0801030TE20	B04M0801030TH00	B04M0801030TK00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo (Socket Button Cap Screw)

M8 - M10

ISO 7830

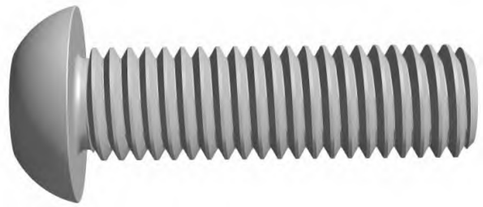

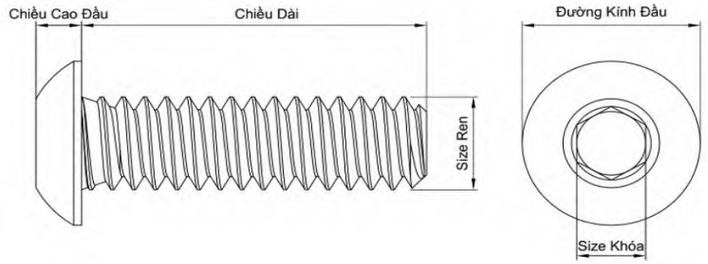

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M8 x 35				B04M0801035TK00
M8 x 40	B04M0801040TE10	B04M0801040TE20	B04M0801040TH00	B04M0801040TK00
M8 x 45		B04M0801045TE20	B04M0801045TH00	
M8 x 50	B04M0801050TE10	B04M0801050TE20	B04M0801050TH00	
M8 x 55			B04M0801055TH00	
M8 x 60	B04M0801060TE10	B04M0801060TE20	B04M0801060TH00	
M8 x 65			B04M0801065TH00	
M8 x 70			B04M0801070TH00	
M8 x 75			B04M0801075TH00	
M8 x 80			B04M0801080TH00	
M8 x 85			B04M0801085TH00	
M8 x 90			B04M0801090TH00	
M8 x 95			B04M0801095TH00	
M8 x 100			B04M0801100TH00	
M10 x 12			B04M1001012TH00	
M10 x 16	B04M1001016TE10	B04M1001016TE20	B04M1001016TH00	B04M1001016TK00
M10 x 18			B04M1001018TH00	
M10 x 20	B04M1001020TE10	B04M1001020TE20	B04M1001020TH00	B04M1001020TK00
M10 x 25	B04M1001025TE10	B04M1001025TE20	B04M1001025TH00	B04M1001025TK00
M10 x 30	B04M1001030TE10	B04M1001030TE20	B04M1001030TH00	B04M1001030TK00
M10 x 35			B04M1001035TH00	B04M1001035TK00
M10 x 40	B04M1001040TE10	B04M1001040TE20	B04M1001040TH00	B04M1001040TK00
M10 x 45			B04M1001045TH00	B04M1001045TK00
M10 x 50	B04M1001050TE10	B04M1001050TE20	B04M1001050TH00	B04M1001050TK00
M10 x 55			B04M1001055TH00	
M10 x 60			B04M1001060TH00	
M10 x 65			B04M1001065TH00	
M10 x 70			B04M1001070TH00	
M10 x 75			B04M1001075TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo (Socket Button Cap Screw)

M10 - M12

ISO 7830

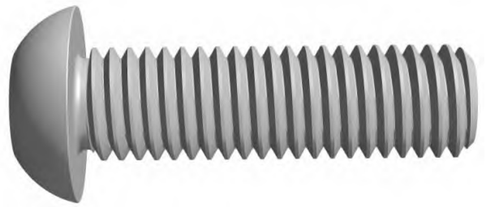

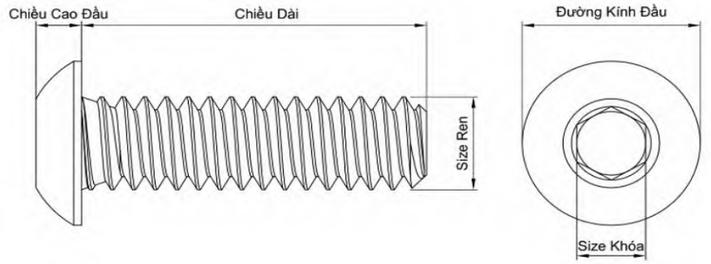

M x L	Thép Đen 10.9	Mạ Kẽm 10.9	Inox 304	Inox 316
M10 x 80			B04M1001080TH00	
M10 x 85			B04M1001085TH00	
M10 x 90			B04M1001090TH00	
M10 x 95			B04M1001095TH00	
M10 x 100			B04M1001100TH00	
M12 x 16		B04M1201016TE20	B04M1201016TH00	
M12 x 20			B04M1201020TH00	B04M1201020TK00
M12 x 25	B04M1201025TE10		B04M1201025TH00	B04M1201025TK00
M12 x 30	B04M1201030TE10	B04M1201030TE20	B04M1201030TH00	B04M1201030TK00
M12 x 35			B04M1201035TH00	B04M1201035TK00
M12 x 40	B04M1201040TE10	B04M1201040TE20	B04M1201040TH00	B04M1201040TK00
M12 x 45			B04M1201045TH00	B04M1201045TK00
M12 x 50	B04M1201050TE10	B04M1201050TE20	B04M1201050TH00	B04M1201050TK00
M12 x 55			B04M1201055TH00	
M12 x 60	B04M1201060TE10		B04M1201060TH00	
M12 x 65			B04M1201065TH00	
M12 x 70			B04M1201070TH00	
M12 x 75			B04M1201075TH00	
M12 x 80			B04M1201080TH00	
M12 x 85			B04M1201085TH00	
M12 x 90			B04M1201090TH00	
M12 x 95			B04M1201095TH00	
M12 x 100			B04M1201100TH00	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

#2 - #5

UNC

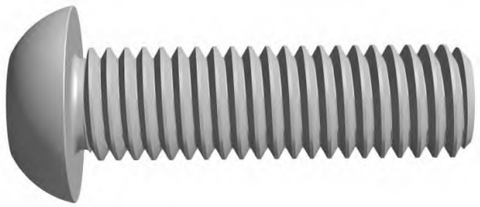

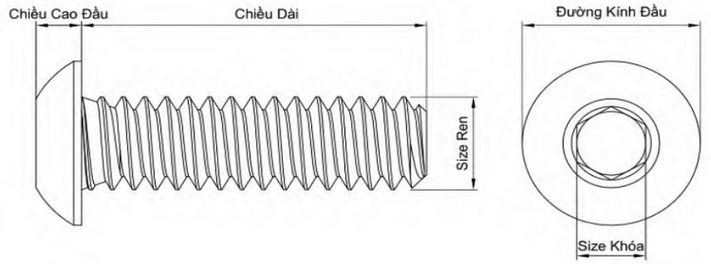

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
#2-56 x 1/8	B04S0021018TE10	B04S0021018TH00
#2-56 x 3/16	B04S0021316TE10	B04S0021316TH00
#2-56 x 1/4	B04S0021014TE10	B04S0021014TH00
#2-56 x 5/16	B04S0021516TE10	B04S0021516TH00
#2-56 x 3/8	B04S0021038TE10	B04S0021038TH00
#2-56 x 1/2	B04S0021012TE10	B04S0021012TH00
#2-56 x 5/8	B04S0021058TE10	B04S0021058TH00
#2-56 x 3/4	B04S0021034TE10	B04S0021034TH00
#2-56 x 1	B04S0021100TE10	B04S0021100TH00
#3-48 x 3/16	B04S0031316TE10	
#3-48 x 1/4	B04S0031014TE10	
#3-48 x 3/8	B04S0031038TE10	
#3-48 x 1/2	B04S0031012TE10	
#4-40 x 1/8		B04S0041018TH00
#4-40 x 3/16	B04S0041316TE10	B04S0041316TH00
#4-40 x 1/4	B04S0041014TE10	B04S0041014TH00
#4-40 x 5/16	B04S0041516TE10	B04S0041516TH00
#4-40 x 3/8	B04S0041038TE10	B04S0041038TH00
#4-40 x 1/2	B04S0041012TE10	B04S0041012TH00
#4-40 x 5/8	B04S0041058TE10	B04S0041058TH00
#4-40 x 3/4	B04S0041034TE10	B04S0041034TH00
#4-40 x 7/8		B04S0041078TH00
#4-40 x 1	B04S0041100TE10	B04S0041100TH00
#4-40 x 1.1/8		B04S0041118TH00
#4-40 x 1.1/4	B04S0041114TE10	B04S0041114TH00
#4-40 x 1.1/2	B04S0041112TE10	B04S0041112TH00
#5-40 x 3/16		B04S0051316TH00
#5-40 x 1/4	B04S0051014TE10	B04S0051014TH00
#5-40 x 5/16	B04S0051516TE10	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

#5 - #8

UNC

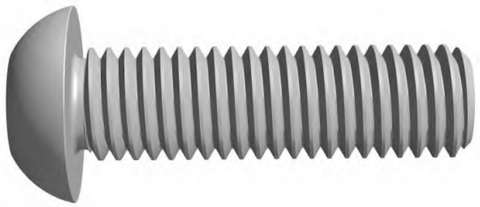

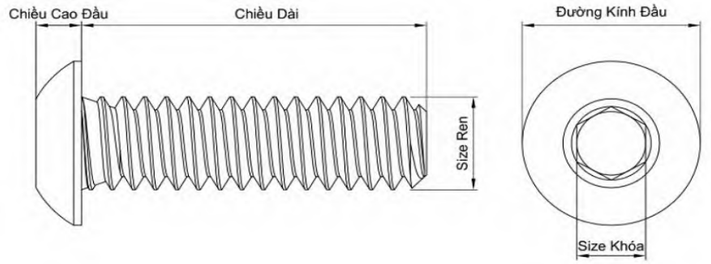

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
#5-40 x 3/8	B04S0051038TE10	B04S0051038TH00
#5-40 x 1/2	B04S0051012TE10	B04S0051012TH00
#5-40 x 5/8	B04S0051058TE10	B04S0051058TH00
#5-40 x 3/4	B04S0051034TE10	B04S0051034TH00
#5-40 x 1	B04S0051100TE10	B04S0051100TH00
#6-32 x 1/8		B04S0061018TH00
#6-32 x 3/16	B04S0061316TE10	B04S0061316TH00
#6-32 x 1/4	B04S0061014TE10	B04S0061014TH00
#6-32 x 5/16	B04S0061516TE10	B04S0061516TH00
#6-32 x 3/8	B04S0061038TE10	B04S0061038TH00
#6-32 x 1/2	B04S0061012TE10	B04S0061012TH00
#6-32 x 5/8	B04S0061058TE10	B04S0061058TH00
#6-32 x 3/4	B04S0061034TE10	B04S0061034TH00
#6-32 x 7/8		B04S0061078TH00
#6-32 x 1	B04S0061100TE10	B04S0061100TH00
#6-32 x 1.1/4	B04S0061114TE10	B04S0061114TH00
#6-32 x 1.1/2	B04S0061112TE10	B04S0061112TH00
#8-32 x 1/8		B04S0081018TH00
#8-32 x 3/16		B04S0081316TH00
#8-32 x 1/4	B04S0081014TE10	B04S0081014TH00
#8-32 x 5/16	B04S0081516TE10	B04S0081516TH00
#8-32 x 3/8	B04S0081038TE10	B04S0081038TH00
#8-32 x 1/2	B04S0081012TE10	B04S0081012TH00
#8-32 x 5/8	B04S0081058TE10	B04S0081058TH00
#8-32 x 3/4	B04S0081034TE10	B04S0081034TH00
#8-32 x 7/8		B04S0081078TH00
#8-32 x 1	B04S0081100TE10	B04S0081100TH00
#8-32 x 1.1/4	B04S0081114TE10	B04S0081114TH00
#8-32 x 1.1/2	B04S0081112TE10	B04S0081112TH00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

UNC

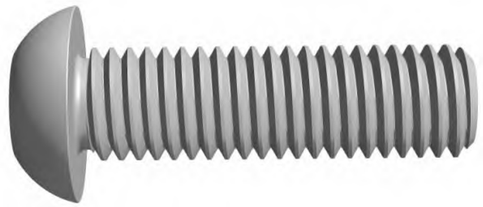

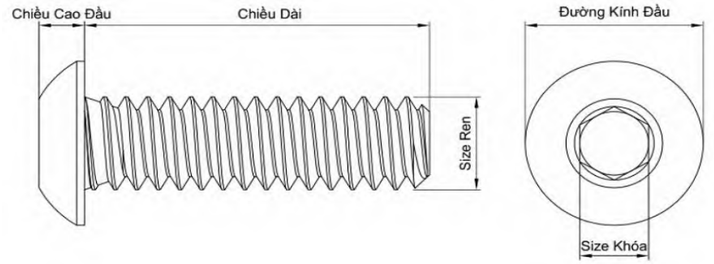

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
#8-32 x 2	B04S0081200TE10	B04S0081200TH00
#10-24 x 1/4	B04S0101014TE10	B04S0101014TH00
#10-24 x 5/16	B04S0101516TE10	B04S0101516TH00
#10-24 x 3/8	B04S0101038TE10	B04S0101038TH00
#10-24 x 7/16	B04S0101716TE10	
#10-24 x 1/2	B04S0101012TE10	B04S0101012TH00
#10-24 x 5/8	B04S0101058TE10	B04S0101058TH00
#10-24 x 3/4	B04S0101034TE10	B04S0101034TH00
#10-24 x 7/8		B04S0101078TH00
#10-24 x 1	B04S0101100TE10	B04S0101100TH00
#10-24 x 1.1/4	B04S0101114TE10	B04S0101114TH00
#10-24 x 1.1/2	B04S0101112TE10	B04S0101112TH00
#10-24 x 1.3/4	B04S0101134TE10	
#10-24 x 2	B04S0101200TE10	B04S0101200TH00
1/4-20 x 1/4	B04S1401014TE10	
1/4-20 x 3/8	B04S1401038TE10	B04S1401038TH00
1/4-20 x 1/2	B04S1401012TE10	B04S1401012TH00
1/4-20 x 5/8	B04S1401058TE10	B04S1401058TH00
1/4-20 x 3/4	B04S1401034TE10	B04S1401034TH00
1/4-20 x 7/8		B04S1401078TH00
1/4-20 x 1	B04S1401100TE10	B04S1401100TH00
1/4-20 x 1.1/4	B04S1401114TE10	B04S1401114TH00
1/4-20 x 1.1/2	B04S1401112TE10	B04S1401112TH00
1/4-20 x 1.3/4	B04S1401134TE10	B04S1401134TH00
1/4-20 x 2	B04S1401200TE10	B04S1401200TH00
1/4-20 x 2.1/2	B04S1401212TE10	B04S1401212TH00
1/4-20 x 3	B04S1401300TE10	B04S1401300TH00
5/16-18 x 3/8		B04S5161038TH00
5/16-18 x 1/2	B04S5161012TE10	B04S5161012TH00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

5/16 - 1/2

UNC

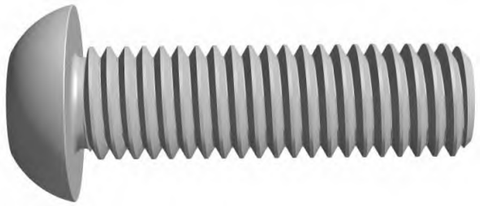

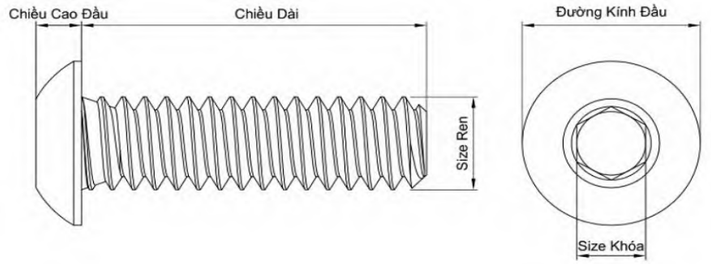

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
5/16-18 x 5/8	B04S5161058TE10	B04S5161058TH00
5/16-18 x 3/4	B04S5161034TE10	B04S5161034TH00
5/16-18 x 7/8		B04S5161078TH00
5/16-18 x 1	B04S5161100TE10	B04S5161100TH00
5/16-18 x 1.1/4	B04S5161114TE10	B04S5161114TH00
5/16-18 x 1.1/2	B04S5161112TE10	B04S5161112TH00
5/16-18 x 1.3/4	B04S5161134TE10	B04S5161134TH00
5/16-18 x 2	B04S5161200TE10	B04S5161200TH00
5/16-18 x 2.1/2	B04S5161212TE10	B04S5161212TH00
5/16-18 x 3	B04S5161300TE10	B04S5161300TH00
3/8-16 x 1/2	B04S3801012TE10	B04S3801012TH00
3/8-16 x 5/8	B04S3801058TE10	B04S3801058TH00
3/8-16 x 3/4	B04S3801034TE10	B04S3801034TH00
3/8-16 x 7/8	B04S3801078TE10	
3/8-16 x 1	B04S3801100TE10	B04S3801100TH00
3/8-16 x 1.1/8	B04S3801118TE10	
3/8-16 x 1.1/4	B04S3801114TE10	B04S3801114TH00
3/8-16 x 1.3/8	B04S3801138TE10	
3/8-16 x 1.1/2	B04S3801112TE10	B04S3801112TH00
3/8-16 x 1.3/4	B04S3801134TE10	B04S3801134TH00
3/8-16 x 2	B04S3801200TE10	B04S3801200TH00
3/8-16 x 2.1/4	B04S3801214TE10	
3/8-16 x 2.1/2	B04S3801212TE10	B04S3801212TH00
3/8-16 x 2.3/4	B04S3801234TE10	B04S3801234TH00
3/8-16 x 3	B04S3801300TE10	B04S3801300TH00
3/8-16 x 4.3/4	B04S3801434TE10	
3/8-16 x 5	B04S3801005TE10	
1/2-13 x 3/4	B04S1201034TE10	B04S1201034TH00
1/2-13 x 7/8	B04S1201078TE10	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

UNC

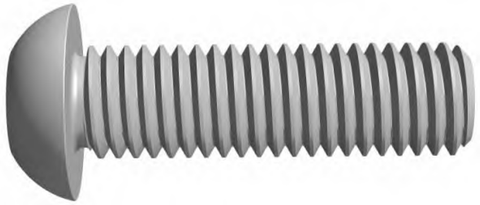

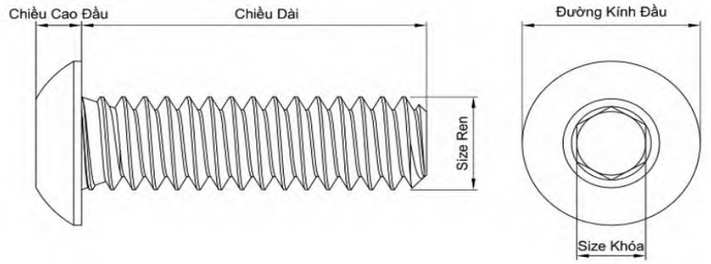

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
1/2-13 x 1	B04S1201100TE10	B04S1201100TH00
1/2-13 x 1.1/8	B04S1201118TE10	
1/2-13 x 1.1/4	B04S1201114TE10	B04S1201114TH00
1/2-13 x 1.1/2	B04S1201112TE10	B04S1201112TH00
1/2-13 x 1.3/4	B04S1201134TE10	
1/2-13 x 2	B04S1201200TE10	B04S1201200TH00
1/2-13 x 2.1/2	B04S1201212TE10	B04S1201212TH00
1/2-13 x 2.3/4	B04S1201234TE10	B04S1201234TH00
1/2-13 x 3	B04S1201300TE10	B04S1201300TH00
1/2-13 x 3.1/2	B04S1201312TE10	B04S1201312TH00
1/2-13 x 3.3/4	B04S1201334TE10	
1/2-13 x 4	B04S1201400TE10	
1/2-13 x 5.1/2	B04S1201512TE10	
5/8-11 x 1.1/4	B04S5801114TE10	
5/8-11 x 1.1/2	B04S5801112TE10	
5/8-11 x 2	B04S5801200TE10	B04S5801200TH00
5/8-11 x 2.1/2	B04S5801212TE10	B04S5801212TH00
5/8-11 x 3	B04S5801300TE10	B04S5801300TH00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

UNF

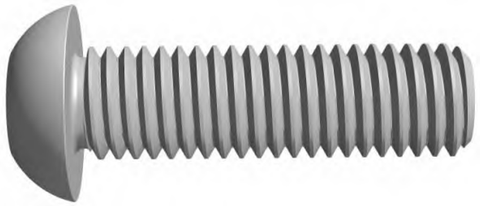

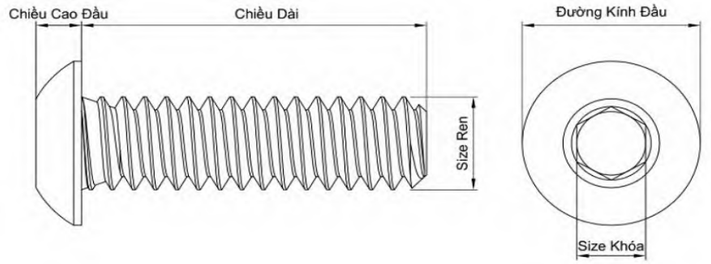

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
#0-80 x 1/8	B04S0002018TE10	B04S0002018TH00
#0-80 x 3/16	B04S0002316TE10	B04S0002316TH00
#0-80 x 1/4	B04S0002014TE10	B04S0002014TH00
#0-80 x 5/16	B04S0002516TE10	B04S0002516TH00
#0-80 x 3/8	B04S0002038TE10	B04S0002038TH00
#0-80 x 1/2		B04S0002012TH00
#0-80 x 5/8		B04S0002058TH00
#0-80 x 3/4		B04S0002034TH00
#0-80 x 1		B04S0002100TH00
#1-72 x 3/16	B04S0012316TE10	
#1-72 x 1/4	B04S0012014TE10	
#1-72 x 5/16	B04S0012516TE10	
#1-72 x 3/8	B04S0012038TE10	
#10-32 x 3/16		B04S0102316TH00
#10-32 x 1/4	B04S0102014TE10	B04S0102014TH00
#10-32 x 5/16	B04S0102516TE10	B04S0102516TH00
#10-32 x 3/8	B04S0102038TE10	B04S0102038TH00
#10-32 x 1/2	B04S0102012TE10	B04S0102012TH00
#10-32 x 5/8	B04S0102058TE10	B04S0102058TH00
#10-32 x 3/4	B04S0102034TE10	B04S0102034TH00
#10-32 x 7/8		B04S0102078TH00
#10-32 x 1	B04S0102100TE10	B04S0102100TH00
#10-32 x 1.1/4	B04S0102114TE10	B04S0102114TH00
#10-32 x 1.1/2	B04S0102112TE10	B04S0102112TH00
#10-32 x 1.3/4	B04S0102134TE10	B04S0102134TH00
#10-32 x 2	B04S0102200TE10	B04S0102200TH00
#10-32 x 2.1/2		B04S0102212TH00
1/4-28 x 1/4	B04S1402014TE10	
1/4-28 x 3/8	B04S1402038TE10	B04S1402038TH00

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lục Giác Chìm Đầu Mo Hệ Inch (Socket Button Cap Screw)

1/4 - 5/8

UNF

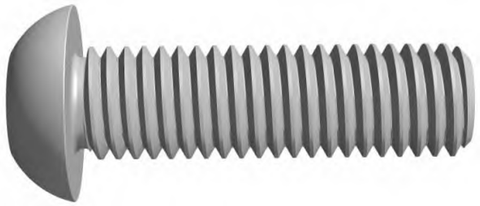

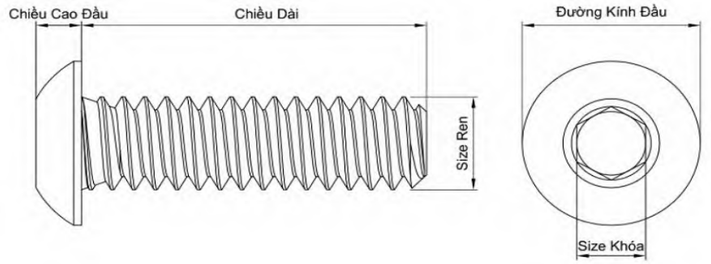

M x L	Grade 8	Inox 304
	Thép Đen	
1/4-28 x 1/2	B04S1402012TE10	B04S1402012TH00
1/4-28 x 5/8	B04S1402058TE10	B04S1402058TH00
1/4-28 x 3/4	B04S1402034TE10	B04S1402034TH00
1/4-28 x 1	B04S1402100TE10	B04S1402100TH00
1/4-28 x 1.1/4	B04S1402114TE10	B04S1402114TH00
1/4-28 x 1.1/2	B04S1402112TE10	B04S1402112TH00
1/4-28 x 2		B04S1402200TH00
5/16-24 x 5/8	B04S5162058TE10	
5/16-24 x 3/4	B04S5162034TE10	B04S5162034TH00
5/16-24 x 1	B04S5162100TE10	B04S5162100TH00
5/16-24 x 1.1/4	B04S5162114TE10	B04S5162114TH00
5/16-24 x 1.1/2	B04S5162112TE10	B04S5162112TH00
5/16-24 x 2	B04S5162200TE10	B04S5162200TH00
5/16-24 x 3.1/2		B04S5162312TH00
3/8-24 x 5/8	B04S3802058TE10	
3/8-24 x 3/4	B04S3802034TE10	B04S3802034TH00
3/8-24 x 1	B04S3802100TE10	B04S3802100TH00
3/8-24 x 1.1/4	B04S3802114TE10	B04S3802114TH00
3/8-24 x 1.1/2	B04S3802112TE10	B04S3802112TH00
3/8-24 x 2	B04S3802200TE10	B04S3802200TH00
1/2-20 x 1.1/4	B04S1202114TE10	
1/2-20 x 2	B04S1202200TE10	
5/8-18 x 2	B04S5802200TE10	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Tán Lục Giác (Hex Nut)

M1.6 - M56

DIN 934

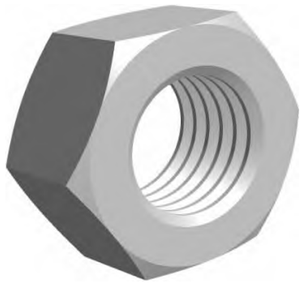

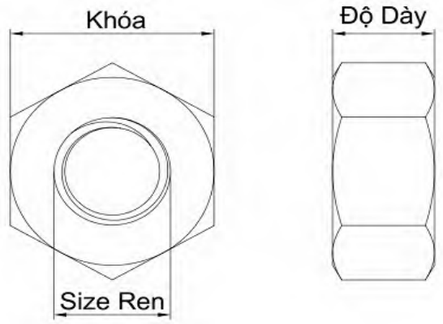

Size Ren	Thép Đen		Mạ Kẽm		Nhúng Nóng	Inox 304	Inox 316
	8.8	10.9	8.8	10.9	8.8		
M1.6						N01M0161H00	
M2						N01M0201H00	
M2.5						N01M0251H00	
M3	N01M0301D10		N01M0301D20			N01M0301H00	N01M0301K00
M4	N01M0401D10		N01M0401D20			N01M0401H00	N01M0401K00
M5	N01M0501D10					N01M0501H00	N01M0501K00
M6	N01M0601D10		N01M0601D20			N01M0601H00	N01M0601K00
M8	N01M0801D10		N01M0801D20		N01M0801D40	N01M0801H00	N01M0801K00
M10	N01M1001D10	N01M1001E10	N01M1001D20	N01M1001E20	N01M1001D40	N01M1001H00	N01M1001K00
M12	N01M1201D10	N01M1201E10	N01M1201D20	N01M1201E20	N01M1201D40	N01M1201H00	N01M1201K00
M14	N01M1401D10	N01M1401E10	N01M1401D20	N01M1401E20	N01M1401D40	N01M1401H00	N01M1401K00
M16	N01M1601D10	N01M1601E10	N01M1601D20	N01M1601E20	N01M1601D40	N01M1601H00	N01M1601K00
M18	N01M1801D10	N01M1801E10	N01M1801D20	N01M1801E20	N01M1801D40	N01M1801H00	N01M1801K00
M20	N01M2001D10	N01M2001E10	N01M2001D20	N01M2001E20	N01M2001D40	N01M2001H00	N01M2001K00
M22	N01M2201D10	N01M2201E10	N01M2201D20	N01M2201E20	N01M2201D40	N01M2201H00	N01M2201K00
M24	N01M2401D10	N01M2401E10	N01M2401D20	N01M2401E20	N01M2401D40	N01M2401H00	N01M2401K00
M27	N01M2701D10	N01M2701E10	N01M2701D20	N01M2701E20	N01M2701D40	N01M2701H00	N01M2701K00
M30	N01M3001D10	N01M3001E10	N01M3001D20	N01M3001E20	N01M3001D40	N01M3001H00	N01M3001K00
M33	N01M3301D10		N01M3301D20		N01M3301D40	N01M3301H00	
M36	N01M3601D10	N01M3601E10	N01M3601D20	N01M3601E20	N01M3601D40	N01M3601H00	
M39	N01M3901D10		N01M3901D20			N01M3901H00	N01M3901K00
M42	N01M4201D10		N01M4201D20			N01M4201H00	
M45			N01M4501D20			N01M4501H00	
M48						N01M4801H00	
M56			N01M5601D20				

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Tán Lục Giác Hệ Inch (Hex Nut)

UNC
UNF

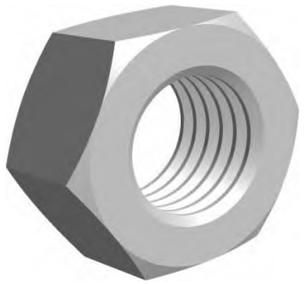

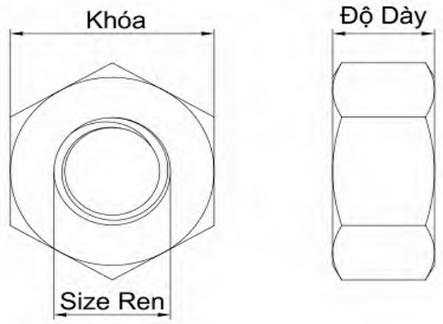

Size Ren		Thép Đen Gr5	Mạ Kẽm Gr5	Inox 304	Inox 316	Size Ren		Thép Đen Gr5	Mạ Kẽm Gr5	Inox 304	Inox 316
#0-80	UNF			N01S0002H0		**5/16-24**	UNF	N01S5162D10	N01S5162D20	N01S5162H0	N01S5162K0
#1-72	UNF			N01S0012H0		**3/8-16**	UNC	N01S3801D10	N01S3801D2	N01S3801H0	N01S3801K00
#2-56	UNC			N01S0021H0		**3/8-24**	UNF	N01S3802D10	N01S3802D2	N01S3802H00	N01S3802K0
#2-64	UNF			N01S0022H0		**7/16-14**	UNC	N01S7161D10	N01S7161D2	N01S7161H0	N01S7161K0
#3-48	UNC			N01S0031H0		**7/16-20**	UNF	N01S7162D10	N01S7162D2	N01S7162H0	N01S7162K0
#3-56	UNF			N01S0032H0		**1/2-13**	UNC	N01S1201D10	N01S1201D2	N01S1201H0	N01S1201K0
#4-40	UNC			N01S0041H0		**1/2-20**	UNF	N01S1202D10	N01S1202D2	N01S1202H0	N01S1202K0
#4-48	UNF			N01S0042H0		**9/16-18**	UNF				N01S9162K0
#5-40	UNC			N01S0051H0		**5/8-11**	UNC	N01S5801D10	N01S5801D2	N01S5801H0	N01S5801K0
#5-44	UNF			N01S0052H0		**5/8-18**	UNF	N01S5802D10	N01S5802D2	N01S5802H0	N01S5802K0
#6-32	UNC			N01S0061H0		**3/4-10**	UNC	N01S3401D10	N01S3401D2	N01S3401H0	N01S3401K0
#6-40	UNF			N01S0062H0		**3/4-16**	UNF	N01S3402D10	N01S3402D2	N01S3402H0	N01S3402K0
#8-32	UNC			N01S0081H0		**7/8-9**	UNC			N01S7801H0	N01S7801K0
#8-36	UNF			N01S0082H0		**1-8**	UNC			N01S1001H0	N01S1001K0
#10-24	UNC	N01S0101D10		N01S0101H0	N01S0101K0	**1-12**	UNF	N01S1002D10	N01S1002D2	N01S1002H0	
#10-32	UNF			N01S0102H00		**1.1/8-7**	UNC			N01S1181H0	N01S1181K0
#12-24	UNC			N01S0121H0		**1.1/4-7**	UNC			N01S1141H0	N01S1141K0
1/4-20	UNC	N01S1401D10	N01S1401D2	N01S1401H0	N01S1401K0	**1.3/8-6**	UNC			N01S1381H0	
1/4-28	UNF	N01S1402D10	N01S1402D2	N01S1402H0	N01S1402K0	**1.1/2-6**	UNC			N01S1121H0	N01S1121K0
5/16-18	UNC	N01S5161D10	N01S5161D2	N01S5161H0	N01S5161K00	**2-4.5**	UNC			N01S2001H0	

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

M3 - M30

Tán Keo (Nylon Insert Lock Nuts)

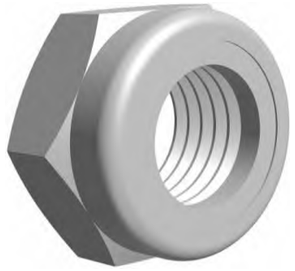

DIN 985

Tán Khía (Flange Nut)

DIN 6923

Tán Bầu (Acorn Nut)

DIN 1587

Size Ren	Mạ Kẽm		Inox 304	Inox 316	Mạ Kẽm	Inox 304	Inox 304
	4.8	8.8			8.8		
M3	N03M0301A21	N03M0301D20	N03M0301H00				
M4	N03M0401A21	N03M0401D20	N03M0401H00		N02M0401D20	N02M0401H00	N04M0301H00
M5	N03M0501A21	N03M0501D20	N03M0501H00	N03M0501K00	N02M0501D20	N02M0501H00	N04M0501H00
M6	N03M0601A21	N03M0601D20		N03M0601K00	N02M0601D20	N02M0601H00	N04M0601H00
M8	N03M0801A21	N03M0801D20	N03M0801H00	N03M0801K00	N02M0801D20	N02M0801H00	N04M0801H00
M10	N03M1001A21	N03M1001D20	N03M1001H00	N03M1001K00	N02M1001D20	N02M1001H00	N04M1001H00
M12	N03M1201A21	N03M1201D20	N03M1201H00	N03M1201K00	N02M1201D20	N02M1201H00	N04M1201H00
M14	N03M1401A21	N03M1401D20	N03M1401H00	N03M1401K00			N04M1401H00
M16	N03M1601A21	N03M1601D20	N03M1601H00	N03M1601K00			N04M1601H00
M18		N03M1801D20	N03M1801H00				
M20	N03M2001A21	N03M2001D20	N03M2001H00				N04M2001H00
M22		N03M2201D20					
M24	N03M2401A20	N03M2401D20	N03M2401H00	N03M2401K00			
M27		N03M2701D20					
M30		N03M3001D20		N03M3001K00			

Tán Keo (Nylon Lock Nuts)

UNC/UNF

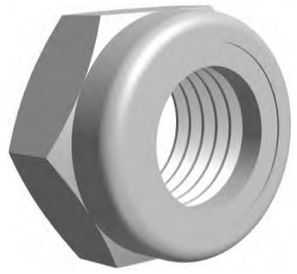

Tán Khía (Flange Nut)

UNC/UNF

Size Ren		Mạ Kẽm		Inox 304	Inox 316	Mạ Kẽm	Inox 304
		Gr2	Gr5			Gr5	
#2-56	UNC	N03S0021A20		N03S0021H00			
#3-48	UNC	N03S0031A20		N03S0031H00			
#4-40	UNC	N03S0041A20		N03S0041H00			
#5-40	UNC	N03S0051A20		N03S0051H00			
#6-32	UNC	N03S0061A20		N03S0061H00			
#8-32	UNC	N03S0081A20		N03S0081H00			
#10-24	UNC	N03S0101A20		N03S0101H00	N03S0101K00		
#10-32	UNF	N03S0102A20		N03S0102H00			
1/4-20	UNC	N03S1401A20	N03S1401D20	N03S1401H00	N03S1401K00		
1/4-28	UNF	N03S1402A20	N03S1402D20	N03S1402H00			
5/16-18	UNC	N03S5161A20	N03S5161D20	N03S5161H00	N03S5161K00	N02S5161D20	N02S5161H00
5/16-24	UNF	N03S5162A20	N03S5162D20	N03S5162H00			
3/8-16	UNC	N03S3801A20	N03S3801D20	N03S3801H00	N03S3801K00	N02S3801D20	N02S3801H00
3/8-24	UNF	N03S3802A20	N03S3802D20	N03S3802H00			
7/16-14	UNC	N03S7161A20	N03S7161D20	N03S7161H00	N03S7161K00	N02S7161D20	N02S7161H0
7/16-20	UNF	N03S7162A20	N03S7162D20	N03S7162H00			
1/2-13	UNC	N03S1201A20	N03S1201D2	N03S1201H00	N03S1201K00	N02S1201D20	
1/2-20	UNF	N03S1202A20	N03S1202D20	N03S1202H00			
9/16-12	UNC	N03S9161A20	N03S9161D20	N03S9161H00	N03S9161K00		
9/16-18	UNF	N03S9162A20	N03S9162D20	N03S9162H00			
5/8-11	UNC	N03S5801A20	N03S5801D20	N03S5801H00	N03S5801K00		
5/8-18	UNF	N03S5802A20	N03S5802D20	N03S5802H00			
3/4-10	UNC	N03S3401A20	N03S3401D20	N03S3401H00	N03S3401K00		
3/4-16	UNF	N03S3402A20	N03S3402D20	N03S3402H00			
7/8-14	UNF	N03S7802A20		N03S7802H00			
7/8-9	UNC	N03S7801A20		N03S7801H00	N03S7801K00		
1-8	UNC	N03S1001A21		N03S1001H00	N03S1001K00		
1-12	UNF	N03S1002A20		N03S1002H00			
1.1/8-7	UNC	N03S1181A20					
1.1/8-12	UNF	N03S1182A20					
1.1/4-7	UNC	N03S1141A20		N03S1141H00			
1.1/4-12	UNF	N03S1142A20					
1.3/8-6	UNC	N03S1381A20					
1.1/2-6	UNC	N03S1121A20		N03S1121H00			
1.1/2-12	UNF	N03S1122A20					
2-12	UNF	N03S2002A20					

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Lông Đền Phẳng (Flat Washer)

Lông Đền Vênh (Spring Washer)

M2 - M45

DIN 125

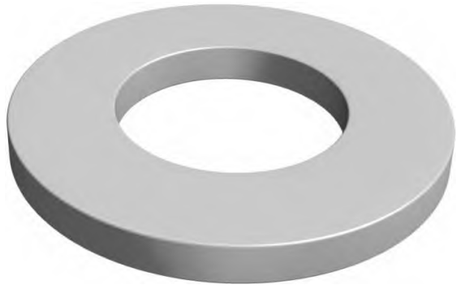

DIN 127

Size Ren	Thép 8.8		Inox		Thép 8.8			Inox	
	Mạ Đen	Mạ Kẽm	304	316	Mạ Đen	Mạ Kẽm	Nhúng Nóng	304	316
M2								W02M020AH0	
M2.5					W02M025AD1			W02M025AH0	
M3			W01M030AH0	W01M030AK0	W02M030AD1	W02M030AD20	W02M030AD4	W02M030AH0	W02M030AK0
M4			W01M040AH0	W01M040AK0	W02M040AD1	W02M040AD20	W02M040AD4	W02M040AH0	W02M040AK0
M5		W01M050AD2	W01M050AH0	W01M050AK0	W02M050AD1	W02M050AD20	W02M050AD4	W02M050AH0	W02M050AK0
M6	W01M060AD1	W01M060AD20	W01M060AH0	W01M060AK0	W02M060AD1	W02M060AD20	W02M060AD4	W02M060AH0	W02M060AK0
M8	W01M080AD1	W01M080AD2	W01M080AH0	W01M080AK0	W02M080AD1	W02M080AD20	W02M080AD4	W02M080AH0	W02M080AK0
M10	W01M100AD1	W01M100AD20	W01M100AH0	W01M100AK0	W02M100AD1	W02M100AD20	W02M100AD4	W02M100AH0	W02M100AK0
M12	W01M120AD1	W01M120AD2	W01M120AH0	W01M120AK0	W02M120AD1	W02M120AD20	W02M120AD4	W02M120AH0	W02M120AK0
M14	W01M140AD1	W01M140AD2	W01M140AH0	W01M140AK0	W02M140AD1	W02M140AD20	W02M140AD4	W02M140AH0	W02M140AK0
M16	W01M160AD1	W01M160AD20	W01M160AH0	W01M160AK0	W02M160AD1	W02M160AD20	W02M160AD4	W02M160AH0	W02M160AK0
M18	W01M180AD1		W01M180AH0	W01M180AK0	W02M180AD1	W02M180AD20	W02M180AD4	W02M180AH0	W02M180AK0
M20	W01M200AD1	W01M200AD2	W01M200AH0	W01M200AK0	W02M200AD1	W02M200AD20	W02M200AD4	W02M200AH0	W02M200AK0
M22	W01M220AD1		W01M220AH0	W01M220AK0	W02M220AD1	W02M220AD20	W02M220AD4	W02M220AH0	W02M220AK0
M24	W01M240AD1		W01M240AH0	W01M240AK0	W02M240AD1	W02M240AD20	W02M240AD4	W02M240AH0	W02M240AK0
M27	W01M270AD1		W01M270AH0		W02M270AD1	W02M270AD20	W02M270AD4	W02M270AH0	W02M270AK0
M30	W01M300AD1		W01M300AH0	W01M300AK0	W02M300AD1	W02M300AD20	W02M300AD4	W02M300AH0	W02M300AK0
M33	W01M330AD1		W01M330AH0		W02M330AD1	W02M330AD20			
M36	W01M360AD1	W01M360AD2	W01M360AH0	W01M360AK0	W02M360AD1	W02M360AD20	W02M360AD4		W02M360AK0
M39					W02M390AD1	W02M390AD20			
M42					W02M420AD1	W02M420AD20			
M45					W02M450AD1	W02M450AD20			

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Heico-Lock

Heico-Lock - Vành Rộng

M3 - M56
1/4 - 1

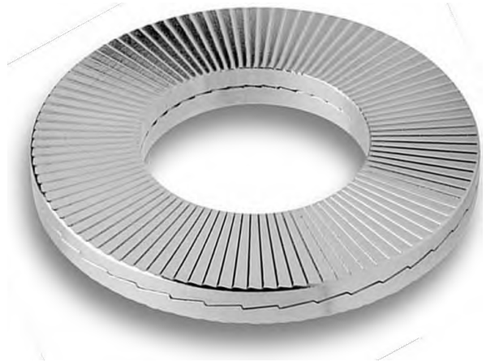

Size Ren	Thép	Inox 316	Thép	Inox 316
M3	HLS-3	HLS-3S		
M3.5	HLS-3.5	HLS-3.5S	HLB-3.5	HLB-3.5S
M4	HLS-4	HLS-4S	HLB-4	HLB-4S
M5	HLS-5	HLS-5S	HLB-5	HLB-5S
M6	HLS-6	HLS-6S	HLB-6	HLB-6S
M8	HLS-8	HLS-8S	HLB-8	HLB-8S
M10	HLS-10	HLS-10S	HLB-10	HLB-10S
M11	HLS-11	HLS-11S		
M12	HLS-12	HLS-12S	HLB-12	HLB-12S
M14	HLS-14	HLS-14S	HLB-14	HLB-14S
M16	HLS-16	HLS-16S	HLB-16	HLB-16S
M18	HLS-18	HLS-18S	HLB-18	HLB-18S
M20	HLS-20	HLS-20S	HLB-20	HLB-20S
M22	HLS-22	HLS-22S	HLB-22	HLB-22S
M24	HLS-24	HLS-24S	HLB-24	HLB-24S
M27	HLS-27	HLS-27S	HLB-27	HLB-27S
M30	HLS-30	HLS-30S	HLB-30	HLB-30S
M33	HLS-33	HLS-33S	HLB-33	HLB-33S
M36	HLS-36	HLS-36S	HLB-36	HLB-36S
M39	HLS-39	HLS-39S		
M42	HLS-42	HLS-42S		
M45	HLS-45			
M48	HLS-48	HLS-48S		
M52	HLS-52			
M56	HLS-56			
1/4"	HLS-1/4	HLS-1/4S	HLB-1/4	HLB-1/4S
3/8"	HLS-3/8	HLS-3/8S	HLB-3/8	HLB-3/8S
1/2"	HLS-1/2	HLS-1/2S	HLB-1/2	HLB-1/2S
3/4"	HLS-3/4	HLS-3/4S	HLB-3/4	HLB-3/4S
1"	HLS-1	HLS-1S	HLB-1	HLB-1S

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

Nord-Lock

Nord-Lock - Vành Rộng

M3 - M68
1/4 - 1

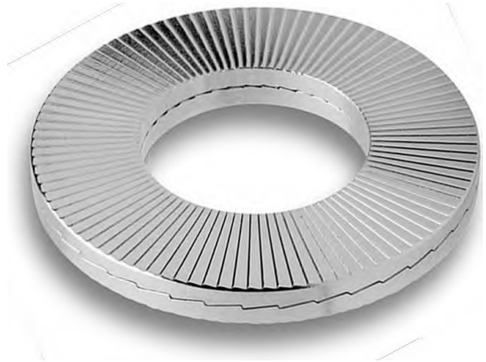

Size Ren	Thép	Inox 316	Thép	Inox 316
M3	W50M030AE2	W50M030AK0		
M3.5	W50M035AE2	W50M035AK0	W50M035AE2SP	W50M035AK0SP
M4	W50M040AE2	W50M040AK0	W50M040AE2SP	W50M040AK0SP
M5	W50M050AE2	W50M050AK0	W50M050AE2SP	W50M050AK0SP
M6	W50M060AE2	W50M060AK0	W50M060AE2SP	W50M060AK0SP
M8	W50M080AE2	W50M080AK0	W50M080AE2SP	W50M080AK0SP
M10	W50M100AE2	W50M100AK0	W50M100AE2SP	W50M100AK0SP
M11	W50M110AE2	W50M110AK0		
M12	W50M120AE2	W50M120AK0	W50M120AE2SP	W50M120AK0SP
M14	W50M140AE2	W50M140AK0	W50M140AE2SP	W50M140AK0SP
M16	W50M160AE2	W50M160AK0	W50M160AE2SP	W50M160AK0SP
M18	W50M180AE2	W50M180AK0	W50M180AE2SP	W50M180AK0SP
M20	W50M200AE2	W50M200AK0	W50M200AE2SP	W50M200AK0SP
M22	W50M220AE2	W50M220AK0	W50M220AE2SP	W50M220AK0SP
M24	W50M240AE2	W50M240AK0	W50M240AE2SP	W50M240AK0SP
M27	W50M270AE2	W50M270AK0	W50M270AE2SP	
M30	W50M300AE2	W50M300AK0		
M33	W50M330AE2			
M36	W50M360AE2		W50M360AE2SP	
M39	W50M390AE2			
M42	W50M420AE2			
M48	W50M480AE2			
M52	W50M520AE2			
M56	W50M560AE2			
M68	W50M680AE2			
1/4"	W50S140AE2	W50S140AK0	W50S140AE2SP	W50S140AK0SP
3/8"	W50S380AE2	W50S380AK0	W50S380AE2SP	W50S380AK0SP
1/2"	W50S120AE2	W50S120AK0	W50S120AE2SP	W50S120AK0SP
3/4"	W50S340AE2	W50S340AK0	W50S340AE2SP	W50S340AK0SP
1"	W50S100AE2	W50S100AK0	W50S100AE2SP	W50S100AK0SP

LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

M3 - M24
1/4 -2

Lông Đền Vênh

ANSI B18.21.1

Lông Đền Phẳng F436

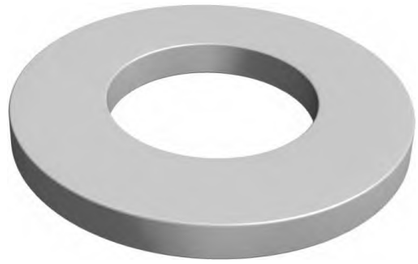

F436

Lông Đền Vênh DIN 7980

DIN 7980

Size Ren	Thép		Inox		Thép	Thép	Inox	
	Mạ Đen	Mạ Kẽm	304	316		4.8	304	316
M3						W02M030BA2	W02M030BH0	W02M030BH0
M3.5							W02M035BH0	W02M035BH0
M4						W02M040BA2	W02M040BH0	W02M040BH0
M5						W02M050BA2	W02M050BH0	W02M050BH0
M6						W02M060BA2	W02M060BH0	W02M060BH0
M8						W02M080BA2	W02M080BH0	W02M080BH0
M10						W02M100BA2	W02M100BH0	W02M100BH0
M12						W02M120BA2	W02M120BH0	W02M120BH0
M14						W02M140BA2		
M16						W02M160BA2	W02M160BH0	W02M160BH0
M18						W02M180BA2		
M20						W02M200BA2	W02M200BH0	W02M200BH0
M24						W02M240BA2	W02M240BH0	W02M240BH0
1/4"	W02S140AD10	W02S140AD20	W02S140AH00	W02S140AK00	W01S140AF10			
5/16"	W02S516AD10	W02S516AD20	W02S516AH00	W02S516AK00	W01S516AF10			
3/8"	W02S380AD10	W02S380AD20	W02S380AH00	W02S380AK00	W01S380AF10			
7/16"	W02S716AD10	W02S716AD20	W02S716AH00	W02S716AK00	W01S716AF10			
1/2"	W02S120AD10	W02S120AD20	W02S120AH00	W02S120AK00	W01S120AF10			
9/16"	W02S916AD10				W01S916AF10			
5/8"	W02S580AD10	W02S580AD20	W02S580AH00	W02S580AK00	W01S580AF10			
3/4"	W02S340AD10	W02S340AD20	W02S340AH00	W02S340AK00	W01S340AF10			
7/8"	W02S780AD10			W02S780AK00	W01S780AF10			
1"	W02S100AD10	W02S100AD20	W02S100AH00	W02S100AK00	W01S100AF10			
1.1/8"	W02S118AD10		W02S118AH00	W02S118AK00	W01S118AF10			
1.1/4"	W02S114AD10		W02S114AH00	W02S114AK00	W01S114AF10			
1.3/8"	W02S138AD10							
1.1/2"	W02S112AD10		W02S112AH00	W02S112AK00	W01S112AF10			
1.3/4"	W02S134AD10							
2"	W02S200AD10				W01S200AF10			